

Hướng Dẫn Sử Dụng Xe FORD **FOCUS**



Thông tin trong sổ tay này là đúng tại thời điểm phát hành. Với mục đích phát triển liên tục, chúng tôi có quyền thay đổi thông số kỹ thuật, thiết kế hoặc thiết bị tại bất cứ thời điểm nào mà không thông báo trước. Không phần nào trong ấn phẩm này được sao chép, lan truyền, lưu ở hệ thống lưu trữ hoặc dịch sang bất cứ ngôn ngữ dưới bất cứ hình thức, phương tiện nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi. Các lỗi và sai sót được loại trừ.

© Ford Motor Company 2014

Tất cả các quyền được bảo hộ.

Mã số phụ tùng: 01/2014 20140221114748

Mục Lục

Giới thiệu

Giới thiệu về sổ tay này.....	7
Thuật ngữ các biểu tượng.....	7
Khuyến nghị về các bộ phận thay thế.....	9

Khởi động nhanh

Khởi động nhanh.....	11
----------------------	----

Ghế an toàn dành cho trẻ em

Ghế an toàn dành cho trẻ em.....	20
Đệm ghế trẻ em.....	21
Điều chỉnh ghế an toàn cho trẻ em.....	22
Điểm neo ISOFIX.....	24
Khóa cửa an toàn dành cho trẻ em.....	25

Chìa khoá và điều khiển từ xa

Thông tin chung trên tần số radio.....	26
Lập trình điều khiển từ xa.....	26
Thay pin điều khiển từ xa.....	26

Khóa

Khóa và mở khoá.....	29
Hệ thống điều khiển từ xa.....	31
Đóng và mở đồng thời các cửa/kính.....	33

Tay lái

Điều chỉnh tay lái.....	35
Điều khiển âm thanh.....	35
Điều khiển bằng giọng nói.....	36

Gạt mưa & rửa kính

Gạt mưa kính.....	38
Gạt mưa tự động.....	38
Phun nước rửa kính trước.....	39
Gạt mưa và rửa kính sau.....	40
Rửa đèn đầu.....	40
Kiểm tra cao su gạt mưa.....	41

Thay cao su gạt mưa.....	41
--------------------------	----

Chiếu sáng

Điều khiển đèn.....	43
Đèn tự động.....	44
Kiểm soát đèn pha tự động.....	44
Đèn sương mù phía trước.....	46
Đèn sương mù phía sau.....	46
Đèn góc.....	47
Đèn báo rẽ.....	47
Đèn bên trong xe.....	48
Điều chỉnh đèn pha - Xe Được Trang Bị: Hệ Thống Tự Động Điều Chỉnh Góc Chiếu Đèn Trước (AFS)/Đèn Pha Có Cường Độ Chiếu Sáng Cao.....	49
Đèn báo nguy hiểm.....	49
Tháo đèn đầu.....	50
Thay đổi bóng đèn.....	50
Bảng thông số bóng đèn.....	58

Cửa sổ và gương chiếu hậu

Cửa sổ điều khiển bằng điện.....	60
Gương chiếu hậu bên ngoài.....	61
Gương chiếu hậu bên ngoài điều khiển điện.....	62
Kính chiếu hậu tự động điều chỉnh độ sáng.....	63
Hệ thống thông tin điểm mù.....	63

Cụm đồng hồ

Các đồng hồ đo.....	66
Đèn cảnh báo và chỉ báo.....	68
Cảnh báo bằng tín hiệu âm thanh và các chỉ báo.....	70

Hiện thị thông tin

Thông tin chung.....	72
Máy tính hành trình.....	79
Cài đặt cá nhân.....	80
Hiện thị thông tin.....	80

Mục Lục

Điều khiển điều hòa

Nguyên lý hoạt động.....	92
Cửa gió điều hoà.....	92
Điều hoà không khí điều khiển bằng tay.....	93
Điều hoà không khí tự động.....	95
Sử dụng cửa sổ và kính chiếu hậu.....	97
Cửa sổ trời điều khiển điện.....	98

Ghê

Ngồi đúng vị trí.....	101
Tựa đầu.....	101
Ghê điều khiển tay.....	102
Ghê điều khiển điện - Xe Được Trang Bị : Ghê Điều Khiển Điện 6 Hướng.....	103
Ghê sau.....	103

Khởi động và tắt động cơ

Thông tin chung.....	106
Công tắc máy.....	106
Khởi động không dùng chìa khóa.....	106
Khóa tay lái.....	108
Khởi động động cơ xăng.....	108
Khởi động động cơ dầu.....	109
Lọc khí xả động cơ dầu.....	109
Tắt động cơ.....	110

Nhiên liệu và nạp thêm nhiên liệu

Các biện pháp an toàn.....	111
Chất lượng nhiên liệu - Xăng.....	111
Chất lượng nhiên liệu - Dầu.....	111
Bầu lọc khí xả.....	111
Mức tiêu hao nhiên liệu.....	112
Nắp đầy chỗ châm nhiên liệu.....	112
Thông số kỹ thuật.....	114

Hộp số

Hộp số thường.....	116
Hộp số tự động.....	116

Điều khiển khóa đồ xe.....	118
----------------------------	-----

Phanh

Nguyên lý hoạt động.....	120
Những gợi ý khi lái xe có trang bị phanh ABS.....	120
Phanh tay.....	120

Điều khiển ổn định xe

Nguyên lý hoạt động.....	121
Sử dụng điều khiển ổn định - 1.0L EcoBoost™/1.6L Duratec-16V (Sigma)/1.6L EcoBoost SCTi (Sigma)/2.0L Duratec-HE (M14), 1.6L Duratorq-TDCi (DV) Dầu/2.0L Duratorq-TDCi (DW) Dầu.....	122

Trợ giúp đỗ xe

Nguyên lý hoạt động.....	123
Hệ thống hỗ trợ đỗ xe - Xe Được Trang Bị : Hỗ Trợ Đỗ Xe Phía Sau.....	123
Hệ thống hỗ trợ đỗ xe - Xe Được Trang Bị : Hỗ Trợ Đỗ Xe Phía Trước và Sau.....	124

Điều khiển ga tự động

Nguyên lý hoạt động.....	127
Sử dụng điều khiển ga tự động.....	127

Trọng tải

Thông tin chung.....	129
Nắp khoang hành lý.....	129

Kéo xe

Kéo rờ-móc.....	130
Trọng lượng kéo khuyến cáo.....	130
Kiểm tra các điểm chính khi kéo xe.....	132

Những gợi ý lái xe

Chạy rà.....	134
Các biện pháp phòng ngừa khi thời tiết lạnh.....	134

Mục Lục

Lái xe qua khu vực ngập nước.....	134
-----------------------------------	-----

Các thiết bị sử dụng trường hợp khẩn cấp

Bộ dụng cụ cấp cứu.....	135
Tam giác phản quang cảnh báo nguy hiểm.....	135

Cầu chì

Vị trí hộp cầu chì.....	136
Bảng thông số của cầu chì.....	137
Thay cầu chì.....	144

Bảo dưỡng

Thông tin chung.....	145
Mở và đóng nắp khoang động cơ.....	145
Giới thiệu tổng quát khoang động cơ - 1.6L Duratec-16V (Sigma).....	147
Giới thiệu tổng quát khoang động cơ - 2.0L Duratec-HE (MI4).....	148
Giới thiệu tổng quát khoang động cơ - 2.0L Duratorq-TDCi (DW) Dầu.....	150
Que thăm dầu động cơ - 1.6L Duratec-16V (Sigma).....	151
Que thăm dầu động cơ - 2.0L Duratec-HE (MI4).....	151
Que thăm dầu động cơ - 2.0L Duratorq-TDCi (DW) Dầu.....	151
Kiểm tra dầu động cơ.....	151
Kiểm tra nước làm mát động cơ.....	152
Kiểm tra dầu ly hợp và dầu phanh.....	153
Kiểm tra dầu trợ lực lái.....	153
Kiểm tra mức nước rửa kính.....	153
Thông số kỹ thuật.....	154

Chăm sóc xe

Vệ sinh bên ngoài.....	157
Vệ sinh bên trong.....	158
Sửa chữa lỗi sơn nhỏ.....	158

Bánh xe và lốp xe

Thông tin chung.....	159
Chăm sóc lốp xe.....	159
Sử dụng lốp mùa đông.....	159
Sử dụng xích bọc lốp.....	159
Thay bánh xe.....	160
Thông số kỹ thuật.....	165

Các thông số kỹ thuật

Thông số kỹ thuật.....	167
------------------------	-----

Điều hướng

Điều hướng.....	170
-----------------	-----

Phụ lục

Khả năng tương thích điện tử.....	179
Kiểu phê duyệt	180
Kiểu phê duyệt	180
Kiểu phê duyệt	180
Kiểu phê duyệt	181

Bảo vệ hành khách

Nguyên lý hoạt động.....	183
Thắt dây đai an toàn.....	184
Điều chỉnh độ cao của dây đai.....	185
Nhắc nhở thắt dây đai an toàn.....	185
Sử dụng dây đai an toàn trong khi mang thai.....	186
Vô hiệu hóa túi khí phía hành khách.....	186

Hệ thống chống trộm bằng chìa mã hoá

Nguyên lý hoạt động.....	188
Chìa khoá mã hoá.....	188
Cài đặt chế độ chống trộm bằng chìa mã hoá.....	188
Hủy cài đặt chế độ chống trộm.....	188

Báo trộm

Nguyên lý hoạt động.....	189
--------------------------	-----

Mục Lục

Kích hoạt báo trộm (còi).....	189
Hủy kích hoạt báo trộm (còi).....	189

Các tính năng tiện nghi

Bộ điều chỉnh cường độ sáng bảng điều khiển tap-lò.....	190
Đồng hồ.....	190
Môi thuốc lá.....	190
Điểm cấp điện phụ.....	190
Giá để ly.....	191
Hộp để kính đeo mắt.....	191
Giắc cắm ngò vào âm thanh.....	191
Cổng USB.....	191
Giá lắp bộ dẫn đường vệ tinh.....	192
Thảm lót sàn.....	192

Chế Độ Tiết kiệm Nhiên Liệu (Eco)

Nguyên lý hoạt động.....	193
Sử dụng chế độ tiết kiệm nhiên liệu (Economy).....	193

Hỗ trợ khởi động khi lên dốc

Nguyên lý hoạt động.....	194
Sử dụng chế độ hỗ trợ khởi hành khi lên dốc.....	194

Camera quan sát phía sau

Nguyên lý hoạt động.....	195
Camera phía sau.....	195

Hệ thống hỗ trợ đỗ xe chủ động

Nguyên lý hoạt động.....	198
Sử dụng hỗ trợ đỗ xe chủ động.....	198

Điều khiển ga tự động thích ứng (ACC)

Nguyên lý hoạt động.....	201
Sử dụng ACC.....	203

Chức năng cảnh báo sớm.....	205
-----------------------------	-----

Chế độ giới hạn tốc độ

Nguyên lý hoạt động.....	206
Sử dụng chế độ giới hạn tốc độ.....	206

Active City Stop

Nguyên lý hoạt động.....	207
Sử dụng hệ thống dừng xe chủ động trong thành phố - 1.0L EcoBoost™/ 1.6L Duratec-16V (Sigma)/1.6L EcoBoost SCTi (Sigma)/2.0L Duratec-HE (MI4), 1.6L Duratorq-TDCi (DV) Dầu/2.0L Duratorq-TDCi (DW) Dầu.....	208

Cửu hồ xe trên đường

Điểm kéo xe.....	209
Kéo xe với 4 bánh lăn trên đường.....	209

Ắc quy xe

Mỗi khởi động xe.....	211
Thay ắc quy 12V	211
Điểm nối ắc quy.....	212

Nhận dạng xe

Tầm ghi thông tin xe.....	213
Sồ khung.....	213

Giới thiệu hệ thống âm thanh

Thông tin hệ thống âm thanh quan trọng.....	214
---	-----

Tổng quan về dàn âm thanh

Tổng quan về dàn âm thanh.....	215
--------------------------------	-----

Bảo mật hệ thống âm thanh

Mã bảo mật.....	223
-----------------	-----

Mục Lục

Hoạt động của dàn âm thanh

Điều khiển tắt/mở.....	224
Nút điều chỉnh âm thanh.....	224
Nút băng tần.....	224
Điều khiển rà dài.....	224
Nút nhớ băng tần đã chọn.....	225
Điều khiển lưu tự động.....	225
Điều khiển thông tin về giao thông.....	225

Menu của dàn âm thanh

Điều khiển âm lượng tự động.....	227
Xử lý tín hiệu số (DSP).....	227
Tín tức phát thanh.....	227
Các tần số lựa chọn khác.....	227
Chế độ khu vực (REG).....	228

Đầu đĩa CD

Phát lại đĩa CD.....	229
Chọn bài hát.....	229
Chạy (tua) nhanh về phía trước/phía sau.....	229
Chức năng chọn bài hát ngẫu nhiên.....	229
Phát lại bài vừa nghe.....	229
Quét bài đĩa CD.....	230
Phát lại định dạng MP3.....	230
Tùy chọn hiển thị MP3.....	232
Kết thúc phát lại.....	232

Giắc cắm ngõ vào AUX phụ (AUX IN)

Giắc cắm ngõ vào AUX phụ (AUX IN).....	233
--	-----

Sửa chữa hệ thống âm thanh

Sửa chữa hệ thống âm thanh.....	234
---------------------------------	-----

Giới thiệu

GIỚI THIỆU VỀ SỔ TAY NÀY

Cảm ơn quý khách hàng đã chọn mua sản phẩm Ford. Chúng tôi khuyên cáo khách hàng tìm hiểu về chiếc xe thông qua việc tham khảo sổ tay này. Càng hiểu hơn về chiếc xe, bạn sẽ càng lái xe an toàn và có nhiều niềm vui.

CẢNH BÁO



Không chú ý trong khi lái xe có thể dẫn tới mất khả năng điều khiển xe, va chạm và gây thương tích. Chúng tôi khuyên cáo bạn phải rất cẩn thận khi sử dụng bất kỳ thiết bị nào có thể làm bạn không tập trung vào đường đi. Nhiệm vụ chính của bạn là vận hành xe an toàn. Chúng tôi khuyên cáo bạn không sử dụng các thiết bị cầm tay khi lái xe và khuyến bạn nên dùng hệ thống vận hành bằng giọng nói nếu có thể. Hãy đảm bảo rằng bạn hiểu rõ các điều luật liên quan tới việc sử dụng các thiết bị điện tử khi đang lái xe.

Ghi Chú: Sổ tay này miêu tả các tính năng và tùy chọn của sản phẩm đối với nhiều mẫu xe, đôi khi trước cả khi tùy chọn đó tồn tại. Sổ tay có thể miêu tả một số tùy chọn không được lắp trên xe bạn.

Ghi Chú: Một vài hình vẽ trong sổ tay này có thể nằm trong các mẫu khác, và do đó có thể trong khác với thiết bị trên xe của bạn. Tuy nhiên thông tin thiết yếu của các minh họa là luôn đúng.

Ghi Chú: Luôn sử dụng và vận hành chiếc xe phù hợp với luật pháp và quy định nơi sở tại.

Ghi Chú: Nếu bán lại chiếc xe này, hãy giao sổ tay này cho người mua. Sổ tay này là một phần của chiếc xe.

Sổ tay này có thể giúp xác định các bộ phận là của xe tay lái thuận hoặc tay lái nghịch. Bên trái hay bên phải được xác định khi ta ngồi ghế và mặt hướng về phía trước.



E154903

A Bên tay phải

B Bên tay trái

Bảo vệ môi trường

Bạn phải chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường. Sử dụng xe đúng cách và thải rác thải, vật liệu vệ sinh và bôi trơn theo quy định là bước đi quan trọng hướng tới mục tiêu này.

THUẬT NGỮ CÁC BIỂU TƯỢNG

Đây là một số biểu tượng mà bạn có thể nhìn thấy trên xe.



Cảnh báo an toàn



Xem hướng dẫn sử dụng



Hệ thống điều hòa



Hệ thống chống bó cứng phanh



Tránh xa tia lửa điện, lửa hoặc khói thuốc

Giới thiệu



Ắc quy



A xít ắc quy



Dầu phanh - không có thành phần dầu mỡ



Hệ thống phanh



Lọc khí khoang hành khách



Kiểm tra nắp chỗ châm nhiên liệu



Khóa và mở khóa trẻ em



Móc dưới của ghế trẻ em



Móc dây của ghế trẻ em



Điều khiển ga tự động



Không được mở khi nóng



Lọc gió động cơ



Nước làm mát động cơ



Nhiệt độ nước làm mát động cơ



Dầu bôi trơn



Khí gây nổ



Cảnh báo an toàn quạt



Thắt đai an toàn



Túi khí phía trước



Đèn sương mù phía trước



Thiết lập lại bơm nhiên liệu



Hộp cầu chì



Đèn nháy cảnh báo nguy hiểm



Sây cửa sổ phía sau



Sây kính chắn gió



Mở khoang hành lý bên trong xe



Kích



Tránh xa tầm tay trẻ em



Điều khiển hệ thống chiếu sáng

Giới thiệu



Cảnh báo áp suất lốp thấp



Duy trì mức dầu đúng



Chú ý hướng dẫn vận hành



Còi báo động



Hỗ trợ đỗ xe



Phanh tay



Dầu trợ lực lái



Cửa kính điều khiển điện phía trước/sau



Khóa cửa kính điều khiển điện



Đèn báo sửa chữa động cơ sớm



Túi khí bên



Bảo vệ mắt



Kiểm soát ổn định thân xe



Cần gạt và nước rửa kính

KHUYẾN NGHỊ VỀ CÁC BỘ PHẬN THAY THẾ

Xe của bạn đã được lắp ráp với tiêu chuẩn cao nhất bằng cách sử dụng các phụ tùng chất lượng. Chúng tôi khuyên rằng bạn nên sử dụng các phụ tùng chính hãng Ford và Motorcraft bất cứ khi nào xe của bạn đến lịch yêu cầu bảo dưỡng hoặc sửa chữa. Bạn có thể nhận ra phụ tùng chính hãng của Ford và Motorcraft bằng cách xem nhãn mác Ford, FoMoCo hoặc Motorcraft trên phụ tùng hoặc trên hộp đựng chúng.

Lịch bảo dưỡng và sửa chữa cơ khí

Một trong những cách tốt nhất là phải đảm bảo rằng chiếc xe của bạn duy trì lịch bảo dưỡng phù hợp với khuyến nghị của chúng tôi bằng cách sử dụng các phụ tùng phù hợp với các thông số kỹ thuật chi tiết trong Hướng dẫn sử dụng này. Phụ tùng chính hãng Ford và Motorcraft có đáp ứng hoặc cao hơn các tiêu chuẩn này.

Sửa chữa do va chạm

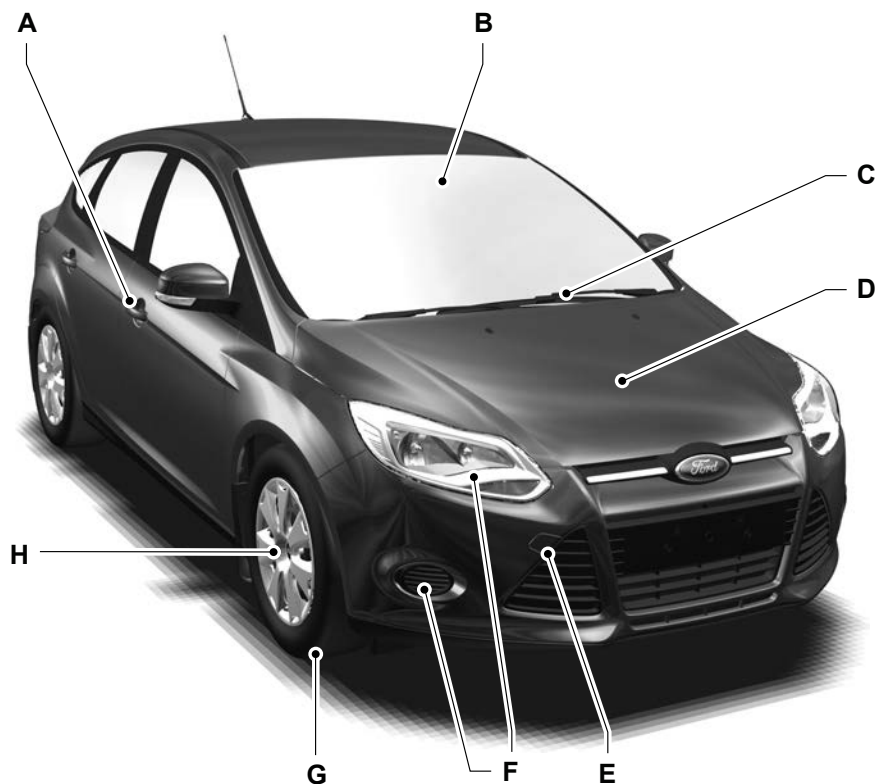
Chúng tôi hy vọng rằng bạn không bao giờ gặp phải một vụ va chạm, nhưng tai nạn vẫn có thể xảy ra. Các phụ tùng thay thế chính hiệu Ford do va chạm phải đáp ứng nghiêm ngặt các yêu cầu về lắp ghép, hoàn thiện, toàn vẹn về kết cấu, bảo vệ chống ăn mòn và chống bị lõm. Trong quá trình phát triển chiếc xe, chúng tôi xác nhận các phụ tùng này cung cấp được mức độ bảo vệ cần thiết cho toàn bộ hệ thống. Một cách tuyệt vời để biết chắc chắn rằng bạn đang nhận được mức độ bảo vệ này là sử dụng các phụ tùng và thay thế chính hãng của Ford.

Chế độ bảo hành phụ tùng thay thế

Chỉ có phụ tùng thay thế chính hãng Ford và Motorcraft mới được áp dụng chính sách bảo hành của Ford. Hư hỏng gây ra cho xe của bạn như là kết quả của việc sử dụng phụ tùng không phải chính hãng Ford và không nằm trong chính sách bảo hành của Ford. Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo các hạng mục và chính sách bảo hành của Ford.

Khởi động nhanh

Tổng quan về ngoại thất phía trước xe



E133220

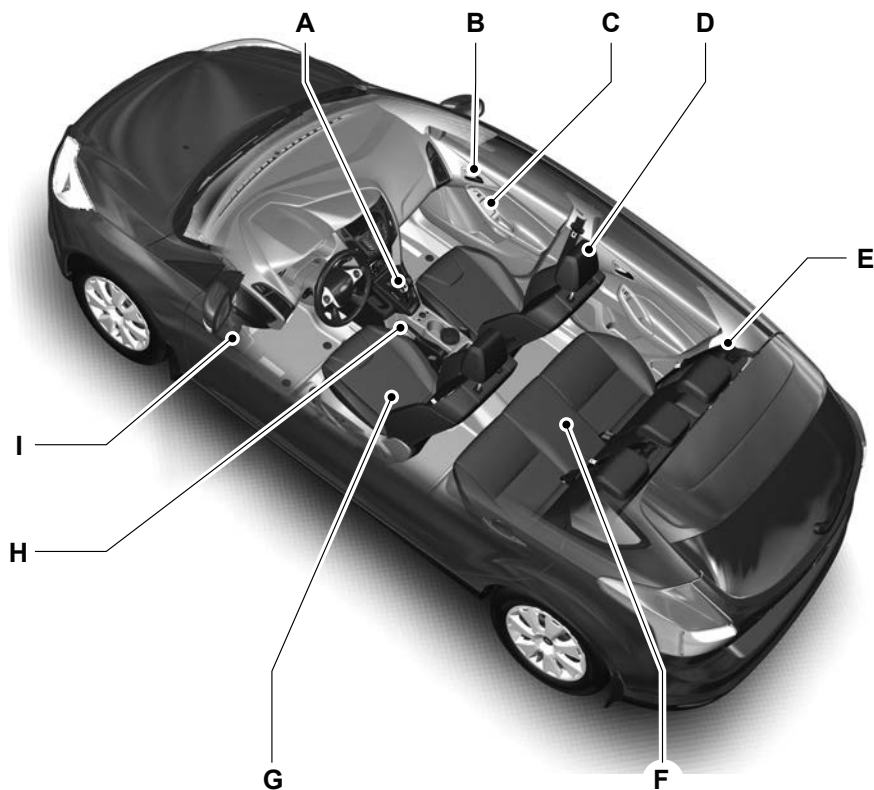
- A Tham khảo **Khóa và mở khóa** (trang 29). Tham khảo **Hệ thống điều khiển từ xa** (trang 31).
- B Tham khảo **Đèn tự động** (trang 44). Tham khảo **Active City Stop** (trang 207).
- C Tham khảo **Kiểm tra cao su gạt mưa** (trang 41).
- D Tham khảo **Bảo dưỡng** (trang 145).
- E Tham khảo **Điểm kéo xe** (trang 209).
- F Tham khảo **Thay đổi bóng đèn** (trang 50).

Khởi động nhanh

G Áp suất lốp. Tham khảo **Thông số kỹ thuật** (trang 165).

H Tham khảo **Thay bánh xe** (trang 160).

Tổng quan về nội thất trong xe



E133222

A Tham khảo **Hộp số** (trang 116).

B Tham khảo **Khóa và mở khóa** (trang 29).

C Tham khảo **Cửa sổ điều khiển bằng điện** (trang 60). Tham khảo **Gương chiếu hậu bên ngoài điều khiển điện** (trang 62).

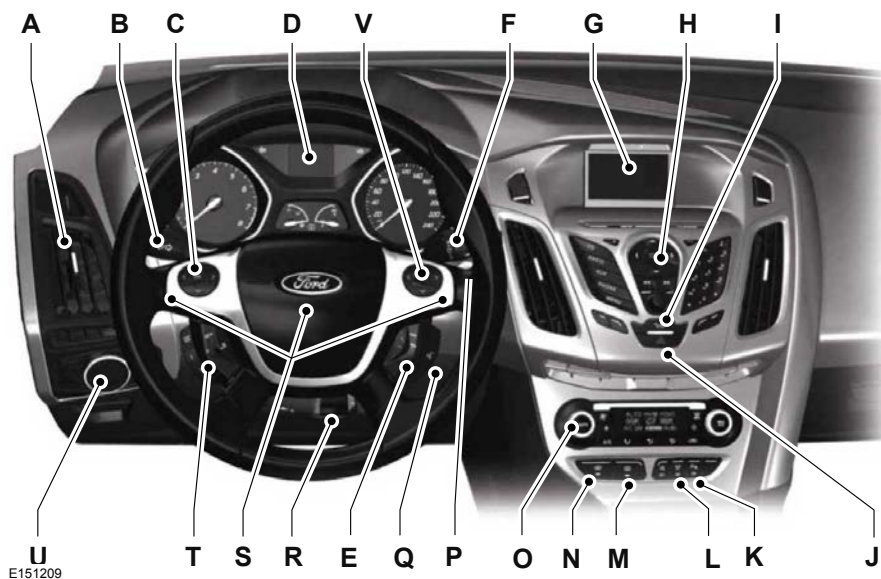
Khởi động nhanh

- D Tham khảo **Tựa đầu** (trang 101).
- E Tham khảo **Thắt dây đai an toàn** (trang 184).
- F Tham khảo **Ghế sau** (trang 103).
- G Tham khảo **Ghế điều khiển tay** (trang 102). Tham khảo **Ghế điều khiển điện** (trang 103).
- H Tham khảo **Phanh tay** (trang 120).
- I Tham khảo **Mở và đóng nắp khoang động cơ** (trang 145).

Giới thiệu chung về tấp lô

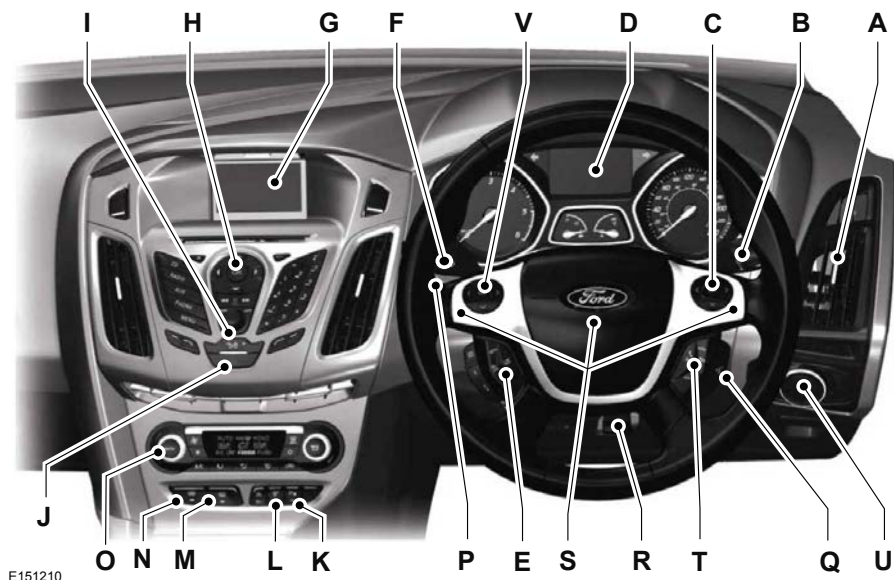
Loại 1

Xe tay lái thuận



Khởi động nhanh

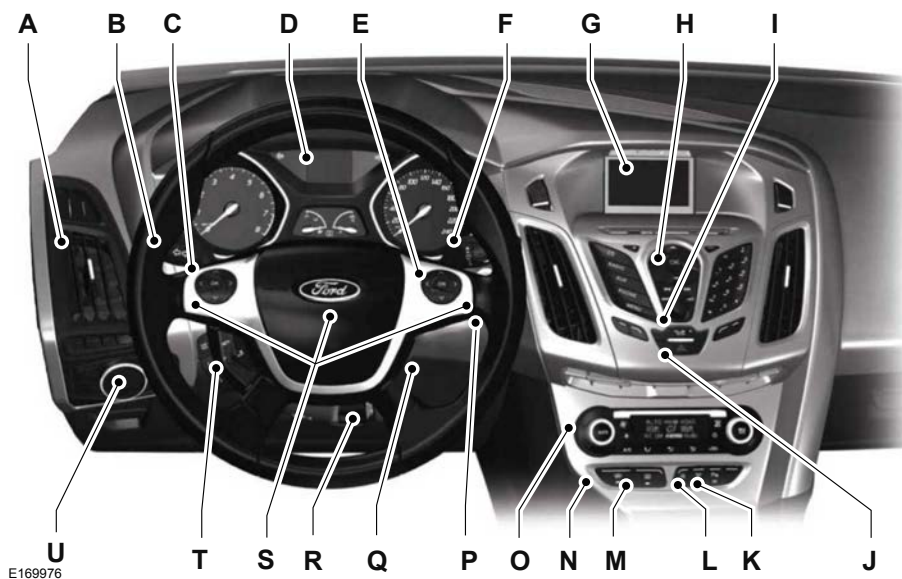
Xe tay lái nghịch



Khởi động nhanh

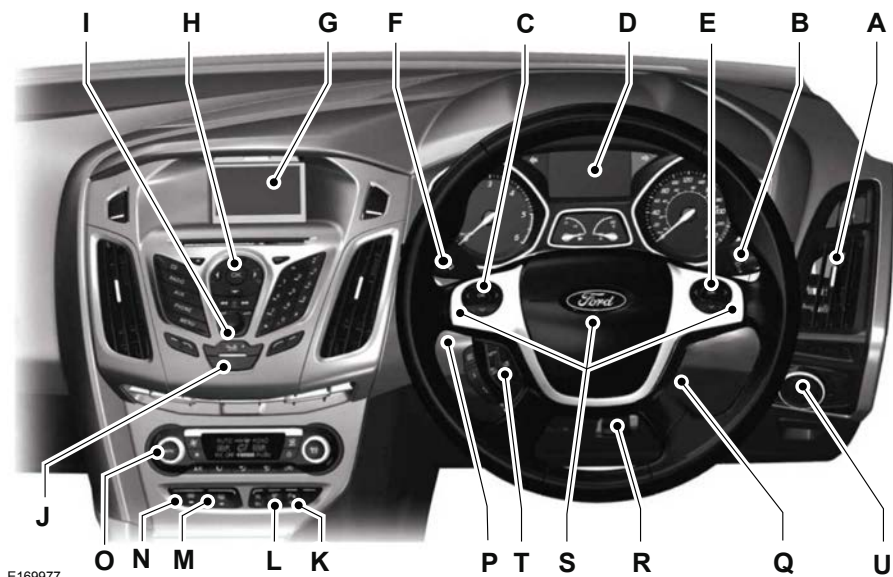
Loại 2

Xe tay lái thuận



Khởi động nhanh

Xe tay lái nghịch



E169977

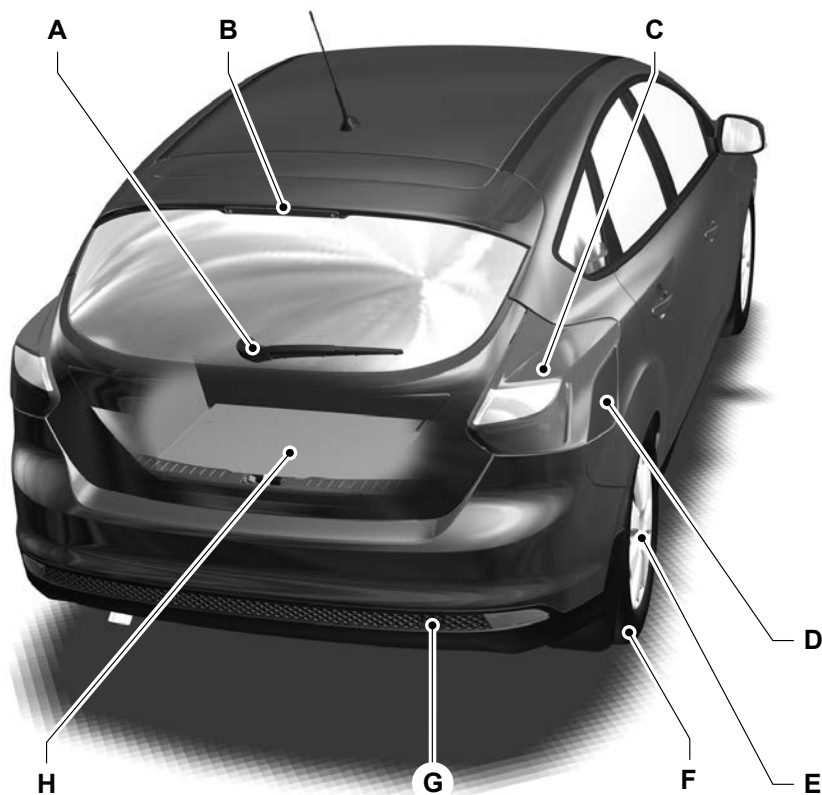
- A Các cửa gió. Tham khảo **Cửa gió điều hoà** (trang 92).
- B Đèn xi nhan. Tham khảo **Đèn báo rẽ** (trang 47). Đèn pha. Tham khảo **Điều khiển đèn** (trang 43).
- C Điều khiển màn hình thông tin. Tham khảo **Hiển thị thông tin** (trang 72).
- D Đồng hồ táp lô. Tham khảo **Các đồng hồ đo** (trang 66). Tham khảo **Đèn cảnh báo và chỉ báo** (trang 68).
- E Điều khiển âm thanh. Tham khảo **Điều khiển âm thanh** (trang 35).
- F Cần điều khiển gạt mưa. Tham khảo **Gạt mưa & rửa kính** (trang 38).
- G Màn hình thông tin và giải trí. Tham khảo **Hiển thị thông tin** (trang 72).
- H Bộ đài. Tham khảo **Tổng quan về dàn âm thanh** (trang 215).
- I Nút khóa cửa. Tham khảo **Khóa và mở khoá** (trang 29).
- J Công tắc đèn báo nguy hiểm. Tham khảo **Đèn báo nguy hiểm** (trang 49).
- K Công tắc hỗ trợ đỗ xe chủ động. Tham khảo **Hệ thống hỗ trợ đỗ xe chủ động** (trang 198).

Khởi động nhanh

- L Công tắc hỗ trợ đỗ xe. Tham khảo **Trợ giúp đỗ xe** (trang 123).
- M Công tắc sấy kính sau. Tham khảo **Sưởi cửa sổ và kính chiếu hậu** (trang 97).
- N Công tắc sấy kính chắn gió. Tham khảo **Sưởi cửa sổ và kính chiếu hậu** (trang 97).
- O Bảng điều khiển điều hòa. Tham khảo **Điều khiển điều hòa** (trang 92).
- P Nút khởi động. Tham khảo **Khởi động không dùng chìa khóa** (trang 106).
- Q Khóa điện. Tham khảo **Công tắc máy** (trang 106).
- R Điều chỉnh vô lăng. Tham khảo **Điều chỉnh tay lái** (trang 35).
- S Còi.
- T Các công tắc điều khiển ga tự động. Tham khảo **Sử dụng điều khiển ga tự động** (trang 127). Các công tắc điều khiển ga tự động thích ứng (ACC). Tham khảo **Sử dụng ACC** (trang 203). Công tắc giới hạn tốc độ. Tham khảo **Sử dụng chế độ giới hạn tốc độ** (trang 206).
- U Điều khiển hệ thống chiếu sáng. Tham khảo **Điều khiển đèn** (trang 43). Đèn sương mù trước. Tham khảo **Đèn sương mù phía trước** (trang 46). Đèn sương mù sau. Tham khảo **Đèn sương mù phía sau** (trang 46). Điều khiển độ cao đèn pha. Nút điều khiển sáng tối bằng tap-lô. Tham khảo **Bộ điều chỉnh cường độ sáng bằng điều khiển tap-lô** (trang 190).
- V Điều khiển âm thanh hoặc thông tin và điều khiển màn hình thông tin giải trí. Tham khảo **Điều khiển âm thanh** (trang 35).

Khởi động nhanh

Tổng quan về ngoại thất phía sau



E133221

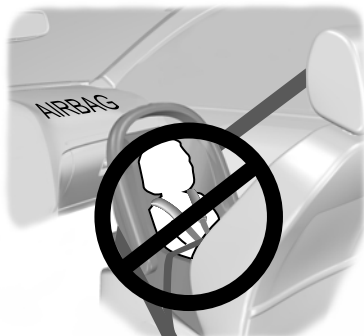
- A Tham khảo **Kiểm tra cao su gạt mưa** (trang 41).
- B Tham khảo **Thay đổi bóng đèn** (trang 50).
- C Tham khảo **Thay đổi bóng đèn** (trang 50).
- D Tham khảo **Nắp đậy chỗ châm nhiên liệu** (trang 112).
- E Tham khảo **Thay bánh xe** (trang 160).
- F Áp suất lốp. Tham khảo **Thông số kỹ thuật** (trang 165).

Khởi động nhanh

- G Tham khảo **Điểm kéo xe** (trang 209).
- H Tham khảo **Bộ dụng cụ cấp cứu** (trang 135). Tham khảo **Tam giác phản quang cảnh báo nguy hiểm** (trang 135). Bánh xe dự phòng. Tham khảo **Thay bánh xe** (trang 160). Kích. Tham khảo **Thay bánh xe** (trang 160). Bộ gá bánh xe. Tham khảo **Thay bánh xe** (trang 160). Móc kéo xe. Tham khảo **Điểm kéo xe** (trang 209). Phễu đổ nhiên liệu. Tham khảo **Nắp đầy chỗ châm nhiên liệu** (trang 112).



E133140



E68916

! Giữ trẻ em có chiều cao dưới 150 cm (59 inch) trên ghế trẻ em phù hợp, được phê duyệt lắp trên hàng ghế sau.

! Rất nguy hiểm! Không lắp ghế trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế có túi khí ở phía trước!

! Tham khảo và thực hiện theo các hướng dẫn của nhà sản xuất khi lắp ghế trẻ em.

! Không sửa đổi ghế trẻ em trong bất kỳ trường hợp nào.

! Không giữ trẻ em trong lòng khi xe đang chạy.

! Không để trẻ em chơi một mình trong xe.

! Ghế trẻ em cần được kiểm tra lại bởi kỹ thuật viên được đào tạo sau khi xe gặp phải tai nạn.

Ghi Chú: Yêu cầu sử dụng ghế trẻ em tùy thuộc vào quy định của mỗi nước.

Chỉ sử dụng ghế trẻ em phù hợp với tiêu chuẩn ECE-R44.03 (hoặc cao hơn) đã được thử nghiệm và phê duyệt sử dụng trên xe của bạn. Có thể lựa chọn mua ghế trẻ em ở đại lý.

Sử dụng đúng loại ghế trẻ em như sau:



E68918

Giữ trẻ em có trọng lượng dưới 13 kg (29 pound) trên ghế an toàn trẻ em (Nhóm 0+) quay mặt ra phía sau được lắp trên ghế sau.

Ghế an toàn dành cho trẻ em

Ghế an toàn cho trẻ em



E68920

Giữ trẻ em có trọng lượng từ 13 đến 18 kg trên ghế trẻ em (Nhóm 1) lắp trên ghế sau.

ĐỆM GHẾ TRẺ EM

CÁC CẢNH BÁO

-  Không bắt ghế phụ hoặc đệm ghế chỉ bằng dây đai ngang của đai an toàn.
-  Không bắt ghế phụ hoặc đệm ghế bằng đai an toàn chùng hoặc bị xoắn.
-  Không để đai an toàn dưới cánh tay hoặc phía sau lưng của trẻ.
-  Không dùng gối, sách hoặc khăn để kê cao cho trẻ.
-  Luôn cho trẻ ngồi với tư thế thẳng đứng.
-  Giữ chặt trẻ có trọng lượng lớn hơn 15kg nhưng có chiều cao thấp hơn 150cm trên ghế phụ hoặc đệm ghế phụ.

CHÚ Ý

 Khi sử dụng ghế trẻ em ở hàng ghế sau, cần bảo đảm ghế trẻ em được đặt chắc chắn. Trong một số trường hợp có thể nâng hoặc tháo tựa đầu. Tham khảo **Tựa đầu** (trang 101).

Ghế phụ (Nhóm 2)



E70710

Chúng tôi khuyến nghị sử dụng ghế phụ có đệm ghế và tựa lưng. Việc nâng vị trí ngồi sẽ cho phép bạn quàng đai an toàn vào giữa vai của trẻ và quàng khít phần bụng.

Đệm ghế (Nhóm 3)



E68924



Hãy liên lạc với đại lý để có thông tin mới nhất về hệ thống ghế trẻ em của Ford.



Rất nguy hiểm! Không lắp ghế trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế có túi khí ở phía trước!



Khi sử dụng ghế trẻ em có chân đỡ, chân đỡ phải được đặt chắc chắn lên sàn xe.



Khi sử dụng ghế trẻ em cùng với đai an toàn, chắc chắn đai an toàn không bị chùng hoặc xoắn.



Ghế trẻ em phải nằm chắc chắn trên ghế của xe. Trong một số trường hợp có thể nâng hoặc tháo tựa đầu. Tham khảo **Tựa đầu** (trang 101).

Ghi Chú: Khi sử dụng ghế trẻ em ở ghế trước, luôn luôn điều chỉnh ghế phụ về hết phía sau. Nếu thấy khó cài phần đai dưới của đai an toàn để cho hết bị chùng, điều chỉnh tựa lưng ghế lên vị trí thẳng đứng và nâng ghế lên. Tham khảo **Ghế** (trang 101).

Vị trí ngồi	Phân nhóm theo trọng lượng				
	0	0+	1	2	3
	Tối 10 kg (22 lbs)	Tối 13 kg (29 lbs)	9 - 18 kg (20 - 40 lbs)	15 - 25 kg (33 - 55 lbs)	22 - 36 kg (49 - 79 lbs)
Ghế bên phụ có túi khí ON	X	X	UF ¹	UF ¹	UF ¹
Ghế bên phụ có túi khí OFF	U	U	U	U	U
Ghế sau	U	U	U	U	U

X Không phù hợp với nhóm cân nặng này.

U Phù hợp với ghế trẻ em nhóm chung được cho phép sử dụng cho nhóm cân nặng này.

UF¹ Phù hợp cho loại ghế trẻ em quay mặt về phía trước thông thường được cho phép sử dụng cho nhóm cân nặng này. Tuy nhiên, chúng tôi khuyên nghị bạn có thể sử dụng ghế trẻ em loại đã được chính phủ phê duyệt lắp trên hàng ghế sau.

Ghế an toàn dành cho trẻ em

Ghế trẻ em ISOFIX

Vị trí ngồi		Phân nhóm theo trọng lượng	
		0+	1
		Quay mặt ra sau	Quay mặt ra phía trước
		Tối 13 kg (29 lbs)	9 - 18 kg (20 - 40 lbs)
Ghế trước	Phân nhóm kích cỡ	Không trang bị ISOFIX	
	Loại ghế		
Ghế sau ISOFIX	Phân nhóm kích cỡ	C, D, E ¹	A, B, B1, C, D [*]
	Loại ghế	IL ^{**}	IL, IUF ^{***}
Ghế giữa hàng sau	Phân nhóm kích cỡ	Không trang bị ISOFIX	
	Loại ghế		

IL Phù hợp với hệ thống ghế trẻ em ISOFIX đặc biệt của **nhóm** dùng chung một phần. Hãy tham khảo danh sách xe khuyến nghị dùng của nhà sản xuất ghế trẻ em.

IUF Phù hợp cho hệ thống ghế trẻ em quay mặt ra trước ISOFIX thuộc **nhóm phổ thông** đã được phê duyệt sử dụng cho nhóm cân nặng và nhóm kích cỡ ISOFIX.

^{*}Phân nhóm kích cỡ ISOFIX cho cả nhóm hệ thống ghế trẻ em **dùng chung** và **dùng chung một phần** được định nghĩa bởi các chữ viết hoa **A** tới **G**. Các chữ nhận dạng này được thể hiện trên ghế trẻ em ISOFIX.

^{**}Tại thời điểm phát hành, ghế an toàn trẻ em ISOFIX nhóm 0+ khuyến nghị là loại ghế Britax Roemer Baby Safe . Hãy liên lạc với đại lý để có thông tin mới nhất về hệ thống ghế trẻ em của Ford.

³Tại thời điểm phát hành, ghế an toàn trẻ em ISOFIX nhóm 1 khuyến nghị là loại ghế Britax Roemer Duo. Hãy liên lạc với đại lý để có thông tin mới nhất về hệ thống ghế trẻ em của Ford.

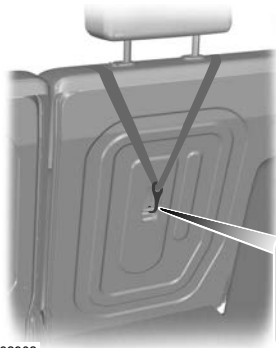


Sử dụng thiết bị chống xoay khi lắp hệ thống ISOFIX. Chúng tôi khuyến nghị sử dụng dây chằng đỉnh ghế và chân đỡ để lắp ghế trẻ em.

Ghi Chú: Khi bạn mua ghế trẻ em ISOFIX, chắc chắn bạn phải biết được nhóm khối lượng và kích thước đúng của ghế trẻ em ISOFIX để lắp vào vị trí ngồi dự kiến. Tham khảo **Điều chỉnh ghế an toàn cho trẻ em** (trang 22).

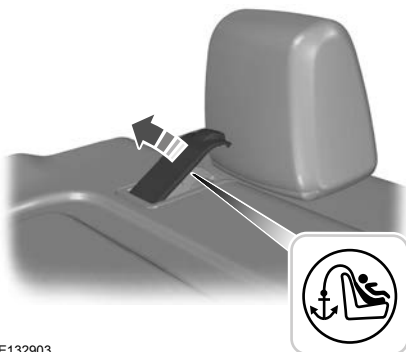
Xe của bạn có các điểm bắt ISOFIX phù hợp để lắp ghế trẻ em ISOFIX tiêu chuẩn.

Hệ thống ISOFIX bao gồm hai đòn lắp cứng trên ghế trẻ em được lắp vào các điểm bắt trên ghế sau nơi gặp nhau của đệm ghế và tựa lưng ghế. Các điểm bắt dạng dây buộc có thể được lắp.



E132902





E132903

Các điểm bắt dây buộc được bố trí ở phía dưới nắp che.



Không buộc dây buộc lên vị trí khác ngoài điểm buộc đúng

Ghi Chú: Khi cần thiết có thể tháo nắp khoang hành lý để dễ tháo lắp. Tham khảo **Nắp khoang hành lý** (trang 129).



Đảm bảo dây chằng đỉnh ghế không bị chùng hay xoắn và được cài đúng lên điểm bắt.

1. Luồn dây buộc qua điểm buộc.

Giữ an toàn dành cho trẻ em



E87145

2. Đẩy ghế trẻ em ra phía sau một cách chắc chắn để khớp vào các điểm bắt ISOFIX phía dưới.
3. Buộc chặt dây chằng theo hướng dẫn của nhà sản xuất ghế trẻ em.

KHÓA CỬA AN TOÀN DÀNH CHO TRẺ EM

CẢNH BÁO



Bạn không thể mở cửa từ phía trong nếu bạn đã bật khóa trẻ em.

Ghi Chú: Trên xe có chức năng không dùng chìa khóa, sử dụng chìa khóa dự phòng. Tham khảo **Hệ thống điều khiển từ xa** (trang 31).



E78298

Phía bên trái

Xoay theo chiều ngược chiều kim đồng hồ để khóa và chiều kim đồng hồ để mở khóa.

Phía bên phải

Xoay cùng chiều kim đồng hồ để khóa và ngược chiều kim đồng hồ để mở khóa.

Chìa khoá và điều khiển từ xa

THÔNG TIN CHUNG TRÊN TẦN SỐ RADIO

CÁC CHÚ Ý

! Các thiết bị truyền sóng ngắn khác (như đài phát thanh, thiết bị y tế, tai nghe không dây, điều khiển từ xa và hệ thống báo động) có thể trùng tần số với điều khiển từ xa của bạn. Nếu tần số bị nhiễu, có thể bạn không sử dụng được điều khiển từ xa. Bạn có thể khóa hoặc mở cửa bằng chìa khóa.

! Kiểm tra xem xe đã được khóa chưa trước khi rời đi. Việc này sẽ bảo đảm xe đã được khóa trong trường hợp tần số điều khiển bị phá một cách ác ý.

Ghi Chú: Bạn có thể mở khóa cửa khi vô tình nhấn vào các nút trên điều khiển từ xa. Khoảng cách tác dụng giữa điều khiển và xe của bạn phụ thuộc vào từng môi trường.

LẬP TRÌNH ĐIỀU KHIỂN TỪ XA

Bạn có thể lập trình tối đa 8 điều khiển từ xa để sử dụng trên xe (bao gồm điều khiển từ xa xe).

Lập trình điều khiển từ xa mới

1. Đút chìa khóa vào ổ khóa điện.
2. Xoay tròn chìa khóa từ vị trí **O** sang **II** và sau đó xoay trở lại **O** bốn lần trong vòng sáu giây.
3. Đẻ chìa khóa tại chỗ **O** và ấn bất kỳ nút nào trên bộ điều khiển từ xa trong vòng 10 giây. Bạn sẽ nhận được thông báo xác nhận thông qua tiếng chuông hoặc đèn LED rằng việc lập trình đã thành công.

Ghi Chú: Các bộ điều khiển từ xa bổ sung có thể được lập trình ở giai đoạn này.

4. Ấn bất kỳ nút nào trên mỗi bộ điều khiển từ xa bổ sung trong vòng 10 giây.

Lập trình lại chức năng mở khóa

Ghi Chú: Khi bạn ấn nút mở khóa, tất cả các cửa xe hoặc chỉ có cửa gần vị trí người lái được mở khóa. Ấn lại nút mở khóa để mở khóa tất cả các cửa.

Ấn và giữ đồng thời nút mở khóa và nút khóa trên bộ điều khiển từ xa trong ít nhất 4 giây ở trạng thái tắt khóa điện. Đèn báo rẽ sẽ nhấp sáng hai lần để xác nhận việc thay đổi.

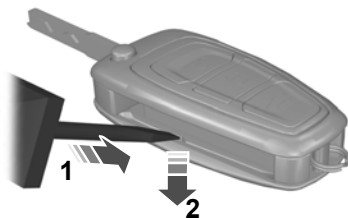
Để trở về chức năng mở khóa ban đầu, lặp lại quy trình.

THAY PIN ĐIỀU KHIỂN TỪ XA



Cần loại bỏ pin cũ theo cách thân thiện với môi trường. Tìm hiểu thông tin từ cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc tái chế pin.

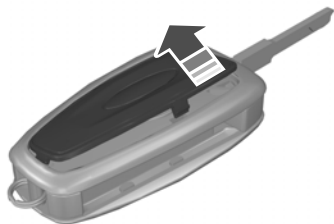
Điều khiển từ xa có chìa khóa dạng gấp



E128809

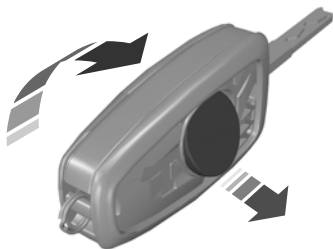
1. Đưa tua vít vào vị trí như hình minh họa và đẩy kẹp nhẹ nhàng.
2. Ấn kẹp xuống dưới để tháo nắp đựng pin.

Chìa khoá và điều khiển từ xa



E128810

3. Tháo nắp đậy một cách cẩn thận



E128811

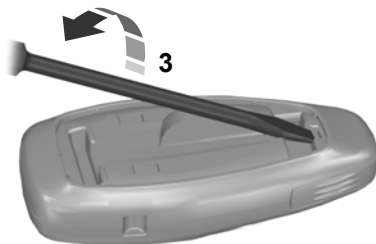
4. Xoay điều khiển từ xa xuống để tháo pin.
5. Lắp pin mới (3V CR 2032) với cực + hướng lên trên.
6. Thay thế nắp đậy pin.

Điều khiển từ xa không có chìa khoá dạng gấp



E87964

1. Ấn và giữ nút bấm trên cạnh để tháo nắp.
2. Tháo chìa khoá.



E105362

3. Vặn tua vít hai đầu vào vị trí như được thể hiện để tách hai nửa của điều khiển.

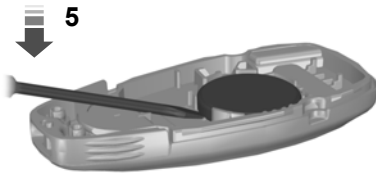
Chìa khoá và điều khiển từ xa



4

E119190

4. Cẩn thận đưa tua vít vào vị trí như được thể hiện để mở điều khiển.



5

E125860

CHÚ Ý



Không dùng tua vít chạm vào các tiếp điểm nối với pin hoặc bảng mạch.

5. Cạy pin ra một cách cẩn thận bằng tua vít.
6. Lắp pin mới (3V CR 2032) với cực + hướng xuống dưới.
7. Lắp hai nửa của điều khiển.
8. Lắp chìa khoá.

Khóa

KHÓA VÀ MỞ KHÓA

CHÚ Ý



Kiểm tra xem xe đã được khóa chưa trước khi rời đi.

Ghi Chú: Không để chìa khóa trên xe khi ra khỏi xe.

Khóa

Khóa bằng chìa khóa

Xoay phần trên của chìa khóa về phía trước xe.

Khóa bằng điều khiển từ xa

Ghi Chú: Cửa bên lái có thể được khóa bằng chìa khóa. Việc mở bằng chìa khóa cần thực hiện khi điều khiển từ xa bị hỏng.

Ghi Chú: Chiếc xe có thể được khóa khi có một cửa sau mở. Cửa này sẽ được khóa khi đóng lại.



Nhấn nút.

Khóa kép

CẢNH BÁO



Không bật chế độ khóa kép khi có người hoặc động vật trong xe. Bạn sẽ không mở được khóa từ phía trong nếu đã khóa kép chúng.

Ghi Chú: Nếu bạn khóa kép khi đang ở trong xe, bật khóa điện để trả các khóa cửa về tình trạng khóa đơn.

Ghi Chú: Chiếc xe có thể được khóa kép khi một cửa sau mở. Cửa này sẽ được khóa kép khi đóng lại.

Khóa kép là tính năng chống trộm ngăn người khác mở cửa từ trong xe.

Khóa kép bằng chìa

Xoay chìa khóa tới vị trí khóa hai lần trong vòng ba giây.

Khóa kép bằng điều khiển từ xa



Nhấn nút hai lần trong vòng 3 giây.

Mở khóa

Mở khóa bằng chìa khóa

Xoay phần trên của chìa khóa về phía sau xe.

Mở khóa bằng điều khiển từ xa

Ghi Chú: Cửa lái có thể được mở khóa bằng chìa khóa. Việc mở bằng chìa khóa cần thực hiện khi điều khiển từ xa bị hỏng.

Ghi Chú: Nếu xe bị khóa liên tục trong vài tuần, điều khiển từ xa sẽ không thực hiện được. Cần mở khóa và khởi động động cơ bằng chìa khóa. Mở khóa và khởi động động cơ một lần sẽ giúp điều khiển từ xa có thể điều khiển trở lại.



Nhấn nút.

Khóa lại cửa tự động

Các cửa sẽ tự động khóa lại nếu bạn không mở cửa, nắp khoang hành lý, hoặc bật khóa điện trong vòng 45 giây khi không khóa cửa bằng điều khiển từ xa. Các cửa khóa lại và chế độ báo động sẽ chuyển về chế độ trước đó.

Lập trình lại chức năng mở khóa

Chức năng mở khóa có thể được lập trình lại sao cho chỉ cửa lái là được mở khóa (Tham khảo **Lập trình điều khiển từ xa** (trang 26)).

Khóa

Xác nhận khóa và mở khóa

Ghi Chú: Nếu xe bạn có chức năng khóa kép, đèn xi nhan sẽ nhấp một lần sau khi kích hoạt chế độ khóa trung tâm, sau đó nhấp thêm hai lần sau khi khóa kép.

Khi bạn khóa cửa, đèn báo rẽ sẽ nhấp một lần.

Khi khóa kép các cửa xe, đèn báo rẽ sẽ nhấp ba lần.

Khi mở khóa cửa, đèn báo rẽ sẽ nhấp một lần.

Khóa và mở khóa cửa từ phía trong



Nhấn nút. Để có vị trí của các chi tiết: Tham khảo **Khởi động nhanh** (trang 11).

Nắp khoang hành lý

Mở nắp khoang hành lý bằng điều khiển



Nhấn nút hai lần trong vòng 3 giây.

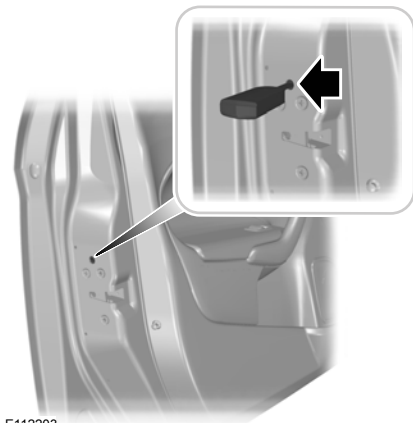
Đóng nắp khoang hành lý



E133536

Khóa riêng từng cửa bằng chìa khóa.

Ghi Chú: Nếu chức năng khóa trung tâm bị lỗi, các cửa có thể được khóa riêng rẽ bằng chìa khóa ở vị trí như hình minh họa.



E112203

Phía bên trái

Xoay cùng chiều kim đồng hồ để khóa.

Phía bên phải

Xoay ngược chiều kim đồng hồ để khóa.

Mở khóa

Ghi Chú: Nếu khóa trẻ em đang được bật, kéo chốt phía trong chỉ làm ngắt chức năng khóa khẩn cấp mà không ngắt chức năng khóa trẻ em. Các cửa chỉ được mở bằng tay nắm bên ngoài.

Ghi Chú: Nếu các cửa được mở khóa bằng phương pháp này, các cửa phải được khóa riêng rẽ cho đến khi chức năng khóa trung tâm được sửa chữa.

Mở khóa cửa lái bằng chìa khóa. Các cửa khác có thể được mở khóa riêng rẽ bằng cách kéo tay nắm cửa bên trong các cửa đó.

HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TỪ XA

Thông tin chung

CẢNH BÁO



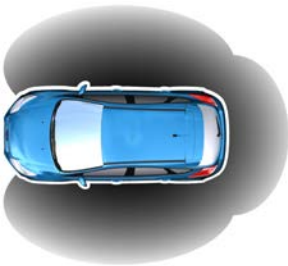
Hệ thống mở cửa không dùng chìa khóa có thể không hoạt động nếu chìa khóa này ở gần các vật thể kim loại hoặc các thiết bị điện tử như điện thoại di động.

Hệ thống mở khóa cửa ra vào từ xa sẽ không hoạt động nếu:

- Bình ắc quy bị hết điện.
- Các tần số điều khiển từ xa bị nhiễu.
- Điều khiển từ xa hết pin.

Ghi Chú: Nếu hệ thống mở khóa cửa ra vào từ xa không hoạt động, bạn sẽ cần phải sử dụng chìa khóa có lưỡi khóa để khóa và mở khóa xe của bạn.

Hệ thống không chia khóa này cho phép người lái xe điều khiển xe mà không cần sử dụng khóa hoặc điều khiển từ xa.



E78276

Khóa và mở khóa từ xa cần loại điều khiển từ xa hợp lệ được bố trí trong phạm vi một trong ba dải phát hiện bên ngoài. Chúng được đặt cách khoảng một mét rưỡi từ tay nắm cửa lái và tay nắm cửa hành khách trước và nắp khoang hành lý.

điều khiển từ xa

Xe có thể được khóa và mở với điều khiển từ xa. Điều khiển từ xa này có thể cũng được sử dụng như điều khiển từ xa. Tham khảo **Khóa và mở khóa** (trang 29).

Khóa xe

CẢNH BÁO

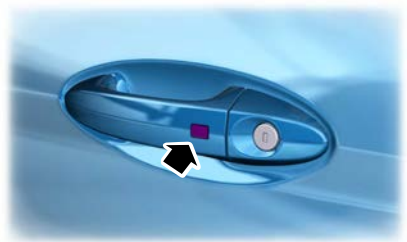


Xe không thể tự khóa một cách tự động. Nếu chức năng khóa không được kích hoạt, chiếc xe sẽ vẫn ở tình trạng không được khóa.

Ghi Chú: Khóa điện sẽ tự động tắt nếu bạn khóa cửa xe từ bên ngoài. Việc này nhằm bảo vệ cho ắc quy không bị hết điện.

Ghi Chú: Không được giật tay mở cửa.

Ghi Chú: Giữ cho bề mặt tay cầm cửa xe sạch sẽ để hệ thống có thể hoạt động chính xác.



E87384

Chạm vào cảm biến khóa trên tay mở cửa xe trước để khóa cửa xe.

Để kích hoạt khóa trung tâm và đặt báo động:

- Chạm vào một cảm biến khóa cửa trên tay mở cửa trước một lần.

Để kích hoạt chế độ khóa kép và đặt báo động:

- Chạm vào một cảm biến khóa cửa trên tay mở cửa xe trước hai lần trong vòng ba giây.

Khóa

Ghi Chú: Phải có một khoảng thời gian giữa mỗi lần chạm vào tay mở cửa.

Ghi Chú: Sau khi đã kích hoạt, xe sẽ vẫn bị khóa trong khoảng vài giây. Khi giai đoạn trễ này qua đi, các cửa có thể được mở một lần nữa, khi đưa các điều khiển từ xa vào trong phạm vi phát hiện tương ứng.

Đèn báo rẽ sẽ nhấp nháy hai lần để xác nhận tất cả các cửa và nắp khoang hành lý đã được khóa và chế độ báo động đã được đặt.

Nắp khoang hành lý

Ghi Chú: Nắp khoang hành lý sẽ không được đóng lại và sẽ bật lên nếu chìa khóa điều khiển từ xa được đặt ở trong xe khi các cửa đã khóa.

Ghi Chú: Nếu có điều khiển từ xa hợp lệ thứ hai nằm trong phạm vi phát hiện phía sau xe, nắp khoang hành lý có thể được đóng.

Mở khóa xe

Ghi Chú: Nếu xe vẫn bị khóa trong khoảng dài hơn ba ngày, hệ thống mở cửa không dùng chìa sẽ chuyển về chế độ tiết kiệm năng lượng. Việc này giúp giảm thiểu việc hết điện ắc quy xe. Nếu xe được mở khóa trong khi đang ở chế độ này, thời gian phản ứng của hệ thống có thể lâu hơn bình thường một chút. Việc mở khóa xe sẽ làm tắt chế độ tiết kiệm năng lượng.

Ghi Chú: Nếu xe vẫn bị khóa trong vòng vài tuần, hệ thống mở khóa cửa xe không cần chìa khóa sẽ bị tắt. Có thể mở khóa xe bằng chìa khóa. Mở khóa cửa xe một lần sẽ kích hoạt hệ thống mở khóa cửa xe không dùng chìa khóa.

Ghi Chú: Không chạm vào cảm biến khóa cửa trên tay mở cửa trước trong khi mở cửa.



E78278

Mở một cửa bất kỳ.

Ghi Chú: Một điều khiển từ xa hợp lệ phải nằm trong phạm vi phát hiện của cửa này.

Đèn báo rẽ nhấp nháy một lần trong khoảng thời gian dài xác nhận tất cả các cửa, nắp khoang hành lý đã được mở khóa và chế độ báo động đã được gỡ bỏ.

Mở khóa duy nhất cửa lái

Chức năng mở khóa có thể được lập trình lại sao cho chỉ cửa lái và nắp khoang hành lý được mở khóa. (Tham khảo **Lập trình điều khiển từ xa** (trang 26).), lưu ý các điểm sau:

Nếu cửa lái là cánh cửa đầu tiên được mở, thì các cửa khác sẽ vẫn bị khóa. Tất cả các cửa khác có thể được mở khóa từ bên trong bằng cách nhấn nút mở khóa trên bảng táp lô. Vị trí các chi tiết: Tham khảo **Khởi động nhanh** (trang 11). Các cửa có thể được mở khóa riêng rẽ bằng cách kéo tay mở cửa phía trong của cửa đó.

Chìa khóa bị vô hiệu

Bất kỳ chìa khóa nào bỏ quên trong xe khi xe đã khóa sẽ bị vô hiệu.

Một chìa khóa bị vô hiệu không thể được sử dụng để bật chìa khóa điện hoặc khởi động động cơ.

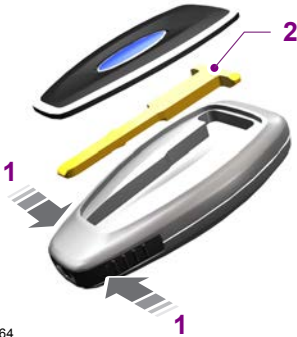
Để sử dụng lại các điều khiển từ xa này, chúng phải được kích hoạt.

Khóa

Để kích hoạt tất cả các điều khiển từ xa này, mở khóa xe sử dụng một điều khiển từ xa hoặc chức năng mở khóa cửa điều khiển từ xa.

Tất cả các điều khiển từ xa này sau đó sẽ được kích hoạt nếu chìa khóa điện được bật hoặc xe được khởi động sử dụng một chìa khóa hợp lệ.

Khóa và mở khóa cửa với chìa khóa có lưỡi khóa



E87964

1. Tháo nắp đậy một cách cẩn thận
2. Tháo chìa khóa có lưỡi khóa và đưa nó vào trong ổ khóa.

Ghi Chú: Chỉ có cửa lái được lắp ổ khóa.

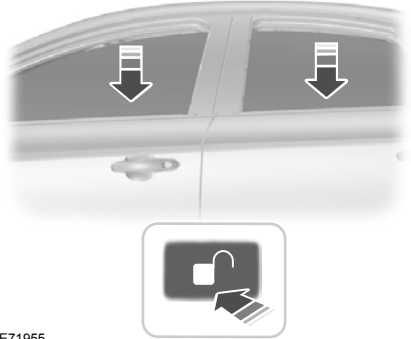
ĐÓNG VÀ MỞ ĐỒNG THỜI CÁC CỬA/KÍNH

Bạn vẫn có thể vận hành kính cửa khi chìa khóa điện tắt thông qua chức năng đóng mở toàn bộ.

Ghi Chú: Chế độ mở toàn bộ chỉ hoạt động trong thời gian ngắn sau khi bạn đã mở cửa xe bằng điều khiển từ xa.

Ghi Chú: Chức năng đóng toàn bộ chỉ thực hiện được nếu bạn thiết lập bộ nhớ một cách chính xác cho mỗi cửa kính. Tham khảo **Cửa sổ điều khiển bằng điện** (trang 60).

Chức năng mở toàn bộ



E71955

Để mở tất cả các cửa kính, ấn và giữ nút mở khóa trên **điều khiển từ xa** ít nhất ba giây. Nhấn nút mở hoặc khóa để dừng chế độ mở.

Chức năng đóng toàn bộ

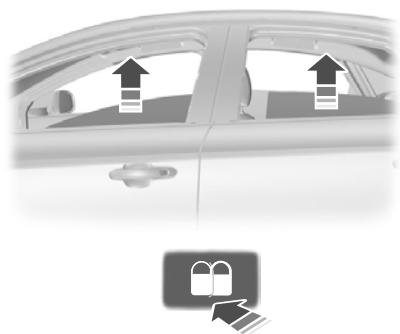
Các xe không có chìa khóa điều khiển từ xa

CẢNH BÁO



Cẩn thận khi sử dụng chức năng đóng toàn bộ. Trong trường hợp khẩn cấp, nhấn nút khóa hoặc mở khóa ngay lập tức để dừng.

Khóa

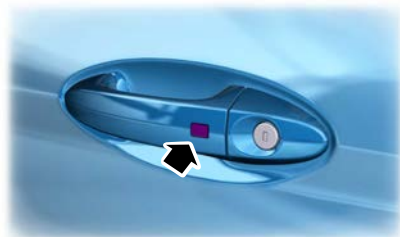


Để đóng tất cả các cửa kính, ấn và giữ tay mở cửa lái tối thiểu hai giây. Chức năng chống kẹt cũng hoạt động trong quá trình đóng toàn bộ.

E71956

Để đóng tất cả kính cửa, nhấn và giữ nút khóa trên **điều khiển từ xa** trong ít nhất ba giây. Nhấn nút khóa hoặc mở khóa để dừng chức năng đóng. Chức năng chống kẹt cũng hoạt động trong quá trình đóng toàn bộ.

Các xe có chìa khóa điều khiển từ xa



E87384

CẢNH BÁO



Cẩn thận khi sử dụng chức năng đóng toàn bộ. Trong trường hợp khẩn cấp, chạm tay vào cảm biến khóa trên tay mở cửa để dừng.

Ghi Chú: Chức năng đóng toàn bộ có thể được kích hoạt bằng tay mở cửa lái. Chức năng mở và đóng toàn bộ có thể được kích hoạt bằng cách sử dụng nút bấm trên khóa xe.

Tay lái

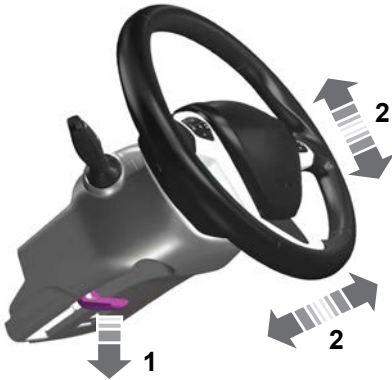
ĐIỀU CHỈNH TAY LÁI

CẢNH BÁO



Không điều chỉnh vô lăng khi xe đang chạy.

Ghi Chú: Chắc chắn bạn ngồi đúng tư thế.
Tham khảo **Ngồi đúng vị trí** (trang 101).



E95178



E95179

CẢNH BÁO



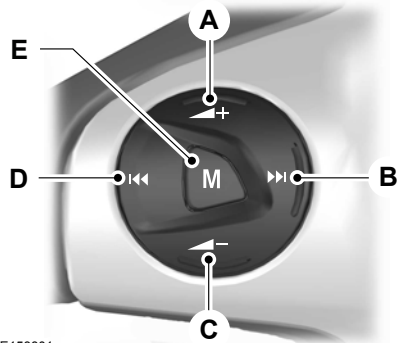
Chắc chắn bạn đã cài cần khóa vô lăng hoàn toàn khi đưa nó về vị trí ban đầu.

ĐIỀU KHIỂN ÂM THANH

Chọn nguồn phát trên hệ thống âm thanh.

Các chức năng dưới đây có thể thao tác bằng điều khiển từ xa:

Loại 1



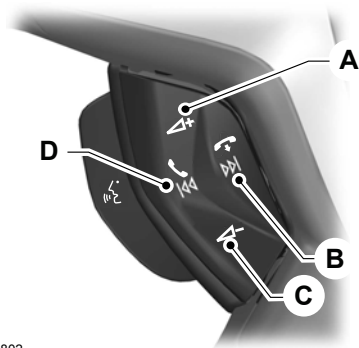
E153801

- A Tăng âm lượng
- B Tìm kiếm lên hoặc chuyển sang bài sau
- C Giảm âm lượng
- D Tìm kiếm xuống hoặc chuyển sang bài trước
- E Chê độ

Nhấn nút chê độ để chọn nguồn phát.

Tay lái

Loại 2



E153802

- A Tăng âm lượng
- B Tìm kiếm lên hoặc chuyển sang bài sau
- C Giảm âm lượng
- D Tìm kiếm xuống hoặc chuyển sang bài trước

Tìm, chuyển sang bài sau hoặc trước

Nhấn phím tìm kiếm để:

- Chỉnh radio tới kênh sau hoặc trước đã lưu sẵn
- bật bài sau hoặc trước.

Nhấn và **giữ** phím tìm kiếm để:

- dò radio đến đài phát đã lưu trước hay sau dải băng tần
- tìm toàn bộ một bài.

ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

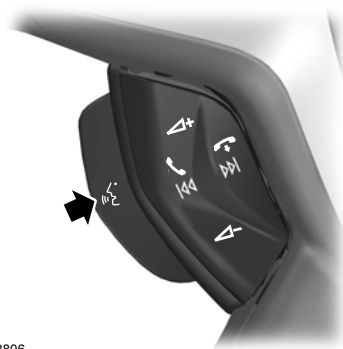
Loại 1

Tay lái thuận



E129464

Tay lái nghịch



E153806

Nhấn nút này để chọn hoặc bỏ chọn chế độ điều khiển bằng giọng nói.

Loại 2

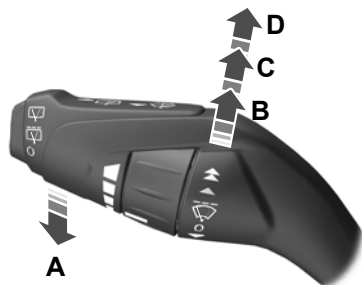


E159531

Nhấn nút để chọn hay không chọn chế độ điều khiển bằng giọng nói.

Gạt mưa & rửa kính

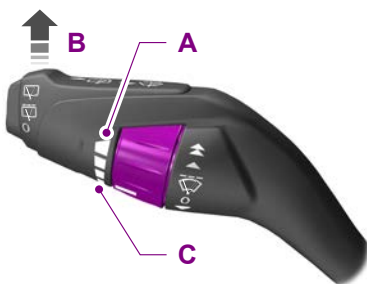
GẠT MƯA KÍNH



E153810

- A Gạt một lần
- B Gạt ngắt quãng hoặc gạt tự động
- C Gạt thường
- D Gạt nhanh

Gạt ngắt quãng



E153811

- A Gạt ngắt quãng mau
- B Gạt ngắt quãng
- C Gạt ngắt quãng thưa

Nút điều khiển dạng quay dùng để điều chỉnh tần suất gạt.

Hệ thống gạt mưa tự động

Một số phiên bản không có gạt mưa tự động và được lắp hệ thống gạt mưa kính trước thay đổi theo tốc độ của xe.

Khi xe giảm tốc độ gần bằng tốc độ đi bộ hoặc gần như dừng hẳn, tốc độ gạt mưa sẽ tự động chuyển về tốc độ thấp hơn kế tiếp.

Khi tốc độ của xe tăng lên, tốc độ của gạt mưa sẽ trở về trạng thái chọn bằng tay.

Di chuyển cần điều khiển gạt mưa khi hệ thống đang làm việc sẽ làm tắt hệ thống này.

Nếu xe di chuyển với tốc độ người đi bộ hoặc gần như dừng hẳn, hệ thống sẽ hoạt động trở lại.

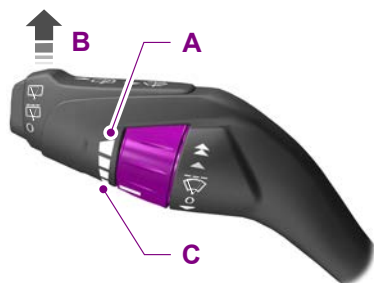
GẠT MƯA TỰ ĐỘNG

CÁC CHÚ Ý

- ⚠ Không chuyển cần gạt mưa sang chế độ tự động trong điều kiện thời tiết khô. Cảm biến mưa rất nhạy và cần gạt mưa có thể hoạt động nếu bụi, sương hay ruồi bay đập vào kính chắn gió.
- ⚠ Thay thế các lưỡi gạt ngay khi chúng tạo ra các vệt nước hay vệt bẩn trên kính chắn gió. Nếu bạn không thay thế, cảm biến mưa sẽ tiếp tục phát hiện ra nước trên kính chắn gió và các cần gạt sẽ hoạt động, mặc dù phần lớn kính chắn gió là khô.
- ⚠ Làm tan băng hoàn toàn trên kính chắn gió trong điều kiện băng tuyết trước khi bật chế độ gạt mưa tự động.
- ⚠ Tắt chế độ gạt mưa tự động khi vào trạm rửa xe.

Ghi Chú: Nếu chế độ đèn tự động và gạt mưa tự động đều bật, đèn chiều gần (côt) sẽ bật sáng tự động khi cảm biến mưa kích hoạt cần gạt nước liên tục.

Gạt mưa & rửa kính



E153811

- A Độ nhạy cảm cao
- B Bật
- C Độ nhạy cảm thấp

Nếu bạn bật chế độ gạt mưa tự động, thì các cần gạt sẽ không hoạt động theo chu kỳ cho đến khi phát hiện được nước trên kính chắn gió. Cảm biến mưa khi đó sẽ liên tục đo lượng nước trên kính chắn gió và điều chỉnh tốc độ của cần gạt mưa một cách tự động.

Điều chỉnh độ nhạy của cảm biến mưa bằng nút điều khiển dạng xoay. Với độ nhạy thấp, các cần gạt mưa sẽ hoạt động khi cảm biến phát hiện có nhiều nước trên kính chắn gió. Với độ nhạy cao, các cần gạt sẽ hoạt động khi cảm biến phát hiện ra một lượng nước nhỏ trên kính chắn gió.

PHUN NƯỚC RỬA KÍNH TRƯỚC



E153812

CẢNH BÁO



Không vận hành rửa kính lâu hơn 10 giây trong một lần, và không bật rửa kính khi bình nước rửa kính không có nước.

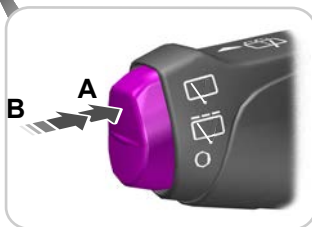
Khi cần gạt được kéo về phía vô lăng, rửa kính sẽ làm việc cùng với cần gạt mưa.

Sau khi nhả cần điều khiển, cần gạt mưa sẽ hoạt động thêm một thời gian ngắn.

Gạt mưa & rửa kính

GẠT MƯA VÀ RỬA KÍNH SAU

Gạt ngắt quãng



E153813

- A Gạt ngắt quãng
- B Gạt chậm

Nhấn nút ở cuối cần điều khiển để chọn các chế độ tắt, gạt gián đoạn và gạt chậm.

Chế độ gạt ở số lùi

Gạt nước sau sẽ được kích hoạt tự động khi đi ở tay số lùi cho dù gạt nước sau không được bật mà gạt nước trước đang hoạt động.

Rửa kính phía sau



E153814

CẢNH BÁO



Không vận hành rửa kính lâu hơn 10 giây trong một lần, và không bật rửa kính khi bình nước rửa kính không có nước.

Khi cần điều khiển được gạt ra phía xa vô lăng thì rửa kính sẽ hoạt động cùng với gạt nước.

Sau khi nhả cần điều khiển, cần gạt mưa sẽ hoạt động thêm một thời gian ngắn.

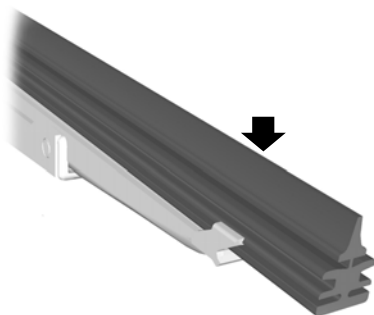
RỬA ĐÈN ĐẦU

Bộ rửa kính đèn đầu sẽ hoạt động cùng với phun nước rửa kính chắn gió trước khi đèn đầu được mở.

Ghi Chú: Để tránh làm bình đựng nước rửa kính hết nhanh, bộ rửa đèn pha sẽ không hoạt động mỗi khi bạn bật rửa kính chắn gió.

Gạt mưa & rửa kính

KIỂM TRA CAO SU GẠT MƯA



E66644

Di chuyển đầu ngón tay lên rìa của cao su gạt mưa để kiểm tra độ ráp.

Vệ sinh phần lưỡi gạt mưa bằng miếng xô mềm nhúng nước.

THAY CAO SU GẠT MƯA

Cao su gạt mưa kính chắn gió

CÁC CHÚ Ý

❗ Đặt gạt mưa tại vị trí sửa chữa để thay lưỡi gạt.

❗ Bạn có thể sử dụng chức năng của gạt mưa để làm sạch tuyết và băng vào mùa đông. Gạt mưa có thể trở về vị trí ban đầu ngay khi bạn bật công tắc điện, do vậy phải đảm bảo bề mặt kính chắn gió sạch sẽ không có tuyết và băng khi bật chìa khóa điện.

Vị trí sửa chữa



E75184

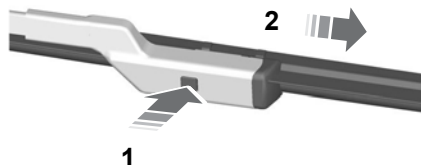


E153815

Tắt khóa điện và dịch chuyển cánh tay gạt mưa tới vị trí **A** trong vòng 3 giây. Nhả cánh tay gạt mưa ra khi gạt mưa đã được đưa tới vị trí sửa chữa.

Thay lưỡi cao su gạt mưa

Đặt gạt mưa tại vị trí sửa chữa và nhấn cánh tay gạt mưa lên.



E72899

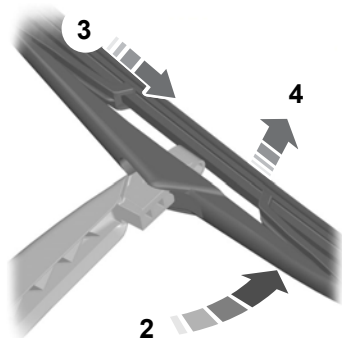
Gạt mưa & rửa kính

Lắp theo thứ tự ngược lại.

Ghi Chú: Đảm bảo lưỡi cao su gạt mưa được khóa vào đúng vị trí.

Lưỡi gạt mưa kính sau

1. Nâng cần gạt mưa.



E86456

2. Đặt lưỡi gạt mưa gạt vuông góc với cần gạt.
3. Tách lưỡi gạt mưa ra khỏi cần gạt.
4. Tháo lưỡi gạt.

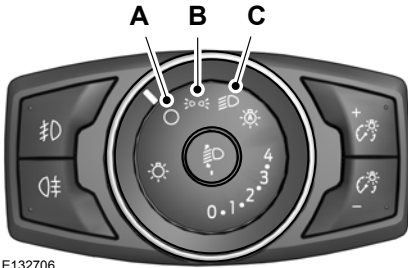
Ghi Chú: Đảm bảo lưỡi cao su gạt mưa được khóa vào đúng vị trí.

5. Lắp theo thứ tự ngược lại.

Chiếu sáng

ĐIỀU KHIỂN ĐÈN

Các vị trí điều khiển chiếu sáng



E132706

- A Tắt
- B Đèn cạnh và đèn hậu
- C Đèn đầu

Đèn đỗ xe

CẢNH BÁO



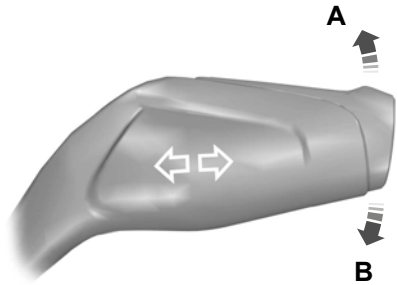
Việc sử dụng đèn đỗ xe trong thời gian dài sẽ làm cho ắc quy hết điện.

Tắt chìa khóa điện.

Cả hai bên

Bật công tắc điều khiển chiếu sáng đèn vị trí **B**.

Một bên



E153816

- A Xe tay lái nghịch
- B Xe tay lái thuận

Đèn pha và đèn cốt



E153817

Đẩy cần gạt về phía trước chuyển giữa chế độ đèn pha và đèn cốt.

Nháy (chớp) pha.

Kéo nhẹ cần điều khiển về phía vô lăng.

Chiếu sáng

Chiếu sáng an toàn ở nhà

Tắt chìa khóa điện và kéo cần điều khiển đèn báo rẽ về phía vô lăng để bật đèn đầu lên. Bạn sẽ nghe âm thanh ngắn. Đèn đầu sẽ tự động tắt sau 3 phút nếu bất kỳ cửa nào mở, hoặc 30 giây sau khi cửa cuối cùng được đóng.

Các đèn an toàn ở nhà sẽ được tắt đi bằng cách kéo cần điều khiển đèn báo rẽ về phía vô lăng hoặc bằng cách bật chìa khóa điện lên.

ĐÈN TỰ ĐỘNG

CẢNH BÁO



Trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt, có thể phải bật đèn pha bằng tay.

Ghi Chú: Nếu bạn bật chế độ đèn tự động, bạn chỉ có thể bật pha khi chế độ đèn tự động đã bật đèn pha.

Ghi Chú: Nếu chế độ đèn pha tự động được bật cùng với chế độ gạt mưa tự động, đèn cốt sẽ tự động bật khi cảm biến mưa kích hoạt gạt mưa kính chắn gió liên tục.



E132707

Đèn pha sẽ sáng và tắt một cách tự động tùy thuộc vào độ sáng của môi trường.

Đèn pha sẽ giữ chế độ bật một lúc sau khi đã khóa điện. Bạn có thể điều chỉnh thời gian trễ bằng cách sử dụng màn hình hiển thị thông tin. Tham khảo **Hiển thị thông tin** (trang 72).

KIỂM SOÁT ĐÈN PHA TỰ ĐỘNG

CÁC CẢNH BÁO



Hệ thống này không giảm trách nhiệm của bạn trong việc lái xe cẩn trọng và chú ý. Việc điều chỉnh bằng tay có thể cần thiết nếu hệ thống bị lỗi bật hoặc tắt đèn pha.



Việc điều chỉnh bằng tay có thể được yêu cầu khi đèn gần những người tham gia giao thông khác chẳng hạn người đi xe đạp.



Không sử dụng hệ thống trong điều kiện sương mù.

CÁC CHÚ Ý



Trong điều kiện thời tiết lạnh hoặc khắc nghiệt hệ thống có thể không hoạt động. Điều chỉnh chế độ bằng tay có thể cần thiết trong những trường hợp này.



Các biển phản quang trên đường có thể được phát hiện như một phương tiện giao thông đang tới, và lúc này đèn pha sẽ chuyển sang chế độ cốt.



Nếu ánh sáng của các xe đang đèn gần bị che khuất bởi chướng ngại vật (ví dụ dải phân cách), hệ thống có thể không tắt chế độ chiếu xa.



Luôn lắp phụ tùng Ford chính hãng khi thay thế các bóng đèn đầu. Các loại bóng đèn khác có thể làm giảm khả năng phát sáng của hệ thống.

Chiều sáng

CÁC CHÚ Ý



Kiểm tra và thay thế lưới gạt mưa định kỳ để đảm bảo mắt cảm biến sạch và có thể nhìn xuyên qua kính chắn gió.

Các lưới gạt mưa thay thế phải có chiều dài phù hợp.

Ghi Chú: Tránh cho kính chắn phía trước các vật cản như phân chim, sâu bọ và tuyết hoặc băng.

Hệ thống sẽ tự động chuyển sang chế độ chiếu xa nếu đủ tối và không có đối tượng giao thông nào phía trước. Nếu nó phát hiện đèn pha hoặc đèn hậu của xe phía trước hoặc đèn đường phía trước, hệ thống sẽ tắt chế độ chiếu xa trước khi gây ảnh hưởng cho những người tham gia giao thông khác. Chế độ chiếu gần sẽ được duy trì.

Mắt cảm biến được đặt ở giữa phía trên kính chắn gió, và liên tục theo dõi các điều kiện để đưa ra quyết định khi nào bật và tắt chế độ chiếu xa.

Khi hệ thống kích hoạt, chế độ chiếu xa sẽ được bật nếu.

- Trời đủ tối sẽ yêu cầu sử dụng chế độ chiếu xa.
- khi không có phương tiện giao thông hoặc đèn phía trước và
- tốc độ xe lớn hơn 40km/g (20 dặm/g)

Chế độ chiếu xa sẽ tắt nếu:

- Ánh sáng xung quanh đủ sáng và không cần sử dụng chế độ chiếu xa.
- Phát hiện đèn pha hoặc đèn hậu của xe đang tới.
- Phát hiện đèn đường.
- Tốc độ xe giảm xuống dưới 25km/g (16 dặm/g).
- Mắt cảm biến bị quá nhiệt hoặc bị che kín.

Kích hoạt hệ thống

Bật hệ thống bằng cách sử dụng màn hình thông tin và chế độ đèn tự động. Tham khảo **Hiển thị thông tin** (trang 72). Tham khảo **Đèn tự động** (trang 44).



E132707

Xoay công tắc sang vị trí đèn tự động.

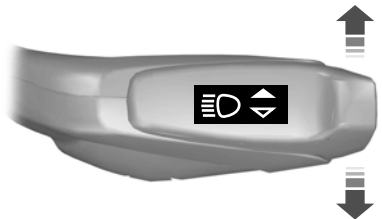
Ghi Chú: Hệ thống sẽ mất thời gian ngắn để nhận diện sau khi bật lần đầu, đặc biệt là ở những điều kiện quá tối. Chế độ chiếu xa sẽ không tự động bật trong thời gian này.

Thiết lập độ nhạy của hệ thống

Hệ thống có ba mức nhạy mà có thể được truy cập thông qua các màn hình thông tin. Tham khảo **Hiển thị thông tin** (trang 72).

Độ nhạy xác định tốc độ mà tại đó chế độ chiếu xa được khôi phục sau khi phương tiện giao thông được phát hiện đã ra khỏi tầm quan sát.

Điều chỉnh chế độ bằng tay



E153841

Chiều sáng

Kéo hoặc đẩy cần điều khiển để chuyển chế độ chiếu xa và chiếu gần.

Ghi Chú: Đây chỉ là điều chỉnh tạm thời và hệ thống sẽ tự động chuyển sang chế độ tự động sau khoảng thời gian ngắn.

Để tắt hệ thống vánh viển sử dụng trình đơn trên màn hình thông tin hoặc chuyển công tắc điều khiển đèn từ chế độ đèn tự động sang chế độ đèn đầu.

ĐÈN SƯƠNG MÙ PHÍA TRƯỚC

CẢNH BÁO



Chỉ sử dụng đèn sương mù phía trước khi tầm nhìn bị hạn chế bởi sương mù, tuyết hoặc mưa.



E132709

ĐÈN SƯƠNG MÙ PHÍA SAU

CÁC CẢNH BÁO



Chỉ sử dụng đèn sương mù phía sau khi tầm nhìn bị hạn chế nhỏ hơn 50 m (164 feet).



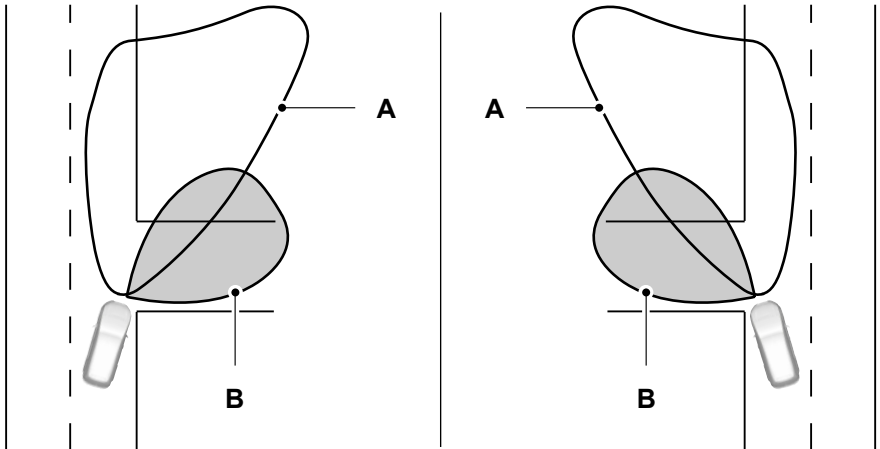
Không sử dụng đèn sương mù phía sau khi trời mưa hay có tuyết rơi và tầm nhìn lớn hơn 50m (164 feet).



E132710

Chiều sáng

ĐÈN GÓC

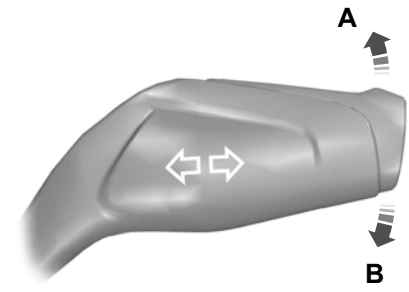


E72898

- A Chùm sáng đèn pha
- B Chùm sáng của đèn góc

Đèn góc sẽ sáng phía góc của khi bạn đang rẽ.

ĐÈN BÁO RẼ



E153816

Chiếu sáng

Ghi Chú: *Gạt nhẹ cần gạt đèn xi nhan lên hoặc xuống để đèn báo chuyển hướng nhấp nháy ba lần.*

ĐÈN BÊN TRONG XE

Đèn nội thất

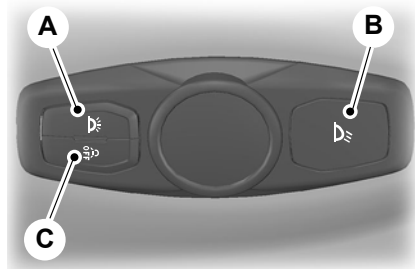
Ghi Chú: *Các đèn riêng biệt có thể được bật bằng công tắc độc lập, nhưng sẽ không tắt được nếu tất cả các đèn được bật bởi người lái.*

Ghi Chú: *Tất cả các đèn khác hoặc không thể ngắt được hoặc chỉ có chức năng đèn trần xe hay đèn đọc sách.*

Các đèn sẽ bật sáng khi bạn mở khóa hay mở cửa xe hoặc nắp cửa khoang hành lý. Nếu bạn để cửa mở trong khi tắt chìa khóa điện, tất cả các đèn sẽ tự động tắt sau một khoảng thời gian nhất định để tránh cho ắc quy không bị phóng điện. Để bật đèn trở lại, bật chìa khóa điện một lúc.

Đèn lắp bên cạnh

Loại 1



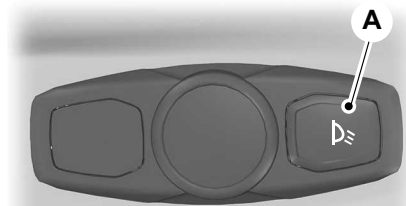
E142360

- A Công tắc bật và tắt tất cả đèn
- B Công tắc bật và tắt đèn đọc sách
- C Công tắc chức năng cửa

Nếu bạn ấn công tắc **C** thì tất cả các đèn còn lại sẽ tắt khi cửa mở. Ấn lại công tắc lần nữa để đảo ngược quá trình.

Bạn có thể điều khiển tất cả các đèn bằng cách sử dụng công tắc **A**.

Loại 2

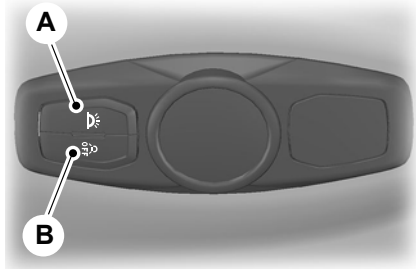


E141580

- A Công tắc bật và tắt đèn đọc sách

Đèn lắp ở trung tâm

Loại 1



E142361

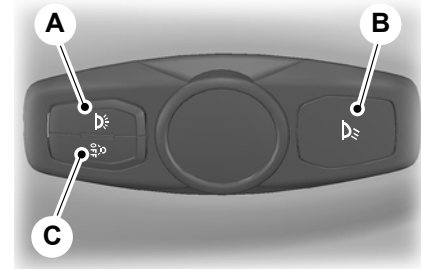
- A Công tắc bật và tắt tất cả các đèn
- B Công tắc chức năng cửa

Nếu bạn ấn công tắc **B** thì tất cả các đèn còn lại sẽ tắt khi cửa mở. Ấn lại công tắc lần nữa để đảo ngược quá trình.

Chiếu sáng

Bạn có thể điều khiển tất cả các đèn bằng cách sử dụng công tắc **A**.

Loại 2



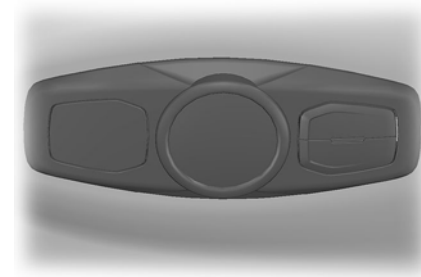
E142360

- A Công tắc bật và tắt tất cả các đèn
- B Công tắc bật và tắt đèn đọc sách
- C Công tắc chức năng cửa

Nếu bạn ấn công tắc **C** thì tất cả các đèn còn lại sẽ tắt khi cửa mở. Ấn lại công tắc lần nữa để đảo ngược quá trình.

Bạn có thể điều khiển tất cả các đèn bằng cách sử dụng công tắc **A**.

Loại 3



E144114

Đèn chiếu sáng xung quanh

Nếu để cửa mở trong khi chìa khóa điện tắt, đèn chiếu sáng xung quanh sẽ tự động tắt sau một lúc để tránh hết điện ắc quy.

Nếu trời tối, đèn chiếu sáng xung quanh sẽ được kích hoạt khi chìa khóa điện và đèn pha bật.

Đèn chiếu sáng xung quanh chiếu sáng ở một vài khu vực, ví dụ như dưới chân, khay để cốc và các cánh cửa bằng một màu đơn sắc và có thể bật và tắt chúng bằng cách vào trình đơn trên màn hình thông tin.

Tham khảo **Thông tin chung** (trang 72).

Sử dụng công tắc điều chỉnh ánh sáng mờ đồng hồ tập lô để điều chỉnh độ sáng như mong muốn. Tham khảo **Bộ điều chỉnh cường độ sáng bằng điều khiển tap-lô** (trang 190).

ĐIỀU CHỈNH ĐÈN PHA - XE ĐƯỢC TRANG BỊ : HỆ THỐNG TỰ ĐỘNG ĐIỀU CHỈNH GÓC CHIỀU ĐÈN TRƯỚC (AFS)/ĐÈN PHA CÓ CƯỜNG ĐỘ CHIẾU SÁNG CAO

Để điều chỉnh đèn pha để lái xe ở bên trái hay bên phải đường, cần liên hệ với đại lý.

ĐÈN BÁO NGUY HIỂM



Vị trí: Tham khảo **Khởi động nhanh** (trang 11).

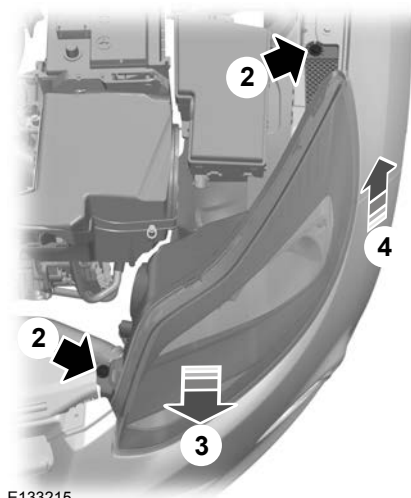
THÁO ĐÈN ĐẦU

CẢNH BÁO



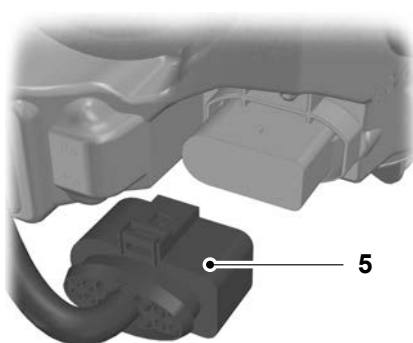
Việc thay các bóng đèn Xenon phải được thực hiện bởi một kỹ thuật viên có chuyên môn. Có nguy cơ bị điện giật.

1. Mở nắp ca rô. Tham khảo **Mở và đóng nắp khoang động cơ** (trang 145).



E133215

2. Tháo các vít giữ đèn.
3. Kéo đèn đầu ra xa hơn về phía trước có thể để nhấc nó ra khỏi điểm ngàm phía dưới.
4. Nâng mặt ngoài đèn đầu và tháo nó ra.



E133750

5. Tháo giắc điện.

Ghi Chú: Khi lắp lại đèn đầu, chắc chắn rằng bạn phải lắp lại các giắc điện chính xác.

Ghi Chú: Khi lắp lại đèn đầu, chắc chắn rằng bạn phải lắp đèn đầu vào điểm ngàm phía dưới và nó ăn khớp hoàn toàn.

Ghi Chú: Khi lắp lại đèn đầu, chắc chắn rằng các vít giữ được đặt ở vị trí trên giá đỡ đèn trước khi lắp nó.

THAY ĐỔI BÓNG ĐÈN

CÁC CẢNH BÁO



Tắt đèn và chìa khóa điện.



Để cho bóng đèn nguội trước khi tháo.



Thay bóng đèn Xenon bởi kỹ thuật viên có chuyên môn. Có nguy cơ bị điện giật.

CÁC CHÚ Ý



Không chạm vào phần thủy tinh của bóng đèn.



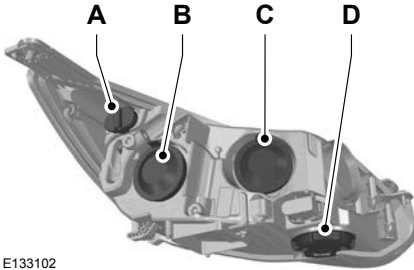
Chỉ lắp bóng đèn đúng tiêu chuẩn. Tham khảo **Bảng thông số bóng đèn** (trang 58).

Chiều sáng

Ghi Chú: Hướng dẫn sau đây chỉ ra cách tháo các bóng đèn. Lắp các bóng thay thế theo thứ tự ngược lại trừ khi có các hướng dẫn khác.

Đèn đầu

Ghi Chú: Tháo nắp để tiếp cận được vào bên trong các bóng đèn.

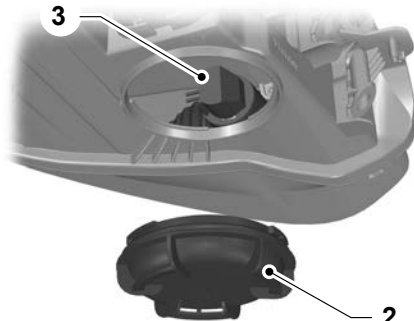


E133102

- A Bóng đèn sườn
- B Bóng đèn chiếu gần (côt)
- C Bóng đèn chiếu xa (pha)
- D Đèn báo rẽ

Đèn báo rẽ

1. Tháo đèn đầu. Tham khảo **Tháo đèn đầu** (trang 50).



E133104

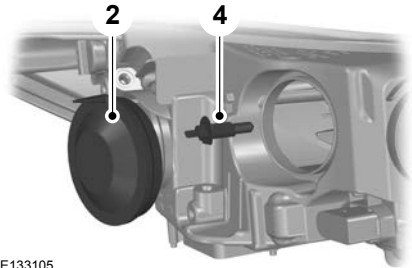
2. Tháo nắp bảo vệ.
3. Xoay đui đèn ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra.
4. Đẩy nhẹ bóng đèn về phía đui đèn, xoay bóng đèn ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra.

Bóng đèn chiếu xa (pha)

CHÚ Ý

- ⚠ Không chạm vào phần thủy tinh của bóng đèn.

1. Tháo đèn đầu. Tham khảo **Tháo đèn đầu** (trang 50).



E133105

2. Tháo nắp bảo vệ.
3. Tháo giắc điện.
4. Nới kẹp và tháo bóng đèn.

Bóng đèn chiếu gần (côt)

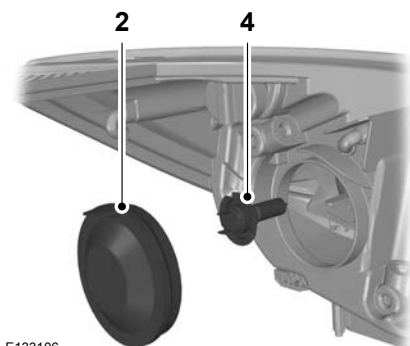
CHÚ Ý

- ⚠ Không chạm vào phần thủy tinh của bóng đèn.

1. Tháo đèn đầu. Tham khảo **Tháo đèn đầu** (trang 50).

Chiều sáng

Đèn báo rẽ trên gương chiếu hậu

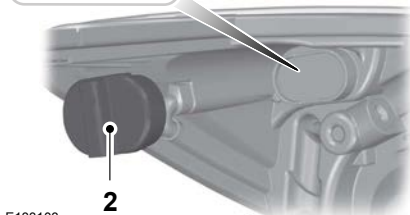


E133106

2. Tháo nắp bảo vệ.
3. Tháo giắc điện.
4. Nới kẹp và tháo bóng đèn.

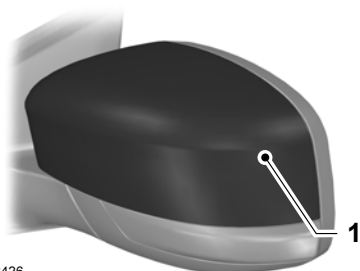
Đèn sườn

1. Tháo đèn pha. Tham khảo **Tháo đèn đầu** (trang 50).



E133103

2. Tháo nắp bảo vệ.
3. Tháo đuôi đèn.
4. Tháo bóng đèn.



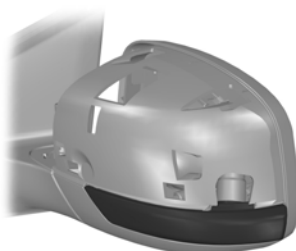
E133426

1. Tháo nắp đẩy một cách cẩn thận



E133427

2. Sử dụng cách thích hợp để tháo kẹp giữ.



E133108

3. Cẩn thận khi tháo đèn báo rẽ trên gương chiếu hậu.

Chiều sáng



E133109

4. Tháo đuôi đèn.
5. Tháo bóng đèn.

Đèn lên xuống xe

CHÚ Ý

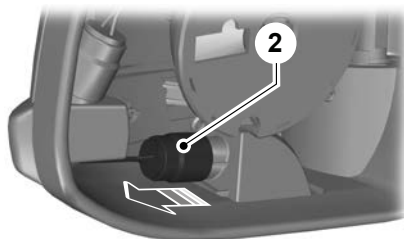
⚠ Khi tháo mặt gương cần cẩn thận tránh làm vỡ.

Ghi Chú: Vị trí đặt kính gương càng sâu vào bên trong càng tốt.



E133110

1. Đưa các ngón tay và khe giữa áo gương và mặt gương và kéo nhẹ để tháo mặt gương.



E133717

2. Tháo đèn.



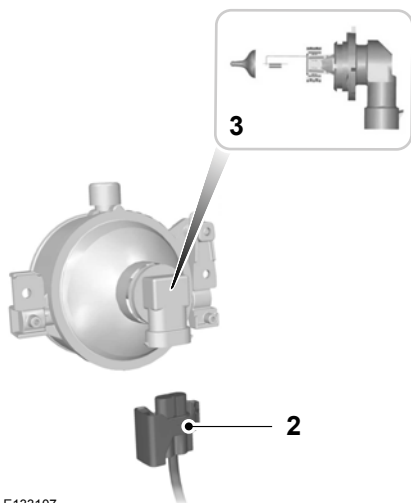
E133718

3. Tháo bóng đèn.

Đèn sương mù phía trước

1. Tháo đèn đầu. Tham khảo **Tháo đèn đầu** (trang 50).

Chiều sáng



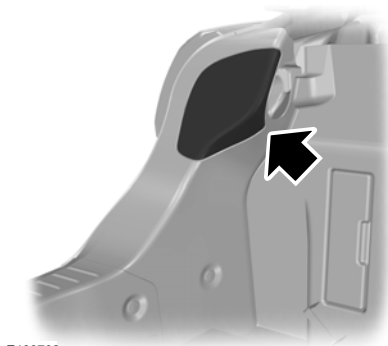
E133107

Ghi Chú: Bạn không thể tách rời bóng đèn sương mù khỏi đèn.

2. Tháo giắc điện.
3. Xoay đèn ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra.

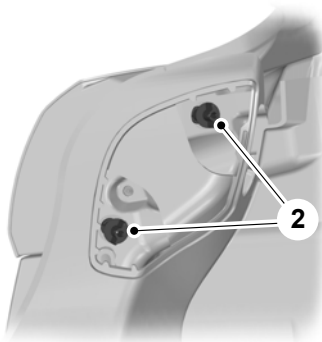
Đèn hậu - Phiên bản xe 4 cửa

Đèn báo rẽ, đèn phanh và đèn hậu



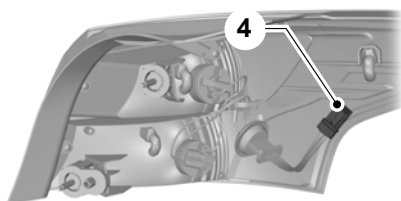
E133702

1. Tháo tâm ốp.



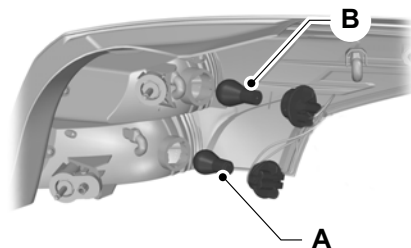
E133703

2. Tháo các đai ốc tai hồng.
3. Tháo đèn.



E133713

4. Tháo giắc điện.



E133714

5. Tháo đèn.

Chiều sáng

6. Đẩy nhẹ bóng đèn về phía đuôi đèn, xoay bóng đèn ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra.

- A. Đèn phanh và đèn hậu
- B. Đèn báo rẽ

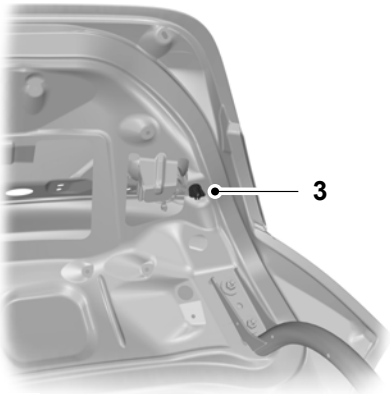
Đèn lùi và đèn sương mù

1. Mở nắp khoang hành lý.



E133724

2. Tháo tấm ốp nắp khoang hành lý.



E133725

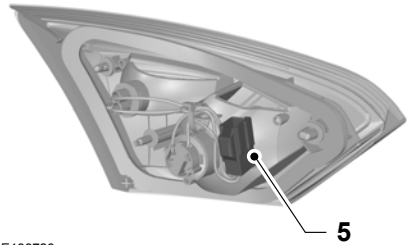
CHÚ Ý



Tháo kẹp phía bên ngoài trước.

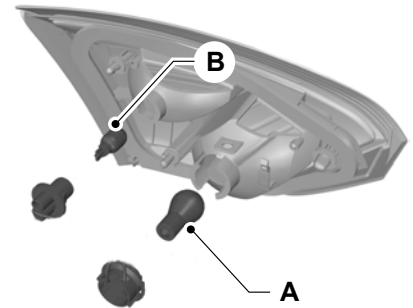
3. Tháo đai ốc.

4. Tháo đèn.



E133726

5. Tháo giắc điện.



E133727

6. Tháo đuôi đèn.

7. Đẩy nhẹ bóng đèn về phía đuôi đèn, xoay bóng đèn ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra.

- A. Đèn sương mù
- B. Đèn lùi

Đèn hậu - Phiên bản xe 5 cửa

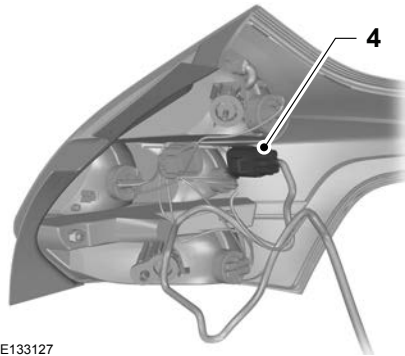
Ghi Chú: Trên một số phiên bản xe, đèn hậu là đèn LED. Đây không phải là hạng mục tự sửa chữa, hãy liên lạc với đại lý nếu bị hỏng.

Chiều sáng



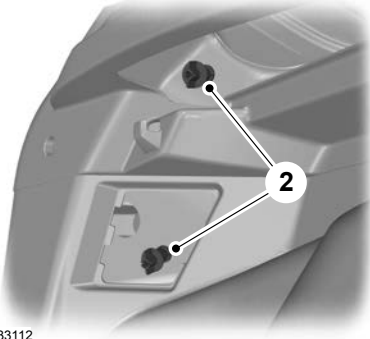
E133111

1. Tháo tâm ốp.



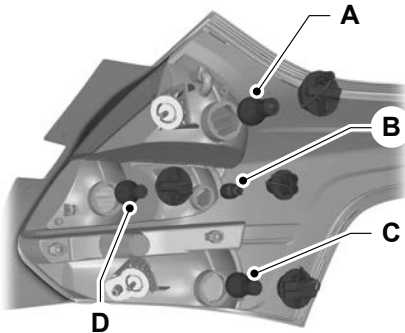
E133127

4. Tháo giắc điện.



E133112

2. Tháo các đai ốc tai hồng và tháo kẹp.
3. Tháo đèn.



E133113

5. Tháo đuôi đèn.
6. Đẩy nhẹ bóng đèn về phía đuôi đèn, xoay bóng đèn ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra.
A. Đèn phanh
B. Đèn lùi
C. Đèn hậu và đèn sương mù
D. Đèn báo rẽ

Đèn phanh lắp trên cao ở giữa

Ghi Chú: Đây không phải là hạng mục tự sửa chữa, hãy liên lạc với đại lý nếu bị hỏng.

Chiếu sáng

Đèn soi biển số

Ghi Chú: Đây không phải là hạng mục tự sửa chữa, hãy liên lạc với đại lý nếu bị hỏng.

Đèn nội thất

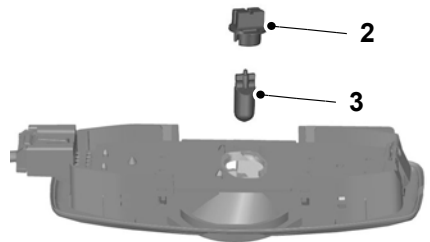
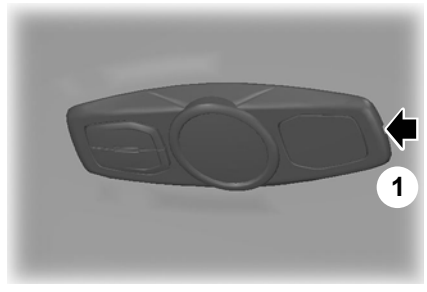
Các xe phiên bản dùng đèn LED

Ghi Chú: Bảng đèn LED không cho phép sửa chữa, hãy liên lạc với đại lý nếu bị hỏng.



E125092

Các xe phiên bản dùng đèn halogen



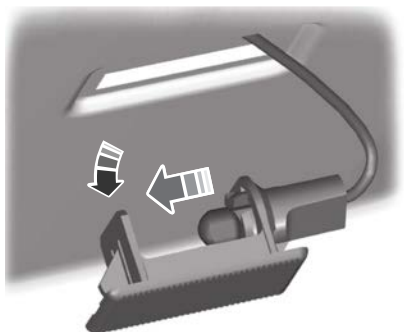
E145746

1. Cạy đèn ra một cách cẩn thận.
2. Xoay đuôi đèn ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra.
3. Tháo bóng đèn.

Chiếu sáng

Đèn khoang hành lý, khoang để chân và đèn cửa hậu

1. Cạy đèn ra một cách cẩn thận.
2. Tháo bóng đèn.



E72784

BẢNG THÔNG SỐ BÓNG ĐÈN

Đèn	Thông số kỹ thuật	Công suất (W)
Đèn báo rẽ phía trước	PY21W	21
Bóng đèn chiếu xa (pha)	H1	55
Bóng đèn chiếu gần (côt)	H7	55 ¹
Đèn góc	H1	55
Đèn sương mù trước	H11	55
Bóng đèn cạnh	W5W	5
Đèn báo rẽ trên gương chiếu hậu	WY5W	5
Đèn lên xuống xe	W5W	5
Đèn báo rẽ phía sau	PY21W	21
Đèn phanh và đèn hậu	P21/5W	21/5
Đèn hậu	W5W	5
Đèn sương mù phía sau	P21W	21

Chiếu sáng

Đèn	Thông số kỹ thuật	Công suất (W)
Đèn lùi	W16W	16
Đèn khoang hành lý	W5W	5

¹Lắp bóng thay thế có các thông số bằng bóng bạn đã tháo ra.

CỬA SỔ VÀ GƯƠNG CHIẾU HẬU

CỬA SỔ ĐIỀU KHIỂN BẰNG ĐIỆN

CẢNH BÁO



Không được đóng mở các kính điện khi có vật cản.

Ghi Chú: Nếu bạn sử dụng công tắc thường xuyên trong một khoảng thời gian ngắn, hệ thống có thể ngừng hoạt động trong một khoảng thời gian nhất định để tránh hư hỏng do quá nhiệt.

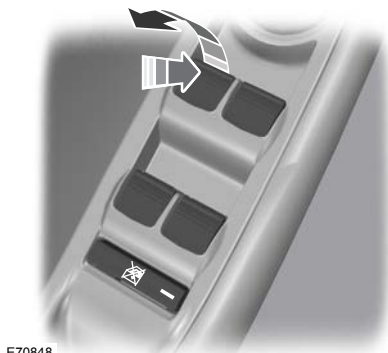
Bật chìa khóa điện để đóng mở kính điện.

Chức năng mở và đóng toàn bộ

Bạn có thể vận hành các kính cửa khi đã tắt khóa điện thông qua chức năng mở và đóng toàn bộ. Tham khảo **Khóa** (trang 29).

Công tắc cửa lái

Bạn có thể vận hành toàn bộ kính cửa bằng công tắc trên ôp cửa lái.



E70848

Mở và đóng kính cửa tự động

Nhấn hoặc nâng công tắc đến điểm tác dụng thứ hai và nhả ra hoàn toàn. Nhấn hoặc nâng công tắc lần nữa để dừng lại.

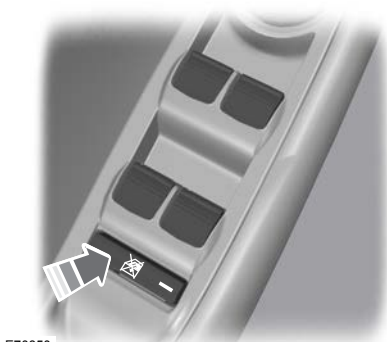
Công tắc an toàn cho kính cửa sau

CẢNH BÁO



Ở một số xe, khi ấn công tắc cũng sẽ khóa các cửa xe ở phía sau từ bên trong. Tham khảo **Khóa cửa an toàn dành cho trẻ em** (trang 25).

Ghi Chú: Bạn luôn có thể vận hành kính cửa sau từ cửa lái.



E70850

Một công tắc trên cửa lái sẽ làm mất tác dụng của công tắc kính cửa sau.

Đèn trên công tắc sáng lên và đèn trên công tắc kính cửa sau tắt khi kính hậu bị tắt không cho hoạt động.

Chức năng chống kẹt

CẢNH BÁO



Đóng kính cửa không cẩn thận có thể làm mất chức năng bảo vệ và gây ra thương tích.

Nếu gặp chướng ngại vật trong khi đóng, kính cửa sẽ tự động dừng lại và chạy theo hướng ngược lại một đoạn.

CỬA SỔ VÀ GƯƠNG CHIẾU HẬU

Vượt qua chức năng chống kẹt

CẢNH BÁO



Khi bạn đóng kính lần thứ ba, chức năng chống kẹt sẽ tắt. Cần chắc chắn không có chướng ngại vật khi đóng kính cửa.

Để bỏ qua chức năng bảo vệ khi gặp vật cản, chẳng hạn như trong mùa đông, thực hiện các bước sau:

1. Đóng kính cửa hai lần đến vị trí bị nặng và cho kính cửa chạy theo hướng ngược lại.
2. Đóng kính cửa lần thứ ba đến vị trí bị nặng. Chức năng chống kẹt bị tắt và bạn không thể đóng kính cửa một cách tự động. Kính cửa sẽ vượt qua đoạn bị nặng và bạn có thể đóng kính cửa hoàn toàn.
3. Nếu kính cửa không đóng sau ba lần thực hiện thì cần được người có chuyên môn kiểm tra.

Thiết lập lại bộ nhớ của kính điện

CẢNH BÁO



Chức năng chống kẹt sẽ bị tắt cho đến khi bạn thiết lập lại bộ nhớ xong.

Sau khi tắt quy bị tháo ra khỏi xe, bạn phải thiết lập lại bộ nhớ một cách độc lập cho từng kính cửa:

Ghi Chú: Trên xe có mui xếp, mái và cửa xe cần phải được đóng hoàn toàn trước khi tiến hành các bước sau.

1. Nâng và giữ công tắc cho đến khi kính cửa đóng hoàn toàn.
2. Nhả công tắc.
3. Nâng công tắc lần nữa trong khoảng một giây.
4. Nhấn và giữ công tắc cho đến khi kính cửa mở hoàn toàn.

5. Nhả công tắc.
6. Nâng và giữ công tắc cho đến khi kính cửa đóng hoàn toàn.
7. Mở kính cửa và sau đó thử đóng lại một cách tự động.
8. Thực hiện lại các bước trên nếu kính cửa không đóng tự động.

GƯƠNG CHIẾU HẬU BÊN NGOÀI

CẢNH BÁO



Không nên quá dựa vào khoảng cách đến vật khi nhìn qua gương lỗi. Các vật trong gương lỗi nhìn sẽ nhỏ hơn và xa hơn so với thực tế.

Gương gấp bằng tay

Gập gương

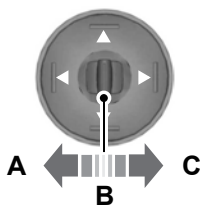
Đẩy gương về phía kính cửa.

Mở gương

Chắc chắn là bạn đã mở gương để nó ăn khớp hoàn toàn vào phần đế khi đưa nó về vị trí ban đầu.

CỬA SỔ VÀ GƯƠNG CHIẾU HẬU

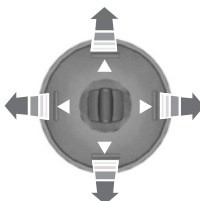
GƯƠNG CHIẾU HẬU BÊN NGOÀI ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN



E70846

- A Gương bên trái
- B Tắt
- C Gương bên phải

Các vị trí nghiêng gương



E70847

Gương điện bên ngoài được gắn bộ phận sưởi có thể làm tan băng hoặc sương trên bề mặt gương. Tham khảo **Sưởi cửa sổ và kính chiếu hậu** (trang 97).

Gương gập bằng điện

Gập và mở tự động

Ghi Chú: Nếu gương đã được gập bằng nút gập bằng tay thì chúng chỉ có thể được mở ra bằng nút gập bằng tay.

Gương sẽ gập tự động khi bạn khóa xe bằng chìa khóa, bằng điều khiển từ xa hoặc yêu cầu hệ thống lên xe không cần chìa khóa. Gương sẽ được mở ra khi bạn mở khóa xe bằng chìa khóa, bằng điều khiển từ xa, yêu cầu hệ thống lên xe không cần chìa khóa, tay nắm bên trong cửa lái hoặc khởi động động cơ.

Gập và mở gương bằng tay

Gương gập bằng điện sẽ hoạt động khi bật chìa khóa điện.

Ghi Chú: Bạn có thể vận hành gương (ngiêng và gập gương) trong nhiều phút sau khi bạn đã tắt khóa điện. Chúng sẽ ngừng hoạt động ngay khi cửa xe mở.



E72623

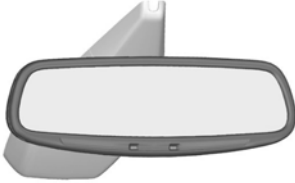
Nhấn nút để gập hoặc mở gương.

Nếu bạn nhấn công tắc một lần nữa khi gương đang di chuyển, chúng sẽ dừng lại và di chuyển theo chiều ngược lại.

Ghi Chú: Khi gương vận hành quá nhiều trong thời gian ngắn, hệ thống có thể sẽ bị ngắt trong một thời gian để tránh hư hỏng do quá nhiệt.

CỬA SỔ VÀ GƯƠNG CHIỀU HẬU

KÍNH CHIỀU HẬU TỰ ĐỘNG ĐIỀU CHỈNH ĐỘ SÁNG



E71028

Gương tự làm giảm độ sáng sẽ tự động điều chỉnh khi bị ánh sáng chói phía sau chiếu vào. Chức năng này không hoạt động khi bạn chọn sổ lùi.

HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐIỂM MÙ

Hệ thống thông tin điểm mù (BLIS)

CÁC CẢNH BÁO

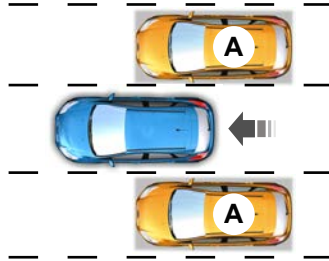


Hệ thống không được thiết kế để ngăn việc tiếp xúc với các phương tiện hoặc đồ vật khác. Hệ thống chỉ cảnh báo để giúp bạn nhận biết các phương tiện trong các vùng điểm mù. Hệ thống sẽ không phát hiện được các chương ngại vật, người đi bộ, người lái xe mô tô hay người đi xe đạp.



Không sử dụng hệ thống này thay thế cho gương chiếu bên và gương chiếu hậu, và thay cho việc nhìn qua vai bạn trước khi sang đường. Hệ thống không thay thế cho việc lái xe cẩn thận và chỉ được dùng làm phương tiện hỗ trợ.

Hệ thống giúp hỗ trợ cho người lái trong việc phát hiện ra các phương tiện có thể vào vùng điểm mù (A). Khu vực phát hiện nằm ở cả hai bên xe kéo dài ra phía sau từ gương chiếu hậu ngoài đến một đoạn khoảng 3 m (10 feet) sang tận bộ giảm va (cản). Hệ thống sẽ cảnh báo cho bạn nếu có phương tiện đi vào vùng điểm mù trong khi lái xe.



E124788

Sử dụng hệ thống

Hệ thống hiển thị đèn báo màu vàng nằm ở gương chiếu hậu bên ngoài.



E124736

Ghi Chú: Cả hai đèn báo sẽ bật sáng một lúc khi bạn mở khóa điện để xác nhận rằng hệ thống đang hoạt động.

Ghi Chú: Đối với xe có hộp số tự động, hệ thống chỉ hoạt động ở số **S**, **D** và **N**.

Hệ thống chỉ hoạt động khi bạn đi quá tốc độ 10 km/giờ (6 dặm/giờ). Hệ thống tạm thời bị ngắt khi bạn cài sổ lùi.

Cửa sổ và gương chiếu hậu

Sự phát hiện và báo động của hệ thống

Hệ thống sẽ khởi phát báo động về các phương tiện đi vào vùng điểm mù từ phía sau hoặc tiến vào từ bên xe. Các phương tiện mà bạn vượt qua, hoặc các phương tiện đi vào vùng điểm mù từ phía trước, sẽ chỉ làm khởi phát báo động sau khi xe vẫn nằm trong vùng điểm mù trong một khoảng thời gian ngắn.

Ghi Chú: Các phương tiện mà vượt nhanh qua vùng điểm mù (thông thường là dưới 2 giây) sẽ không làm khởi phát báo động.

Hệ thống bao gồm hai bộ cảm biến bằng sóng radio, trong đó mỗi bộ được đặt phía sau các bánh sau nằm ẩn ở phía sau bộ giảm va (cản).

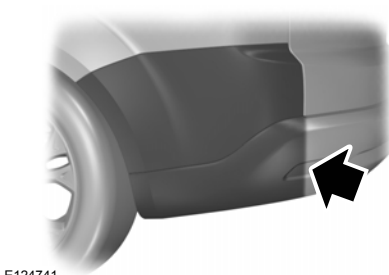
CÁC CHÚ Ý



Không đặt các vật, chẳng hạn như nhãn dán của bộ giảm va (cản), tại khu vực này.



Việc sửa chữa cho những vùng này bằng chất bả thân xe sẽ ảnh hưởng đến tính năng của hệ thống.



Giới hạn phát hiện

Có thể có những trường hợp không thể phát hiện được các phương tiện đi vào và đi ra các vùng điểm mù.

Các trường hợp có thể dẫn đến việc không thể phát hiện được:

- Có các mảnh vụn tích tụ trên các giảm va (cản) phía sau ở khu vực đặt các bộ cảm biến.
- Sự chuyển động của các phương tiện đi vào và đi ra vùng điểm mù.
- Các phương tiện vượt qua vùng điểm mù với tốc độ cao.
- Điều kiện thời tiết khắc nghiệt.
- Phương tiện này vượt qua vùng điểm mù ngay sát sau phương tiện khác.

Báo động giả

Ghi Chú: Các báo động giả chỉ xảy ra tạm thời và sẽ tự điều chỉnh.

Có thể xảy ra những trường hợp mà hệ thống sẽ báo động mặc dù không có phương tiện nào trong vùng điểm mù.

Các trường hợp xảy ra báo động giả:

- Dải phân cách cứng.
- Tường bê tông trên đường cao tốc.
- Khu vực đang xây dựng.
- Khúc cua gấp quanh một tòa nhà.
- Bụi cây và cây.
- Người đi xe đạp và người đi mô tô.
- Dừng xe mà ngay sát phía sau có một xe khác.

Bật và tắt hệ thống

Ghi Chú: Vị trí bật hay tắt vẫn giữ nguyên cho đến khi được thay đổi bằng tay.

Bạn có thể bật và tắt hệ thống bằng màn hình hiển thị thông tin. Tham khảo **Hiển thị thông tin** (trang 72).

Khi bạn tắt hệ thống thì sẽ không nhận thêm được thông tin báo động nào. Đèn cảnh báo BLIS sẽ bật sáng. Tham khảo **Đèn cảnh báo và chỉ báo** (trang 68).

Cửa sổ và gương chiếu hậu

Lỗi phát hiện

Ghi Chú: Đèn chỉ báo báo động trong gương sẽ không bật sáng.

Nếu hệ thống cảm biến thấy lỗi ở một trong hai bộ cảm biến, biểu tượng cảnh báo của hệ thống sẽ bật sáng và giữ nguyên trạng thái này. Màn hình hiển thị thông tin sẽ xác nhận lỗi và cho biết liệu bên trái hay bên phải bị ảnh hưởng.

Bộ cảm biến bị chặn

CẢNH BÁO



Trước khi hệ thống nhận ra trạng thái bị chặn và phát đi cảnh báo, số vật thể bị bỏ lỡ sẽ tăng lên.

CHÚ Ý



Các bộ cảm biến không thể phát hiện được các phương tiện trong điều kiện mưa to hay các điều kiện khác mà gây ra những phản xạ chói mắt.

Ghi Chú: Phải giữ cho khu vực của bộ giảm va (cản) phía sau nằm quanh các bộ cảm biến không bị dính bẩn, băng và tuyết.

Nếu một bộ cảm biến bị cản, tính năng của hệ thống có thể bị giảm đi. Thông báo về bộ cảm biến bị cản có thể được hiển thị.

Hệ thống sẽ tự động quay trở lại chế độ hoạt động bình thường một khi hai phương tiện khác được phát hiện ra ở cả hai bên thân xe.

Báo động giả trong trường hợp kéo xe rơ-móc

CHÚ Ý



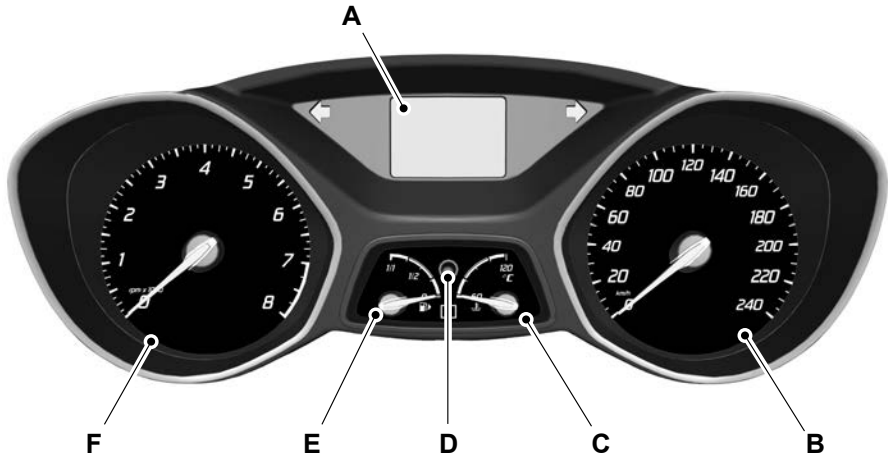
Các phương tiện có lắp mô đun kéo xe moóc mà không được chúng tôi chấp thuận có thể sẽ không được phát hiện một cách chính xác. Tắt hệ thống để tránh báo động giả. Tham khảo **Hiển thị thông tin** (trang 72).

Nếu xe có lắp mô đun kéo xe rơ-móc được chúng tôi chấp thuận thì hệ thống sẽ phát hiện được xe moóc được nối và ngừng hoạt động. Một thông báo xác nhận sẽ được thể hiện trên màn hình hiển thị thông tin. Tham khảo **Hiển thị thông tin** (trang 80). Đèn báo cảnh báo BLIS sẽ bật sáng. Tham khảo **Đèn cảnh báo và chỉ báo** (trang 68).

Cụm đồng hồ

CÁC ĐỒNG HỒ ĐO

Loại 1

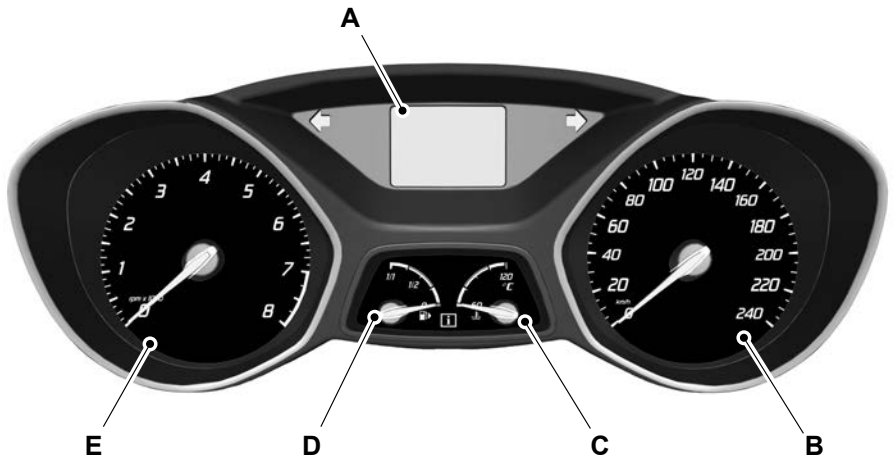


E132065

- A Màn hình thông tin. Tham khảo **Hiển thị thông tin** (trang 72).
- B Đồng hồ tốc độ xe
- C Đồng hồ nhiệt độ nước làm mát
- D Nút thiết lập lại đồng hồ hành trình. Tham khảo **Máy tính hành trình** (trang 79).
- E Đồng hồ nhiên liệu
- F Đồng hồ tốc độ động cơ

Cụm đồng hồ

Loại 2 và 3



E130149

- A Màn hình thông tin. Tham khảo **Hiển thị thông tin** (trang 72).
- B Đồng hồ tốc độ xe
- C Đồng hồ nhiệt độ nước làm mát
- D Đồng hồ nhiên liệu
- E Đồng hồ tốc độ động cơ

Đồng hồ nhiệt độ nước làm mát

Với tất cả các phiên bản xe

Hiển thị nhiệt độ nước làm mát động cơ. Ở nhiệt độ làm việc bình thường, kim sẽ nằm ở phần giữa.

CẢNH BÁO



Không khởi động lại động cơ khi nguyên nhân gây ra quá nhiệt chưa được xử lý.

Nếu kim chuyển sang vùng màu đỏ có nghĩa là động cơ bị quá nhiệt. Tắt máy, tắt chìa khóa và xác định nguyên nhân **sau khi động cơ nguội**. Tham khảo **Kiểm tra nước làm mát động cơ** (trang 152).

Đồng hồ nhiên liệu

Mũi tên nằm cạnh biểu tượng bơm nhiên liệu sẽ thể hiện nắp bình nhiên liệu ở phía nào của xe.

Cụm đồng hồ

ĐÈN CẢNH BÁO VÀ CHỈ BÁO

Các đèn và đồng hồ sau sẽ sáng lên khi bật chìa khóa điện:

- Túi khí
- Hệ thống phanh ABS
- Chương trình cân bằng điện tử (ESP)
- Nhiên liệu thấp
- Hệ thống phanh
- ESP tắt

Nếu một đèn cảnh báo hoặc chỉ thị không sáng khi bật chìa khóa điện có nghĩa là hệ thống đang có lỗi. Hệ thống cần được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn.

Đèn cảnh báo ABS



Nếu đèn này sáng trong khi xe chạy có nghĩa là hệ thống đang có lỗi. Bạn vẫn tiếp tục sử dụng được phanh thường (không có chức năng ABS). Hệ thống cần phải được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn càng sớm càng tốt.

Đèn cảnh báo túi khí



Nếu đèn này sáng trong khi xe chạy có nghĩa là hệ thống đang có lỗi. Hệ thống cần phải được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn.

Đèn giám sát điểm mù



Nó sẽ bật sáng khi tính năng này bị vô hiệu hoá hoặc kết hợp với một lỗi nhặc. Tham khảo **Hệ thống thông tin điểm mù** (trang 63). Tham khảo **Hiển thị thông tin** (trang 80).

Đèn hệ thống phanh



Đèn này sáng khi kéo phanh tay.

CẢNH BÁO



Giảm dần tốc độ và dừng xe ngay khi có thể. Cần cẩn thận khi sử dụng phanh.

Nếu đèn sáng trong khi xe chạy, kiểm tra lại xem còn kéo phanh tay hay không. Nếu phanh tay không bị kéo thì hệ thống đang có lỗi. Hệ thống cần được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn.

Đèn báo điều khiển ga tự động



Đèn sẽ sáng khi bạn thiết lập một tốc độ xe bằng cách sử dụng hệ thống điều khiển ga tự động.

Tham khảo **SỬ DỤNG điều khiển ga tự động** (trang 127).

Đèn báo rẽ



Đèn này nháy trong khi hoạt động. Tần suất nháy đèn tăng lên đột ngột báo hiệu bóng đèn bị hỏng. Tham khảo **Thay đổi bóng đèn** (trang 50).

Đèn cảnh báo động cơ



Nếu đèn này sáng khi động cơ đang hoạt động có nghĩa là hệ thống đang có lỗi. Nếu đèn này nháy trong khi xe chạy, **giảm tốc độ ngay lập tức**. Nếu đèn tiếp tục nháy, tránh tăng tốc hoặc giảm tốc nhanh. Hệ thống cần được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn ngay lập tức.

CHÚ Ý



Nếu đèn cảnh báo động cơ sáng cùng với tin nhặc, hệ thống cần được kiểm tra càng sớm càng tốt.

Cụm đồng hồ

Đèn báo đèn sương mù phía trước



Đèn này sẽ sáng khi bạn bật công tắc đèn sương mù trước.

Đèn báo có băng

CẢNH BÁO



Ngay cả khi nhiệt độ tăng lên trên +4°C (39°F) thì cũng không đảm bảo được rằng thời tiết khắc nghiệt không gây ra các mối nguy hiểm cho xe trên mặt đường.



Nó sẽ bật sáng và có màu hổ phách khi nhiệt độ không khí bên ngoài nằm giữa +4°C (39°F) và 0°C (32°F). Nó sẽ có màu đỏ khi nhiệt độ thấp hơn 0°C (32°F).

Đèn báo sảy



Tham khảo **Khởi động động cơ dầu** (trang 109).

Đèn báo mở đèn dầu.



Đèn sẽ sáng khi bạn bật đèn còi, đèn cạnh hay đèn hậu.

Đèn báo nạp ắc quy



Nếu đèn này sáng trong khi xe chạy có nghĩa là hệ thống đang có lỗi. Tắt tất cả các thiết bị điện không cần thiết. Hệ thống cần được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn ngay lập tức.

Đèn hỗ trợ khởi hành trên dốc



Nếu đèn này sáng trong khi xe chạy có nghĩa là hệ thống đang có lỗi. Hệ thống cần được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn.

Đèn cảnh báo mức nhiên liệu thấp



Nếu đèn sáng, đổ nhiên liệu càng sớm càng tốt.

Báo đèn chiếu xa



Đèn sẽ sáng khi bật đèn chiếu xa lên. Đèn sẽ nháy khi bạn nháy đèn chiếu xa.

Đèn báo tin nhắn



Đèn sẽ sáng khi tin nhắn mới được lưu trên màn hình thông tin. Tham khảo **Hiển thị thông tin** (trang 80).

Đèn cảnh báo áp suất dầu bôi trơn động cơ

CHÚ Ý



Không tiếp tục hành trình nếu đèn sáng mặc dù mức dầu vẫn đủ. Hệ thống cần được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn ngay lập tức.



Nếu đèn vẫn tiếp tục sáng sau khi khởi động hay trong khi xe chạy có nghĩa là xe đang có lỗi. Dừng xe ngay khi có thể và tắt động cơ. Kiểm tra mức dầu bôi trơn động cơ. Tham khảo **Kiểm tra dầu động cơ** (trang 151).

Đèn báo đèn sương mù phía sau



Đèn sáng khi bạn bật đèn sương mù sau.

Đèn nhắc thắt đai an toàn



Tham khảo **Nhắc nhở thắt dây đai an toàn** (trang 185).

Cụm đồng hồ

Đèn báo chuyển số



Đèn sáng nhắc bạn chuyển lên số cao hơn để tiết kiệm nhiên liệu và giảm lượng CO₂ trong khí thải.

Đèn sẽ không sáng trong khi tăng tốc nhanh, khi phanh hay khi đạp bàn đạp ly hợp.

Đèn báo kiểm soát cân bằng (ESP)



Khi xe chạy, đèn sẽ nhấp khi kích hoạt hệ thống. Sau khi bật chìa khóa điện, nếu đèn không sáng hay sáng liên tục trong khi xe chạy thì có nghĩa là hệ thống đang có lỗi. Khi có lỗi, hệ thống sẽ tắt. Hệ thống cần được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn càng sớm càng tốt.



Nếu công tắc kiểm soát lực kéo tắt, đèn cảnh báo sẽ bật sáng. Đèn sẽ tắt khi bạn bật hệ thống hoặc khi bạn tắt chìa khóa điện.

CẢNH BÁO BẰNG TÍN HIỆU ÂM THANH VÀ CÁC CHỈ BÁO

Bật và tắt chuông

Bạn có thể tắt chuông trên màn hình thông tin bằng cách sử dụng điều khiển trên vô lăng. Để có vị trí của các chi tiết: Tham khảo **Khởi động nhanh** (trang 11).

Để thiết lập loại chuông nào sẽ kêu:

1. Ấn nút có hình mũi tên bên trái trên vô lăng để vào trình đơn chính.
2. Lựa chọn **Setting (Thiết lập)** bằng các nút có hình mũi tên lên và xuống và ấn nút có hình mũi tên bên phải.
3. Chọn **Chimes (Chuông)** và ấn nút mũi tên phải.

4. Chọn **Information (Thông tin)** hoặc **Warning (Cảnh báo)** và nhấn nút **OK** để bật hoặc tắt chuông.
5. Ấn nút mũi tên trái để thoát khỏi trình đơn. Ấn và giữ nút mũi tên trái để trở về màn hình trình đơn chính.

Hộp số tự động

Khi cần số không ở vị trí **P** chuông báo sẽ kêu khi cửa lái mở.

Đèn báo có băng

CẢNH BÁO



Ngay cả khi nhiệt độ tăng lên trên +4°C (39°F) thì cũng không đảm bảo được rằng thời tiết khắc nghiệt không gây ra các mối nguy hiểm từ mặt đường.

Chuông báo sẽ kêu trong các điều kiện sau:

- +4°C (39°F) hoặc thấp hơn: Cảnh báo đóng băng.
- 0°C (32°F) hoặc thấp hơn: nguy hiểm đường có băng.

Chìa khóa ở ngoài xe

Các xe có hệ thống điều khiển từ xa

Nếu động cơ đang chạy và chìa khóa không được phát hiện ở trong xe, chuông báo sẽ kêu.

Cửa mở

Chuông cảnh báo kêu khi có bất cứ cửa nào mở nếu xe chạy vượt quá một tốc độ nào đó.

Các đèn sáng

Chuông báo sẽ kêu nếu cửa lái mở mà các đèn bên ngoài đang bật và chìa khóa điện tắt.

Cụm đồng hồ

Nhiên liệu thấp

Chuông cảnh báo kêu khi lượng nhiên liệu còn lại nhỏ hơn khoảng 6 lít (1.3 galon).

Đèn nhắc thắt đai an toàn

Tham khảo **Nhắc nhở thắt dây đai an toàn** (trang 185).

Hiển thị thông tin

THÔNG TIN CHUNG

Ghi Chú: Màn hình thông tin sẽ tiếp tục bật trong vài phút sau khi bạn tắt khóa điện.

Các hệ thống khác nhau trên xe của bạn có thể được điều khiển bằng cách sử dụng bộ điều khiển màn hình thông tin trên trụ lái. Thông tin tương ứng sẽ xuất hiện trên màn hình thông tin.

Hướng dẫn chi tiết về định vị, vui lòng tham khảo trong sách hướng dẫn.

Danh sách thiết bị

Biểu tượng thay đổi để thể hiện chức năng đang hoạt động.



Đầu đĩa CD



Đài



Đầu vào AUX



Điện thoại



Điều chỉnh

Các bộ phận điều khiển

Nhấn nút mũi tên **lên** và **xuống** để cuộn và chọn các lựa chọn trong menu.

Nhấn nút mũi tên sang **phải** để vào trình đơn con.

Nhấn nút mũi tên sang **trái** để thoát khỏi một trình đơn.

Nhấn và giữ nút mũi tên sang **trái** vào bất kỳ thời điểm nào để trở về màn hình trình đơn chính (nút thoát).

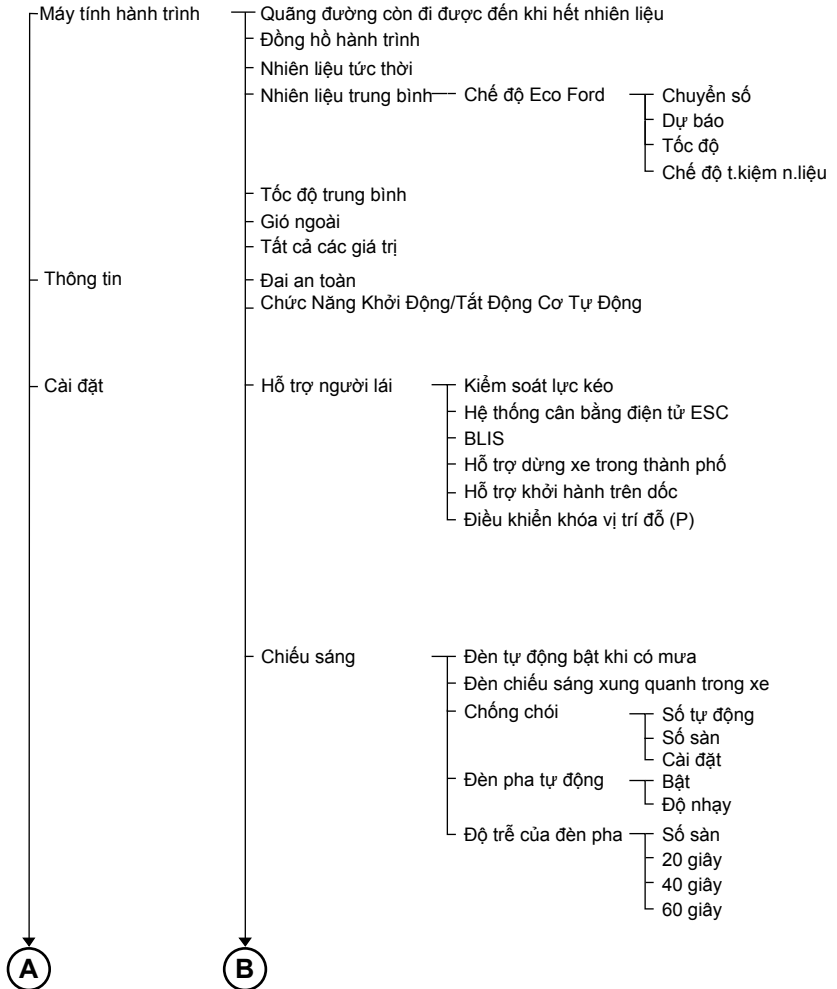
Nhấn nút **OK** để chọn và xác nhận một điều chỉnh.

Cấu trúc trình đơn - màn hình thông tin

Tất cả các phiên bản xe

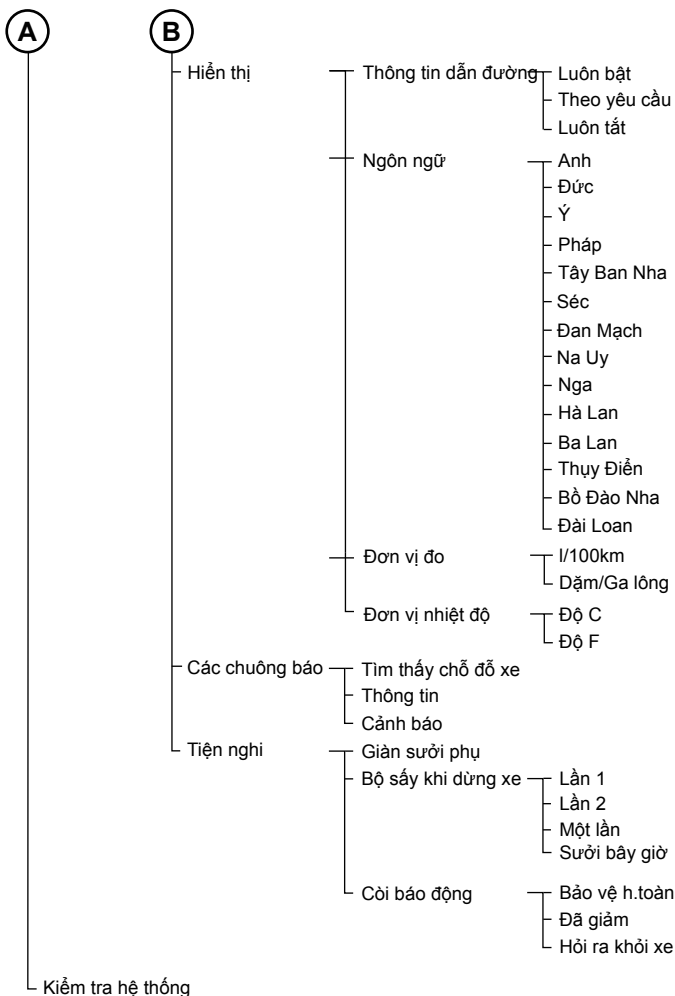
Bạn có thể truy nhập vào trình đơn bằng cách sử dụng điều khiển màn hình thông tin. Để có vị trí của các chi tiết: Tham khảo **Khởi động nhanh** (trang 11).

Hiển thị thông tin



E146438

Hiện thị thông tin



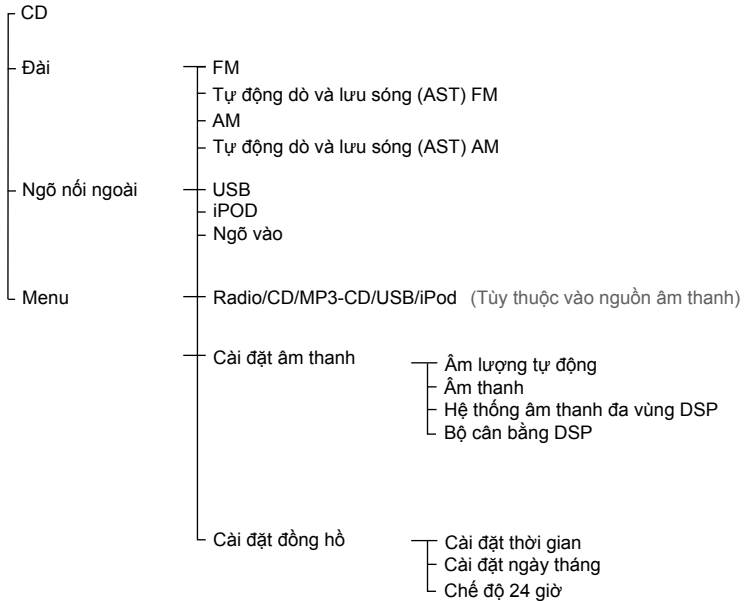
E146439

Hiện thị thông tin

Cấu trúc trình đơn - Màn hình thông tin và giải trí

Bạn có thể truy nhập vào trình đơn bằng cách sử dụng các nút trên bộ đài hoặc bộ định vị.

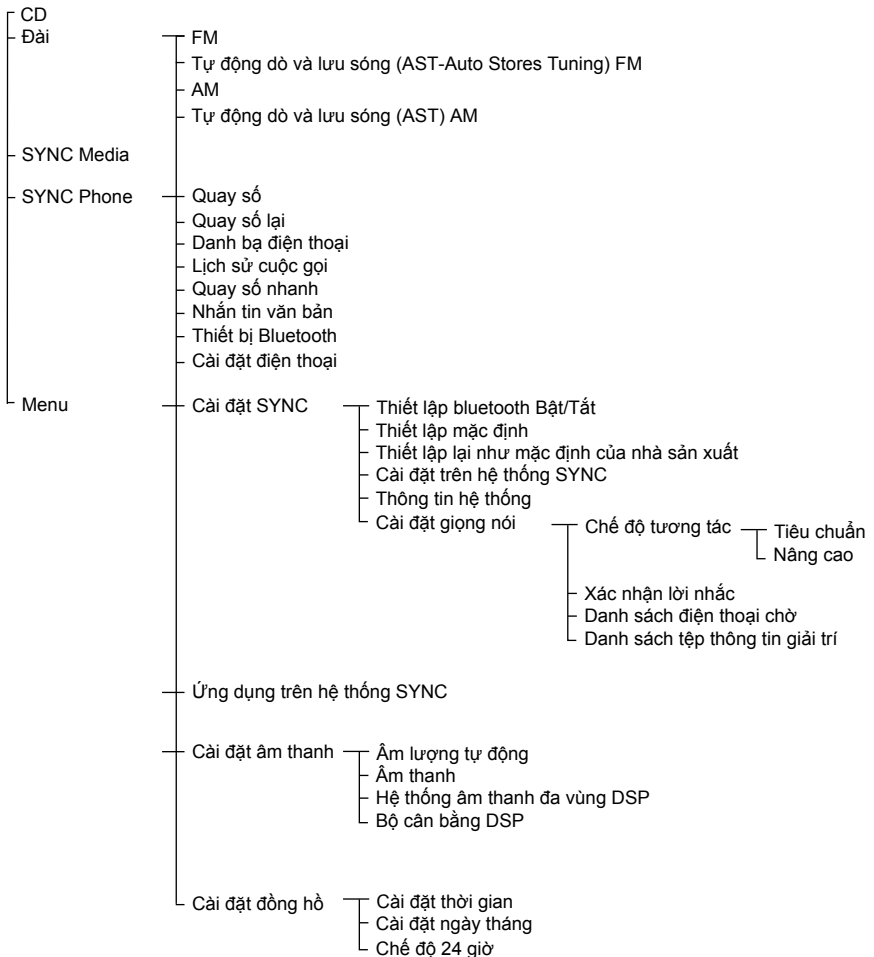
Loại 1



E146440

Hiển thị thông tin

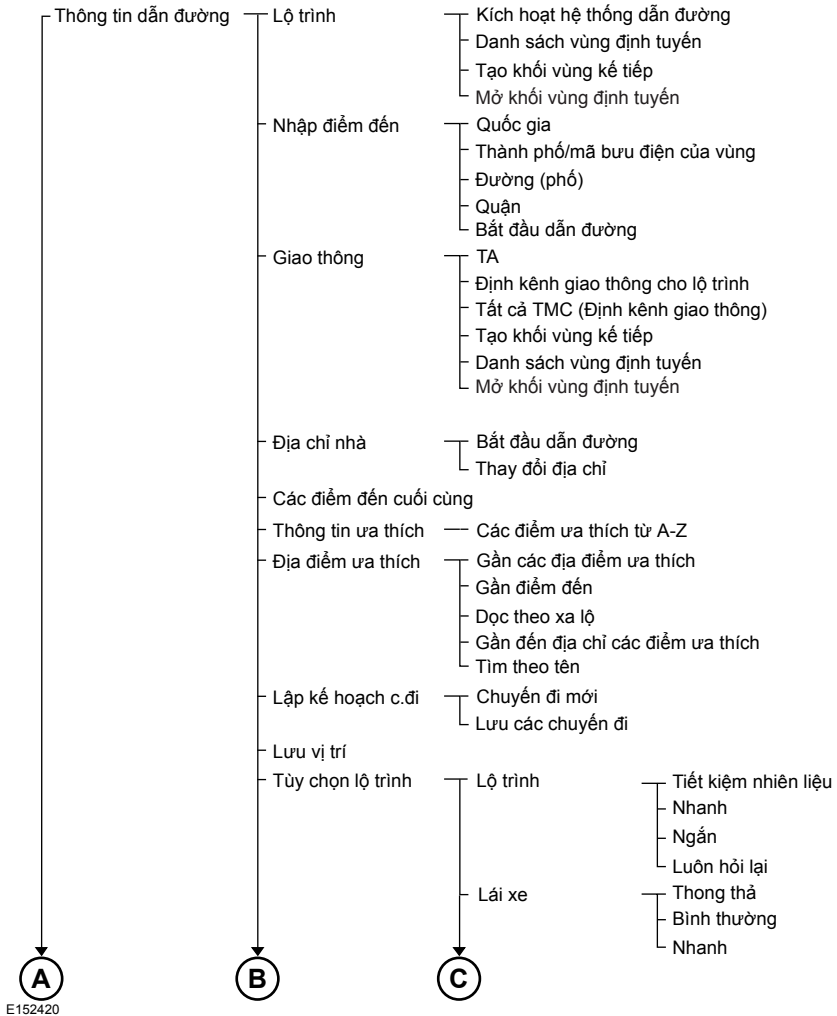
Loại 2



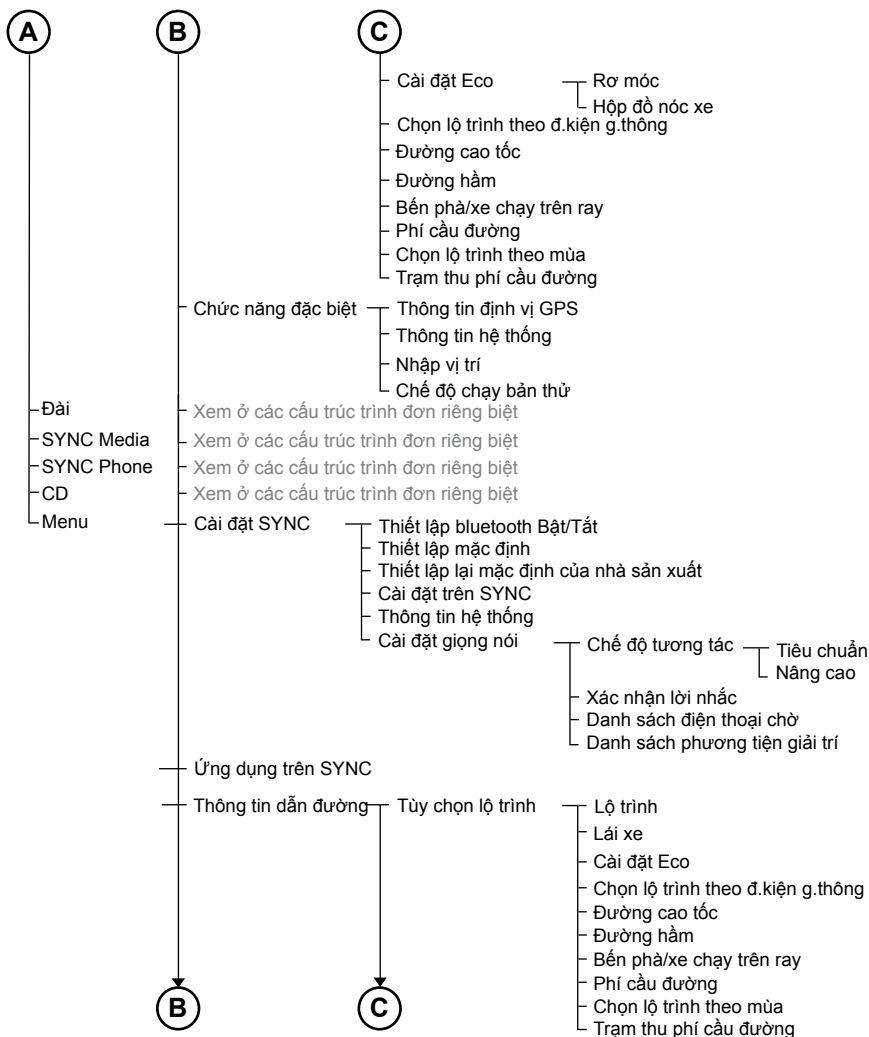
E152144

Hiện thị thông tin

Loại 3



Hiển thị thông tin



Hiển thị thông tin



E152427

MÁY TÍNH HÀNH TRÌNH

Khoảng cách cho đến khi hết nhiên liệu

Thể hiện khoảng cách tương đối mà xe còn đi được với lượng nhiên liệu có trong bình chứa. Việc thay đổi cách lái có thể làm thay đổi giá trị này.

Mức tiêu hao nhiên liệu tức thời

Thể hiện mức tiêu hao nhiên liệu trung bình hiện thời.

Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình

Thể hiện mức tiêu hao nhiên liệu kể từ lần đặt lại trước đó.

Đồng hồ đo hành trình

Hiển thị quãng đường đi được của một hành trình.

Đồng hồ tốc độ

Tốc độ xe bạn đang di chuyển sẽ hiển thị dưới dạng con số.

Tốc độ trung bình

Thể hiện tốc độ trung bình được tính toán kể từ lần đặt lại trước đó.

Nhiệt độ bên ngoài

Thể hiện nhiệt độ ngoài trời.

Đồng hồ chỉ số quãng đường

Thể hiện tổng quãng đường xe đã đi được.

Hiển thị thông tin

Đặt lại đồng hồ đo hành trình

Thiết lập lại một số thông tin:

1. Chọn **Trip Computer** bằng cách sử dụng các nút mũi tên lên và xuống và ấn nút mũi tên phải.
2. Lựa chọn chức năng sẽ thiết lập lại.
3. Ấn giữ nút **OK**.

CÀI ĐẶT CÁ NHÂN

Chọn ngôn ngữ

Có 12 ngôn ngữ để lựa chọn:

Tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Ý, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, tiếng Nga, tiếng Hà Lan, tiếng Ba Lan, tiếng Thụy Điển, tiếng Bồ Đào Nha và tiếng Đài Loan.

Đơn vị đo lường

Để chuyển giữa hệ đơn vị mét và đơn vị Anh, cuộn đến màn hình này và bấm nút **OK**.

Việc chuyển giữa các hệ đơn vị đo thông qua màn hình sẽ ảnh hưởng đến các hiển thị sau:

- Khoảng cách cho đến khi hết nhiên liệu.
- Tiêu thụ nhiên liệu trung bình.
- Tiêu thụ nhiên liệu tức thời.
- Tốc độ trung bình.

Đơn vị đo nhiệt độ

Để chuyển giữa hệ đơn vị mét và đơn vị Anh, cuộn đến màn hình này và bấm nút **OK**.

Việc chuyển giữa các đơn vị đo nhiệt độ thông qua màn hình sẽ ảnh hưởng đến các hiển thị sau:

- Nhiệt độ không khí bên ngoài.
- Nhiệt độ hiển thị ở chế độ điều hòa không khí tự động.

Tắt chuông báo

Các chuông báo sau đây có thể tắt đi:

- Các tin nhắn cảnh báo.
- Các tin nhắn thông tin.

Ghi Chú: Lỗi nhấn nhất định có thể được viết tắt hoặc rút ngắn tùy thuộc vào loại đồng hồ tấp lô bạn có.



E130248

Ấn nút **OK** để xác nhận và loại bỏ một số tin nhắn từ màn hình hiển thị thông tin. Các tin nhắn khác sẽ tự động được xóa sau một thời gian ngắn.

Một số tin nhắn cần phải xác nhận trước khi bạn có thể vào các trình đơn.

Đèn báo tin nhắn



Đèn báo tin nhắn sẽ sáng hỗ trợ cho một số tin nhắn. Đèn báo có màu đỏ hoặc màu hổ phách tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của tin nhắn và sẽ tiếp tục sáng cho đến khi nguyên nhân tin nhắn được xử lý.

Một số tin nhắn sẽ được bổ sung bởi một biểu tượng hệ thống cụ thể cùng với một đèn báo tin nhắn.

Hiện thị thông tin

Hệ thống dừng xe chủ động

Tin nhắn	Đèn chỉ thị	Hành động
Active City Stop Sensor blocked Clean screen (Cảm biến hệ thống dừng xe chủ động bị bịt, vệ sinh cảm kính chắn gió)	màu hổ phách	Tham khảo Sử dụng hệ thống dừng xe chủ động trong thành phố (trang 208).
Active City Stop not available (Hệ thống dừng xe chủ động không hoạt động)	màu hổ phách	Tham khảo Sử dụng hệ thống dừng xe chủ động trong thành phố (trang 208).
Active City Stop Auto braking (Hệ thống dừng xe chủ động tự động phanh)	-	Tham khảo Sử dụng hệ thống dừng xe chủ động trong thành phố (trang 208).

Túi khí

Tin nhắn	Đèn báo tin nhắn	Hành động
Airbag malfunction service now (Túi khí bị lỗi cần sửa chữa)	màu hổ phách	Hệ thống cần phải được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn càng sớm càng tốt.

Chuông báo động

Tin nhắn	Đèn báo tin nhắn	Hành động
Alarm triggered check vehicle (Chuông bật, kiểm tra xe)	màu hổ phách	Tham khảo Báo trộm (trang 189).
Alarm malfunction service required (Chuông bị lỗi cần sửa chữa)	-	Hệ thống cần phải được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn.

Hiện thị thông tin

Điều khiển đèn pha tự động

Tin nhắn	Đèn chỉ thị	Hành động
Front camera low visibility Clean screen (Camera trước quan sát kém, vệ sinh kính chắn gió)	màu hổ phách	Cảm biến camera phía trước giảm khả năng quan sát. Vệ sinh kính chắn gió.
Front camera malfunction Service required (Camera phía trước có sự cố cần sửa chữa)	màu hổ phách	Cảm biến camera phía trước bị hỏng. Kiểm tra càng sớm càng tốt.

Ắc quy và hệ thống nạp điện

Tin nhắn	Đèn báo tin nhắn	Hành động
Electrical system over voltage stop safely (Hệ thống điện quá áp, dừng xe một cách an toàn)	màu đỏ	Dừng xe ngay khi có thể để bảo đảm an toàn và tắt chìa khóa điện. Hệ thống cần phải được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn càng sớm càng tốt.
Battery low check handbook (Ắc quy yếu, kiểm tra sổ tay)	màu hổ phách	Hệ thống cần phải được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn càng sớm càng tốt.

Hiện thị thông tin

Giám sát điểm mù

Tin nhắn	Đèn báo tín hiệu	Hành động
BLIS low visibility check handbook (Hệ thống BLIS quan sát kém, kiểm tra sổ tay)	màu hổ phách	Tham khảo Hệ thống thông tin điểm mù (trang 63).
BLIS: right sensor fault service required (BLIS: Cảm biến bên phải bị lỗi cần sửa chữa)	màu hổ phách	Hệ thống cần được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn càng sớm càng tốt.
BLIS: left sensor fault service required (BLIS: Cảm biến bên trái bị lỗi cần sửa chữa)	màu hổ phách	Hệ thống cần được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn càng sớm càng tốt.
BLIS not available trailer attached (BLIS không có rơ-móc kèm theo)	màu hổ phách	Tham khảo Hệ thống thông tin điểm mù (trang 63).

Điều khiển ga tự động và Điều khiển ga tự động thích ứng (ACC)

Tin nhắn	Đèn chỉ thị	Hành động
Front radar sensor blocked check handbook (Cảm biến sóng radio phía trước bị bịt, kiểm tra sổ tay)	màu hổ phách	Tham khảo Điều khiển ga tự động thích ứng (ACC) (trang 201).
Forward Alert not available (Báo động phía trước không hoạt động)	màu hổ phách	Tham khảo Điều khiển ga tự động thích ứng (ACC) (trang 201).
ACC not available (ACC không hoạt động)	màu hổ phách	Tham khảo Điều khiển ga tự động thích ứng (ACC) (trang 201).

Hiển thị thông tin

Cửa mở

Tin nhắn	Đèn báo tin nhắn	Hành động
Driver door open (Cửa lái mở)	màu đỏ	Dừng xe ngay khi có thể và đóng lại cửa.
Driver side rear door open (Cửa sau bên lái mở)	màu đỏ	Dừng xe ngay khi có thể và đóng lại cửa.
Passenger door open (Cửa bên phụ mở)	màu đỏ	Dừng xe ngay khi có thể và đóng lại cửa.
Passenger side rear door open (Cửa sau bên phụ mở)	màu đỏ	Dừng xe ngay khi có thể và đóng lại cửa.
Luggage compartment lid open (Nắp khoang hành lý mở)	màu đỏ	Dừng xe ngay khi có thể và đóng lại cửa.
Bonnet open (Nắp ca bô mở)	màu đỏ	Dừng xe ngay khi có thể và đóng lại cửa. Tham khảo Mở và đóng nắp khoang động cơ (trang 145).

Hệ thống trộm bằng chìa mã hóa

Tin nhắn	Đèn báo tin nhắn	Hành động
Immobiliser active check handbook (Hệ thống chống trộm đang bị kích hoạt, kiểm tra sổ tay)	màu hổ phách	Chìa khóa của bạn không được nhận diện. Rút chìa khóa và thử lại.
Immobiliser malfunction service required (Hệ thống chống trộm đang bị hư hỏng và cần được sửa chữa)	màu hổ phách	Hệ thống cần được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn càng sớm càng tốt.

Hiện thị thông tin

Hỗ trợ khởi hành trên dốc

Tin nhắn	Đèn báo tin nhắn	Hành động
Hill start assist not available (Chè độ hỗ trợ khởi hành trên dốc không hoạt động)	màu hổ phách	Hệ thống cần được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn.

Điều khiển từ xa

Tin nhắn	Đèn báo tin nhắn	Hành động
Ford KeyFree key not inside car (Chìa khóa KeyFree của Ford không ở trên xe)	màu đỏ	Tham khảo Hệ thống điều khiển từ xa (trang 31).
Ford KeyFree key inside vehicle (Chìa khóa KeyFree của Ford ở trên xe)	màu hổ phách	Tham khảo Hệ thống điều khiển từ xa (trang 31).
Ford KeyFree Place key in key holder (Chìa khóa KeyFree của Ford nằm trong ổ khóa điện)	-	Tham khảo Hệ thống điều khiển từ xa (trang 31).
Ford KeyFree no key detected (Hệ thống Ford KeyFree không phát hiện được chìa khóa)	-	Tham khảo Hệ thống điều khiển từ xa (trang 31).
Key battery low replace soon (Pin của chìa khóa sắp hết, cần thay sớm)	-	Tham khảo Thay pin điều khiển từ xa (trang 26).
Steering lock engaged turn steering wheel (Khóa vô lăng bị khóa, xoay vô lăng)	-	Tham khảo Khóa tay lái (trang 108).

Hiện thị thông tin

Chiều sáng

Tin nhắn	Đèn báo tin nhắn	Hành động
Headlamp malfunction service required (Đèn đầu bị hư hỏng cần được sửa chữa)	màu hổ phách	Hệ thống cần được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn càng sớm càng tốt.
Brake lamp bulb fault (Bóng đèn phanh bị hỏng)	-	Một hay cả hai bóng đèn phanh bị cháy bóng. Kiểm tra các bóng đèn phanh. Tham khảo Thay đổi bóng đèn (trang 50).
Park lamp bulb fault (Đèn đỗ bị hỏng)	-	Một hay cả hai bóng đèn bên hoặc bóng đèn hậu của xe bị cháy bóng. Kiểm tra các bóng đèn bên và đèn hậu. Tham khảo Thay đổi bóng đèn (trang 50).
Rear fog lamp bulb fault (Bóng đèn sương mù phía sau bị hỏng)	-	Một hay cả hai bóng đèn sương mù phía sau bị cháy bóng. Kiểm tra các bóng đèn sương mù phía sau. Tham khảo Thay đổi bóng đèn (trang 50).
Dipped beam bulb fault (Bóng đèn chiếu gần bị lỗi)	-	Một hay cả hai bóng đèn chiếu gần của đèn đầu đã bị cháy bóng. Kiểm tra các bóng đèn chiếu gần của đèn đầu. Tham khảo Thay đổi bóng đèn (trang 50).
Bóng đèn phanh trên rô-móc bị lỗi	-	Một hay cả hai bóng đèn phanh trên rô-móc bị cháy bóng. Kiểm tra các bóng đèn phanh trên rô-móc.
Trailer turn lamp bulb fault (Bóng đèn báo rẽ trên rô-móc bị lỗi)	-	Một hay cả hai bóng đèn báo rẽ trên rô-móc bị cháy bóng. Kiểm tra các đèn báo rẽ trên rô-móc.

Hiện thị thông tin

Bảo dưỡng

Tin nhắn	Đèn báo tin nhắn	Hành động
High engine temperature stop safely (Động cơ quá nhiệt, dừng xe một cách an toàn)	màu đỏ	Dừng xe ngay khi có thể để đảm bảo an toàn và tắt chìa khóa điện. Hệ thống cần được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn càng sớm càng tốt.
Brake fluid level low service now (Mức dầu phanh thấp cần kiểm tra và bổ sung ngay)	màu đỏ	Kiểm tra mức dầu phanh. Tham khảo Kiểm tra dầu ly hợp và dầu phanh (trang 153).
Engine malfunction service now, (Động cơ bị lỗi, cần kiểm tra và sửa chữa ngay)	màu đỏ	Dừng xe ngay khi có thể và tắt máy ngay sau khi dừng. Hệ thống cần được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn ngay lập tức.
Water detected in fuel service required (Phát hiện nước trong nhiên liệu cần xả nước ngay)	màu hổ phách	Hệ thống cần được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn càng sớm càng tốt.
Engine malfunction service now (Động cơ bị lỗi, cần sửa chữa ngay)	màu hổ phách	Hệ thống cần được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn càng sớm càng tốt.
Washer fluid level low (Mức nước rửa kính thấp)	-	Kiểm tra mức nước rửa kính. Tham khảo Kiểm tra mức nước rửa kính (trang 153).
Engine oil change due (Đến thời gian thay dầu)	-	Hệ thống cần được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn.

Bảo vệ người ngồi trong xe

Tin nhắn	Đèn chỉ thị	Hành động
Service Beltminder (Kiểm tra bộ nhắc thắt đai an toàn)	-	Hệ thống cần được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn càng sớm càng tốt.

Hiện thị thông tin

Hỗ trợ đỗ xe

Tin nhắn	Đèn chỉ thị	Hành động
Parking aid malfunction Service required (Hệ thống hỗ trợ đỗ xe bị lỗi cần sửa chữa)	màu hổ phách	Hệ thống cần được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn càng sớm càng tốt.

Phanh đỗ

Tin nhắn	Đèn chỉ thị	Hành động
Park brake applied (Phanh tay đang kéo)	màu đỏ	Tham khảo Phanh tay (trang 120).
Park brake applied (Phanh tay đang kéo)	màu hổ phách	Tham khảo Phanh tay (trang 120).

Trợ lực lái

Tin nhắn	Đèn báo tin nhắn	Hành động
Steering lock malfunction stop safely (Khóa vô lăng bị lỗi, cần dừng xe một cách an toàn)	màu đỏ	Dừng xe ngay khi có thể và tắt chìa khóa điện. Hệ thống cần được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn càng sớm càng tốt.
Steering loss stop safely (Mất lái, cần dừng xe một cách an toàn)	màu đỏ	Dừng xe ngay khi có thể và tắt chìa khóa điện. Hệ thống cần được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn càng sớm càng tốt.
Steering assist malfunction service required (Hệ thống trợ lực lái bị lỗi cần sửa chữa)	màu hổ phách	Trợ lực lái. Hệ thống lái vẫn hành động bình thường nhưng bạn cần tác động lực lớn hơn lên vô lăng. Hệ thống cần được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn càng sớm càng tốt.
Steering malfunction service now (Hệ thống lái bị lỗi, sửa chữa lập tức)	màu hổ phách	Hệ thống cần được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn.

Hiển thị thông tin

Chương trình cân bằng điện tử (ESP)

Tin nhắn	Đèn chỉ thị	Hành động
Traction control off (Tắt chức năng điều khiển lực kéo)	màu hổ phách	Tham khảo Thông tin chung (trang 72).

Khởi động động cơ

Tin nhắn	Đèn báo tin nhắn	Hành động
Ford KeyFree switch ignition off press POWER (Khóa điện KeyFree của Ford ở trạng thái tắt, nhấn nút POWER)	màu đỏ	Tham khảo Khởi động không dùng chìa khóa (trang 106).
Vận hành xe để làm sạch lọc khí thải	màu hổ phách	Tham khảo Lọc khí xả động cơ dầu (trang 109).
Engine malfunction service now (Động cơ bị lỗi, sửa chữa ngay)	màu hổ phách	Tham khảo Lọc khí xả động cơ dầu (trang 109).
Press brake to start (Đạp phanh để khởi động)	-	Tham khảo Khởi động không dùng chìa khóa (trang 106).
Press clutch to start (Đạp ly hợp để khởi động)	-	Tham khảo Khởi động không dùng chìa khóa (trang 106).
Press brake and clutch to start (Đạp phanh và ly hợp để khởi động)	-	Tham khảo Khởi động không dùng chìa khóa (trang 106).
Cranking time exceeded (Thời gian khởi động quá dài)	-	Tham khảo Khởi động và tắt động cơ (trang 106).

Hiện thị thông tin

Tin nhắn	Đèn báo tin nhắn	Hành động
Engine preheating (Sấy trước động cơ)	-	Tham khảo Khởi động động cơ dầu (trang 109).
Cleaning exhaust filter (Làm sạch bộ lọc khí thải)	-	Tham khảo Lọc khí xả động cơ dầu (trang 109).
Filter cleaning complete (Việc làm sạch bộ lọc hoàn thành)	-	Tham khảo Lọc khí xả động cơ dầu (trang 109).

Hộp số

Tin nhắn	Đèn báo tin nhắn	Hành động
Transmission too hot press brake (Hộp số quá nóng cần đạp phanh)	màu đỏ	Trong một số điều kiện vận hành xe, ly hợp trong hộp số có thể bị quá nhiệt. Trong những trường hợp này cần thiết phải nhấn phanh và dừng xe để ngăn chặn nó tiếp tục quá nóng. Chọn số N (Trung gian) hoặc P (Số đỗ) và đạp phanh chân và kéo phanh tay cho đến khi hộp số nguội và tin nhắn biến mất khỏi màn hình. Nếu lái xe khi lời nhắn này hiển thị thì bạn sẽ cảm nhận thấy hiện tượng rung lắc và khi đó cảnh báo quá nhiệt tiếp tục được đưa ra.
Transmission malfunction service now (Hộp số bị lỗi, sửa chữa ngay)	màu đỏ	Hệ thống cần được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn càng sớm càng tốt.
Transmission overheating stop safely (Hộp số quá nhiệt, cần dừng xe một cách an toàn)	màu đỏ	Hộp số bị quá nhiệt (nóng). Trong các điều kiện khắc nghiệt, hộp số sẽ ngắt dòng truyền động để tránh hư hỏng. Bạn sẽ không thể tiếp tục đi xe cho đến khi hộp số nguội. Chọn số N (Trung gian) hoặc P (Số đỗ) và đạp phanh chân và kéo phanh tay cho đến khi hộp số nguội và tin nhắn biến mất khỏi màn hình.

Hiện thị thông tin

Tin nhắn	Đèn báo tin nhắn	Hành động
Transmission too hot press brake (Hộp số quá nóng, cần nhấn phanh)	màu hổ phách	Trong một số điều kiện vận hành xe, ly hợp trong hộp số có thể bị quá nhiệt. Trong trường hợp này thì cần thiết phải nhấn phanh và dừng xe để ngăn chặn việc hộp số bị quá nhiệt hơn nữa. Chọn số N (Trung gian) hoặc P (Số đỗ) và đạp phanh chân cũng như kéo phanh tay cho đến khi hộp số nguội và tín hiệu biến mất khỏi màn hình. Nếu lái xe khi lời nhắn này hiển thị thì bạn sẽ cảm nhận thấy hiện tượng rung lắc và khi đó cảnh báo quá nhiệt tiếp tục được đưa ra.
Transmission limited function check handbook (Hộp số hoạt động giới hạn, kiểm tra sổ tay)	màu hổ phách	Một số cấp số có thể không hoạt động. Hệ thống cần được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn càng sớm càng tốt.
Transmission warming up please wait (Hộp số đang làm ấm, xin hãy đợi)	-	Khi nhiệt độ bên ngoài thấp, sau khi khởi động động cơ, có thể mất vài giây để cài số R (Số lùi) hoặc D (Số tiến) . Tiếp tục đạp phanh cho đến khi các tín hiệu biến mất khỏi màn hình.
Transmission not in Park select P (Hộp số không ở chế độ đỗ, chuyển về số đỗ)	-	Tham khảo Hộp số tự động (trang 116). Tham khảo Khởi động và tắt động cơ (trang 106).
To start press brake (Để khởi động, đạp bàn đạp phanh)	-	Tham khảo Hộp số tự động (trang 116). Tham khảo Khởi động và tắt động cơ (trang 106).
Press brake pedal (Đạp bàn đạp phanh)	-	Tham khảo Hộp số tự động (trang 116).

ĐIỀU KHIỂN ĐIỀU HÒA

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

Không khí bên ngoài

Giữ cho việc nạp không khí phía trước kính chắn gió không bị cản (do tuyết, lá cây...) để giúp cho hệ thống điều hòa không khí hoạt động hiệu quả.

Chế độ gió trong

CHÚ Ý

⚠ Việc sử dụng chế độ gió trong quá lâu sẽ dẫn đến đọng sương kính cửa. Nếu các kính cửa bị đọng sương, thực hiện chế độ làm tan băng và tan sương kính chắn gió.

Không khí trong xe sẽ được tuần hoàn.
Không khí bên ngoài sẽ không vào trong xe.

Chức năng sưởi

Khả năng sưởi phụ thuộc nhiệt độ nước làm mát động cơ.

Điều hòa không khí

Ghi Chú: Điều hòa không khí chỉ hoạt động khi nhiệt độ cao hơn 4°C (39°F).

Ghi Chú: Nếu sử dụng điều hòa, tiêu thụ nhiên liệu sẽ tăng lên.

Không khí được dẫn đến giàn lạnh để được làm lạnh. Hơi ẩm sẽ được tách ra khỏi không khí giúp cho kính cửa hết đọng sương. Hơi nước ngưng tụ sẽ được dẫn ra ngoài xe, nên sẽ là bình thường nếu bạn thấy nước đọng thành vũng ở phía dưới xe.

Thông tin chung về điều khiển điều hòa trong xe

Đóng tất cả cửa kính.

Sấy nóng bên trong xe

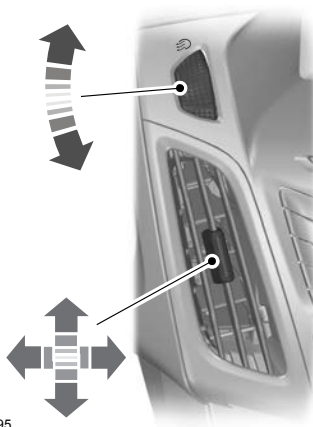
Chỉnh hướng gió xuống chân. Trong thời tiết lạnh hoặc ẩm, chỉnh một ít gió về phía kính chắn gió và kính cửa.

Làm lạnh bên trong xe

Chỉnh hướng gió về phía mặt bạn.

CỬA GIÓ ĐIỀU HÒA

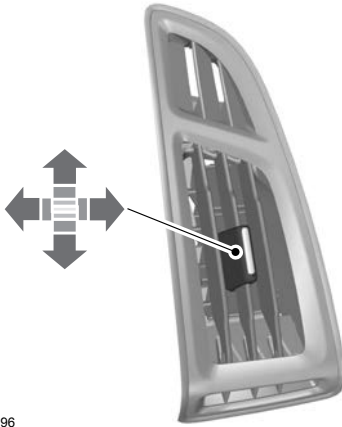
Cửa gió trung tâm



E132995

Điều khiển điều hòa

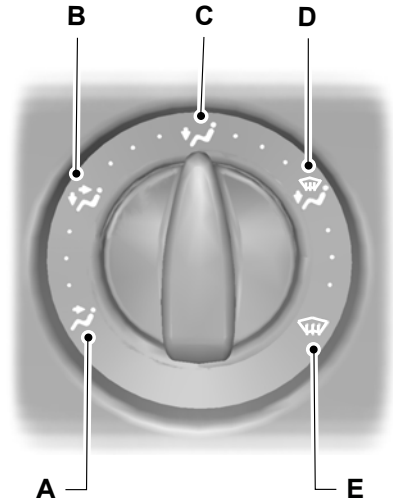
Cửa gió bên cạnh



E132996

ĐIỀU HOÀ KHÔNG KHÍ ĐIỀU KHIỂN BẰNG TAY

Điều khiển phân phối gió



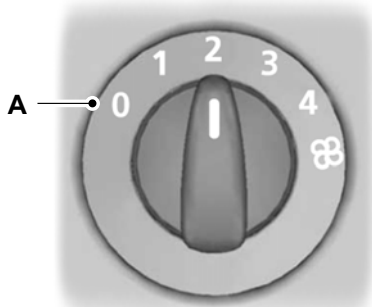
E74660

- A Gió lên mặt
- B Lên mặt và xuống chân
- C Gió xuống chân
- D Xuống chân và lên kính chắn gió
- E Gió lên kính chắn gió

Bạn có thể điều khiển phân phối gió đến bất kì vị trí nào giữa các biểu tượng

ĐIỀU KHIỂN ĐIỀU HÒA

Quạt gió



E75470

A Tắt

Ghi Chú: Nếu bạn tắt quạt gió kính chắn gió có thể bị đọng sương.

Chế độ gió trong



Nhấn nút để chuyển giữa chế độ gió ngoài và gió trong.

Sưởi nhanh bên trong xe



E129884

Thông gió



E129885

Chỉnh điều khiển phân phối gió, quạt gió và cửa gió phù hợp với nhu cầu của bạn.

Điều hòa không khí

Bật và tắt điều hòa nhiệt độ



Nếu tắt quạt gió, điều hòa sẽ tắt. Khi bạn bật quạt gió trở lại, điều hòa sẽ tự động bật.

Làm lạnh bằng gió ngoài



E129886

Làm lạnh nhanh trong xe



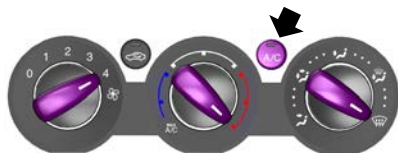
E129887

Nếu công tắc điều khiển sưởi ở vị trí này, điều hòa và chế độ gió trong sẽ được bật tự động.

ĐIỀU KHIỂN ĐIỀU HÒA

Bạn có thể bật hoặc tắt điều hòa và chế độ gió trong tùy ý.

Làm tan băng và tan sương trên kính chắn gió



E129888

Khi nhiệt độ trên 4°C, điều hòa nhiệt độ sẽ tự động bật. Chắc chắn quạt gió đã được bật. Đèn trên công tắc sẽ sáng khi ở chế độ làm tan băng và tan sương.

Nếu bạn xoay núm điều khiển phân phối gió tới vị trí khác mà không phải kính chắn gió thì **điều hòa (A/C)** sẽ tiếp tục bật.

Bạn có thể bật và tắt điều hòa và chế độ gió trong khi núm điều khiển phân phối gió ở vị trí kính chắn gió

Nếu cần thiết, bật chức năng sấy kính. Tham khảo **Sưởi cửa sổ và kính chiếu hậu** (trang 97).

Giảm độ ẩm trong xe



E129889

ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ TỰ ĐỘNG



E1133114

Hệ thống điều khiển nhiệt độ, lượng gió và phân phối gió một cách tự động và điều chỉnh phù hợp với điều kiện lái xe và điều kiện thời tiết. Nhấn nút **AUTO** một lần sẽ bật chế độ tự động.

Hệ thống trên xe bạn là loại điều khiển khí hậu tự động hai vùng. Khi hệ thống ở chế độ một vùng, các vùng nhiệt độ liên thông với khu vực người lái. Khi tắt chế độ một vùng, hệ thống hai vùng khí hậu sẽ cho phép bạn đặt các nhiệt độ khác nhau cho khu vực người lái và khu vực ghế trước bên phụ.

ĐIỀU KHIỂN ĐIỀU HÒA

Ghi Chú: Tránh điều chỉnh các chế độ khi trong xe quá nóng hay quá lạnh. Hệ thống điều khiển khí hậu tự động sẽ điều chỉnh theo tình trạng hiện thời một cách tự động. Để hệ thống hoạt động tốt, các cửa gió ở giữa và bên cạnh cần phải mở hoàn toàn.

Ghi Chú: Cảm biến nhiệt mặt trời được bố trí trên mặt bảng táp lô. Không che cảm biến này bằng bất kỳ vật gì.

Ghi Chú: Khi nhiệt độ bên ngoài thấp và hệ thống ở chế độ tự động, dòng không khí sẽ được hướng đến kính chắn gió và kính cửa bên khi động cơ còn nguội.

ĐIỀU CHỈNH NHIỆT ĐỘ



E133115

Bạn có thể đặt nhiệt độ trong khoảng 15,5°C (60°F) và 29,5°C (85°F) với bước đặt 0,5°C (1°F). Ở vị trí **LO**, 15°C (59°F), hệ thống sẽ bật chế độ làm mát thường xuyên. Ở vị trí **HI**, 30°C (86°F), hệ thống sẽ bật chế độ sấy thường xuyên.

Ghi Chú: Nếu ở một trong hai vị trí **LO** hoặc **HI** được chọn, hệ thống sẽ không điều chỉnh nhiệt độ ổn định.

Chế độ đơn

Ở chế độ đơn, việc đặt nhiệt độ giữa phía bên lái và phía bên phụ là liên thông với nhau. Nếu bạn điều chỉnh nhiệt độ bằng nút xoay bên lái, thì nhiệt độ ở bên phụ cũng được điều chỉnh về bằng với bên lái. Ở chế độ đơn, chữ **MONO** xuất hiện trên màn hình.

Tắt chế độ đơn

Chọn nhiệt độ bên phụ bằng nút xoay bên phụ. Chế độ đơn sẽ tắt đi và chữ **MONO** sẽ biến mất khỏi màn hình. Nhiệt độ bên lái sẽ giữ không đổi. Bây giờ bạn có thể điều chỉnh nhiệt độ bên lái và bên phụ độc lập với nhau. Việc chọn nhiệt độ của mỗi bên sẽ được hiển thị trên màn hình. Bạn có thể chọn nhiệt độ khác nhau giữa hai bên lên tới 4°C (8°F).

Ghi Chú: Nếu bạn chọn nhiệt độ khác nhau giữa hai bên lớn hơn 4°C (8°F), nhiệt độ phía còn lại sẽ được điều chỉnh sao cho chênh lệch nhiệt độ ở mức 4°C (8°F).

Ghi Chú: Nếu bạn đặt một bên về chế độ **HI** hoặc **LO**, cả hai phía sẽ chuyển về **HI** hoặc **LO**.

Bật trở lại chế độ đơn



Để bật lại chế độ đơn, ấn và giữ nút **AUTO**. Chữ **MONO** sẽ xuất hiện trên màn hình và nhiệt độ bên phụ sẽ được điều chỉnh về bằng nhiệt độ bên lái.

Quạt gió



Sử dụng các nút bấm để điều chỉnh tốc độ quạt gió.

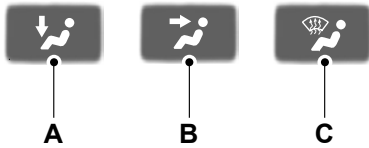
Tốc độ quạt gió sẽ xuất hiện trên màn hình.

Để trở về chế độ tự động, nhấn nút **AUTO**.

Phân phối gió

Để điều chỉnh phân phối gió, nhấn nút mong muốn. Có thể kết hợp đồng thời nhiều hướng gió khác nhau.

Điều khiển điều hòa



E70308

- A Gió xuống chân
- B Gió lên mặt
- C Gió lên kính chắn gió

Khi bạn chọn chế độ làm tan băng và tan sương kính chắn gió, **A**, **B** và **C** sẽ tự động tắt và điều hòa nhiệt độ sẽ bật. Không khí bên ngoài sẽ đi vào trong xe. Bạn không chọn được chế độ gió trong.

Làm lạnh nhanh trong xe



E133122

Làm tan băng và tan sương kính chắn gió



Nhấn nút bật chế độ làm tan băng và tan sương kính chắn gió. Không khí bên ngoài sẽ đi vào trong xe. Điều hòa nhiệt độ sẽ tự động bật lên. Ngay khi hướng gió được chuyển sang vị trí này, bạn không thể bật chế độ gió trong.

Điều khiển tốc độ quạt gió và nhiệt độ sẽ hoạt động một cách tự động và không thể điều chỉnh bằng tay. Quạt gió ở tốc độ cao và nhiệt độ ở **HI**.

Khi bạn chọn chế độ làm tan băng và tan sương kính chắn gió, công tắc sấy kính sẽ tự động bật và tắt sau một thời gian ngắn.

Để trở về chế độ tự động, nhấn nút **AUTO**.

Bật và tắt điều hòa nhiệt độ



Nhấn nút **A/C** để bật và tắt điều hòa. **Chữ A/C OFF** sẽ xuất hiện trên màn hình khi điều hòa bị tắt đi.

Chữ A/C ON sẽ xuất hiện trên màn hình nếu điều hòa được bật lên.

Chế độ gió trong



Nhấn nút bật gió trong để chuyển giữa chế độ gió ngoài và gió trong.

Ghi Chú: Khi hệ thống ở chế độ tự động và nhiệt độ bên trong cũng như bên ngoài xe khá nóng, hệ thống sẽ tự động chọn chế độ gió trong để tăng khả năng làm mát. Một khi đạt được nhiệt độ mong muốn, hệ thống sẽ tự động chuyển sang chế độ gió ngoài.

Tắt chế độ điều khiển khí hậu tự động



Nhấn nút.

Khi tắt chế độ tự động, hệ thống sưởi, thông gió và điều hòa sẽ tắt và chế độ gió trong được chọn.

SỬ DỤNG CỬA SỔ VÀ KÍNH CHIỀU HẬU

Kính có sấy

Sử dụng kính có sấy để làm tan băng hoặc tan sương kính chắn gió hoặc kính phía sau.

ĐIỀU KHIỂN ĐIỀU HÒA

Ghi Chú: Kính cửa sổ có sẵn chỉ hoạt động khi động cơ hoạt động.

Kính chắn gió có sẵn



Kính sau có sẵn



Các xe không có hệ thống sưởi phụ trợ

Nếu nhiệt độ môi trường dưới 5°C (41°F) và nước làm mát động cơ dưới 65°C (149°F), chế độ sấy kính chắn gió và sấy kính cửa sẽ được bật một cách tự động. Chúng sẽ được tự động tắt.

Gương chiếu hậu ngoài có sẵn

Gương điện bên ngoài được lắp thêm bộ phận sấy để làm tan băng hay sương mặt gương. Chúng sẽ tự động bật khi bạn bật sấy kính sau.

CỬA SỔ TRỜI ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN

CẢNH BÁO



Trước khi đóng cửa sổ trời cần kiểm tra nếu có vật cản và chắc chắn không có trẻ em và/hoặc thú nuôi gần khu vực cửa. Vì có khả năng dẫn đến chấn thương nghiêm trọng cho người. Người giám sát trẻ có trách nhiệm không cho trẻ ở trên xe một mình hay để chìa khóa trên xe.

Ghi Chú: Khi các công tắc được vận hành thường xuyên trong một thời gian ngắn, hệ thống có thể không hoạt động trong một số thời điểm để tránh hư hỏng do quá nhiệt.

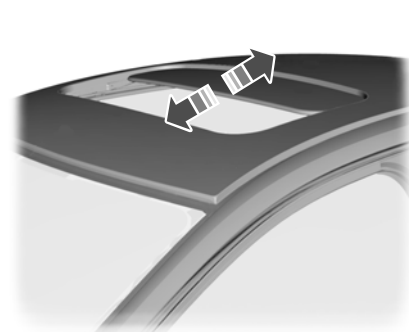
Ghi Chú: Cửa sổ trời bằng điện có thể hoạt động được khi tắt chìa khóa. Tham khảo **Đóng và mở đồng thời các cửa/kính** (trang 33).

Có hai cách mở cửa sổ trời- phần sau của cửa sổ trời nâng lên để mở hoặc cửa sổ trời mở từ phía trước, trượt về phía sau dưới nóc xe. Cửa sổ trời mở và đóng khi bấm công tắc.

Bật chìa khóa điện để vận hành cửa sổ trời dùng điện.

Cửa sổ trời dùng điện được thao tác bằng công tắc giữa tầm chân nắng.

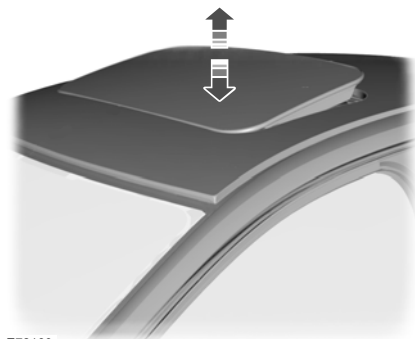
Mở và đóng cửa sổ trời



E72188

ĐIỀU KHIỂN ĐIỀU HÒA

Làm nghiêng cửa sổ trời



E72189

Mở và đóng cửa sổ trời tự động

Ghi Chú: Khi mở tự động, cửa sổ trời sẽ dừng cách vị trí mở hoàn toàn 8cm. Vị trí này sẽ làm giảm thiểu tiếng ồn khi cửa sổ trời mở hoàn toàn. Cửa sổ trời chỉ tự động dừng ở vị trí này khi được mở tự động.

Để mở hay đóng cửa sổ trời một cách tự động, nhấn một trong hai phía của công tắc đến điểm tác dụng thứ hai và nhả hoàn toàn. Nhấn lần nữa để dừng lại.

Khi đến vị trí đóng hoàn toàn, cửa sổ trời sẽ tự động dừng lại.

Bảo vệ chống kẹt cửa sổ trời

CÁC CẢNH BÁO



Chức năng chống kẹt bị tắt cho đến khi bộ nhớ được thiết lập lại. Việc đóng cửa mà không chú ý có thể gây chấn thương.



Đóng cửa sổ trời không cẩn thận có thể làm mất tác dụng bảo vệ chống kẹt và gây chấn thương.

Cửa sổ trời sẽ tự động dừng lại khi đóng và chạy ngược lại một đoạn khi gặp phải chướng ngại vật.

Để bỏ chức năng chống kẹt khi cửa mở nặng (chẳng hạn trong mùa đông), cần thực hiện như sau:

CẢNH BÁO



Khi cửa sổ trời được đóng lần thứ ba, chức năng chống kẹt sẽ tắt. Chắc chắn không có chướng ngại vật trên đường đóng cửa sổ trời.

Đóng cửa sổ trời lần thứ ba đến điểm bị nặng. Chức năng chống kẹt sẽ tắt và cửa sổ trời không thể đóng tự động được. Cửa sổ trời sẽ vượt qua đoạn bị nặng và có thể đóng hoàn toàn.

Nếu cửa sổ trời vẫn không đóng được sau ba lần thì cần được kiểm tra bởi người có chuyên môn.

Chế độ an toàn cửa sổ trời

CẢNH BÁO



Chức năng chống kẹt không hoạt động ở chế độ này. Chắc chắn không có chướng ngại vật khi đóng cửa sổ trời.

Nếu hệ thống phát hiện hư hỏng, nó sẽ chuyển sang chế độ an toàn. Cửa sổ trời sẽ chỉ di chuyển trong 0,5 giây một lần và dừng lại. Đóng cửa sổ trời bằng cách nhấn lại nút điều khiển khi cửa sổ không chạy. Khi phần sau của cửa sổ được nâng lên, nó sẽ được nâng lên trong toàn bộ quãng đường và sau đó đóng cửa sổ trời. Hệ thống cần phải được kiểm tra bởi người có chuyên môn.

Cân chỉnh lại cửa sổ trời

CẢNH BÁO



Chức năng chống kẹt sẽ không hoạt động trong quy trình này. Chắc chắn không có chướng ngại vật trên đường khi đóng cửa sổ trời.

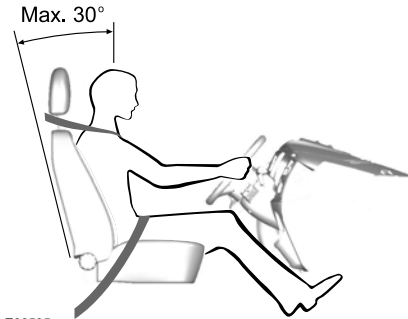
ĐIỀU KHIỂN ĐIỀU HÒA

Trong trường hợp cửa sổ trời không đóng đúng, thực hiện quy trình cân chỉnh:

- Làm nghiêng phần sau của cửa sổ trời càng xa càng tốt. Nhả nút bấm.
- Nhấn và giữ nút bấm đó trong vòng 30 giây cho tới khi bạn nhìn thấy cửa sổ trời di chuyển.
- Nhả nút và ngay lập tức nhấn lại và giữ tại đó. Cửa sổ trời sẽ đóng, mở hoàn toàn và sau đó đóng lại. Không nhả nút bấm cho đến khi cửa sổ trời đến vị trí đóng lần thứ hai.

Nếu nút bấm không được bấm liên tục, chức năng cân chỉnh sẽ bị gián đoạn. Thực hiện lại quy trình từ đầu.

NGỒI ĐÚNG VỊ TRÍ



E68595

CÁC CẢNH BÁO



Không điều chỉnh ghế khi xe đang chạy.



Chỉ khi bạn thắt đai an toàn đúng, thì chúng mới giữ bạn ở vị trí cho phép túi khí có tác dụng tối đa.

Khi bạn sử dụng đúng, ghế, tựa đầu, đai an toàn, túi khí sẽ có tác dụng bảo vệ tốt nhất nếu xảy ra va chạm. Chúng tôi khuyến nghị:

- ngồi thẳng, ngay ngắn với cột sống của bạn càng lùi về phía sau càng tốt.
- không ngả tựa lưng ghế quá 30 độ.
- điều chỉnh tựa đầu sao cho đỉnh của nó bằng với đỉnh đầu của bạn, và càng hướng về trước càng tốt.
- giữ khoảng cách phù hợp giữa bạn và vô lăng. Chúng tôi khuyến nghị khoảng các tối thiểu giữa xương ngực của bạn và nắp túi khí là 250mm.
- cầm vô lăng với cánh tay hơi gấp.
- gập chân vừa phải sao cho có thể đạp các bàn đạp hết hành trình.
- cài đai dọc của đai an toàn qua giữa vai và cài chặt đai ngang qua hông.

Cần chắc chắn vị trí ngồi lái là thoải mái và bạn có thể kiểm soát hoàn toàn chiếc xe.

TỰA ĐẦU

Điều chỉnh tựa đầu

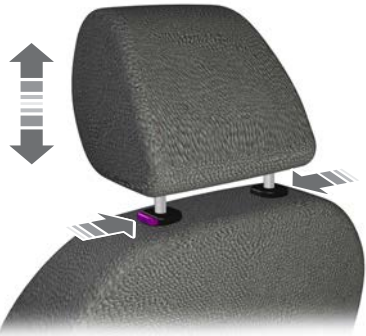
CÁC CẢNH BÁO



Nâng tựa đầu phía sau khi hàng ghế sau có người ngồi.



Khi sử dụng ghế trẻ em quay mặt ra sau lắp trên ghế sau, luôn tháo tựa đầu của ghế đó.



E66539

Điều chỉnh tựa đầu sao cho đỉnh của tựa đầu cao bằng đỉnh đầu bạn.

Tháo tựa đầu

Nhấn nút khóa tựa đầu và kéo tựa đầu ra.

Ghế

GHẾ ĐIỀU KHIỂN TAY

Dịch chuyển ghế ngồi về phía trước và phía sau



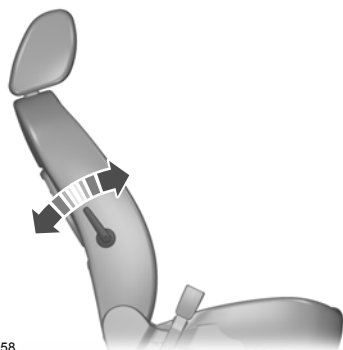
E130249

CẢNH BÁO



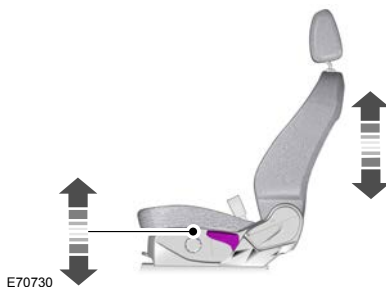
Lắc ghế về phía trước và phía sau khi nhả cần điều chỉnh để đảm bảo ghế được cài hoàn toàn vào hãm.

Điều chỉnh đệm đỡ lưng



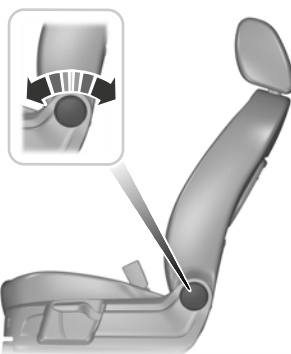
E78058

Điều chỉnh chiều cao của ghế lái



E70730

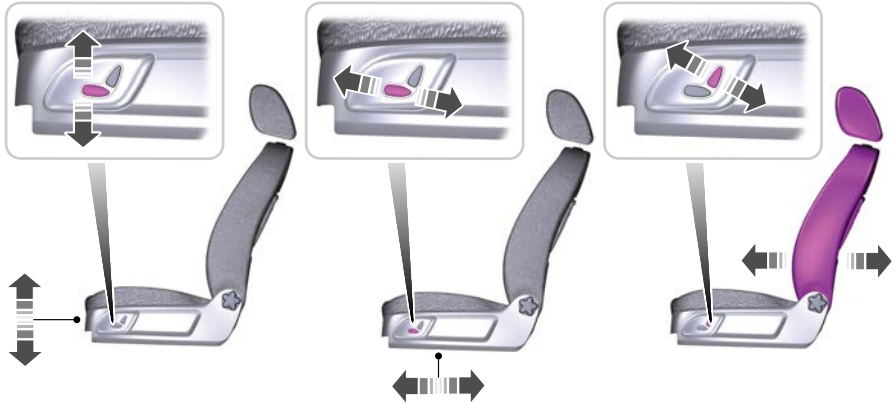
Điều chỉnh góc tựa lưng ghế



E130250

GHẾ

GHẾ ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN - XE ĐƯỢC TRANG BỊ : GHẾ ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN 6 HƯỚNG



E78060

GHẾ SAU

CÁC CẢNH BÁO

-  Khi gập lưng ghế sau xuống hoặc lên, chú ý tránh bị kẹt tay giữa lưng ghế và khung ghế
-  Đảm bảo ghế và tựa lưng ghế khớp chắc chắn và hoàn toàn với các chốt hãm.

Gập tựa lưng ghế về phía trước

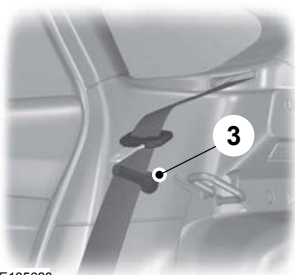
CẢNH BÁO

-  Hạ tựa đầu. Tham khảo **Tựa đầu** (trang 101).



E135629

1. Ấn và giữ nút nhả.
2. Đẩy tựa lưng ra phía trước



E135628

Ghi Chú: Đảm bảo rằng đai an toàn đã được cài chặt vào bộ rút đai.

3. Đặt đai an toàn lên kẹp trên ốp ngoài.

Gập đệm ghế và lưng ghế sau lên phía trước.

CÁC CẢNH BÁO



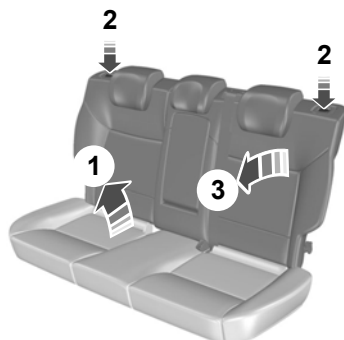
Chắc chắn rằng đèn cảnh báo màu đỏ không hiện lên khi bạn cài ghế vào khóa hãm.



Hạ tựa đầu. Tham khảo **Tựa đầu** (trang 101).



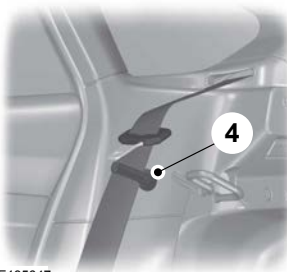
Khi đưa tay vào giữa đệm và lưng ghế, cần thận không để tay bị kẹt vào giá đỡ và móc khóa ISOFIX. Tham khảo **Điểm neo ISOFIX** (trang 24).



E135646

Ghi Chú: Giữ cạnh đệm ghế để tránh giá đỡ và móc khóa ISOFIX.

1. Đưa các ngón tay vào giữa đệm ghế và tựa lưng ghế và gập đệm ghế về phía trước.
2. Ấn và giữ nút nhả.
3. Đẩy tựa lưng ra phía trước



E135647

Ghi Chú: Đảm bảo rằng đai an toàn được cài chặt vào bộ rút đai.

4. Đặt đai an toàn lên kẹp trên ốp trang trí ngoài.

Nâng lưng ghế lên

CẢNH BÁO



Khi nâng tựa lưng ghế lên, đảm bảo đai an toàn không bị che khuất hoặc bị kẹt phía sau ghế.

Khởi động và tắt động cơ

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin chung về khởi động

Nều tháo nguồn ắc quy, sau khi nối lại, xe sẽ có các đặc tính lái không bình thường trong khoảng 8km.

Điều này là do hệ thống quản lý động cơ phải tương thích lại với động cơ. Có thể bỏ qua điều này.

Khởi động động cơ bằng cách kéo hoặc đẩy

CẢNH BÁO



Để tránh hư hỏng, không được khởi động bằng cách kéo hoặc đẩy xe. Sử dụng dây điện và ắc quy nối ngoài.

Tham khảo **Môi khởi động xe** (trang 211).

CÔNG TẮC MÁY

CẢNH BÁO



Không vặn chìa khóa điện về vị trí **O** hoặc **I** khi xe đang chuyển động.



E72128

O Chìa khóa điện tắt.

I Hệ thống đánh lửa và tất cả các mạch điện chính đều không hoạt động.

Ghi Chú: Không để chìa khóa điện ở vị trí này quá lâu để tránh phóng điện ắc quy.

II Bật chìa khóa điện. Tất cả các mạch điện đều hoạt động. Đèn và đèn chỉ thị cảnh báo đều sáng. Đây là vị trí của chìa khóa khi lái xe. Bạn phải chọn vị trí này khi xe được kéo.

III Động cơ khởi động được kích hoạt. Thả tay khỏi chìa khóa ngay khi động cơ khởi động.

KHỞI ĐỘNG KHÔNG DỪNG CHÌA KHÓA

CÁC CẢNH BÁO



Hệ thống khởi động không dừng chìa khóa có thể không hoạt động nếu chìa khóa để gần những vật bằng kim loại hay các thiết bị điện tử, chẳng hạn như điện thoại di động.



Luôn kiểm tra để đảm bảo đã ngắt hoạt động của khóa vô lăng trước khi cô gắng dịch chuyển xe. Tham khảo

Khóa tay lái (trang 108).

Ghi Chú: Khóa điện sẽ tự động tắt sau một khoảng thời gian nếu như chiếc xe bị để lâu ở chế độ bật khóa điện. Chức năng này để bảo vệ ắc quy của xe không bị hết điện.

Ghi Chú: Phải đặt đúng chìa khóa thụ động vào trong xe để mở chìa khóa điện và khởi động động cơ.

Ghi Chú: Để khởi động động cơ, bạn cũng phải đạp hết bàn đạp phanh hoặc bàn đạp ly hợp, tùy thuộc vào hộp số được trang bị.



E85766

Khởi động và tắt động cơ

Mở khóa điện

Bấm nút một lần. Tất cả các mạch điện hoạt động, các đèn cảnh báo và đèn tín hiệu sáng.

Khởi động với hộp số sàn

Ghi Chú: Nhả chân côn trong thời gian động cơ khởi động sẽ làm động cơ ngừng hoạt động và trở lại trạng thái bật khóa điện.

1. Đạp bàn đạp côn hết hành trình.
2. Bấm nhanh nút.

Khởi động với hộp số tự động

Ghi Chú: Nhả bàn đạp phanh trong thời gian động cơ khởi động sẽ làm động cơ ngừng hoạt động và trở lại trạng thái khóa điện mở.

1. Đạp bàn đạp phanh hết hành trình.
2. Đưa cần chọn số về vị trí P hoặc N.
3. Bấm nhanh nút.

Khởi động động cơ Diesel

Ghi Chú: Việc khởi động động cơ có thể không được thực hiện cho tới khi hoàn thành chu trình kiểm tra nền sẵn. Việc này có thể mất vài giây trong những điều kiện thời tiết rất lạnh.

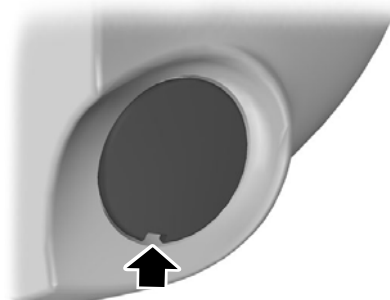
Ghi Chú: Tiếp tục đạp bàn đạp ly hợp hoặc bàn đạp phanh cho tới khi quá trình khởi động động cơ bắt đầu.

Không khởi động được

Hệ thống khởi động thụ động sẽ không hoạt động nếu:

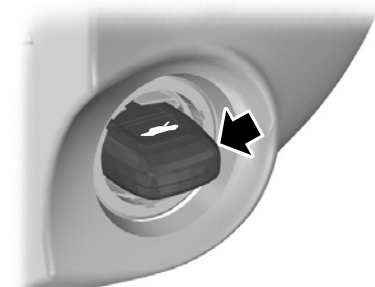
- Các tần số chìa khóa từ xa bị nhiễu.
- Chìa khóa từ xa hết pin.

Nếu bạn không thể khởi động xe thì thực hiện theo quy trình sau.



E87381

1. Cẩn thận cạy nắp ra.



E85767

2. Cắm chìa khóa vào trong lỗ giữ chìa.



E85766

3. Khi chìa khóa ở vị trí này, bạn có thể bấm nút để bật khóa điện và khởi động xe.

Khởi động và tắt động cơ

Tắt động cơ khi xe đứng yên

Ghi Chú: Khóa điện, tắt cả các mạch điện, đèn báo và bộ chỉ báo sẽ được tắt đi.

Hộp số sàn

Bấm nhanh nút.

Hộp số tự động

1. Đưa cần chọn số về vị trí P.
2. Bấm nhanh nút.

Tắt động cơ khi xe đang di chuyển

CẢNH BÁO



Việc tắt động cơ khi xe vẫn đang di chuyển sẽ dẫn đến mất trợ lực phanh và trợ lực lái. Vô lăng chưa bị khóa lại, nhưng yêu cầu một lực đánh lái lớn hơn. Khi tắt khóa điện, một số mạch điện, đèn cảnh báo và đèn tín hiệu cũng có thể bị TẮT.

Nhấn và giữ nút hoặc nhấn nút hai lần trong vòng hai giây.

KHÓA TAY LÁI

CẢNH BÁO



Luôn kiểm tra vô lăng đã được mở khóa trước khi bắt đầu khởi hành.

Để khóa tay lái:

1. Tháo chìa khóa điện khỏi ổ khóa.
2. Xoay vô lăng một chút để gài khóa.

Để mở khóa vô lăng:

1. Cắm chìa khóa vào ổ khóa.
2. Quay chìa khóa tới vị trí I.

Ghi Chú: Nếu đang có lực tác dụng lên vô lăng bạn có thể cần phải quay nhẹ vô lăng để mở khóa.

KHỞI ĐỘNG ĐỘNG CƠ XĂNG

Ghi Chú: Bạn chỉ có thể vận hành mô tơ để trong một thời gian ngắn, chẳng hạn trong vòng 10 giây. Số lần khởi động máy giới hạn ở khoảng dưới sáu lần. Nếu số lần khởi động quá nhiều, hệ thống có thể không cho phép bạn khởi động tiếp sau một thời gian, chẳng hạn 30 giây.

Động cơ nóng hoặc nguội

Xe sử dụng hộp số sàn

Ghi Chú: Không đạp bàn đạp ga.

Ghi Chú: Nhả chân côn trong thời gian động cơ khởi động sẽ làm động cơ ngừng hoạt động và trở về trạng thái khóa điện bật.

1. Đạp bàn đạp ly hợp xuống hết hành trình.
2. Khởi động động cơ.

Xe sử dụng hộp số tự động

Ghi Chú: Không đạp bàn đạp ga.

Ghi Chú: Nhả bàn đạp phanh trong thời gian động cơ khởi động sẽ làm động cơ ngừng hoạt động và trở về trạng thái khóa điện bật.

1. Chuyển cần số về vị trí P hoặc N.
2. Đạp bàn đạp phanh hết hành trình.
3. Khởi động động cơ.

Cho tắt cả các phiên bản xe

Nếu động cơ không khởi động được, chờ một lúc sau đó mới khởi động lại.

Nếu động cơ không khởi động sau ba lần để, chờ 10 giây và thực hiện quy trình động cơ sạc nhiên liệu.

Nếu bạn gặp khó khăn khi khởi động động cơ ở nhiệt độ bên ngoài dưới -25°C (-13°F), đạp bàn đạp ga một nửa hành trình và thử khởi động lại.

Khởi động và tắt động cơ

Động cơ bị sặc nhiên liệu

Xe sử dụng hộp số sàn

1. Đạp bàn đạp ly hợp hết hành trình.
2. Đạp bàn đạp ga hết hành trình và giữ tại đó.
3. Khởi động động cơ.

Xe sử dụng hộp số tự động

1. Chuyển cần số về vị trí P hoặc N.
2. Đạp bàn đạp ga hết hành trình và giữ tại đó.
3. Đạp bàn đạp phanh hết hành trình.
4. Khởi động động cơ.

Cho tắt cả các phiên bản xe

Nếu động cơ không khởi động, lặp lại quy trình động cơ nóng hoặc nguội.

Số vòng tua không tải sau khi khởi động

Tốc độ vòng tua không tải ngay sau khi khởi động có thể thay đổi tùy thuộc vào nhiệt độ động cơ.

Số vòng tua không tải sẽ tự động nâng lên khi động cơ nguội để sấy nóng bộ trung hòa khí thải. Điều này sẽ giữ cho khí thải động cơ sẽ ở mức tối thiểu.

Tốc độ vòng tua không tải sẽ giảm xuống dần về mức thông thường khi bộ trung hòa khí thải đã được sấy nóng.

KHỞI ĐỘNG ĐỘNG CƠ DẦU

Động cơ nóng hoặc nguội

Tất cả các phiên bản xe

Ghi Chú: Khi nhiệt độ xuống dưới -15°C , thời gian khởi động có thể lên đến 25 giây.

Ghi Chú: Tiếp tục khởi động cho đến khi động cơ khởi động.

Ghi Chú: Bạn chỉ có thể khởi động tối đa không quá 30 giây mỗi lần.



Bật chìa khóa ON và chờ cho đến khi đèn báo sặc tắt.

Xe sử dụng hộp số sàn

Ghi Chú: Không đạp bàn đạp ga.

1. Đạp bàn đạp ly hợp hết hành trình.
2. Khởi động động cơ.

Xe sử dụng hộp số tự động

1. Chọn tay số đỗ (P) hoặc số trung gian (N).
2. Đạp bàn đạp phanh hết hành trình.
3. Khởi động động cơ.

LỌC KHÍ XẢ ĐỘNG CƠ DẦU

Bộ lọc muội khí xả (DPF) tạo thành một phần của hệ thống cắt giảm khí xả được lắp vào xe của bạn. Nó lọc các hạt diesel có hại (muội) từ khí thải.

Tái tạo

CẢNH BÁO



Không đỗ hay dừng xe của bạn trên lá khô, cỏ khô hay các vật liệu dễ cháy khác. Quá trình tái tạo của bộ lọc muội khí xả diesel tạo ra nhiệt độ khí thải cao và khí thải sẽ tỏa ra một lượng nhiệt đáng kể trong và sau quá trình tái tạo của bộ lọc muội khí xả diesel, và sau khi bạn tắt động cơ. Điều này gây ra nguy cơ cháy.

CHÚ Ý



Cẩn tránh để hết sạch nhiên liệu.

Khởi động và tắt động cơ

Ghi Chú: Trong quá trình tái tạo ở tốc độ động cơ thấp hay tốc độ không tải, bạn có thể sẽ ngửi thấy mùi kim loại nóng và tiếng gõ của kim loại. Điều này do nhiệt độ tăng cao trong quá trình tái tạo và là hiện tượng bình thường.

Ghi Chú: Sau khi bạn tắt máy, quạt động cơ có thể vẫn sẽ tiếp tục quay một thời gian ngắn sau đó.

Không như bộ lọc thông thường đòi hỏi việc thay thế định kỳ, bộ lọc diesel được thiết kế để tái tạo hoặc tự làm sạch để duy trì hiệu quả hoạt động. Quá trình tái tạo diễn ra một cách tự động. Tuy nhiên, một số điều kiện lái xe chỉ ra rằng bạn cần phải hỗ trợ quá trình tái tạo.

Nếu bạn chỉ lái xe trên những đoạn đường ngắn hay những chuyến đi của bạn theo kiểu dừng chân và khởi hành thường xuyên thì sẽ có nhiều lúc tăng và giảm tốc độ, những chuyến đi không thường xuyên với các điều kiện sau đây sẽ hỗ trợ quy trình tái tạo:

- Lái xe với tốc độ không thay đổi, tốt hơn là trên đường chính hoặc đường cao tốc, trong khoảng thời gian lên tới 20 phút.
- Tránh chạy không tải lâu và luôn phải quan sát giới hạn tốc độ và điều kiện đường sá.
- Không tắt khóa điện.
- Sử dụng tay số thấp hơn mức thông thường để duy trì tốc độ động cơ cao hơn trong suốt chuyến đi này khi thích hợp.

TẮT ĐỘNG CƠ

Xe có trang bị bộ tăng nạp

CHÚ Ý



Không tắt động cơ khi đang chạy với tốc độ cao. Nếu bạn làm như vậy, bộ tăng nạp sẽ tiếp tục chạy sau khi áp suất dầu máy đã về bằng 0. Điều này sẽ dẫn đến mòn ổ bi bộ tăng nạp.

Nhả bàn đạp ga. Chờ đến khi động cơ về tốc độ vòng tua không tải thì mới tắt động cơ.

Nhiên liệu và nạp thêm nhiên liệu

CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN

CÁC CẢNH BÁO

 Ngừng bơm thêm nhiên liệu khi vòi bơm ngừng bơm lần thứ hai. Nếu bơm thêm, nhiên liệu sẽ đi vào không gian giãn nở trong bình nhiên liệu và có thể dẫn đến tràn nhiên liệu. Nhiên liệu tràn ra có thể gây nguy hiểm cho những người đi đường khác.

 Không để ngọn lửa hay nguồn nhiệt ở gần hệ thống nhiên liệu. Hệ thống nhiên liệu có áp suất. Nếu hệ thống nhiên liệu bị rò rỉ có thể dẫn đến nguy cơ gây chấn thương.

CHẤT LƯỢNG NHIÊN LIỆU - XĂNG

CHÚ Ý

 Không sử dụng xăng pha chì hoặc các chất phụ gia có thành phần kim loại (chẳng hạn gốc mangan). Nhiên liệu như vậy sẽ làm hỏng hệ thống khí thải.

Ghi Chú: Chúng tôi khuyến nghị bạn chỉ sử dụng nhiên liệu chất lượng cao không có phụ gia hoặc chất bảo quản động cơ.

Sử dụng xăng không chì với chỉ số octan tối thiểu là 95 và thỏa mãn thông số kỹ thuật được quy định bởi EN 228, hoặc thông số kỹ thuật tương đương của quốc gia.

Xe của bạn phù hợp sử dụng Ethanol lên đến 10% (E5 và E10).

CHẤT LƯỢNG NHIÊN LIỆU - DẦU

CẢNH BÁO

 Không trộn diesel với dầu bôi trơn, xăng hay các chất lỏng khác. Việc này có thể gây ra phản ứng hóa học.

CÁC CHÚ Ý

 Không trộn thêm dầu hỏa hay xăng vào dầu diesel. Điều này có thể gây hư hỏng hệ thống nhiên liệu.

 Sử dụng dầu diesel đáp ứng tiêu chuẩn **EN 590**, hoặc tiêu chuẩn hiện hành của nhà nước.

Ghi Chú: Chúng tôi khuyến nghị chỉ sử dụng nhiên liệu chất lượng cao.

Ghi Chú: Không nên sử dụng các chất phụ gia hoặc chất bảo quản động cơ không được phê duyệt bởi Ford.

Ghi Chú: Chúng tôi không khuyến nghị sử dụng các phụ gia dài hạn để ngăn hiện tượng nhiên liệu đóng sập.

Lưu giữ xe dài hạn

Hầu hết nhiên liệu diesel có chứa diesel sinh học, nên đổ nhiên liệu bằng dầu diesel nguồn gốc hoàn toàn tự nhiên (nếu có thể) hoặc bổ sung chất chống oxy hóa trước khi lưu trữ xe quá hai tháng. Bạn có thể liên lạc với đại lý về chất chống oxy hóa phù hợp.

BẦU LỘC KHÍ XẢ

CẢNH BÁO

 Không đỗ hay dừng xe trên lá khô, cỏ khô hay các vật liệu dễ cháy. Hệ thống xả tỏa nhiệt rất lớn khi hoạt động, kể cả khi bạn đã tắt động cơ. Điều này tạo ra nguy cơ cháy nổ.

Xe có bộ trung hòa khí thải

CÁC CHÚ Ý

 Cần tránh việc hết sạch nhiên liệu.

 Không khởi động động cơ trong thời gian quá dài.

Nhiên liệu và nạp thêm nhiên liệu

CÁC CHÚ Ý

- ⚠ Không để động cơ hoạt động khi một đầu dây bu gi bị tháo ra.
- ⚠ Không khởi động động cơ bằng cách kéo hoặc đẩy xe. Sử dụng cáp nối ắc quy ngoài. Tham khảo **Mỗi khởi động xe** (trang 211).
- ⚠ Không tắt chìa khóa điện trong khi đang lái xe.

MỨC TIÊU HAO NHIÊN LIỆU

Các thông số về khí CO₂ và mức tiêu thụ nhiên liệu được lấy từ các thử nghiệm theo hướng dẫn ECC số 80/1268/ECC và những văn bản sửa đổi tiếp theo và được tất cả các nhà sản xuất xe hơi thực hiện.

Chúng được dùng như một thông số so sánh giữa các xe sản xuất với các xe mẫu. Chúng không được thông số chính xác cho mức tiêu thụ nhiên liệu thực tế trên chiếc xe của bạn. Mức tiêu thụ nhiên liệu thực tế bị chi phối bởi nhiều yếu tố, bao gồm: cách lái xe, lái xe ở tốc độ cao, dừng/ tăng tốc đột ngột, sử dụng điều hòa, các phụ kiện lắp thêm và kéo xe khác.vv.

Đại lý Ford sẽ giúp bạn có những lời khuyên để nâng cao khả năng tiết kiệm nhiên liệu cho chiếc xe của bạn.

NẮP ĐẶT CHỖ CHÂM NHIÊN LIỆU

CÁC CẢNH BÁO

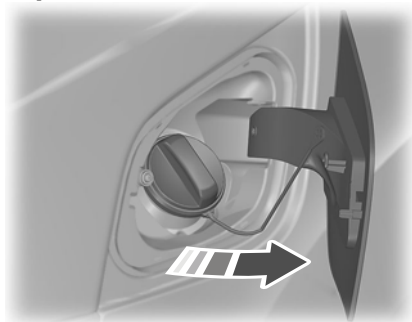
- ⚠ Cẩn thận khi đổ nhiên liệu để tránh làm tràn nhiên liệu ra từ đầu bơm nhiên liệu.
- ⚠ Không để ngọn lửa hay nguồn nhiệt ở gần hệ thống nhiên liệu. Hệ thống nhiên liệu có áp suất. Nếu hệ thống nhiên liệu bị rò rỉ có thể dẫn đến nguy cơ gây chấn thương.

CHÚ Ý

- ⚠ Nếu sử dụng vòi nước áp suất cao để rửa xe, chỉ phun vào cửa bình nhiên liệu trong chốc lát với khoảng cách ít nhất là 200mm.

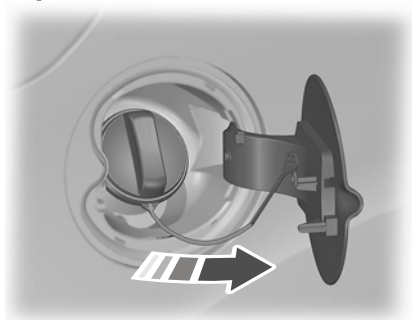
Các xe có lỗ đổ nhiên liệu dùng nắp đậy

Loại 1



E144241

Loại 2



E144295

1. Đẩy/kéo cửa bình và mở ra.
2. Mở cửa bình nhiên liệu hết hành trình. Vặn nắp bình nhiên liệu ngược chiều kim đồng hồ.

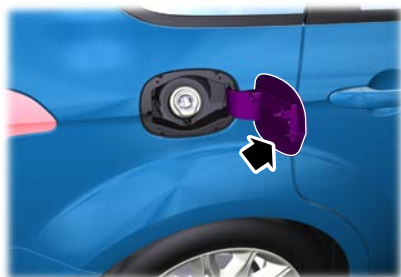
Nhiên liệu và nạp thêm nhiên liệu

3. Khi tháo nắp bình nhiên liệu, có thể nghe thấy tiếng hút. Điều này là bình thường và có thể bỏ qua.
4. Để đóng lại, vặn nắp bình nhiên liệu theo chiều kim đồng hồ cho đến khi có tiếng tách.
5. Đóng cửa bình nhiên liệu.

Ghi Chú: Cửa bình nhiên liệu sẽ được tự động khóa khi xe được khóa.

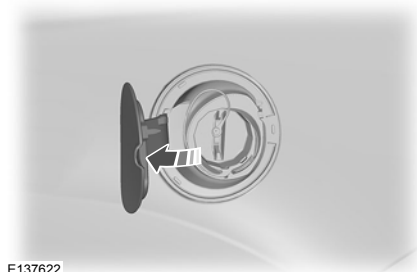
Các xe với lỗ đổ nhiên liệu không cần nắp đậy

Loại 1



E86613

Loại 2



E137622

1. Nhấn/kéo cửa bình nhiên liệu và mở ra.
2. Đóng cửa bình nhiên liệu.

Ghi Chú: Cửa bình nhiên liệu sẽ được tự động khóa khi xe được khóa.

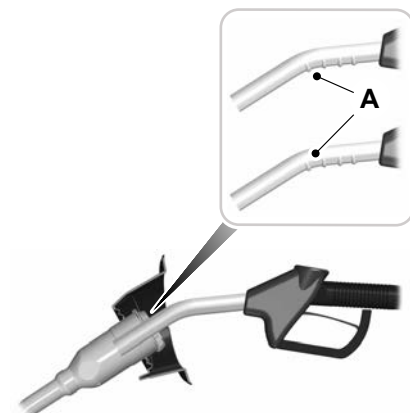
Điền đầy

CẢNH BÁO



Ngừng đổ thêm nhiên liệu khi đầu bơm ngừng bơm lần thứ hai. Nếu đổ thêm, nhiên liệu sẽ điền vào không gian giãn nở trong bình nhiên liệu và có thể dẫn đến tràn nhiên liệu. Nhiên liệu tràn ra có thể gây nguy hiểm cho những người khác lưu thông trên đường.

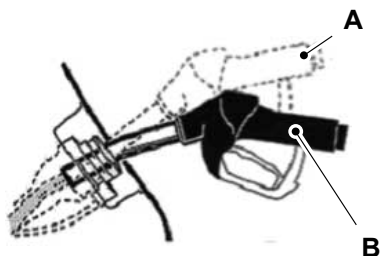
Ghi Chú: Khi bạn đưa đầu bơm nhiên liệu vào, một tấm chắn sẽ mở ra nếu đầu bơm đúng cỡ. Điều này giúp tránh được việc đổ nhiên liệu không đúng chủng loại.



E139202

1. Đưa vòi phun nhiên liệu đến tận và bao gồm cả nắp thứ nhất trên vòi phun **A**. Giữ cho nó nằm trên nắp che lỗ ống nhiên liệu.

Nhiên liệu và nạp thêm nhiên liệu

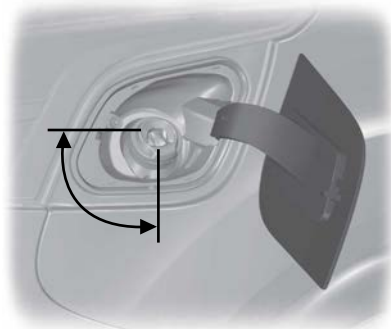


E139203

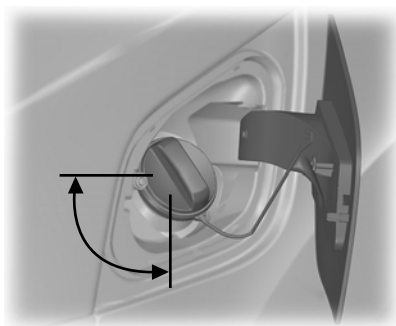
- A Vị trí đúng
B Vị trí đúng

3. Không nâng đầu vòi lên khi điền nhiên liệu. Việc này có thể ảnh hưởng đến lưu lượng nhiên liệu và ngắt đầu súng bơm khi bình nhiên liệu chưa đầy.

4. Thao tác đầu súng bơm trong khu vực được thể hiện.



E139205



E144296

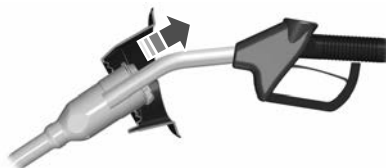
CÁC CẢNH BÁO



Chúng tôi khuyên nghị bạn rút đầu bơm nhiên liệu chậm để cho phép nhiên liệu dư chảy hết vào trong bình nhiên liệu. Hoặc bạn có thể chờ 10 giây sau đó mới rút đầu bơm nhiên liệu ra.



Không rút đầu bơm nhiên liệu ra từ vị trí nằm hoàn toàn bên trong trong quá trình điền nhiên liệu.



E119081

5. Nâng nhẹ đầu bơm nhiên liệu để rút nó ra.

Điền nhiên liệu từ can nhiên liệu

Sử dụng phễu có ở khoang bánh dự phòng.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Nhiên liệu và nạp thêm nhiên liệu

Focus

Các thông số mức tiêu hao nhiên liệu

Khác nhau	Thành phố	Đường trường	Được kết hợp	Phát thải khí CO ₂
	l/100 km (mpg)	l/100 km (mpg)	l/100 km (mpg)	g/km
Động cơ Sigma - 1.6L Duratec-16V Ti-VCT, hộp số sàn	8,7 (32,5)	4,9 (57,6)	6,3 (44,8)	147
Động cơ Sigma - 1.6L Duratec-16V Ti-VCT, các xe được trang bị hộp số tự động	9,3 (30,4)	4,9 (57,7)	6,5 (43,5)	153
Động cơ 2.0L Duratec - HE (MI4), các xe được trang bị hộp số sàn	9,2 (30,7)	5,1 (55,4)	6,6 (42,8)	154
Động cơ 2.0L Duratec - HE (MI4), các xe được trang bị hộp tự động	9,4 (30,0)	5,2 (54,3)	6,7 (42,2)	156
Động cơ diesel - 2.0L Duratorq-TDCi (DW) - Diesel, các xe được trang bị hộp số sàn	6,4 (44,1)	4,4 (64,2)	5,1 (55,4)	134
Động cơ diesel - 2.0L Duratorq-TDCi (DW) - Diesel, các xe được trang bị hộp số tự động	6,8 (41,5)	4,6 (61,4)	5,4 (52,3)	142

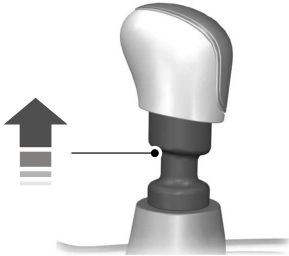
Hộp số

HỘP SỐ THƯỜNG

Cài số lùi

CHÚ Ý

⚠ Không cài số lùi khi xe đang di chuyển. Vì việc này có thể làm hỏng hộp số.



E99067

Trên một số phiên bản, phải nâng vòng trên cần số mới có thể vào số lùi.

Xe trang bị hộp số 5 cấp số tiền

CHÚ Ý

⚠ Đạp bàn đạp ly hợp hết hành trình và chờ trong vòng 3 giây trước khi cài số lùi.

HỘP SỐ TỰ ĐỘNG

Các vị trí cần số



E133124

- | | |
|---|---------------------------------------|
| P | Số đỗ (P) |
| R | Số lùi |
| N | Số trung gian |
| D | Số tiến |
| S | Chế độ thể thao và chuyển số bằng tay |
| + | Lên số bằng tay |
| - | Về số bằng tay |

CẢNH BÁO



Đạp phanh trước khi di chuyển cần số và tiếp tục giữ chân phanh cho đến khi khởi hành.

Nhấn nút trên cần số để chuyển vị trí cần số.

Vị trí cần số sẽ được thể hiện trên màn hình thông tin.

Số đỗ (P)

CÁC CẢNH BÁO



Chỉ chuyển về số đỗ khi xe dừng hẳn.

Hộp số

CÁC CẢNH BÁO



Kéo phanh tay và về số đỗ trước khi bạn rời xe. Đảm bảo cần số được hãm chắc chắn tại chỗ.

Ghi Chú: Âm thanh báo sẽ kêu nếu bạn mở cửa lái và chưa về số đỗ.

Ở vị trí này, lực kéo không được truyền đến các bánh xe chủ động và hộp số bị khóa lại. Bạn có thể khởi động động cơ khi cần số ở vị trí này.

Số lùi (R)

CÁC CẢNH BÁO



Chỉ về số lùi khi xe dừng hẳn và động cơ ở tốc độ không tải.



Luôn dừng xe hoàn toàn trước khi về số lùi.

Chọn số lùi cho phép xe di chuyển lùi.

Số trung gian (N)

Ở vị trí này, lực kéo không được truyền đến các bánh xe chủ động và hộp số không bị khóa. Bạn có thể khởi động động cơ khi cần số ở vị trí này.

Số tiền (D)

Ghi Chú: Việc chuyển số chỉ được thực hiện khi tốc độ của xe và số vòng quay động cơ tương ứng với nhau.

Ghi Chú: Bạn có thể tạm thời lên số bằng cách sử dụng nút + và -.

Chọn tay số tiền để hộp số tự động chuyển giữa các cấp số tiền.

Hộp số sẽ chọn cấp số phù hợp để có công suất tối ưu dựa vào nhiệt độ môi trường, độ dốc của đường, tải trọng và cách lái xe.

Chế độ thể thao và chuyển số bằng tay

Chế độ thể thao

Ghi Chú: Ở chế độ **Thể thao** hộp số vận hành bình thường nhưng các số sẽ được gài nhanh hơn và ở tốc độ động cơ lớn hơn.

Ghi Chú: Ở chế độ **Thể thao** chữ **S** sẽ xuất hiện trên bảng táp lô.

Kích hoạt chế độ **Thể thao** bằng cách di chuyển cần số sang vị trí **S**. Chế độ **Thể thao** sẽ tiếp tục hoạt động cho đến khi bạn lên số hoặc về số bằng tay bằng cách sử dụng + và -, hoặc chuyển cần số về vị trí **D**.

Chuyển số bằng tay

CẢNH BÁO



Không giữ các nút lâu ở vị trí - hoặc +.

CHÚ Ý



Hộp số sẽ tự động về số nếu số vòng tua động cơ quá thấp.

Nhấn nút - để về số và nhấn nút + để lên số.

Có thể bỏ qua các số bằng cách nhấn các nút nhiều lần trong thời gian ngắn.

Chế độ bằng tay cũng cho phép thực hiện chế độ vượt xe. Tham khảo phần **Chế độ vượt xe**.

Các lời khuyên khi lái xe sử dụng hộp số tự động

CHÚ Ý



Không để động cơ chạy ở chế độ không tải trong thời gian dài khi đạp phanh.

Khởi hành

1. Nhả phanh tay.

Hộp số

2. Nhả phanh chân và nhấn bàn đạp ga.

Dừng xe

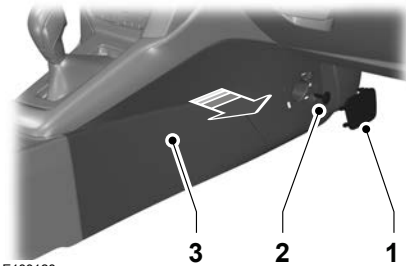
1. Nhả bàn đạp ga và đạp bàn đạp phanh.
2. Kéo phanh tay.
3. Chuyển cần số về số trung gian hoặc số đỗ.

Chê độ vượt xe

Đạp bàn đạp ga hết hành trình với cần số ở vị trí số tiền (D) để chuyển về số tiếp theo thấp nhất và đạt được công suất tối ưu. Nhả dẫn bàn đạp ga khi bạn không cần dùng chê độ này nữa.

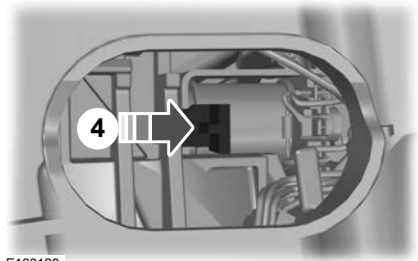
Cần nhả số đỗ trong trường hợp khẩn cấp

Sử dụng cần này để di chuyển cần số ra khỏi vị trí số đỗ trong trường hợp có trục trặc hệ thống điện hoặc ắc quy hết điện.



E133128

1. Tháo nắp đậy một cách cẩn thận.
2. Tháo kẹp giữ.
3. Tháo tấm ốp bên hông hộp đồ sà xe.



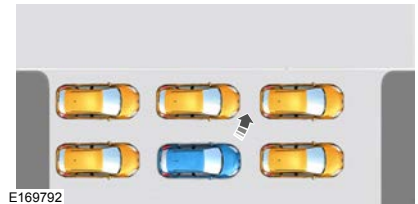
E133129

Ghi Chú: Cần có màu trắng.

4. Đạp bàn đạp phanh. Sử dụng dụng cụ phù hợp nhấn và giữ cần về phía trước trong khi kéo cần số ra khỏi vị trí số đỗ và vào vị trí số trung gian.

ĐIỀU KHIỂN KHÓA ĐỖ XE

Hệ thống điều khiển khóa số đỗ cho phép bạn chuyển số hộp số tự động từ số P (số đỗ) sang số N (số trung gian) sau khi tắt khóa điện. Bạn có thể sử dụng tính năng này khi đỗ xe cạnh một xe khác. Đỗ xe của bạn song song với một xe đã đỗ trước đó được gọi là ghép đôi.



E169792

Ghi Chú: Tính năng này có thể được bật hoặc tắt trên đồng hồ hiển thị thông tin. Tham khảo **Thông tin chung** (trang 72).

Ghi Chú: Với những xe không trang bị đồng hồ hiển thị thông tin, hãy đền đại lý được ủy quyền để được trợ giúp.

Ghi Chú: Bạn phải bật chìa khóa điện khi kích hoạt hoặc ngắt tính năng điều khiển khóa số đỗ.

Tiến hành các bước sau trong 30 giây sau khi bạn tắt chìa khóa điện và trước khi mở cánh cửa bên lái.

1. Chọn số đỗ và tắt khóa điện.
2. Rút chìa khóa.
3. Nhấn và giữ bàn đạp phanh.
4. Chọn số trung gian.

Ghi Chú: Việc mở cánh cửa bên lái hoặc qua 30 giây sau khi bạn tắt chìa khóa điện sẽ ngắt tính năng điều khiển khóa số đỗ, cho đến lần khởi động xe tiếp theo.

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

Ghi Chú: Tùy thuộc vào luật và quy định tại nơi sản xuất ra chiếc xe, đèn phanh có thể nhấp nháy bạn phanh gấp.

Ghi Chú: Tiếng ồn thi thoảng của hệ thống phanh là bình thường và không có nghĩa là hệ thống có lỗi. Khi vận hành bình thường, hệ thống có thể thi thoảng có tiếng ồn rít hoặc tiếng lầm rầm khi đạp phanh. Tiếng ồn khi phanh như vậy thường có nguyên nhân từ điều kiện môi trường như lạnh, nóng, ẩm, bụi bẩn, cát hoặc bùn.

Phanh đĩa

Đĩa phanh ướt sẽ làm giảm hiệu quả phanh. Đạp bàn đạp phanh khi lái xe ra khỏi trạm rửa xe để loại bỏ màng nước trên đĩa phanh.

Hệ thống phanh ABS

CẢNH BÁO



Kể cả khi có trang bị hệ thống phanh ABS bạn vẫn phải lái xe rất cẩn thận và chú ý.

Hệ thống phanh ABS sẽ giúp bạn duy trì khả năng lái và ổn định hướng khi phanh gấp thông qua việc chống bó cứng bánh xe.

NHỮNG GỢI Ý KHI LÁI XE CÓ TRANG BỊ PHANH ABS

Ghi Chú: Khi hệ thống đang hoạt động, bạn đạp phanh sẽ rung động và có thể di chuyển nhiều hơn. Cần duy trì lực đạp chân phanh. Bạn có thể nghe thấy tiếng ồn từ hệ thống. Đây là điều bình thường.

Hệ thống ABS sẽ không loại bỏ được các rủi ro khi:

- bạn lái xe quá gần xe phía trước
- khi các bánh xe bị hiện tượng trượt trên đoạn đường có nước
- bạn rẽ quá nhanh
- mặt đường quá xấu.

PHANH TAY

CẢNH BÁO



Với xe sử dụng hộp số tự động, luôn để cần số ở vị trí số **P (ĐỖ)**.

- Đạp bàn đạp phanh xuống sâu.
- Kéo cần phanh tay lên vị trí cao nhất.
- Không bấm công tắc nhả khi kéo cần phanh tay lên.
- Khi xe đang đỗ trên dốc lên, chọn số 1 hoặc số **P (ĐỖ)** và quay vô lăng cho xe hướng ra xa lề đường.
- Khi xe đang đỗ trên dốc xuống, chọn số lùi hoặc số **P (ĐỖ)** và quay vô lăng cho xe hướng về phía lề đường.

Để nhả phanh tay, đạp sâu bàn đạp phanh, kéo nhẹ cần phanh tay, nhấn nút nhả và đẩy cần phanh tay xuống.

ĐIỀU KHIỂN ỔN ĐỊNH XE

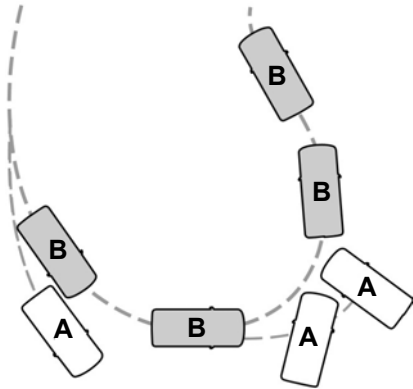
NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

Chương trình cân bằng điện tử (ESP)

CẢNH BÁO



Kể cả khi được trang bị ESP, bạn vẫn cần phải lái xe chú ý và cẩn thận.



E72903

- A không trang bị ESP
- B trang bị ESP

ESP sẽ giúp cân bằng khi xe bắt đầu trượt ra khỏi đường đi. Việc này được thực hiện bởi việc phanh riêng rẽ từng bánh xe và giảm mômen quay của động cơ ở mức cần thiết.

Hệ thống cũng có chức năng kiểm soát lực kéo tăng cường thông qua việc giảm mômen động cơ nếu bánh xe trượt quay khi bạn tăng tốc. Điều này giúp cải thiện khả năng chuyển bánh trên những đoạn đường trơn trượt hoặc mặt đường yếu và cải thiện độ tiện nghi bằng cách hạn chế hiện tượng quay trượt của bánh xe ở những chỗ cua ngoặt.

Đèn báo điều chỉnh cân bằng (ESP)

Đèn báo ESP sẽ nhấp sáng khi hệ thống hoạt động. Tham khảo **Đèn cảnh báo và chỉ báo** (trang 68).

Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp

CẢNH BÁO



Kể cả khi có trang bị hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp, bạn vẫn cần phải lái xe chú ý và cẩn thận.

Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp sẽ nhận biết khi bạn phanh gấp bằng cách đo tốc độ đạp phanh của bạn. Hệ thống này cho hiệu quả phanh tối đa khi bạn đạp phanh. Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp có thể làm giảm khoảng cách phanh trong tình huống nghiêm trọng.

Hệ thống điều chỉnh cân bằng rơ moóc

CẢNH BÁO



Kể cả khi có hệ thống điều chỉnh cân bằng rơ moóc, bạn vẫn cần phải kéo xe cẩn thận và chú ý.

Hệ thống điều chỉnh cân bằng rơ moóc là một đặc tính cải tiến của chương trình ESP, và tự động nhận biết khi rơ moóc gắn kèm bắt đầu rung lắc.

Nếu tình huống này xảy ra thì hệ thống sẽ tự động phanh từng bánh xe để giữ cho rơ moóc và xe được ổn định. Trong trường hợp phát hiện thấy tình trạng rung lắc thực sự nghiêm trọng, mômen quay của động cơ sẽ bị giảm đi và xe sẽ tự động chạy chậm lại.

Điều khiển ổn định xe

SỬ DỤNG ĐIỀU KHIỂN ỔN ĐỊNH

- 1.0L ECOBOOST™/1.6L
DURATEC-16V (SIGMA)/1.6L
ECOBOOST SCTI (SIGMA)/
2.0L DURATEC-HE (MI4), 1.6L
DURATORQ-TDCI (DV) DẦU/
2.0L DURATORQ-TDCI (DW)
DẦU

Ghi Chú: Hệ thống sẽ được bật lên một cách tự động khi bạn bật chìa khóa điện.

Để tắt hoặc bật hệ thống. Tham khảo **Hiển thị thông tin** (trang 72).

Trợ giúp đỗ xe

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

CẢNH BÁO



Hệ thống này không giảm trách nhiệm của bạn trong việc lái xe cẩn trọng và chú ý.

CÁC CHÚ Ý



Xe được lắp mô đun kéo móc không đúng chủng loại có thể không phát hiện đúng các chướng ngại vật.



Các bộ cảm biến có thể không phát hiện được các vật trong điều kiện mưa to hay trong những điều kiện khác mà có thể gây ra các phản xạ ngất ngưởng.



Các bộ cảm biến có thể không phát hiện được các vật có bề mặt hấp thụ sóng siêu âm.



Hệ thống hỗ trợ đỗ xe không thể phát hiện được các chướng ngại vật di chuyển ra xa khỏi xe. Chúng chỉ được phát hiện ngay sau khi bắt đầu di chuyển trở lại về phía xe.



Nếu sử dụng vòi nước áp suất cao để rửa xe thì chỉ được phun vào các bộ cảm biến trong chốc lát từ khoảng cách ít nhất là 20cm (8 inch).



Hệ thống hỗ trợ đỗ xe truyền âm báo thông qua hệ thống âm thanh do chúng tôi lắp đặt và phê duyệt. Nếu hệ thống âm thanh không hoạt động thì hệ thống hỗ trợ đỗ xe cũng không hoạt động.

Ghi Chú: Trên xe có lắp đòn kéo rơ móc, hệ thống hỗ trợ đỗ xe sẽ ngừng hoạt động một cách tự động khi bất kỳ đèn báo kéo móc (hoặc bằng điều khiển chiếu sáng) được nối với giắc 13 chân thông qua mô đun kéo móc được phê duyệt.

Ghi Chú: Giữ cho các bộ cảm biến không bị dính bụi bẩn, băng và tuyết. Không vệ sinh các bộ cảm biến bằng các vật sắc.

Ghi Chú: Hệ thống hỗ trợ đỗ xe có thể phát ra âm thanh sai nếu nó bắt được tín hiệu có cùng tần số với các bộ cảm biến hoặc nếu xe được chắt tải đầy.

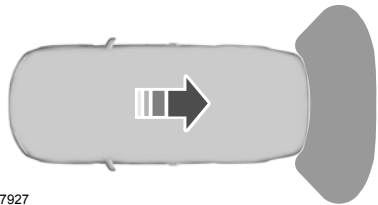
Ghi Chú: Các bộ cảm biến phía ngoài có thể phát hiện ra tường của nhà để xe. Nếu khoảng cách giữa bộ cảm biến phía ngoài và tường bên không đối trong vòng ba giây thì âm báo sẽ tắt. Khi bạn tiếp tục, các bộ cảm biến phía trong sẽ phát hiện ra các vật ở phía sau.

HỆ THỐNG HỖ TRỢ ĐỖ XE - XE ĐƯỢC TRANG BỊ : HỖ TRỢ ĐỖ XE PHÍA SAU

CẢNH BÁO



Kể cả khi xe được trang bị hệ thống hỗ trợ đỗ xe thì bạn vẫn cần phải lái xe chú ý và cẩn thận.

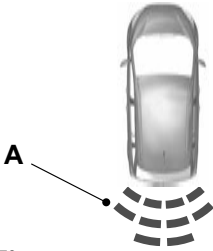


E77927

Hệ thống hỗ trợ đỗ xe được tự động bật khi bạn cài số lùi trong khi khóa điện được mở.

Bạn sẽ nghe tiếng chuông báo không liên tục khi cản sau cách chướng ngại vật khoảng 150cm và cách chướng ngại vật 50cm về phía cạnh. Khi khoảng cách giảm xuống thì âm thanh dứt quãng sẽ phát ra nhanh hơn.

Trợ giúp đỗ xe



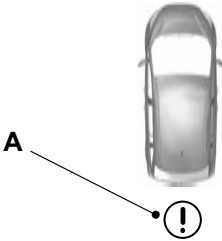
E130178

A Bộ chỉ báo khoảng cách.

Khi khoảng cách giảm xuống, bộ chỉ báo khoảng cách sẽ di chuyển về phía xe.

Tiếng chuông báo sẽ kêu liên tục khi khoảng cách từ cản sau tới chướng ngại vật nhỏ hơn 30cm.

Ghi Chú: Trên các xe có lắp thanh kéo được chúng tôi chứng nhận, sẽ có một loạt tiếng báo liên tục khi khoảng cách tới cản sau bằng 45cm (18 inch).



E130179

A Đèn báo lỗi

Ghi Chú: Nếu có báo lỗi thì hệ thống sẽ bị vô hiệu hóa. Cần nhờ kỹ thuật viên có chuyên môn phù hợp kiểm tra hệ thống.



E130180

Biểu tượng rơ moóc báo hiệu rằng xe có gắn rơ moóc và hệ thống bị ngắt.

HỆ THỐNG HỖ TRỢ ĐỖ XE - XE ĐƯỢC TRANG BỊ : HỖ TRỢ ĐỖ XE PHÍA TRƯỚC VÀ SAU

CẢNH BÁO



Kể cả khi xe được trang bị hệ thống hỗ trợ đỗ xe thì bạn vẫn cần phải lái xe chú ý và cẩn thận.

Bật và tắt hệ thống hỗ trợ đỗ xe

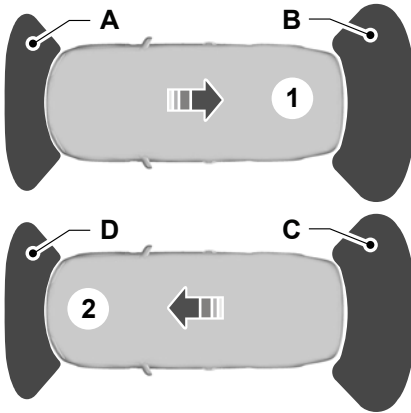
Hệ thống hỗ trợ đỗ xe mặc định ở chế độ tắt. Để bật hệ thống hỗ trợ đỗ xe, cài số lùi hoặc ấn nút trên bảng táp lô. Để biết vị trí các chi tiết: Tham khảo **Khởi động nhanh** (trang 11).

Đèn trên nút bật sẽ sáng khi hệ thống hỗ trợ đỗ xe hoạt động.

Để tắt hệ thống, ấn nút thêm lần nữa.

Trợ giúp đỗ xe

Thao tác với hệ thống hỗ trợ đỗ xe



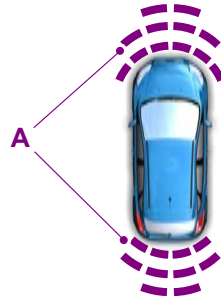
E130381

- 1 Chọn số lùi
- 2 Chọn số trung gian hoặc số tiến
- A Hiển thị và âm thanh
- B Hiển thị và âm thanh
- C Chỉ hiển thị
- D Hiển thị và âm thanh

Bạn sẽ nghe thấy một âm thanh ngắt quãng khi ba đèn xóc sau cách khoảng 150cm (59 inch) so với vật cản, và khi ba đèn xóc trước cách khoảng 80cm (31 inch) so với vật cản và khoảng 50cm (20 inch) đối với sườn xe. Khi khoảng cách giảm xuống thì âm thanh dứt quãng sẽ phát nhanh hơn. Âm thanh liên tục sẽ xuất hiện khi khoảng cách nhỏ hơn 30cm (11 inch) với ba đèn xóc trước hoặc sau.

Ghi Chú: Khi xe có lắp thanh kéo được chúng tôi chấp nhận, âm thanh liên tục sẽ báo khi khoảng cách vật cản tới ba đèn xóc phía sau khoảng 45cm (18 inch).

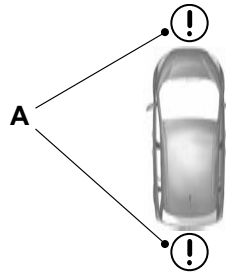
Bạn sẽ nghe thấy âm thanh xen kẽ từ trước và sau nếu vật cản gần ba đèn xóc trước và sau gần hơn 30cm (12 inch).



E130382

A Đèn báo khoảng cách.

Khi khoảng cách giảm xuống, đèn báo khoảng cách sẽ di chuyển về phía xe.



E130383

A Đèn báo lỗi.

Ghi Chú: Nếu có báo lỗi thì hệ thống sẽ bị vô hiệu hóa. Hệ thống cần phải được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn.



E130180

Trợ giúp đỗ xe

Biểu tượng rơ moóc báo rằng đang gắn một rơ moóc và cảm biến sau sẽ ngắt.

Điều khiển ga tự động

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

CẢNH BÁO



Hệ thống này không giảm trách nhiệm của bạn hãy lái xe cẩn trọng và chú ý.

Điều khiển ga tự động cho phép bạn điều khiển tốc độ bằng cách sử dụng các công tắc trên vô lăng. Bạn có thể sử dụng chức năng điều khiển ga tự động nếu tốc độ vượt quá 30 km/giờ.

SỬ DỤNG ĐIỀU KHIỂN GA TỰ ĐỘNG

CẢNH BÁO



Không sử dụng chế độ điều khiển ga tự động trên đường đông, đường ngoằn ngoèo hay khi mặt đường trơn trượt.

Bật chế độ điều khiển ga tự động



E153843

Ghi Chú: Hệ thống sẵn sàng để bạn chọn tốc độ xe.

Chọn tốc độ

Ấn nút **SET+** hoặc **SET-** để lưu lại và duy trì tốc độ hiện tại. Đèn báo chế độ điều khiển ga tự động sẽ sáng. Tham khảo **Đèn cảnh báo và chỉ báo** (trang 68).

Thay đổi tốc độ đã chọn

CẢNH BÁO



Khi bạn đi xuống dốc, tốc độ có thể tăng cao hơn tốc độ đã chọn. Hệ thống sẽ không kích hoạt hệ thống phanh. Trả về số nhỏ hơn và nhấn nút **SET-** để hỗ trợ hệ thống duy trì tốc độ đã chọn.

Ghi Chú: Nếu bạn đạp bàn đạp ga để tăng tốc, tốc độ đã chọn sẽ không thay đổi. Khi bạn nhả bàn đạp ga, bạn sẽ trở về tốc độ đã chọn trước đó.



E153844

A Tăng tốc

B Giảm tốc

Hủy tốc độ đã được chọn

Đạp bàn đạp phanh hoặc nhấn công tắc **CAN**.

Điều khiển ga tự động

Ghi Chú: Hệ thống sẽ không còn điều khiển tốc độ của xe nữa. Đèn báo chế độ điều khiển ga tự động sẽ tắt nhưng hệ thống tiếp tục duy trì tốc độ bạn đã chọn trước đó.

Trở về tốc độ đã chọn

Nhấn công tắc **RES**.

Đèn báo chế độ điều khiển ga tự động sẽ sáng và hệ thống sẽ trở về tốc độ bạn đã chọn trước đó.

Tắt chế độ điều khiển ga tự động



E153843

Hệ thống sẽ không duy trì tốc độ bạn đã chọn trước đó. Đèn báo chế độ điều khiển ga tự động sẽ tắt.

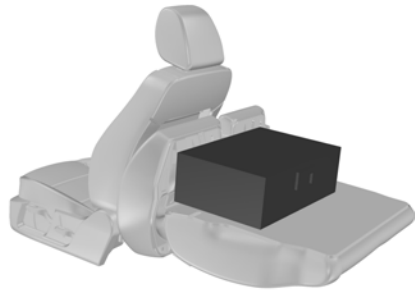
THÔNG TIN CHUNG

CÁC CẢNH BÁO

-  Sử dụng dây chằng hành lý theo tiêu chuẩn được phê duyệt, chẳng hạn như DIN.
-  Bảo đảm bạn buộc chắc chắn các hành lý lỏng lẻo.
-  Đặt hành lý càng thấp và tiến về phía trước trong khoang hành lý càng tốt.
-  Không lái xe trong khi cửa hậu hoặc cốp sau mở. Khí thải có thể bay vào trong xe.
-  Không chở quá tải lên cầu trước và cầu sau. Tham khảo **Nhận dạng xe** (trang 213).
-  Khi cho hàng nặng vào khoang hành khách, cần phải đặt phía trên ghế hàng sau đã được gập theo hình vẽ. Tham khảo **Ghế sau** (trang 103).

CÁC CHÚ Ý

-  Không để đồ đạc chạm vào kính hậu.
-  Không sử dụng bất kỳ vật liệu ráp nào để lau phía trong kính hậu.
-  Không dán nhãn dán lên phía trong kính hậu.

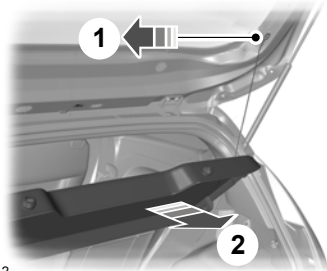


E97377

NẮP KHOANG HÀNH LÝ

CHÚ Ý

-  Không đặt các đồ vật lên nắp đậy hành lý.



E72512

KÉO RỜ-MỐC

CÁC CẢNH BÁO



Không được vượt quá tốc độ 100 km/h (62 dặm/giờ). Việc không chú ý có thể gây ra mất điều khiển xe, chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.



Áp suất lốp sau phải cao hơn tiêu chuẩn 0,2 bar (3 psi). Tham khảo **Thông số kỹ thuật** (trang 165). Việc không tuân theo các cảnh báo có thể dẫn đến mất điều khiển xe, chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.



Không được đặt trọng lượng lớn quá mức cho phép lên mũi móc, ví dụ như tải trọng thẳng đứng trên khớp nối cầu. Tham khảo **Trọng lượng kéo khuyến cáo** (trang 130). Không tuân theo cảnh báo này có thể dẫn tới mất khả năng điều khiển xe, gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

Đặt các tải trọng ở vị trí thấp nhất và ở chính giữa các trục bánh xe của rơ móc. Nếu bạn đang kéo bằng một chiếc xe không tải, tải trọng trên rơ móc nên được đặt gần nhất về phía mũi kéo, trong phạm vi tải cho phép của mũi để mang lại sự ổn định tốt nhất cho chiếc xe.

Sự ổn định của xe với rơ móc phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng rơ móc.

Ở những vùng có độ cao hơn 1000m (3281 feet) tổng trọng lượng kéo tối đa cho phép phải giảm 10% khi độ cao tăng thêm mỗi 1000m (3281 feet).

Ghi Chú: Hệ thống điện không phù hợp cho các móc kéo có nhiều hơn một đèn sương mù sau hoặc các móc kéo có đèn LED.

Ghi Chú: Không phải tất cả các xe đều phù hợp hoặc được chấp thuận để lắp các thanh móc kéo. Hãy liên hệ đại lý được ủy quyền của bạn để có thêm thông tin.

Độ dốc lớn

CẢNH BÁO



Hệ thống phanh chống bó cứng không kiểm soát hiện tượng phanh quá lớn trên rơ móc. Việc không chú ý có thể gây ra mất điều khiển xe, chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

Sử dụng số thấp khi xe đi xuống trên đường có độ dốc lớn.

TRỌNG LƯỢNG KÉO KHUYẾN CÁO (NẾU ĐƯỢC TRANG BỊ)

Ghi Chú: Xe của bạn không được kéo móc vượt quá khối lượng được ghi trong bảng dưới đây.

Ghi Chú: Có các giới hạn về mặt pháp lý về khối lượng được kéo lớn nhất. Điều này thay đổi tùy thuộc vào khu vực mà xe của bạn hoạt động. Kiểm tra các điều luật và quy định của địa phương trước khi kéo móc.

Kéo xe

Khả năng kéo

Phiên bản	Hộp số	Kiểu thân xe	Không có phanh móc kéo	Có phanh móc kéo
Động cơ xăng 1.6L	Số sàn	4 cửa và 5 cửa	645 kg	750 kg
	Số tự động	4 cửa	750 kg	800 kg
Động cơ xăng 2.0L	Số sàn	4 cửa và 5 cửa	750 kg	1.100 kg
	Số tự động	4 cửa	500 kg	500 kg
Động cơ diesel 2.0L	Số sàn	5 cửa	730 kg	950 kg
	Số tự động	4 cửa và 5 cửa	730 kg	950 kg

Trọng lượng mũi móc kéo quy định

Trọng lượng móc kéo	Trọng lượng mũi móc kéo quy định
Lên tới 750 kg	10% trọng lượng móc kéo
Vượt quá 750 kg	75 kg

KIỂM TRA CÁC ĐIỂM CHÍNH KHI KÉO XE

Tuân theo các hướng dẫn sau để kéo móc an toàn:

- Không kéo móc cho tới khi xe bạn đã chạy được ít nhất 1000 dặm (1600 km).
- Tham khảo luật phương tiện hiện hành của khu vực của bạn về việc kéo móc.
- Xem các hướng dẫn kèm theo các phụ kiện của móc để lắp ráp và điều chỉnh đúng thông số kỹ thuật.
- Nếu bạn thuê móc, tuân theo các hướng dẫn mà đại lý cho thuê đưa cho bạn.

Hãy nhớ tính cả tải trọng của đầu móc của móc kéo vào khi tính tải trọng xe của bạn.

Xích an toàn

Ghi Chú: Không được nối xích an toàn vào ba dờ xôc.

Luôn luôn nối xích an toàn vào móc giữ trên thân xe của bạn.

Để nối xích an toàn của móc kéo, luồn chúng dưới đầu móc và để dài một khoảng đủ khi vào góc cua hẹp. Không để xích bị kéo lê dưới mặt đường.

Phanh móc

CẢNH BÁO



Không kết nối hệ thống phanh thủy lực của móc trực tiếp với hệ thống phanh của xe. Xe của bạn có thể không đủ lực phanh và khả năng bị va chạm sẽ tăng lên rất nhiều.

Các loại phanh điện và các phanh móc tay, tự động hoặc loại rung đều an toàn nếu bạn lắp chúng đúng cách và điều chỉnh theo đúng thông số kỹ thuật của nhà sản xuất. Phanh móc kéo phải đạt các quy định của vùng và địa phương.

Định mức vận hành hệ thống phanh của xe móc kéo là ở tổng tải trọng toàn bộ xe, chứ không phải là tải trọng kết hợp.

Đèn móc kéo

CẢNH BÁO



Không được kết nối dây điện của đèn móc kéo với dây điện của đèn hậu xe kéo; điều này có thể gây hư hại hệ thống điện và dẫn tới cháy. Liên hệ với đại lý ủy quyền để được giúp đỡ khi lắp nối dây điện móc kéo. Có thể cần yêu cầu thêm các thiết bị điện khác.

Đối với hầu hết các móc kéo đều yêu cầu có đèn móc. Hãy đảm bảo rằng tất cả các đèn đang chạy, đèn phanh, đèn báo rẽ và đèn nguy hiểm đều hoạt động.

Trước khi kéo móc

Hãy luyện tập rẽ, dừng và lùi xe để có cảm giác lái kết hợp giữa xe của bạn và móc kéo trước khi bắt đầu hành trình. Khi rẽ, hãy vào cua rộng để móc kéo có thể tránh các rìa đường và các vật cản khác.

Khi kéo một móc kéo

- Không đạp ga hết cỡ khi khởi hành.
- Kiểm tra phần móc kéo, kết nối điện và các bu lông bánh xe móc kéo cẩn thận sau khi bạn đã chạy được 50 dặm (80 km).
- Khi dừng xe ở nút giao nhau hoặc đường đông vào mùa nóng, hãy chuyển cần số về vị trí **P** để hỗ trợ hệ thống làm mát động cơ và hộp số và hiệu quả làm việc của điều hòa.

Kéo xe

- Tắt hệ thống điều khiển tốc độ khi chạy tải lớn hoặc ở vùng đồi núi. Hệ thống điều khiển tốc độ có thể tự động tắt khi bạn chạy xe kéo móc trong thời gian dài.
- Chuyển xuống số thấp khi lái xe xuống dốc dài hoặc rất dốc. Không phanh liên tục, vì khi đó phanh có thể bị quá nóng và kém hiệu quả.
- Quãng đường phanh sẽ dài hơn khi có nối móc kéo. Ước lượng khoảng dừng và phanh từ từ.
- Tránh đỗ xe trên chỗ dốc. Tuy nhiên nếu bạn phải đỗ ở chỗ dốc:
 1. Đánh lái vô lăng tới vị trí lốp không nằm trên hướng chuyển động của xe.
 2. Kéo phanh đỗ.
 3. Chuyển hộp số tự động về vị trí số **P**.
 4. Đặt chặn bánh xe cho các bánh xe trước và sau của móc kéo. (Chặn bánh xe không có kèm theo xe.)

Những gợi ý lái xe

CHẠY RÀ

Lốp xe

CẢNH BÁO



Lốp mới cần phải chạy rà trong khoảng 500km. Trong thời gian này, bạn sẽ có thể có cảm giác lái không bình thường.

Phanh và ly hợp

CẢNH BÁO



Sử dụng phanh và ly hợp càng ít càng tốt nếu có thể trong 150km (100 miles) đầu tiên trên đường thành phố và 1500km (1000 miles) đầu tiên trên đường cao tốc.

Động cơ

CHÚ Ý



Tránh chạy quá nhanh trong 1500km (1000 miles) đầu tiên. Thường xuyên thay đổi tốc độ và tay số. Không để động cơ làm việc quá tải.

CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA KHI THỜI TIẾT LẠNH

Hoạt động của một số bộ phận và hệ thống có thể bị ảnh hưởng khi nhiệt độ xuống dưới -30°C.

LÁI XE QUA KHU VỰC NGẬP NƯỚC

Lái xe qua đoạn nước sâu

CÁC CHÚ Ý



Chỉ lái xe qua đoạn nước sâu trong trường hợp khẩn cấp.

CÁC CHÚ Ý



Động cơ có thể hư hỏng nếu nước đi vào lọc gió.

Trong tình huống khẩn cấp, xe có thể được lái qua đoạn nước sâu tối đa 200mm (8 inch) và với tốc độ tối đa 10km/h (6 dặm/giờ). Cần đặc biệt cẩn thận khi đi xe qua đoạn nước chảy.

Khi lái xe trong nước, cần duy trì tốc độ thấp và không dừng xe. Sau khi đi qua chỗ nước, ngay khi có thể, thực hiện các bước sau:

- Đạp nhẹ phanh và kiểm tra việc đạt được hiệu quả phanh tối đa.
- Kiểm tra sự làm việc của còi.
- Kiểm tra các đèn vẫn hoạt động bình thường.
- Kiểm tra sự làm việc của bơm trợ lực lái.

BỘ DỤNG CỤ CẤP CỨU

Không gian được bố trí trong khoang hành lý.

TAM GIÁC PHẢN QUANG CẢNH BÁO NGUY HIỂM

Không gian được bố trí trong khoang hành lý.

Cầu chì

VỊ TRÍ HỘP CẦU CHÌ

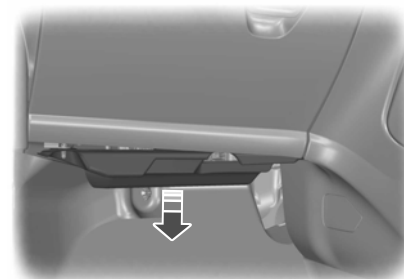
Hộp cầu chì trong khoang động cơ

Hộp cầu chì được đặt ở trong khoang động cơ. Tham khảo **Bảo dưỡng** (trang 145).

Hộp cầu chì trong khoang hành khách



E130170

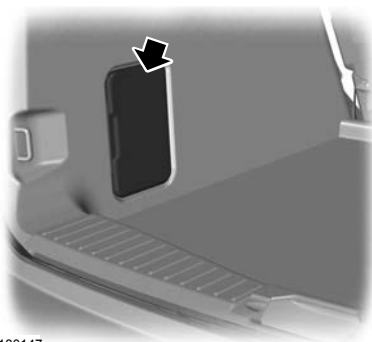


E130171

1. Bật các kẹp giữ để tháo vỏ hộp.
2. Hạ nắp hộp cầu chì xuống và kéo về phía bạn.

Lắp theo thứ tự ngược lại.

Hộp cầu chì ở trong khoang hàng hóa

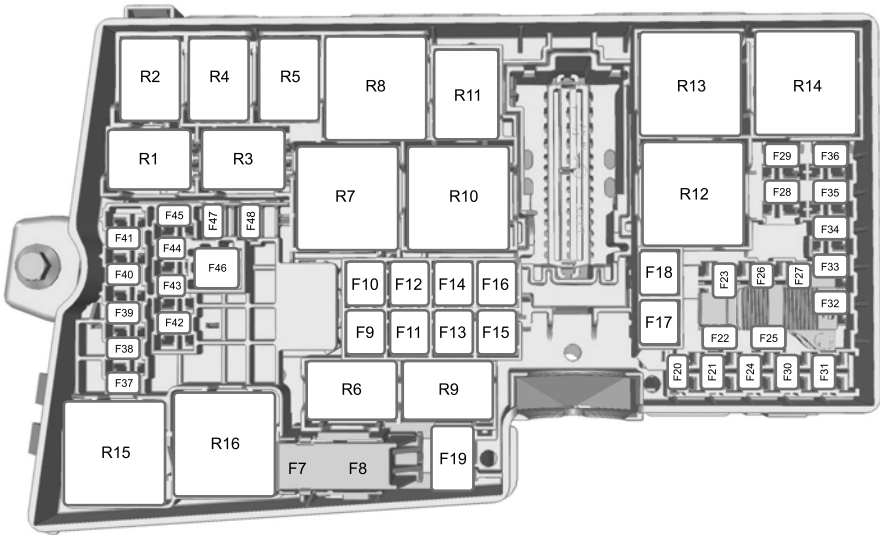


E130147

Cầu chì

BẢNG THÔNG SỐ CỦA CẦU CHỈ

Hộp cầu chì trong khoang động cơ



E129925

Cầu chì	Dòng điện định mức	Các mạch điện được bảo vệ
7	40	Bơm hệ thống chống bó cứng phanh, bơm chương trình cân bằng điện tử
8	30	Van chương trình cân bằng điện tử
9	30	Cửa kính sau có sây
10	40	Quạt gió sưởi ấm
11	40	Mô đun kéo xe
12	30	Hệ thống quản lý động cơ, rơ le tuần hoàn khí thải
13	30	Rơ le mô tơ để
14	40	Sây kính chắn gió (bên phải)

Cầu chì

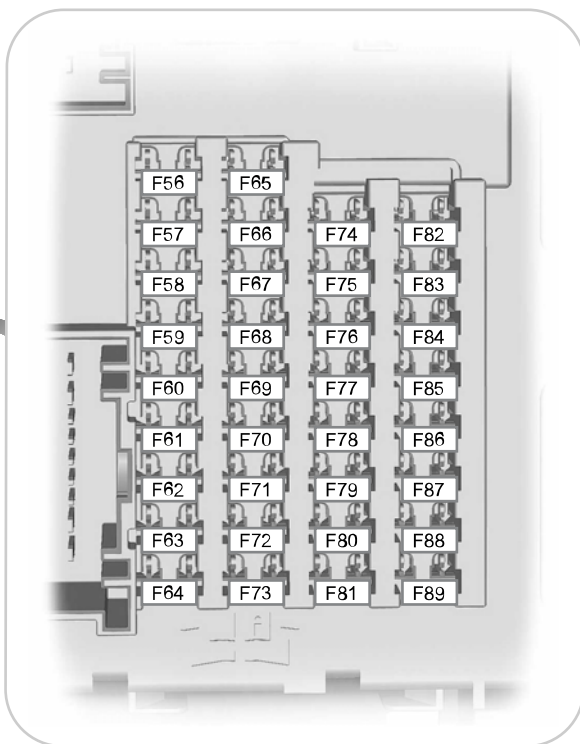
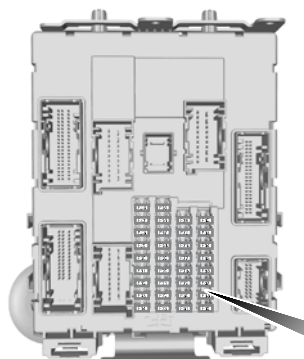
Cầu chì	Dòng điện định mức	Các mạch điện được bảo vệ
15	25	Mô đun điều khiển hộp số
16	40	Sây kính chắn gió (bên trái)
17	20	Châm thuốc lá phía trước
18	20	Cần gạt mưa
19	5	Hệ thống chống bó cứng phanh, mô đun chương trình cân bằng điện tử
20	15	Còi
21	5	Công tắc đèn phanh
22	15	Hệ thống giám sát điện áp ắc quy
23	5	Cuộn dây rơ le, mô đun công tắc điều khiển chiếu sáng
24	5	Công tắc cửa sổ điện (phía trước)
25	10	Gương điện chiếu hậu bên ngoài
26	15	Mô đun điều khiển hộp số
27	15	Ly hợp điều hòa
28	25	Cửa kính chỉnh điện (phía sau)
29	20	Bộ rửa đèn pha
30	5	Mô đun điều khiển hệ thống truyền lực (PCM)
31	-	Không được sử dụng
32	10	Van tuần hoàn khí thải, các van điều khiển dòng xoáy, cảm biến sấy nóng ô xi khí thải (quản lý động cơ), rơ le mô đun điều khiển quạt điện (cuộn dây)
33	10	Các van điều khiển động cơ, van lọc hơi xăng, van điều khiển tu bơm, cảm biến báo nước trong nhiên liệu
34	10	Các kim phun, rơ le bộ hóa hơi, van lọc hơi xăng
35	5	Lưới tản nhiệt chủ động (động cơ xăng), Rơ le bơm nước, Rơ le quạt làm mát khí nạp
35	15	Lưới tản nhiệt chủ động và lọc của bộ sấy (động cơ diesel)
36	10	Mô đun điều khiển hệ thống truyền lực (PCM)

Cầu chì

Cầu chì	Dòng điện định mức	Các mạch điện được bảo vệ
37	-	Không được sử dụng
38	15	Mô đun điều khiển hệ thống truyền lực, mô đun điều khiển hộp số
39	5	Mô đun điều khiển đèn pha (độ cao bóng đèn halogen)
40	5	Hệ thống lái trợ lực điện
41	20	Mô đun điều khiển thân xe
42	15	Cần gạt mưa sau
43	15	Mô đun điều khiển đèn pha (cường độ sáng), bộ chiếu sáng chủ động phía trước
44	5	Điều khiển ga tự động thích ứng
45	10	Vòi phun nước nóng
46	25	Cửa kính điện (trước)
47	7,5	Kính chiếu hậu ngoài có sấy
48	15	Bộ bay hơi

Cầu chì

Hộp cầu chì trong khoang hành khách



E129926

Cầu chì	Dòng điện định mức	Các mạch điện điều khiển
56	20	Nguồn cấp bơm nhiên liệu
57	-	Không được sử dụng
58	-	Không được sử dụng
59	5	Hệ thống chống trộm thụ động
60	10	Các đèn nội thất, hộp công tắc cạnh cửa người lái, hộp găng tay, ánh sáng môi trường, cửa sổ trời bằng điện

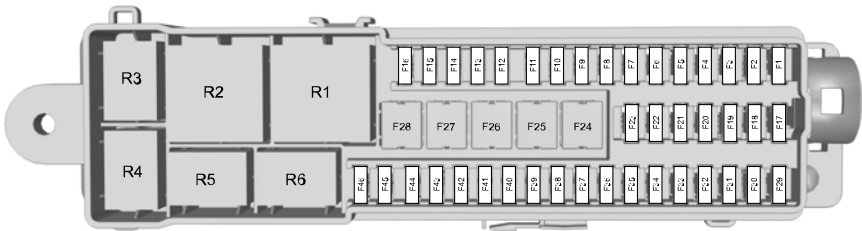
Cầu chì

Cầu chì	Dòng điện định mức	Các mạch điện điều khiển
61	-	Không được sử dụng
62	5	Mô đun cảm biến mưa, cảm biến độ ẩm, gương tự động mờ
63	10	Điều khiển ga tự động thích ứng
64	-	Không được sử dụng
65	10	Mở nắp khoang hành lý lỏng
66	20	Khóa cửa phía lái xe, khóa kép
67	7,5	Màn hình hiển thị thông tin và giải trí, GPS, kết nối điều khiển giọng nói qua bluetooth
68	15	Khóa trụ lái điện
69	5	Đồng hồ tấp lô
70	20	Khóa trung tâm
71	10	Điều hòa không khí
72	7,5	Mô đun điều khiển vô lăng
73	5	Hệ thống chẩn đoán
74	15	Chèn độ đèn pha
75	15	Đèn sương mù phía trước
76	10	Đèn lùi
77	20	Bơm nước rửa kính
78	5	Ổ khóa điện và công tắc khởi động
79	15	Bộ đài, nút khóa cửa và cảnh báo nguy hiểm
80	20	Cửa sổ trời dùng điện
81	5	Bộ thu nhận sóng radio
82	20	Mát bơm nước rửa kính
83	20	Mát khóa trung tâm
84	20	Mát mở khóa cửa lái và khóa kép

Cầu chì

Cầu chì	Dòng điện định mức	Các mạch điện điều khiển
85	7,5	Bộ sấy điều khiển khí hậu, mô đun bộ sấy điều hòa điều khiển bằng tay
86	10	Hệ thống túi khí
87	-	Không được sử dụng
88	-	Không được sử dụng
89	-	Không được sử dụng

Hộp cầu chì trong khoang chứa đồ



E129927

Cầu chì	Dòng điện định mức	Các mạch điện được bảo vệ
1	-	Không được sử dụng
2	10	Mô đun xe có khóa điều khiển từ xa
3	5	Tay nắm cửa xe có khóa điều khiển từ xa
4	25	Mô đun cửa (bên tay trái) (các cửa sổ điện, khóa trung tâm, gương gập điện, gương bên ngoài có sấy)
5	25	Mô đun cửa (bên tay phải) (các cửa sổ điện, khóa trung tâm, gương gập điện, gương bên ngoài có sấy)
6	25	Mô đun cửa (bên tay trái) (các cửa sổ điện)
7	25	Mô đun cửa (bên tay phải) (các cửa sổ điện)

Cầu chì

Cầu chì	Dòng điện định mức	Các mạch điện được bảo vệ
8	10	Hệ thống báo trộm
9	25	Ghế người lái điều chỉnh điện
10	-	Không được sử dụng
11	-	Không được sử dụng
12	-	Không được sử dụng
13	-	Không được sử dụng
14	-	Không được sử dụng
15	-	Không được sử dụng
16	-	Không được sử dụng
17	-	Không được sử dụng
18	-	Không được sử dụng
19	-	Không được sử dụng
20	-	Không được sử dụng
21	-	Không được sử dụng
22	-	Không được sử dụng
23	-	Không được sử dụng
24	-	Không được sử dụng
25	-	Không được sử dụng
26	-	Không được sử dụng
27	-	Không được sử dụng
28	40	Mô đun kéo xe
29	5	Bộ giám sát điểm mù, dừng xe chủ động, camera quan sát phía sau
30	5	Mô đun hỗ trợ đỗ xe
31	-	Không được sử dụng
32	-	Không được sử dụng
33	-	Không được sử dụng

Cầu chì

Cầu chì	Dòng điện định mức	Các mạch điện được bảo vệ
34	-	Không được sử dụng
35	-	Không được sử dụng
36	-	Không được sử dụng
37	5	Cửa sổ trời dùng điện
38	-	Không được sử dụng
39	-	Không được sử dụng
40	-	Không được sử dụng
41	-	Không được sử dụng
42	-	Không được sử dụng
43	-	Không được sử dụng
44	-	Không được sử dụng
45	-	Không được sử dụng
46	-	Không được sử dụng

Ghi Chú: Tất cả các loại cầu chì (trừ loại có dòng điện lớn) là loại lắp bằng cách ấn xuống.

Ghi Chú: Một kẹp tháo cầu chì được đặt trong hộp cầu chì của khoang động cơ.

THAY CẦU CHÌ

CÁC CẢNH BÁO



Không cải biến hệ thống điện trên xe trong mọi trường hợp. Việc sửa chữa hệ thống điện và thay thế các rơ le và cầu chì có dòng lớn cần được thực hiện bởi các kỹ thuật viên có chuyên môn.



Tắt chìa khóa điện cũng như toàn bộ các thiết bị điện trước khi thay cầu chì.

CHÚ Ý



Sử dụng đúng loại cầu chì khi thay thế.

Ghi Chú: Bạn có thể xác định cầu chì bị hỏng thông qua vết đứt của sợi cầu chì.

THÔNG TIN CHUNG

Cần bảo dưỡng xe thường xuyên để duy trì tình trạng sử dụng tốt nhất cũng như giữ được giá trị khi bán xe. Mạng lưới đại lý rộng khắp của Ford sẽ hỗ trợ bạn một cách chuyên nghiệp nhất. Chúng tôi tin rằng các kỹ thuật viên được đào tạo chuyên sâu của các đại lý có khả năng sửa chữa bảo dưỡng xe một cách tốt nhất. Họ được hỗ trợ bởi các dụng cụ chuyên dùng được thiết kế để bảo dưỡng, sửa chữa chiếc xe của bạn.

Ngoài ra trong quá trình bảo dưỡng định kỳ, chúng tôi khuyến nghị bạn nên kiểm tra thêm một số điểm như sau.

CÁC CẢNH BÁO

 Tắt chìa khóa điện trước khi chạm vào hay điều chỉnh bất kỳ chi tiết nào.

 Không chạm vào các chi tiết của hệ thống đánh lửa sau khi bạn bật chìa khóa điện hay khi động cơ đang chạy. Hệ thống này hoạt động ở điện áp cao.

 Không để tay hay quần áo gần quạt làm mát động cơ. Trong một số trường hợp, quạt có thể tiếp tục quay vài phút sau khi bạn đã tắt động cơ.

CHÚ Ý

 Khi thực hiện kiểm tra bảo dưỡng, cần chắc chắn các nắp đậy được vặn chặt.

Kiểm tra hàng ngày

- Đèn bên ngoài xe.
- Đèn bên trong xe.
- Đèn và tín hiệu cảnh báo.

Kiểm tra khi khởi động nhiên liệu

- Mức dầu bôi trơn. Tham khảo **Kiểm tra dầu động cơ** (trang 151).
- Mức dầu phanh. Tham khảo **Kiểm tra dầu ly hợp và dầu phanh** (trang 153).

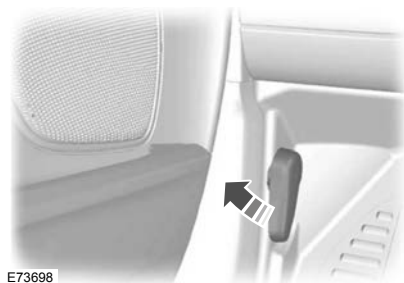
- Mức nước rửa kính. Tham khảo **Kiểm tra mức nước rửa kính** (trang 153).
- Áp suất lốp (khi nguội). Tham khảo **Thông số kỹ thuật** (trang 165).
- Trạng thái lốp. Tham khảo **Bánh xe và lốp xe** (trang 159).

Kiểm tra hàng tháng

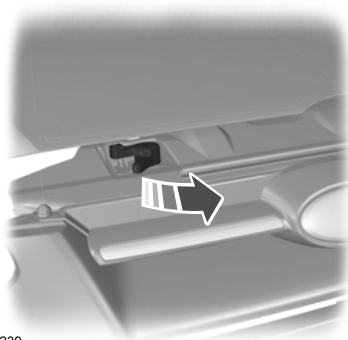
- Mức nước làm mát động cơ (khi động cơ nguội). Tham khảo **Kiểm tra nước làm mát động cơ** (trang 152).
- Kiểm tra tình trạng rò rỉ của các ống dẫn, bình chứa.
- Hoạt động của điều hòa nhiệt độ.
- Hoạt động của phanh tay.
- Hoạt động của còi.
- Kiểm tra các đại ốc bắt bánh xe. Tham khảo **Thông số kỹ thuật** (trang 165).

MỞ VÀ ĐÓNG NẮP KHOANG ĐỘNG CƠ

Mở nắp ca bô

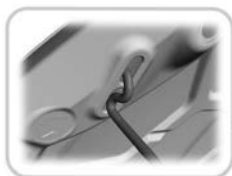


E73698



E133239

Di chuyển chốt màu vàng sang bên phải.



E87786

Mở nắp ca rô và đỡ bằng thanh chống ca rô.

Đóng nắp ca rô

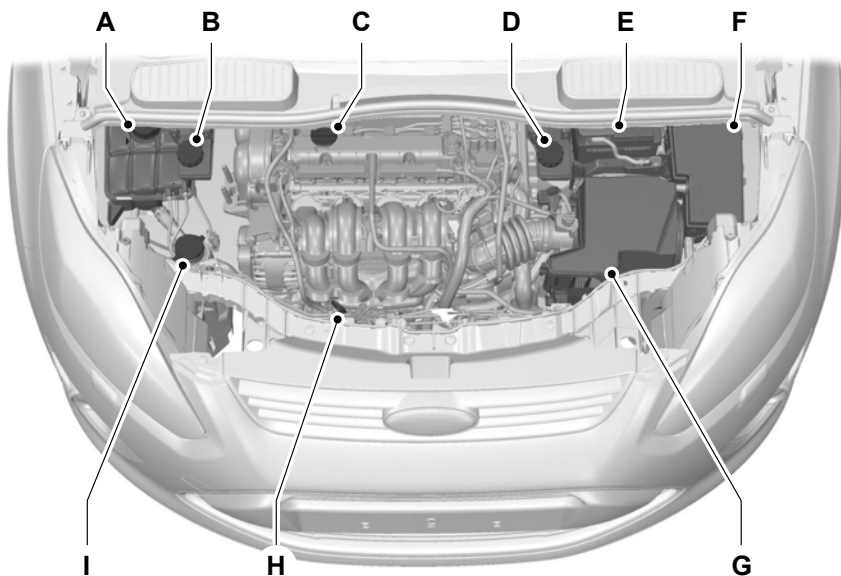
CẢNH BÁO



Chắc chắn rằng nắp ca rô đã được đóng đúng cách.

Hạ thấp nắp ca rô và cho nó tự rơi xuống bởi tự trọng trong 20-30cm cuối cùng.

GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT KHOANG ĐỘNG CƠ - 1.6L DURATEC-16V (SIGMA)



E130030

- A Bình chứa nước làm mát động cơ*: Tham khảo **Kiểm tra nước làm mát động cơ** (trang 152).
- B Bình dầu phanh và ly hợp (xe tay lái nghịch)*: Tham khảo **Kiểm tra dầu ly hợp và dầu phanh** (trang 153).
- C Nắp đổ dầu bôi trơn*: Tham khảo **Kiểm tra dầu động cơ** (trang 151).
- D Bình dầu phanh và ly hợp (xe tay lái thuận)*: Tham khảo **Kiểm tra dầu ly hợp và dầu phanh** (trang 153).
- EẮc quy: Tham khảo **Ắc quy xe** (trang 211).
- F Hộp cầu chì khoang động cơ: Tham khảo **Cầu chì** (trang 136).
- G Lọc gió: Không cần bảo dưỡng.

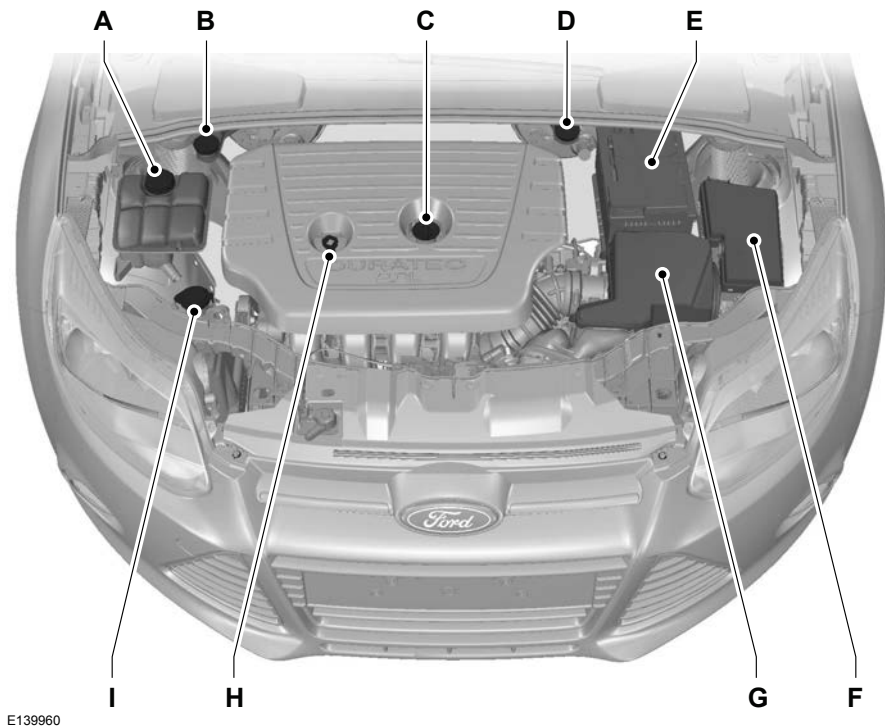
Bảo dưỡng

H Que thăm dầu*: Tham khảo **Kiểm tra dầu động cơ** (trang 151).

I Quan sát bình nước rửa kính*: Tham khảo **Kiểm tra mức nước rửa kính** (trang 153).

*Để dễ phân biệt, các nắp đồ chắt lỏng và que thăm dầu được đánh dấu bằng màu sắc.

GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT KHOANG ĐỘNG CƠ - 2.0L DURATEC-HE (M14)

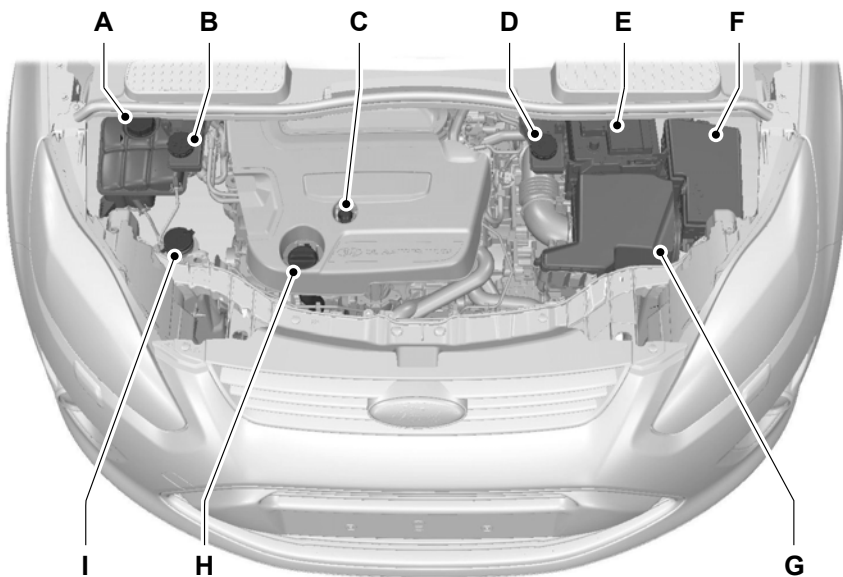


Bảo dưỡng

- A Bình chứa nước làm mát động cơ*: Tham khảo **Kiểm tra nước làm mát động cơ** (trang 152).
- B Bình dầu phanh và ly hợp (xe tay lái nghịch)*: Tham khảo **Kiểm tra dầu ly hợp và dầu phanh** (trang 153).
- C Nắp đổ dầu bôi trơn*: Tham khảo **Kiểm tra dầu động cơ** (trang 151).
- D Bình dầu phanh và ly hợp (xe tay lái thuận)*: Tham khảo **Kiểm tra dầu ly hợp và dầu phanh** (trang 153).
- E Ấc quy: Tham khảo **Ấc quy xe** (trang 211).
- F Hộp cầu chì khoang động cơ: Tham khảo **Cầu chì** (trang 136).
- G Lọc gió: Không cần bảo dưỡng.
- H Que thăm dầu*: Tham khảo **Kiểm tra dầu động cơ** (trang 151).
- I Quan sát bình nước rửa kính*: Tham khảo **Kiểm tra mức nước rửa kính** (trang 153).

*Để dễ phân biệt, các nắp đổ chất lỏng và que thăm dầu được đánh dấu bằng màu sắc.

GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT KHOANG ĐỘNG CƠ - 2.0L DURATORQ-TDCI (DW) DẦU



E130032

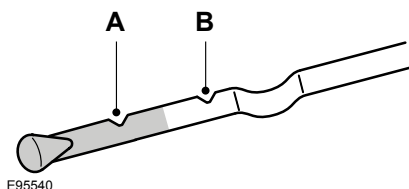
- A Bình chứa nước làm mát động cơ*: Tham khảo **Kiểm tra nước làm mát động cơ** (trang 152).
- B Bình dầu phanh và ly hợp (xe tay lái nghịch)*: Tham khảo **Kiểm tra dầu ly hợp và dầu phanh** (trang 153).
- C Que thăm dầu*: Tham khảo **Kiểm tra dầu động cơ** (trang 151).
- D Bình dầu phanh và ly hợp (xe tay lái thuận)*: Tham khảo **Kiểm tra dầu ly hợp và dầu phanh** (trang 153).
- E Ấc quy: Tham khảo **Ấc quy xe** (trang 211).
- F Hộp cầu chì khoang động cơ: Tham khảo **Cầu chì** (trang 136).
- G Lọc gió: Không cần bảo dưỡng.

Bảo dưỡng

- H Nắp đổ dầu bôi trơn*: Tham khảo **Kiểm tra dầu động cơ** (trang 151).
- I Quan sát bình nước rửa kính*: Tham khảo **Kiểm tra mức nước rửa kính** (trang 153).

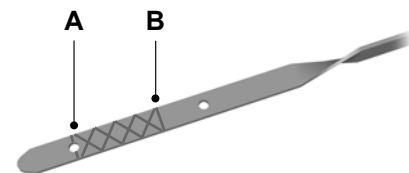
*Để dễ phân biệt, các nắp đổ chất lỏng và que thăm dầu được đánh dấu bằng màu sắc.

QUE THĂM DẦU ĐỘNG CƠ - 1.6L DURATEC-16V (SIGMA)



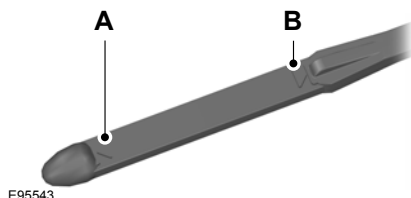
- A THẤP NHẤT (MIN)
B CAO NHẤT (MAX)

QUE THĂM DẦU ĐỘNG CƠ - 2.0L DURATEC-HE (MI4)



- A THẤP NHẤT (MIN)
B CAO NHẤT (MAX)

QUE THĂM DẦU ĐỘNG CƠ - 2.0L DURATORQ-TDCI (DW) DẦU



- A THẤP NHẤT (MIN)
B CAO NHẤT (MAX)

KIỂM TRA DẦU ĐỘNG CƠ

CHÚ Ý

- ⚠ Không sử dụng các phụ gia dầu bôi trơn hoặc chất xử lý động cơ khác. Trong một số điều kiện chúng có thể làm hỏng động cơ.

Ghi Chú: Tiêu hao dầu bôi trơn của động cơ mới sẽ đạt mức bình thường sau khoảng 5000km (3000 miles).

Kiểm tra mức dầu bôi trơn

CHÚ Ý

- ⚠ Bảo đảm mức dầu nằm giữa vạch **MIN** và **MAX**.

Bảo dưỡng

Ghi Chú: Kiểm tra mức dầu trước khi khởi động động cơ.

Ghi Chú: Bảo đảm xe đỗ trên đường bằng phẳng.

Ghi Chú: Dầu bôi trơn giãn nở khi ở nhiệt độ cao. Mức dầu có thể cao hơn mức **MAX** vài mm.

Rút que thăm dầu ra và lau sạch bằng giấy. Cắm lại que thăm dầu vào lỗ thăm dầu và rút ra để kiểm tra mức dầu.

Nếu mức dầu nằm ở mức **MIN**, cần đổ thêm dầu ngay lập tức.

Đổ thêm dầu

CÁC CẢNH BÁO



Chỉ đổ thêm dầu khi động cơ nguội. Nếu động cơ đang nóng, chờ 10 phút để động cơ nguội.



Không tháo nắp đổ dầu khi động cơ đang hoạt động.

Mở nắp đổ dầu.

CẢNH BÁO



Không đổ thêm dầu quá vạch **MAX**.

Ghi Chú: Thâm những phần tràn ra bằng miếng vải thấm hút ngay lập tức.

Chỉ đổ thêm loại dầu đáp ứng tiêu chuẩn của Ford. Tham khảo **Thông số kỹ thuật** (trang 154).

Thay thế nắp bình dầu. Vặn vào cho đến khi thấy nặng tay.

Kiểm tra nước làm mát động cơ

Kiểm tra mức nước làm mát

CẢNH BÁO



Không để nước làm mát rơi lên da hoặc mắt. Nếu điều đó xảy ra, dùng nhiều nước xả lên khu vực bị ảnh hưởng và liên lạc với bác sỹ.

CHÚ Ý



Bảo đảm mức nước làm mát nằm giữa vạch **MIN** và **MAX**.

Ghi Chú: Nước làm mát giãn nở khi nóng. Do đó mức nước làm mát có thể cao hơn vạch **MAX**.

Nếu nước làm mát ở mức **MIN** đổ thêm ngay lập tức.

Đổ thêm nước làm mát

CÁC CẢNH BÁO



Chỉ đổ thêm nước làm mát khi động cơ nguội. Nếu động cơ đang nóng, chờ 10 phút để động cơ nguội.



Không mở nắp bình nước mát khi động cơ đang hoạt động.



Không mở nắp bình nước làm mát khi động cơ đang nóng. Chờ đến khi động cơ nguội.



Nước làm mát nguyên chất dễ bắt cháy nếu bị đổ ra ống xả đang nóng.

CÁC CHÚ Ý



Trong trường hợp khẩn cấp, bạn chỉ cần đổ thêm nước vào hệ thống làm mát để tiếp tục chạy xe đến xưởng sửa chữa ô tô. Kiểm tra hệ thống cần phải được thực hiện bởi kỹ thuật viên có chuyên môn càng sớm càng tốt.

Bảo dưỡng

CÁC CHÚ Ý

 Việc sử dụng không đúng loại nước làm mát trong thời gian dài có thể dẫn đến hư hỏng động cơ do ăn mòn, quá nhiệt hay đóng băng.

Mở nắp bình nước một cách **từ từ**. Áp suất sẽ thoát ra chậm trong khi bạn mở nắp.

CHÚ Ý

 Không đổ thêm quá vạch **MAX**.

Đổ thêm nước làm mát với tỷ lệ 50/50 (nước làm mát/nước) đáp ứng tiêu chuẩn của Ford. Tham khảo **Thông số kỹ thuật** (trang 154).

KIỂM TRA DẦU LY HỢP VÀ DẦU PHANH

CÁC CẢNH BÁO

 Sử dụng bất kỳ dung dịch nào khác với dầu phanh khuyến nghị có thể làm giảm hiệu suất phanh và không đáp ứng các tiêu chuẩn về hiệu suất của Ford.

 Không làm dầu phanh rơi lên da hay mắt. Nếu điều này xảy ra, dùng nhiều nước xả lên khu vực bị ảnh hưởng và liên lạc với bác sĩ.

 Nếu dầu phanh ở mức **MIN** hệ thống phanh cần được kiểm tra bởi kỹ thuật viên có chuyên môn càng sớm càng tốt.

Ghi Chú: Giữ dầu phanh sạch và khô. Việc nhiễm bẩn, nước, các sản phẩm dầu mỡ hoặc các vật liệu khác có thể dẫn đến hư hỏng hệ thống phanh và có thể xuất lỗi.

Ghi Chú: Hệ thống phanh và ly hợp dùng chung một bình dầu.

Chỉ đổ thêm loại dầu đáp ứng tiêu chuẩn của Ford. Tham khảo **Thông số kỹ thuật** (trang 154).

KIỂM TRA DẦU TRỢ LỰC LÁI

CẢNH BÁO

 Không để dầu trợ lực lái rơi lên da hoặc mắt. Nếu điều này xảy ra, hãy dùng nhiều nước rửa khu vực bị ảnh hưởng ngay lập tức và liên lạc với bác sĩ.

CHÚ Ý

 Chắc chắn rằng mức dầu nằm giữa vạch **MIN** và **MAX**.

Nếu mức dầu ở vạch **MIN**, hãy đổ thêm ngay lập tức.

Đổ thêm dầu trợ lực lái

Tháo nắp đổ dầu.

CHÚ Ý

 Không đổ quá vạch **MAX**.

Chỉ đổ loại dầu đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của Ford. Tham khảo **Thông số kỹ thuật** (trang 154).

KIỂM TRA MỨC NƯỚC RỬA KÍNH

Ghi Chú: Hệ thống rửa kính trước và sau dùng chung một bình chứa nước rửa.

Khi đổ thêm nước rửa, sử dụng dung dịch chất rửa kính và nước để tránh đóng băng trong thời tiết lạnh và cải thiện khả năng làm sạch. Chúng tôi khuyến nghị chỉ sử dụng nước rửa có chất lượng cao.

Tham khảo hướng dẫn sử dụng xe để biết thêm thông tin về cách pha nước rửa kính.

Bảo dưỡng

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Chất lỏng sử dụng trên xe

Ghi Chú: Sử dụng các dung dịch chất lỏng đáp ứng được các tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc các quy định đề ra. Sử dụng các dung dịch chất lỏng khác có thể dẫn đến hư hỏng mà không được bảo hành.

Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Cấp độ nhớt	Chất lỏng khuyến nghị
Dầu động cơ - động cơ xăng	WSS-M2C913-C	5W-30	Dầu động cơ Ford hoặc Castrol
Loại dầu động cơ khác được thay thế - tất cả các động cơ xăng	WSS-M2C948-B	5W-20	Dầu động cơ Ford hoặc Castrol
Dầu động cơ - động cơ diesel	WSS-M2C913-C	5W-30	Dầu động cơ Ford hoặc Castrol
Nước làm mát động cơ	WSS-M97B44-D	-	Nước làm mát động cơ Motorcraft SuperPlus
Dầu phanh	WSS-M6C65-A2 hoặc ISO 4925 Class 6	-	Dầu phanh Motocraft hoặc dầu phanh hiệu suất cao của Ford DOT 4 LV

Động cơ của bạn đã được thiết kế để sử dụng dầu bôi trơn động cơ Ford và Castrol, mang lại tính kinh tế nhiên liệu trong khi vẫn duy trì được độ bền của động cơ.

Châm bổ sung dầu máy: Nếu bạn không tìm được loại dầu máy đáp ứng tiêu chuẩn theo **WSS-M2C913-C** hoặc **WSS-M2C948-B** (chỉ động cơ xăng), bạn phải sử dụng **SAE 5W-30** mà nó đáp ứng được tiêu chuẩn của **ACEA A5/B5**.

Sử dụng các loại dầu máy để châm bổ sung khác với các loại nêu trên sẽ làm cho thời gian khởi động động cơ dài hơn, làm giảm công suất, giảm tính kinh tế nhiên liệu và tăng lượng khí thải.

Dầu bôi trơn động cơ Castrol được khuyến nghị.



Bảo dưỡng

Các dung tích

Khác nhau	Danh mục	Dung tích tính bằng lít (gallon)
Động cơ xăng	Thùng nhiên liệu	55 (12,1)
2.0L Duratorq-TDCi - DW	Thùng nhiên liệu	53 (11,6)
Tất cả các phiên bản xe	Hệ thống rửa kính – có trang bị hệ thống rửa đèn đầu	4,5 (1)
Tất cả các phiên bản xe	Hệ thống rửa kính – không trang bị hệ thống rửa đèn đầu	3 (0,7)
1.6L Duratec-16V Ti-VCT - Sigma	Dầu động cơ - bao gồm thay cả lọc dầu	4,1 (0,9)
1.6L Duratec-16V Ti-VCT - Sigma	Dầu động cơ – không bao gồm lọc dầu	3,75 (0,8)
1.6L Duratec-16V Ti-VCT - Sigma	Hệ thống làm mát	khoảng 5,8 (1.3)
2.0L Duratec - HE (M14)	Dầu động cơ - bao gồm thay cả lọc dầu	4,3 (1)
2.0L Duratec - HE (M14)	Dầu động cơ – không bao gồm lọc dầu	3,9 (0,9)
2.0L Duratec - HE (M14)	Hệ thống làm mát	Khoảng 6,5 (1.4)
2.0L Duratorq-TDCi (DW) - Diesel	Dầu động cơ - bao gồm thay cả lọc dầu	5,7 (1,3)
2.0L Duratorq-TDCi (DW) - Diesel	Dầu động cơ – không bao gồm lọc dầu	5,4 (1,2)
2.0L Duratorq-TDCi (DW) - Diesel	Hệ thống làm mát	khoảng 8,5 (1.9)

Bảo dưỡng

Dung tích dầu động cơ thêm

Động cơ	Dung tích tính bằng lít (ga lỏng)
1.6L Duratec-16V Ti-VCT - Sigma	0,8 (0,2)
2.0L Duratec - HE (M14)	0,9 (0,2)
2.0L Duratorq-TDCi (DW) - Diesel	1,8 (0,4)

Chăm sóc xe

VỆ SINH BÊN NGOÀI

CẢNH BÁO



Nếu dịch vụ rửa xe có bước phủ sáp, cần chắc chắn lau sạch lớp sáp trên kính chắn gió.

CÁC CHÚ Ý



Trước khi sử dụng thiết bị rửa xe cần kiểm tra xem nó có phù hợp cho xe bạn hay không.



Một số trạm rửa xe sử dụng nước có áp suất cao. Việc này có thể làm hỏng một số chi tiết trên xe.



Tháo an ten trước khi rửa xe tự động.



Tắt quạt sưởi để tránh làm ô nhiễm lọc không khí.

Chúng tôi khuyên nghị sử dụng nước ấm dạng bọt có chứa xà phòng chuyên dùng để rửa xe.

Vệ sinh đèn pha

CÁC CHÚ Ý



Không được cạo chóa đèn pha hay sử dụng vật ráp, dung môi chứa cồn hoặc hóa chất để vệ sinh chóa đèn.



Không lau đèn pha khi khô.

Vệ sinh kính hậu

CHÚ Ý



Không cạo mặt trong của kính hậu hay sử dụng vật nhám hoặc dung môi chứa hóa chất để lau.

Sử dụng giẻ bằng vải thô sạch hoặc miếng da để ẩm để lau phía trong kính hậu.

Vệ sinh các chi tiết mạ crôm

CHÚ Ý



Không sử dụng các vật nhám hoặc dung môi chứa hóa chất. Sử dụng nước xà phòng.

Vệ sinh các mâm bánh xe bằng hợp kim nhôm

Ghi Chú: Không dùng hóa chất tẩy rửa để làm ấm hoặc nóng mâm bánh xe hoặc nắp chụp mâm.

Ghi Chú: Các chất tẩy rửa công nghiệp mạnh (loại tẩy rửa mạnh), hoặc hóa chất tẩy rửa, kết hợp với bàn chải để loại bỏ các bụi phanh và vết bám bẩn, có thể tạo một lớp chống bám bẩn trong một khoảng thời gian.

Ghi Chú: Không sử dụng các chất tẩy rửa có gốc axit hydrofluoric hoặc có tính ăn mòn, miếng chùi rửa có chứa sợi thép, nhiên liệu hoặc chất tẩy rửa mạnh dùng trong gia đình.

Ghi Chú: Nếu bạn có ý định đổ xe của bạn trong khoảng thời gian dài sau khi dùng chất tẩy rửa để vệ sinh các mâm bánh xe, hãy lái xe của bạn vài phút trước khi làm việc này. Điều này sẽ làm giảm nguy cơ tăng sự ăn mòn các đĩa phanh, má phanh và guốc phanh.

Ghi Chú: Một số điểm rửa xe tự động có thể là nguyên nhân gây hư hỏng các mâm hợp kim nhôm và chụp mâm.

Mâm hợp kim nhôm và chụp mâm có phủ một lớp sơn hoàn thiện. Để duy trì tình trạng của chúng, chúng tôi khuyên bạn:

- Tẩy rửa chúng hằng tuần với chất tẩy rửa chuyên dụng để dùng cho bánh xe và lốp xe.
- Dùng miếng bọt biển để loại bỏ các vết bám bẩn và bụi phanh.
- Rửa sạch chúng kỹ lưỡng bằng vòi nước có áp lực khi bạn hoàn tất quá trình làm sạch.

Chăm sóc xe

Chúng tôi khuyên bạn nên dùng chất tẩy rửa bánh xe của Ford. Chắc chắn rằng bạn đã đọc và làm theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Sử dụng sản phẩm làm sạch khác không theo khuyến nghị có thể làm hư hỏng và mất thẩm mỹ nghiêm trọng.

Bảo quản lớp sơn thân xe.

CÁC CHÚ Ý

- ⚠ Không đánh bóng xe dưới ánh sáng mặt trời mạnh.
- ⚠ Không để chất đánh bóng rơi vào các bề mặt nhựa. Vì sẽ rất khó làm sạch.
- ⚠ Không bôi chất đánh bóng lên kính chắn gió và kính hậu. Việc này có thể làm cho cần gạt nước bị kêu hoặc không gạt sạch.

Chúng tôi khuyến nghị bôi sáp các chi tiết sơn một hoặc hai lần trong một năm.

VỆ SINH BÊN TRONG

Đai an toàn

CÁC CẢNH BÁO

- ⚠ Không sử dụng các vật nhọn hay dung môi chứa hóa chất để vệ sinh.
- ⚠ Không để cơ cấu rút đai an toàn bị ẩm.

Vệ sinh đai an toàn bằng dung dịch vệ sinh nội thất hoặc miếng xốp mềm nhúng nước. Để đai an toàn tự khô, không sử dụng sấy từ bên ngoài.

Màn hình đồng hồ táp lô, màn hình LCD và màn hình radio

CẢNH BÁO

- ⚠ Không sử dụng các vật nhọn, dung môi chứa cồn hoặc hóa chất để vệ sinh.

Kính hậu

CÁC CHÚ Ý

- ⚠ Không sử dụng bất kỳ vật dụng thô ráp nào để lau phía trong kính hậu.
- ⚠ Không dán tem hoặc nhãn mác lên mặt trong của kính hậu.

SỬA CHỮA LỖI SƠN NHỎ

CHÚ Ý

- ⚠ Rửa sạch ngay lập tức các chất có vẻ vô hại khỏi bề mặt sơn (chẳng hạn phân chim, nhựa cây, xác côn trùng, vết nhựa đường, muối, bụi công nghiệp).

Bạn cần phải sửa chữa các chỗ hỏng sơn nhỏ gây ra do sỏi mặt đường hoặc các vết xước nhỏ càng sớm càng tốt. Đại lý của Ford sẽ có dịch vụ này. Tham khảo và thực hiện theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Bánh xe và lốp xe

THÔNG TIN CHUNG

CÁC CHÚ Ý

❗ Chỉ sử dụng cỡ lốp và bánh xe đã được phê duyệt. Sử dụng kích thước bánh xe hay lốp khác có thể làm hư hỏng xe cũng như vi phạm quy định về chứng loại đăng ký.

❗ Nếu thay đổi đường kính của lốp khác với loại được lắp ở nhà máy, đồng hồ tốc độ có thể báo sai. Dựa xe đến đại lý để lập trình lại hệ thống kiểm soát động cơ.

❗ Nếu có ý định thay đổi kích thước của các bánh xe khác với loại được lắp từ nhà máy, kiểm tra với đại lý về loại phù hợp.

Ghi Chú: Kiểm tra áp suất lốp thường xuyên để tối ưu hóa khả năng tiết kiệm nhiên liệu.

Tem thông số áp suất lốp được dán trên trụ B cửa trước bên lái.

Kiểm tra và chọn áp suất lốp ở nhiệt độ môi trường nơi bạn định chạy xe và khi lốp nguội.

CHĂM SÓC LỖP XE



E70415

Để chắc chắn các lốp trước và sau mòn đồng đều và sử dụng được lâu hơn, chúng tôi khuyên nghị bạn đảo lốp trước ra sau và ngược lại ở mỗi 5000 đến 10000km (3000 đến 6000 dặm).

CHÚ Ý

❗ Không để cọ mặt bên của lốp xe khi bạn đỗ xe.

Nếu bạn phải leo lên vỉa hè cao, đi chậm vào theo hướng vuông góc với vỉa hè.

Kiểm tra lốp thường xuyên liệu có các vết cắt, vật lạ hay bị mòn không đều. Việc mòn không đều đồng nghĩa với việc góc bánh xe sẽ nằm ngoài thông số chuẩn.

Kiểm tra áp suất lốp (cả lốp dự phòng) khi lốp nguội hai tuần một lần.

SỬ DỤNG LỖP MÙA ĐÔNG

CHÚ Ý

❗ Cần chắc chắn sử dụng đúng loại đai ốc bắt bánh xe khi lắp lốp mùa đông

Nếu lắp lốp mùa đông, cần bảo đảm áp suất lốp phù hợp. Tham khảo **Thông số kỹ thuật** (trang 165).

SỬ DỤNG XÍCH BỌC LỖP

CÁC CẢNH BÁO

❗ Không vượt quá tốc độ 50 km/g (30 dặm/giờ).

❗ Không sử dụng xích bọc lốp xe khi đi trên đường không có tuyết.

❗ Chỉ lắp xích chạy tuyết trên các lốp được phép dùng. Tham khảo **Thông số kỹ thuật** (trang 165).

CHÚ Ý

❗ Nếu xe có lắp nắp bánh xe thì tháo nắp bánh xe ra trước khi lắp xích bọc lốp vào.

Ghi Chú: Hệ thống phanh ABS vẫn hoạt động bình thường.

Bánh xe và lốp xe

Chỉ sử dụng xích bọc lốp có mắt nhỏ.

Chỉ sử dụng xích bọc lốp trên các bánh trước.

Xe có trang bị chương trình cân bằng điện tử (ESP)

Những xe có trang bị cân bằng điện tử (ESP) có thể xuất hiện một số hiện tượng vận hành không bình thường, các hiện tượng này có thể hạn chế bằng cách tắt bộ điều khiển lực kéo. Tham khảo **Sử dụng điều khiển ổn định** (trang 122).

THAY BÁNH XE

Các đai ốc bắt bánh xe

Bạn có thể đầu vặn tháo đai ốc bắt bánh xe và thay thế các đai ốc bắt bánh xe từ đại lý của bạn bằng cách sử dụng sơ tham khảo.

Xe có lốp dự phòng

Nếu bánh xe dự phòng có cùng dạng và kích cỡ với bánh xe đang dùng, bạn có thể thay bánh xe hiện tại bằng bánh xe dự phòng và tiếp tục lái xe một cách bình thường.

Nếu bánh xe dự phòng khác với bánh xe đang dùng, nó sẽ có một nhãn màu vàng ghi giới hạn tốc độ xấp xỉ.

Đọc kỹ các thông tin sau đây trước khi thay bánh xe.

CÁC CẢNH BÁO



Chạy với khoảng cách ngắn nhất có thể.



Không lắp đồng thời nhiều hơn một bánh dự phòng trên xe.



Không tiến hành bất cứ sửa chữa nào trên bánh xe dự phòng.



Không lái xe qua trạm rửa xe tự động.

CÁC CẢNH BÁO



Nếu bạn không chắc chắn về bánh xe dự phòng bạn dùng thì đừng chạy xe quá 80 km/h (50 mph).



Chỉ lắp xích chạy tuyết trên một số loại lốp được phép. Tham khảo **Thông số kỹ thuật** (trang 165).

CHÚ Ý



Khoảng sáng gầm xe của ô tô có thể bị giảm xuống. Cần thận khi đỗ xe cạnh hè đường.

Ghi Chú: Xe có thể có một số đặc tính lái bất thường.

Kích xe

CÁC CẢNH BÁO



Chỉ sử dụng kích được trang bị trên xe để thay bánh xe trong trường hợp khẩn cấp.



Trước khi sử dụng kích, kiểm tra xem nó có bị hư hỏng hay biến dạng không và phần ren được bôi mỡ cũng như không có các vật liệu lạ.



Không đặt vật gì giữa kích và mặt đất cũng như giữa kích và xe.

Ghi Chú: Xe có bộ vá lốp sẽ không được trang bị kích và dụng cụ tháo bánh xe.

Nên sử dụng kích thủy lực loại dùng trong xưởng để thay giữa lốp mùa hè và lốp mùa đông.

Ghi Chú: Sử dụng kích với sức nâng tối thiểu là 1,5 tấn và tầm nâng có đường kính tối thiểu 80mm.

Xe không có bộ vá lốp

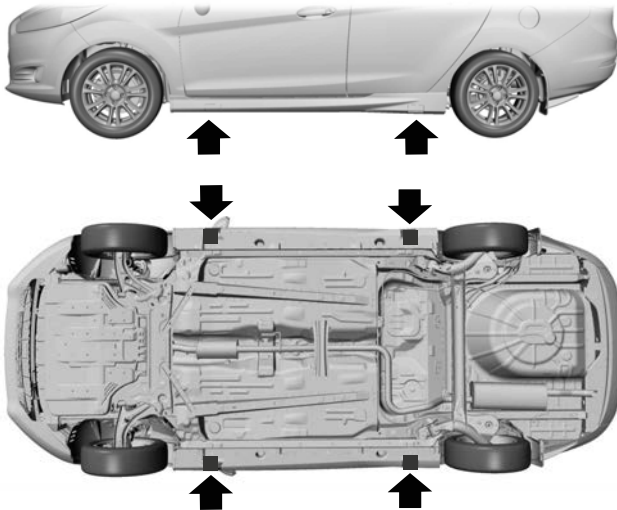
Kích, dụng cụ tháo bánh xe, móc kéo, dụng cụ tháo ốp vành bánh được đặt trong khoang chứa bánh dự phòng.

Bánh xe và lốp xe

Điểm kích và nâng

CHÚ Ý

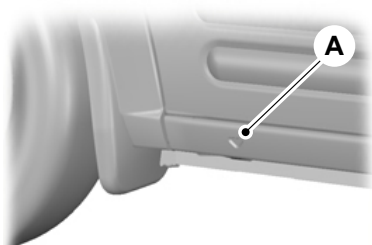
⚠ Chỉ sử dụng các điểm kích đã được chỉ rõ. Nếu kích ở các vị trí khác, có thể dẫn đến hỏng thân xe, hệ thống lái, hệ thống treo, động cơ, hệ thống phanh hoặc các ống nhiên liệu.



E92658

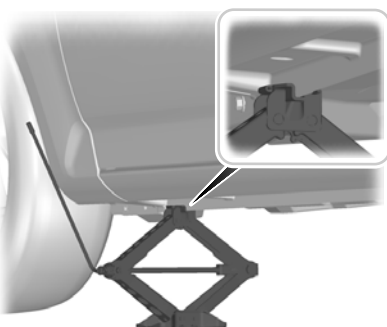
- A Chỉ sử dụng trong tình huống khẩn cấp
- B Bảo dưỡng

Bánh xe và lốp xe

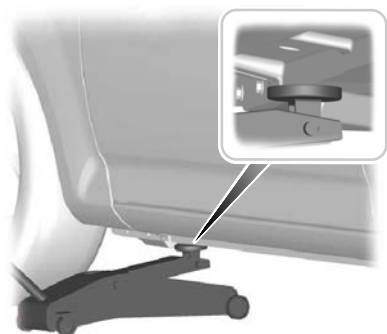


E93302

Dấu hiệu hình mũi tên nhỏ trên ngưỡng cửa **A** cho biết vị trí đặt đầu nâng kích.



E92932



E93020

Lắp dụng cụ tháo bánh xe

Loại 1

CẢNH BÁO



Khi kéo dụng cụ tháo bánh xe ra đến vị trí ban đầu, cẩn thận việc bị kẹt ngón tay.

Ghi Chú: Chắc chắn dụng cụ tháo bánh xe được duỗi ra hoàn toàn.



E122546

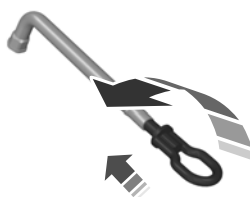
Duỗi dụng cụ tháo bánh xe.

Loại 2

CHÚ Ý



Móc kéo có **ren trái**. Vặn ngược chiều kim đồng hồ để lắp. Chắc chắn móc kéo đã được vặn vào hoàn toàn.



E122502

Đưa móc kéo vào dụng cụ tháo lốp.

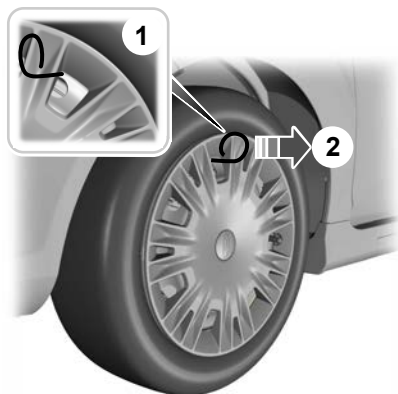
Bánh xe và lốp xe

Tháo ốp vành bánh

Loại 1

Đưa đầu bằng của dụng cụ tháo bánh xe vào giữa vành và ốp vành bánh và tháo ốp vành bánh một cách cẩn thận.

Loại 2



E122314

1. Đưa dụng cụ tháo ốp vành bánh vào.
2. Tháo ốp vành bánh.

Ghi Chú: Kéo ốp vành bánh theo hướng vuông góc với nó.

Tháo bánh xe

CÁC CẢNH BÁO

- ⚠️ Đỡ xe ở vị trí không có giao thông qua lại hay không gặp cản trở và nguy hiểm.
- ⚠️ Đặt biển tam giác cảnh báo.
- ⚠️ Đỡ xe trên bề mặt phẳng, chắc chắn với các bánh xe thẳng hướng về phía trước.
- ⚠️ Tắt chìa khóa điện và kéo phanh tay.

CÁC CẢNH BÁO

- ⚠️ Với xe sử dụng hộp số sàn, cài số 1 hay số lùi. Với xe sử dụng hộp số tự động, chọn số đỗ (P).
- ⚠️ Tắt cả người ngồi ra khỏi xe.
- ⚠️ Giữ chắc hai bánh chéo nhau bằng vật thích hợp hay chèn lốp.
- ⚠️ Với lốp có quy định chiều quay cần lắp đúng chiều. Nếu lắp lốp dự phòng với mũi tên chỉ hướng ngược chiều chuyển động, lắp lại lốp đúng chiều bởi kỹ thuật viên có chuyên môn.
- ⚠️ Không làm việc dưới gầm xe, khi xe chỉ được nâng bằng kích.
- ⚠️ Chắc chắn kích được đặt vuông góc với điểm kích và để kích đặt phẳng trên mặt đất.

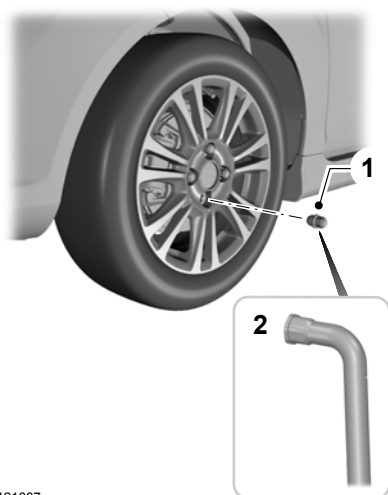
CHÚ Ý

- ⚠️ Không đặt mặt vành bánh xe hợp kim xuống đất vì có thể làm hỏng lốp sơn.

Ghi Chú: Lốp dự phòng được đặt phía dưới lót sàn trong khoang hành lý.

1. Lắp đầu vận đai ốc bắt bánh xe.

Bánh xe và lốp xe



E121887

2. Nới lỏng các đai ốc bắt bánh xe.
3. Kịch xe lên cho đến khi lốp nhấc khỏi mặt đất.
4. Tháo các đai ốc và tháo rời bánh xe.

Lắp bánh xe

CÁC CẢNH BÁO

 Chỉ sử dụng cỡ lốp và bánh xe đã được phê duyệt. Sử dụng kích thước bánh xe hay lốp khác có thể làm hư hỏng xe cũng như vi phạm quy định về chủng loại đăng ký. Tham khảo **Thông số kỹ thuật** (trang 165).

 Không lắp các loại lốp bị xì hơi trên xe, nếu nguyên bản trên xe không lắp các lốp đó. Hãy liên lạc với đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

CHÚ Ý

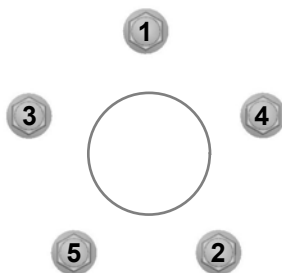
 Không lắp bánh vành đúc sử dụng đai ốc dùng cho bánh vành thép.

Ghi Chú: Các đai ốc sử dụng cho bánh vành đúc hoặc vành thép nan hoa cũng có thể được sử dụng cho bánh dự phòng bằng thép trong khoảng thời gian ngắn (tối đa 2 tuần).

Ghi Chú: Chắc chắn các bề mặt tiếp xúc giữa bánh và may ơ không có các vật lạ.

Ghi Chú: Bảo đảm phần hình côn của đai ốc bắt bánh xe quay vào phía trong.

1. Lắp bánh xe.
2. Vặn các đai ốc chặt bằng tay.
3. Lắp đầu vặn đai ốc bắt bánh xe.



E75442

4. Siết chặt vừa phải các đai ốc theo thứ tự trong hình minh họa.
5. Hạ xe và tháo kích.
6. Siết chặt hoàn toàn các đai ốc theo thứ tự trong hình minh họa. Tham khảo **Thông số kỹ thuật** (trang 165).
7. Lắp ốp vành bánh bằng tay.

CẢNH BÁO

 Kiểm tra lại độ chặt của các đai ốc, cũng như áp suất lốp càng sớm càng tốt.

Bánh xe và lốp xe

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Áp suất lốp (lốp ngụy)

Lực siết đai ốc bánh xe

Loại bánh xe	Nm (lb-ft)
Tất cả các phiên bản xe	135 (100)

Lên đến 80 km/h

Phiên bản	Cỡ lốp	Tải bình thường		Đẩy tải	
		Trước	Sau	Trước	Sau
		bar (lb/ in ²)	bar (lb/ in ²)	bar (lb/ in ²)	bar (lb/ in ²)
Tất cả các phiên bản xe	T125/80 R 16	4,2 (61)	4,2 (61)	4,2 (61)	4,2 (61)

Lên đến 160km/h

Phiên bản	Cỡ lốp	Tải bình thường		Đẩy tải	
		Trước	Sau	Trước	Sau
		bar (psi)	bar (psi)	bar (psi)	bar (psi)
Tất cả các phiên bản xe	205/60 R 16*	2,1 (31)	2,1 (31)	2,4 (35)	2,8 (41)
Động cơ Sigma -1.6L Duratec-16V Ti-VCT, 2.0L Duratec - HE (MI4)	215/50 R 17	2,1 (31)	2,1 (31)	2,4 (35)	2,8 (41)
Động cơ diesel - 2.0L Duratorq-TDCi (DW)	215/50 R 17	2,3 (33)	2,1 (31)	2,4 (35)	2,8 (41)

*Chỉ lắp xích chạy tuyết trên các lốp được phép.

Bánh xe và lốp xe

Tốc độ vượt quá 160km/h

Phiên bản	Cỡ lốp	Tải bình thường		Đẩy tải	
		Trước	Sau	Trước	Sau
		bar (psi)	bar (psi)	bar (psi)	bar (psi)
Tất cả các phiên bản xe	205/60 R 16	2,1 (31)	2,1 (31)	2,4 (35)	2,8 (41)
Động cơ Sigma - 1.6L Duratec-16V Ti-VCT, 2.0L Duratec - HE (MI4)	215/50 R 17	2,1 (31)	2,1 (31)	2,4 (35)	2,8 (41)
Động cơ diesel - 2.0L Duratorq-TDCi (DW)	215/50 R 17	2,3 (33)	2,1 (31)	2,6 (38)	2,8 (41)

Các thông số kỹ thuật

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Kích thước xe

Phiên bản 4 cửa

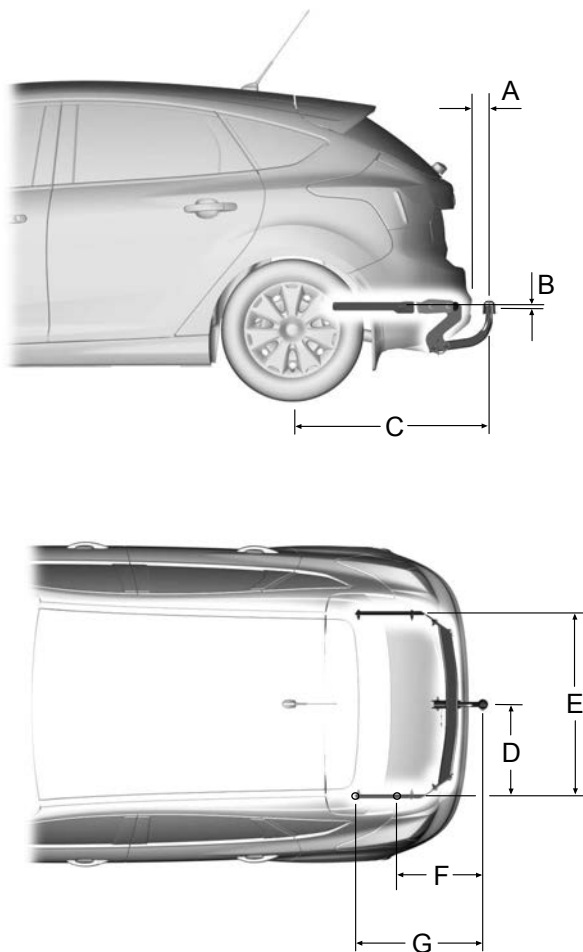
Mô tả kích thước	Kích thước tính bằng mm (inch)
Chiều dài cực đại	4534 (178,5)
Chiều rộng toàn thể bao gồm cả gương	2010 (79,1)
Chiều cao toàn thể - Tự trọng	1451 - 1484 (57,1 - 58,4)
Chiều dài cơ sở	2648 (104,3)
Vệt bánh trước	1544 - 1559 (60,8 - 61,4)
Vệt bánh sau	1534 - 1549 (60,4 - 61)

Phiên bản xe 5 cửa

Mô tả kích thước	Kích thước tính bằng mm (inch)
Chiều dài cực đại	4358 - 4412 (171,6 - 173,7)
Chiều rộng toàn thể bao gồm cả gương	2010 (79,1)
Chiều cao toàn thể - Tự trọng	1451 - 1484 (57,1 - 58,4)
Chiều dài cơ sở	2648 (104,3)
Vệt bánh trước	1544 - 1559 (60,8 - 61,4)
Vệt bánh sau	1534 - 1549 (60,4 - 61)

Các thông số kỹ thuật

Kích thước thiết bị kéo



E132737

Các thông số kỹ thuật

Phiên bản 4 cửa

Hạng mục	Mô tả kích thước	Kích thước tính bằng mm (inch)
A	Ba đờ xóc – Tâm bi moóc kéo	77 - 80 (3 - 3,1)
B	Điểm bắt đèn tâm của bi moóc kéo	3 (0,1)
C	Tâm bánh xe đèn tâm của bi moóc kéo	1068 - 1071 (42 - 42,2)
D	Tâm của bi moóc kéo đến thanh sườn	515 (20,3)
E	Khoảng cách giữa các thanh sườn	1030 (40,6)
F	Tâm của bi moóc kéo đến tâm điểm bắt 1	447 - 450 (17,6 - 17,7)
G	Tâm của bi moóc kéo đến tâm của điểm bắt 2	747 - 750 (29,4 - 29,5)

Phiên bản xe 5 cửa

Hạng mục	Mô tả kích thước	Kích thước tính bằng mm (inch)
A	Ba đờ xóc – Tâm bi moóc kéo	81 - 83 (3,2 - 3,3)
B	Điểm bắt đèn tâm của bi moóc kéo	3 (0,1)
B	Điểm nối - tâm cầu mooc kéo (khớp nối mooc kéo có thể tháo được)	18 (0,7)
C	Tâm bánh xe đèn tâm của bi moóc kéo	896 - 898 (35,3 - 35,4)
D	Tâm của bi moóc kéo đến thanh sườn	515 (20,3)
E	Khoảng cách giữa các thanh sườn	1030 (40,6)
F	Tâm của bi moóc kéo đến tâm điểm bắt 1	396 - 398 (15,6 - 15,7)
G	Tâm của bi moóc kéo đến tâm của điểm bắt 2	696 - 698 (27,4 - 27,5)

Điều hướng

Ấn vào nút tương ứng trên mặt trước của hệ thống dẫn đường để truy cập vào các chức năng của hệ thống. Điều này sẽ giúp bạn vào chế độ đã chọn.

Để có hướng dẫn sử dụng cụm âm thanh và tính năng dẫn hướng sẵn có, hãy xem quy trình sử dụng cụm âm thanh tương ứng.

Đang tải dữ liệu bản đồ

CÁC CẢNH BÁO



Tốc độ tối đa được thể hiện có thể không áp dụng đối với xe của bạn.

Bạn có trách nhiệm luôn luôn điều khiển xe, giám sát các hệ thống trên xe cũng như tuân thủ giới hạn tốc độ. Không tuân theo các điều đó có thể dẫn tới mất khả năng điều khiển xe.



Mặt kính phía trước màn hình tinh thể lỏng có thể vỡ nếu bị va bởi vật cứng.

Nếu mặt kính bị vỡ, không được chạm vào vật liệu tinh thể lỏng. Trong trường hợp tiếp xúc với da, phải rửa ngay bằng nước và xà phòng.

Ghi Chú: Không bật khóa điện hoặc thử khởi động động cơ trong khi phần mềm đang cập nhật.

Ghi Chú: Không được vệ sinh thiết bị bằng dung môi hoặc chất tẩy rửa dạng xịt. Chỉ được sử dụng khăn ẩm.

Ghi Chú: Thẻ nhớ SD định vị phải nằm trong khe cắm thẻ nhớ SD để hệ thống định vị có thể vận hành. Nếu bạn cần thay thẻ SD, hãy gặp đại lý được ủy quyền.

Ghi Chú: Khe cắm thẻ nhớ SD có lò xo đẩy thẻ ra. Để tháo thẻ SD, ấn thẻ vào và nhả ra. Không có thủ tháo thẻ mà không ấn nó vào trước. Điều này có thể gây ra hư hỏng.



E129900

1. Cắm thẻ SD định vị vào khe cắm.
2. Ấn nút **NAV**. Đèn cảnh báo an toàn đường bộ sẽ xác nhận dữ liệu bản đồ đã tải thành công.
3. Bây giờ hệ thống đã sẵn sàng sử dụng.

Để cập nhật bản đồ và nâng cấp hệ thống, hãy gặp đại lý được ủy quyền.

Ghi Chú: Bạn chỉ có thể sử dụng dữ liệu có bản quyền của Ford.

An toàn đường bộ

CẢNH BÁO



Lái xe trong tình trạng mất tập trung có thể gây mất khả năng điều khiển xe, gây va chạm và chấn thương.

Chúng tôi hết sức khuyên cáo bạn đặc biệt chú ý khi sử dụng bất kỳ thiết bị nào có thể làm mất tập trung vào đường đi. Nhiệm vụ quan trọng nhất của bạn là vận hành xe một cách an toàn. Chúng tôi khuyên nghị không nên dùng bất kỳ thiết bị cầm tay nào khi đang lái xe và khuyến khích việc sử dụng tính năng điều khiển bằng giọng nói trong trường hợp có thể. Đảm bảo bạn nắm được luật số tại mà nó có thể ảnh hưởng đến việc sử dụng các thiết bị điện tử trong khi lái xe.

Điều hướng

Ghi Chú: Nhiệm vụ quan trọng nhất của bạn là điều khiển xe an toàn và phải đánh giá xem có an toàn không khi đi theo tuyến đường được đề xuất. Tính năng dẫn đường chỉ được cung cấp nhằm hỗ trợ. Quyết định lái xe dựa trên việc theo dõi tình trạng giao thông số tại và phải tuân theo các quy định giao thông hiện hành. Không tuân theo các tuyến đường đề xuất nếu chúng có thể dẫn bạn đi lộ trình không an toàn hoặc sai luật, đặt bạn vào tình trạng không an toàn, hoặc nếu nó dẫn bạn vào khu vực mà bạn cho là không an toàn. Các bản đồ hệ thống sử dụng có thể không chính xác do lỗi, các thay đổi trên đường, tình trạng giao thông hoặc tình trạng lái xe.

Thông tin an toàn

Nếu cần thiết xem chi tiết hướng dẫn đường đi, hãy tập vào lề đường một cách an toàn và đỗ xe.

Đặt tuyến đường

Ghi Chú: Sau lần nhập đầu tiên, quốc gia bạn đã lựa chọn sẽ mặc định cho tới khi bạn thay đổi nó.

Ấn nút **NAV** và chọn:

Tin nhắn	Thao tác
Nhập điểm đến	Bắt đầu ở trên cùng, chọn quốc gia sau đó chọn tiếp mã bưu chính hoặc thành phố và tên phố, cùng với số nhà hoặc giao lộ. Sử dụng các nút mũi tên để nhập chi tiết điểm đến.
Bắt đầu dẫn đường	Chọn sau khi đã điền đủ các thông tin.

Lộ trình sẽ được tính toán và màn hình sẽ chuyển về màn hình dẫn đường chính. Nếu được xác nhận, hãy lựa chọn loại lộ trình mà bạn muốn đầu tiên. Đi theo các thông tin và lời chỉ dẫn trên màn hình để đến địa điểm của bạn.

Ghi Chú: Nếu cần bạn có thể lựa chọn ký tự màn hình khác bằng cách sử dụng các mũi tên lên và xuống.

Ghi Chú: Nếu bạn chỉ cần dẫn đường tới trung tâm một thành phố, chỉ cần nhập tên thành phố và bắt đầu nghe chỉ dẫn.

Ghi Chú: Nếu bạn chỉ cần dẫn đường tới một quận, ví dụ trong một thành phố, chỉ cần nhập tên quận và bắt đầu nghe chỉ dẫn.

Cấu trúc bảng lựa chọn

Bạn có thể truy cập bảng lựa chọn sử dụng các thông tin và điều khiển hiển thị giải trí. Tham khảo **Hiển thị thông tin** (trang 72).

Để biết thông tin mô tả của một số mục trong bảng lựa chọn tham khảo bảng tương ứng phù hợp.

Ghi Chú: Một vài lựa chọn có thể xuất hiện hơi khác một chút hoặc hoàn toàn không có nếu các mục đó là tùy chọn theo xe.

Tin nhắn	
Lộ trình	Kích hoạt hệ thống dẫn đường
	Danh sách vùng định tuyến
	Tạo khối vùng kế tiếp

Điều hướng

Tin nhắn		
	Không khóa khu vực trên lộ trình	
Nhập điểm đến	Quốc gia	
	Thành phố/mã bưu điện của vùng	
	Đường (phố)	
	Quận	
	Bắt đầu dẫn đường	
Giao thông	TA	
	Định kênh giao thông cho lộ trình	
	Tất cả TMC (Định kênh giao thông)	
	Tạo khối vùng kề tiếp	
	Danh sách vùng định tuyến	
	Không khóa khu vực trên lộ trình	
Địa chỉ nhà	Bắt đầu dẫn đường	
	Thay đổi địa chỉ	
Các điểm đến cuối cùng		
Thông tin ưa thích	Thông tin ưa thích (A-Z)	
Địa điểm ưa thích	Gần các địa điểm ưa thích	
	Gần điểm đến	
	Dọc theo xa lộ	
	Gần đến địa chỉ các điểm ưa thích	
	Tìm theo tên	
Lập kế hoạch chuyên đi	Chuyên đi mới	
	Lưu các chuyên đi	
Lưu vị trí		
Tùy chọn lộ trình	Lộ trình	Tiết kiệm nhiên liệu
		Nhanh
		Ngắn

Điều hướng

Tin nhắn		
		Luôn hỏi lại
	Người lái:	Thông thả
		Bình thường
		Nhanh
	Cài đặt Eco	Moóc kéo:
		Hộp đồ nóc xe
	Chọn lộ trình theo đ.kiện g.thông	
	Đường cao tốc	
	Đường hầm	
	Bên phà/xe chạy trên ray	
	Phí cầu đường	
	Chọn lộ trình theo mùa	
	Trạm thu phí cầu đường	
Chức năng đặc biệt	Thông tin định vị GPS	
	Thông tin hệ thống	
	Nhập vị trí	
	Chế độ chạy bản thử	

Các lựa chọn lộ trình

Ấn nút **NAV** và chọn các lựa chọn lộ trình.
 Bạn có thể đặt các lựa chọn lộ trình cho bất kỳ một trong các điều sau đây.

Điều hướng

Tin nhắn		Mô tả và Hành động
Lộ trình:	Luôn hỏi lại	Lựa chọn để đảm bảo rằng bạn luôn được đưa ra lựa chọn lộ trình cho chuyến đi của bạn.
Tiết kiệm nhiên liệu		Sử dụng lộ trình tiết kiệm nhiên liệu nhất. Cách lái xe của bạn sẽ ảnh hưởng tới điều này.
Nhanh		Sử dụng lộ trình nhanh nhất có thể.
Ngắn		Sử dụng lộ trình ngắn nhất có thể.
Người lái:	Thông thả	Lựa chọn này sẽ tính toán thời gian cho hành trình của bạn dựa trên cách lái thông thả tới đích đến.
	Bình thường	Lựa chọn này sẽ tính toán thời gian cho hành trình của bạn dựa trên cách lái thông thường tới đích đến.
	Nhanh	Lựa chọn này sẽ tính toán thời gian cho hành trình của bạn dựa trên cách lái nhanh tới đích đến.
Cài đặt Eco	Moóc kéo:	Sử dụng tính năng này để thay đổi các lựa chọn điều chỉnh tính kinh tế của chuyến đi tùy thuộc bạn có kéo rơ moóc hay không và nếu có thì tùy thuộc vào kích thước của rơ moóc.
	Hộp đổ nóc xe	Sử dụng tính năng này để thay đổi các lựa chọn kinh tế của chuyến đi liên quan đến việc sử dụng hộp đựng đồ nóc xe.
	Chọn lộ trình theo điều kiện giao thông	Khi được bật, và nếu đài nhận được một tín hiệu kênh giao thông phù hợp, lộ trình sẽ tự động cập nhật thời gian thực vào tình trạng giao thông hoặc tắc đường. Tính năng này có thể hữu ích để tránh trễ hoặc trì hoãn chuyến đi.
	Đường cao tốc	Khi tắt hệ thống sẽ tránh đường cao tốc trên lộ trình của bạn và tự động cập nhật lại quãng đường đi và thời gian chạy.
	Đường hầm	Khi tắt hệ thống sẽ tránh đường hầm trên lộ trình của bạn và tự động cập nhật lại quãng đường đi và thời gian chạy.

Điều hướng

Tin nhắn		Mô tả và Hành động
	Bên phà/xe chạy trên ray	Khi tắt hệ thống sẽ tránh bên phà và khu vực có tàu trên lộ trình của bạn và tự động cập nhập lại quãng đường đi và thời gian chạy.
	Phí cầu đường	Khi tắt hệ thống sẽ tránh trạm thu phí trên lộ trình của bạn và tự động cập nhập lại quãng đường đi và thời gian chạy.
	Chọn lộ trình theo mùa	Khi tắt hệ thống sẽ tránh đường theo mùa (ví dụ lỗi đi qua núi) trên lộ trình của bạn và tự động cập nhập lại quãng đường đi và thời gian chạy.
	Trạm thu phí cầu đường	Khi tắt hệ thống sẽ tránh đường có thu phí trên lộ trình của bạn và tự động cập nhập lại quãng đường đi và thời gian chạy.

Thông tin

Ấn nút thông tin để xem chi tiết vị trí hoặc hành trình hiện tại của bạn. Trong khi đang chạy theo hướng dẫn lộ trình, ấn nút này sẽ lập lại hướng dẫn lộ trình cuối cùng.

Thiết lập các ưu tiên dẫn đường của bạn

Lựa chọn các thiết lập cho hệ thống sẽ tính toán vào khi đặt lộ trình cho bạn.

Ấn nút NAV và chọn các lựa chọn sau.

Tin nhắn	Mô tả và Hành động
Nhập điểm đến	Nhập thông tin chi tiết điểm đến (ví dụ như tên thành phố, tên phố hoặc chọn một địa điểm trên bản đồ).
Giao thông	Chọn cách bạn muốn hệ thống xử lý các vấn đề giao thông trên lộ trình của bạn (ví dụ khóa khu vực trên lộ trình).
Địa chỉ nhà	Xem vị trí trên hiện tại trên bản đồ lưu là vị trí nhà. Chỉ có một vị trí có thể lưu làm địa chỉ nhà.
Các điểm đến cuối cùng	Truy cập bản ghi lịch sử các điểm đến trước đây đã nhập vào hệ thống. Lựa chọn điểm đến lặp lại như mong muốn từ danh sách.
Thông tin ưa thích	Xem danh sách các thông tin ưa thích bạn đã lưu.
Địa điểm ưa thích	Tìm kiếm và lựa chọn các điểm giải trí ở gần, trên lộ trình của bạn hoặc ở điểm đến của bạn. Bạn có thể tìm kiếm theo tên hoặc theo nhóm.

Điều hướng

Tin nhắn	Mô tả và Hành động
Lập kế hoạch chuyến đi	Thiết lập và lưu một tuyến mới bằng cách nhập một số các điểm đến khác và đặt thứ tự mà bạn muốn đến cho chúng. Bạn cũng có thể thay đổi chuyến thăm quan hiện có hay phục hồi lại chuyến thăm quan trước đây. Hệ thống sẽ tự động tính toán và hiển thị chuyến đi mà bạn đã lựa chọn.
Lưu vị trí	Lưu và đặt tên cho vị trí hiện tại của bạn. Điều này sẽ tự động lưu trong danh mục ưa thích của bạn.
Tùy chọn lộ trình	Đặt các lựa chọn lộ trình từ danh sách có sẵn.
Chức năng đặc biệt	Chọn GPS và thông tin hệ thống hoặc biểu diễn chức năng của hệ thống. Chọn chế độ biểu diễn hệ thống sẽ giả định một chuyến đi trong khi xe của bạn vẫn đứng im. Bạn có thể lựa chọn bằng tay điểm bắt đầu khởi hành của xe.

Ấn nút MENU chọn lựa chọn dẫn đường và chọn bất kỳ trong các lựa chọn sau.

Tin nhắn	Mô tả và Hành động
Tùy chọn lộ trình	Đặt các lựa chọn lộ trình của bạn.
Màn hình bản đồ	Tùy biến hiển thị bản đồ cho hành trình của bạn (ví dụ mũi tên trên bản đồ, thời gian tới và nội dung bản đồ).
Các tùy chọn hỗ trợ	Tùy biến các thông tin hiển thị cho chuyến đi của bạn (ví dụ cho biển báo, làn đường và giới hạn tốc độ). Bật hoặc tắt tính năng cảnh báo nguy hiểm.
Các dữ liệu cá nhân	Xóa dữ liệu cá nhân (ví dụ địa chỉ nhà của bạn).
Thiết lập lại tất cả các cài đặt	Thiết lập lại cài đặt dẫn đường.

Lưu trữ địa chỉ nhà của bạn

1. Ấn nút **NAV**.
2. Chọn lựa địa chỉ nhà.
3. Nhập vào các thông tin chi tiết được yêu cầu sử dụng nút mũi tên.
4. Ấn nút xác nhận.

Ghi Chú: Điểm đến cuối cùng sẽ tự động hiển thị lên nếu bạn thay đổi địa chỉ nhà của bạn.

Thêm một mục ưa thích

1. Ấn nút **NAV**.
2. Cuộn xuống lựa chọn nhập điểm đến.
3. Nhập vào các thông tin chi tiết được yêu cầu sử dụng nút mũi tên.
4. Ấn nút xác nhận.

Ghi Chú: Nếu bạn lựa chọn lưu vị trí, nó sẽ tự động lưu vị trí đó vào danh mục ưa thích của bạn.

Điều hướng

Chọn một mục ưa thích

1. Ấn nút **NAV**.
2. Chọn lựa chọn ưa thích.
3. Cuộn xuống điểm đến mong muốn sử dụng nút mũi tên.
4. Ấn nút **OK** để bắt đầu dẫn đường.

Điều chỉnh mức âm thanh dẫn đường

Bạn có thể điều chỉnh mức âm thanh dẫn đường bằng cách điều chỉnh âm lượng khi đang phát âm thanh.

Ghi Chú: Trong khi đang hướng dẫn lộ trình, ấn nút thông tin sẽ lặp lại chỉ dẫn đường cuối cùng.

Điều chỉnh âm thanh Dẫn đường

Tính năng này cho phép bạn điều chỉnh trộn âm thanh giữa cụm âm thanh và âm thanh dẫn đường.

Các dấu vào điểm đến tương tự

Chức năng này sẽ tìm kiếm một số điểm đến có cùng tên với điểm mà bạn đã nhập vào. Điều này có ích khi mà bạn không chắc chắn cách viết điểm đến như thế nào cho đúng.

Tin nhắn	Thao tác
Điểm đến tương tự	Ấn nút NAV và cuộn xuống các lựa chọn điểm đến trước khi nhập vào thông tin chi tiết điểm đến của bạn.

Sau đó bắt đầu nhập vào điểm đến của bạn. Nhấn phím **OK**. Hệ thống sẽ tìm điểm đến có cách viết tương tự. Sử dụng nút mũi tên để lựa chọn một điểm đến trong danh sách và ấn nút **OK** để xác nhận điểm đến của bạn.

Hiện thị lộ trình

Hiện thị bản đồ

Ấn nút **MAP** để hiện thị chế độ bản đồ. Chế độ hiện thị này sẽ hiện thị vị trí hiện tại của bạn với tâm chiếc xe là một mũi tên được bao quanh bởi một vòng tròn. Mũi tên sẽ chỉ hướng di chuyển của xe.

Thông tin ở dòng trên cùng sẽ cung cấp tên đường hiện tại, hoặc đường kế tiếp sẽ gặp nếu rẽ.

Bạn có thể thay đổi cách thức hiện thị bản đồ bằng cách thay đổi các điều chỉnh về phóng to/thu nhỏ và các định hướng. Ấn nút chức năng một. Tỷ lệ bản đồ hiện tại được thể hiện trên màn hình.

Thiết lập tỷ lệ bản đồ có thể được chọn từ 0,05 dặm tới 500 dặm hoặc 50 m đến 500 km, với thiết lập tự động ở trên cùng. Chế độ tự động thiết lập sẽ liên tục thay đổi tỷ lệ bản đồ tùy thuộc vào tốc độ xe và loại đường đang chạy.

Bạn có thể sử dụng nút mũi tên để thay đổi hiện thị 2D, lần lượt, 3D hoặc hiện thị rõ ràng.

Phóng to thu nhỏ

Tính năng này sẽ tự động phóng to lên màn hình bản đồ tại những thời điểm khi bạn yêu cầu chuyển hướng, hoặc đánh lái phức tạp. Sau đó một lúc tỷ lệ mức phóng to sẽ trở lại mức như trước nếu ở chế độ tự động.

Bằng tay: Ấn nút chức năng một và điều chỉnh thiết lập sử dụng các nút mũi tên trái hoặc phải. Ấn nút **OK** để xác nhận thiết lập.

Tự động: Ấn nút chức năng một và sử dụng nút mũi tên lên hoặc xuống để lựa chọn chế độ tự động. Press **OK** để xác nhận lựa chọn của bạn.

Điều hướng

Di chuyển

Khi bạn đang ở chế độ bản đồ, ấn nút chức năng thứ hai. Bạn có thể sử dụng nút mũi tên trên cụm âm thanh để di chuyển xung quanh bản đồ.

Ấn nút chức năng hai lần nữa để trở lại màn hình ban đầu.

Hiển thị dẫn đường

Sau khi khởi hành theo lộ trình đã đặt, màn hình mặc định sẽ là màn hình chỉ hướng dịch chuyển chính.

Khi kích hoạt chế độ đi theo lộ trình, các chỉ dẫn sẽ được đưa ra dưới dạng thông tin trên màn hình và chỉ dẫn bằng giọng nói. Cho dù bạn chọn cách chỉ dẫn nào cho lộ trình, thông tin về các lần rẽ và quãng đường sẽ vẫn được thể hiện trên màn hình

dưới dạng biểu đồ. Bạn không cần thể hiện toàn bộ lộ trình trên màn hình khi đang đi theo lộ trình đã thiết lập. Ấn nút **MAP** ở bất kỳ thời điểm nào để trở lại màn hình dẫn đường chính. Thông tin cụ thể hơn một chút về lộ trình của bạn có thể có khi sử dụng màn hình dẫn đường chính nếu có yêu cầu.

Cảnh báo điểm nguy hiểm

Hệ thống này hỗ trợ tính năng cảnh báo nguy hiểm tại chỗ nhằm thông báo cho bạn có thể nhìn thấy và nghe được thông tin phản hồi về các khu vực giao thông nguy hiểm.

Tin nhắn	Mô tả
Các tùy chọn hỗ trợ	Bạn có thể bật và tắt hệ thống bằng cách sử dụng bảng lựa chọn hiển thị thông tin và giải trí. Tham khảo lựa chọn này trong phần dẫn đường.

Ghi Chú: *Tính năng này chỉ có ở một số nước nhất định.*

Cập nhật bản đồ dẫn đường

Các bản cập nhật bản đồ dẫn đường sẽ có khi đặt mua. Đền một đại lý được ủy quyền.

Phê chuẩn loại



Lô gô SD là tên nhãn hiệu.

Phần mềm dẫn đường thiết kế dựa trên sản phẩm của nhóm FreeType © 2006

Phần mềm dẫn đường thiết kế dựa trên sản phẩm của Nhóm JPEG độc lập.

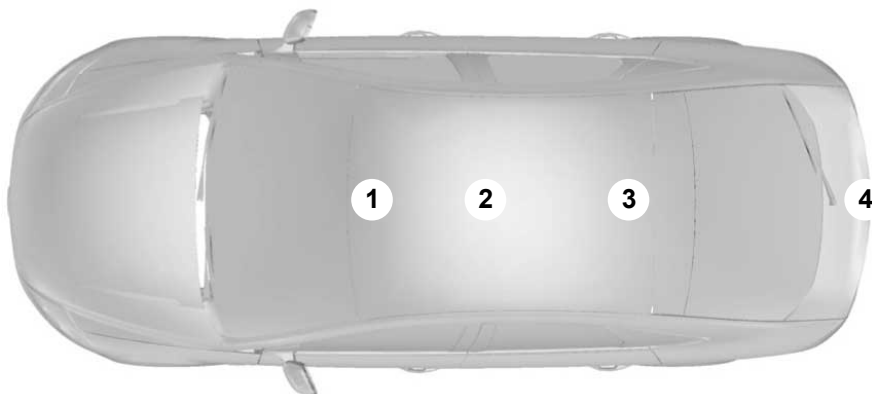
KHẢ NĂNG TƯƠNG THÍCH ĐIỆN TỬ

CÁC CẢNH BÁO

 Xe của bạn đã được kiểm định và chứng nhận đáp ứng các quy định về tương thích điện từ 72/245/EEC, UN ECE Regulation 10 hoặc các quy định của nước sở tại. Việc bảo đảm các thiết bị bạn lắp thêm đáp ứng các quy định tại nước sở tại là trách nhiệm của bạn. Các thiết bị lắp thêm cần được thực hiện bởi kỹ thuật viên có chuyên môn.

CÁC CẢNH BÁO

-  Thiết bị phát sóng radio (chẳng hạn như điện thoại di động, đài phát thanh nghiệp dư...) chỉ có thể lắp đặt trên xe nếu chúng tương thích với các thông số trong bảng dưới đây. Không có quy định hay điều kiện đặc biệt trong việc lắp đặt và sử dụng.
-  Không lắp bất kỳ thiết bị phát sóng, micro, loa, hay các vật khác trong khu vực hoạt động của túi khí.
-  Không bắt dây ăng ten lên dây điện, ống nhiên liệu, ống dầu phanh trên xe.
-  Giữ ăng-ten và dây cáp nguồn cách bất kỳ hộp điều khiển điện tử nào và túi khí một khoảng ít nhất là 10 cm (4 inch).



E85998

Băng tần MHz	Công suất cực đại W (RMS cao nhất)	Vị trí an ten
1 – 30	50 W	3. 4
30 – 54	50 W	1. 2. 3
68 – 87,5	50 W	1. 2. 3

Phụ lục

Băng tần MHz	Công suất cực đại W (RMS cao nhất)	Vị trí anten
142 – 176	50 W	1. 2. 3
380 – 512	50 W	1. 2. 3
806 – 940	10 W	1. 2. 3
1200 – 1400	10 W	1. 2. 3
1710 – 1885	10 W	1. 2. 3
1885 – 2025	10 W	1. 2. 3

Ghi chú: Sau khi lắp thiết bị phát sóng radio, kiểm tra sự nhiễu tác động đến hay gây ra bởi các thiết bị điện trên xe ở cả chế độ chờ và chế độ truyền.

Kiểm tra tất cả các thiết bị điện:

- với chìa khóa điện ở vị trí **ON**
- với động cơ hoạt động
- khi chạy thử ngoài đường với các tốc độ khác nhau.

Kiểm tra trường điện từ tạo ra trong khoang lái bởi thiết bị phát sóng không vượt quá tiêu chuẩn cho phép.

KIỂM PHÊ DUYỆT

FCC/INDUSTRY CANADA NOTICE

Thiết bị này đáp ứng quy định trong phần 15 của FCC. Việc vận hành cần đáp ứng hai điều kiện sau: (1) thiết bị không gây nhiễu có hại, (2) thiết bị phải chấp nhận nhiễu thu được kể cả nhiễu gây ra hoạt động không mong muốn.

FCC ID: WJLRX-42

IC: 7847A-RX42

Các thay đổi hoặc hoán cải trên thiết bị của bạn mà không được phê duyệt bởi cơ quan hữu quan có thể dẫn đến bị cấm sử dụng thiết bị.

RX-42 - Công bố hợp chuẩn

Chúng tôi, cơ quan có thẩm quyền về hợp chuẩn, công bố với toàn bộ trách nhiệm của chúng tôi rằng sản phẩm tích hợp cầm tay RX-42 đáp ứng các quy định trong hướng dẫn 1999/5/EC. Có thể truy cập bản sao Công bố hợp chuẩn tại:

www.novero.com/declaration_of_conformity

Nhãn mác và logo Bluetooth thuộc sở hữu của Bluetooth SIG, Inc. và việc sử dụng các nhãn mác này bởi Ford Motor Company đều đã được xin phép. Các nhãn hiệu và tên thương hiệu khác đều thuộc sở hữu tổ chức tương ứng có tên.

KIỂM PHÊ DUYỆT

Ipod là tên nhãn hiệu của hãng Apple.

KIỂM PHÊ DUYỆT

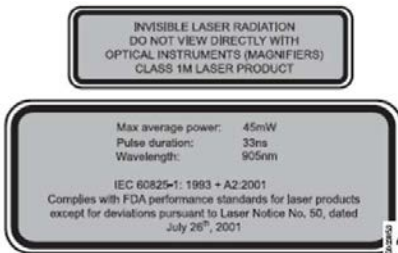


© 2008 NAVTEQ B.V. Tất cả các quyền được bảo hộ.

(AT)	"© Bundesamt für Eich- und Vermessungswesen"
(PL)	"© EuroGeographics"
(FR)	"source: GéoRoute® IGN France & BD Cartho® IGN France"
(DE)	"Die Grundlagendaten wurden mit Genehmigung der zuständigen Behörden entnommen"
(GB)	"Based upon Crown Copyright material."
(GR)	"Copyright Geomatics Ltd."
(IT)	"La Banca Dati Italiana è stata prodotta usando quale riferimento anche cartografia numerica ed al tratto prodotta e fornita dalla Regione Toscana."
(NO)	"Copyright © 2000; Norwegian Mapping Authority"
(PT)	"Source: IgeoE – Portugal"
(ES)	"Información geográfica propiedad del CNIG"
(SE)	"Based upon electronic data © National Land Survey Sweden."
(CH)	"Topografische Grundlage: © Bundesamt für Landestopographie"

Kiểu phê duyệt

Cảnh báo laser



CÁC CẢNH BÁO



Bức xạ laser không nhìn thấy. Không nhìn trực tiếp bằng các dụng cụ quang học (kính lúp). Sản phẩm laser Class 1M.



IEC 60825-1: 1993 + A2:2001. Phù hợp với các tiêu chuẩn hiệu suất FDA cho các sản phẩm laser, trừ những điểm thay đổi theo thông báo về tia Laser số No. 50, ban hành ngày 26 tháng 7 năm 2001.

Phụ lục

Hạng mục	Thông số kỹ thuật
Công suất trung bình tối đa	45mW
Chiều rộng xung	33ns
Bước sóng	905nm

Bảo vệ hành khách

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

Túi khí

CÁC CẢNH BÁO



Không được cải biến phía trước xe theo bất kỳ cách nào. Vì điều này có thể ảnh hưởng đến việc kích hoạt túi khí.



Cảnh báo nguyên bản theo tài liệu ECE R94.01: Rất nguy hiểm! Không lắp ghế trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế có túi khí ở phía trước!



Cài đai an toàn và giữ khoảng cách phù hợp giữa bạn và vô lăng. Chỉ khi bạn thắt đai an toàn đúng, thì chúng mới giữ bạn ở vị trí cho phép túi khí có tác dụng tối đa. Tham khảo **Ngồi đúng vị trí** (trang 101).



Vô lăng, trụ lái, ghế, túi khí, đai an toàn cần được sửa chữa bởi kỹ thuật viên có chuyên môn.



Tránh để các vật cản trước túi khí. Không dùng đồ vật đặt lên hoặc phủ lên vỏ túi khí.



Không chọc vật nhọn vào khu vực lắp túi khí. Vì có thể làm hỏng hay kích hoạt túi khí một cách không mong muốn.

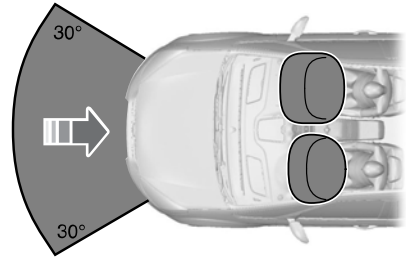


Với ghế có trang bị túi khí bên, cần sử dụng bọc ghế đúng thiết kế. Và cần được lắp bởi kỹ thuật viên có chuyên môn.

Ghi Chú: Bạn sẽ nghe thấy tiếng nổ và nhìn thấy đám bột màu trắng vô hại bay lên. Đây là điều bình thường.

Ghi Chú: Chỉ lau vỏ túi khí bằng giẻ ướt.

Túi khí bên lái và bên phụ



E74302

Túi khí bên lái và bên phụ sẽ nổ khi có các va chạm mạnh từ phía trước hoặc trong vùng 30 độ từ hai bên. Túi khí sẽ phồng ra trong vòng vài phần nghìn giây và xếp xuống khi tiếp xúc với con người, do đó sẽ ngăn chuyển động về phía trước của cơ thể. Khi có va chạm nhỏ từ phía trước, lật xe, va chạm từ phía sau hay bên cạnh, túi khí bên lái và bên phụ sẽ không hoạt động.

Túi khí bên



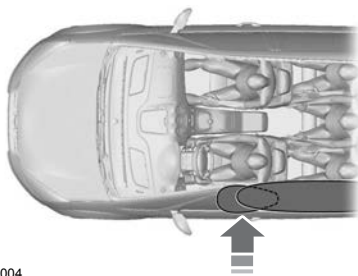
E72658

Túi khí bên được lắp bên trong tựa lưng ghế của hàng ghế trước. Một nhân sẽ thể hiện là túi khí bên được lắp trên xe của bạn.

Bảo vệ hành khách

Túi khí bên sẽ nổ khi có va chạm mạnh từ bên cạnh. Chỉ có túi khí ở bên bị va chạm mới bung ra. Túi khí sẽ phồng lên trong vòng vài phần nghìn giây và xẹp xuống khi tiếp xúc với con người, do đó sẽ bảo vệ được phần ngực và vai. Khi có va chạm ngang nhẹ, lật xe, va chạm từ phía trước, va chạm từ phía sau nhẹ, túi khí bên sẽ không nổ.

Túi khí trần xe



E75004

Túi khí trần xe được lắp phía trong các tấm ốp kính cửa trước và sau. Lô gô được đúc trên tấm ốp trụ B sẽ thể hiện là túi khí trần xe được lắp trên xe của bạn.

Túi khí trần xe sẽ nổ khi có va chạm ngang lớn. Chỉ có túi khí ở bên bị va chạm mới bung ra. Túi khí sẽ phồng lên trong vòng vài phần nghìn giây và xẹp xuống khi tiếp xúc với cơ thể người, do đó sẽ bảo vệ đầu của người ngồi. Khi có va chạm ngang nhẹ, lật xe, va chạm từ phía trước, va chạm từ phía sau nhẹ, túi khí trần xe sẽ không nổ.

Đai an toàn

CÁC CẢNH BÁO

 Cài đai an toàn và giữ khoảng cách phù hợp giữa bạn và vô lăng. Chỉ khi sử dụng đai an toàn đúng cách, nó mới giữ thân người ở vị trí cho phép túi khí đạt được hiệu quả tốt nhất. Tham khảo **Ngồi đúng vị trí** (trang 101).

CÁC CẢNH BÁO

-  Không sử dụng một đai an toàn cho nhiều hơn một người.
-  Sử dụng đúng khóa đai cho mỗi đai an toàn.
-  Không sử dụng đai an toàn bị chùng hoặc bị xoắn.
-  Không được mặc quần áo quá dày. Đai an toàn cần phải thắt chặt xung quanh cơ thể để đạt hiệu quả tối đa.
-  Quàng đai dọc của đai an toàn qua giữa vai và cài chặt đai ngang qua hông.

Khóa đai an toàn của lái xe và hành khách ở ghế trước được lắp hệ thống rút đai tự động. Bộ rút đai tự động có ngưỡng kích hoạt thấp hơn so với túi khí. Khi có va chạm nhẹ, có thể chỉ bộ rút đai tự động hoạt động.

Trạng thái sau va chạm

CẢNH BÁO

-  Đai an toàn thường bị kéo căng sau tai nạn, nên cần phải thay mới và kiểm tra các điểm bắt bởi kỹ thuật viên có chuyên môn.

THẮT DÂY ĐAI AN TOÀN

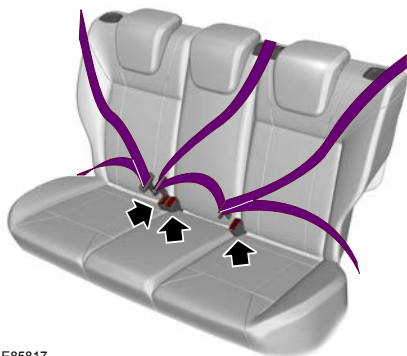
CẢNH BÁO

-  Cắm lưỡi khóa vào khóa đai an toàn cho đến khi bạn nghe tiếng 'tạch'. Bạn chưa cài đúng cách khi chưa nghe tiếng 'tạch'.

Bảo vệ hành khách



E74124



E85817

Kéo đai ra ngoài một cách chắc chắn. Nó có thể bị thắt lại nếu bạn kéo quá mạnh hay khi xe đỗ trên dốc.

Nhấn nút màu đỏ trên khóa đai để mở đai. Để nó nhả ra hoàn toàn và nhẹ nhàng.

ĐIỀU CHỈNH ĐỘ CAO CỦA DÂY ĐAI



E87511

Ghi Chú: *Nâng nhẹ cơ cấu trượt trong khi bấm nút khóa để mở cơ cấu khóa dễ dàng.*

Để nâng lên hoặc hạ xuống, bấm nút khóa trên bộ điều chỉnh và di chuyển đến vị trí mong muốn.

NHẮC NHỞ THẮT DÂY ĐAI AN TOÀN

CẢNH BÁO



Hệ thống an toàn chỉ cung cấp cấp sự bảo vệ tối đa khi bạn sử dụng đai an toàn đúng cách.



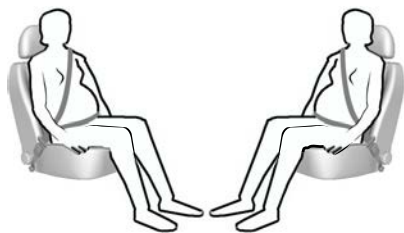
Đèn nhắc thắt đai an toàn sáng và chuông báo sẽ xuất hiện nếu đai an toàn ghế lái và ghế trước bên phụ không được thắt và xe đạt tốc độ nào đó. Đèn nhắc thắt đai an toàn cũng sẽ sáng nếu đai an toàn bên ghế lái hoặc ghế trước bên phụ không được thắt trong khi xe chạy. Chuông báo sẽ tắt sau 5 phút, tuy nhiên đèn nhắc thắt đai sẽ tiếp tục sáng cho đến khi đai an toàn ghế lái hoặc ghế trước bên phụ được thắt.

Bảo vệ hành khách

Ngắt chế độ nhắc thắt đai an toàn

Liên lạc với đại lý để biết thêm chi tiết.

SỬ DỤNG DÂY ĐAI AN TOÀN TRONG KHI MANG THAI



E68587

CẢNH BÁO



Thắt đai an toàn đúng cách vì sự an toàn cho bạn và thai nhi. Phải sử dụng cả đai ngang và đai dọc.

Thắt đai ngang nhẹ nhàng qua phần hông và cách xa phía dưới phần bụng bầu. Quàng đai dọc ở giữa ngực, từ phía trên sang một bên bụng bầu.

VÔ HIỆU HÓA TÚI KHÍ PHÍA HÀNH KHÁCH

CẢNH BÁO



Cần tắt hoạt động của túi khí hành khách khi sử dụng ghế trẻ em quay mặt về phía sau.



E71313

Lắp công tắc ngắt túi khí ghế hành khách

CẢNH BÁO

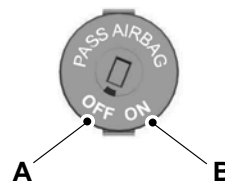


Nếu bạn cần lắp ghế trẻ em trên ghế có trang bị túi khí phía trước, cần lắp công tắc ngắt túi khí. Liên lạc với đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

Ghi Chú: Khóa chuyển chế độ được đặt ở trong khoang hộp đồ bên phụ với đèn khởi kích hoạt túi khí ở hộp đồ trên đầu.

Nếu đèn báo túi khí sáng hoặc nhấp trong khi xe chạy có nghĩa là xe đang có lỗi. Tham khảo **Đèn cảnh báo và chỉ báo** (trang 68). Tháo ghế trẻ em và kiểm tra hệ thống ngay lập tức.

Ngắt hoạt động túi khí hành khách



E71312

A Ngắt hoạt động

B Hoạt động

Bật công tắc đèn vị trí **A**.

Bảo vệ hành khách

Khi bạn bật chìa khóa điện, kiểm tra xem đèn báo ngắt túi khí hành khách có sáng hay không.

Chuyển sang chế độ túi khí hành khách hoạt động.

CẢNH BÁO



Cần chắc chắn túi khí hành khách ở chế độ hoạt động khi bạn **không** sử dụng ghế trẻ em trên ghế phía trước bên phụ.

Bật công tắc về vị trí **B**.

Hệ thống chống trộm bằng chìa mã hoá

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

Bộ nhận dạng chìa khóa là hệ thống bảo vệ chống trộm để ngăn chặn người ngoài khởi động động cơ bằng chìa khóa có mã không đúng.

CHÌA KHOÁ MÃ HOÁ

Ghi Chú: Không bọc chìa khóa bằng kim loại. Vì điều này làm cho thiết bị thu không nhận biết chìa khóa của bạn.

Ghi Chú: Nếu bị mất một chìa khóa, hãy xóa mã và mã hóa lại các chìa còn lại. Liên lạc với đại lý để biết thêm thông tin chi tiết. Các chìa mới cần phải được mã hóa cùng với các chìa đang dùng.

Nếu bị mất một chìa khóa, bạn có thể làm thêm chìa mới tại đại lý của Ford. Cung cấp mã chìa khóa trên nhãn của chìa khóa gốc cho đại lý nếu có thể khi làm thêm chìa. Bạn có thể làm thêm chìa tại đại lý của Ford.

CÀI ĐẶT CHẾ ĐỘ CHỐNG TRỘM BẰNG CHÌA MÃ HOÁ

Hệ thống chống trộm bằng chìa mã hóa sẽ tự động được cài đặt trong thời gian ngắn sau khi bạn tắt chìa khóa điện.

HỦY CÀI ĐẶT CHẾ ĐỘ CHỐNG TRỘM

Hệ thống chống trộm bằng chìa khóa mã hóa sẽ tự động tắt khi bạn bật chìa khóa điện bằng chìa khóa đúng.

Báo trộm

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

Hệ thống báo trộm

Xe của bạn có thể được trang bị hệ thống báo trộm như dưới đây:

- Hệ thống báo trộm xung quanh xe.

Hệ thống báo trộm xung quanh xe

Hệ thống còi báo trộm ngăn chặn việc truy nhập trái phép vào xe của bạn thông qua các cánh cửa và nắp ca pô. Nó cũng giúp bảo vệ bộ dài.

Bật chế độ báo trộm

Khi chế độ báo trộm bật, chuông báo trộm sẽ hoạt động theo các cách sau:

- Nếu một người nào đó mở một cánh cửa, cửa sau hoặc nắp ca pô mà không có chìa khóa hoặc điều khiển từ xa hợp lệ.
- Nếu một người nào đó tháo hệ thống âm thanh và hệ thống định vị.
- Nếu khóa điện được xoay đến vị trí **I**, **II** hoặc **III** mà không sử dụng chìa hợp lệ.

Nếu hệ thống báo trộm được kích hoạt, còi báo trộm sẽ kêu trong khoảng 30 giây và đèn báo hiệu khẩn cấp sẽ nhấp nháy trong vòng 5 phút.

Nếu bất kỳ hành động nêu trên nào được thực hiện, hệ thống báo trộm sẽ hoạt động trở lại.

Các thông báo thông tin

Tham khảo **Hiển thị thông tin** (trang 80).

KÍCH HOẠT BÁO TRỘM (CÒI)

Để bật chế độ báo động, hãy khóa xe lại. Tham khảo **Khóa** (trang 29).

HỦY KÍCH HOẠT BÁO TRỘM (CÒI)

Các xe không có chìa khóa điều khiển

Hệ thống báo trộm xung quanh xe

Bỏ chế độ báo động và làm tắt chuông báo bằng cách mở khóa cửa bằng chìa khóa và bật chìa khóa điện bằng chìa khóa đúng, hoặc mở khóa cửa hoặc mở khoang hành lý bằng điều khiển từ xa.

Các xe có chìa khóa điều khiển

Ghi Chú: Một chìa khóa hợp lệ phải được đặt trong phạm vi phát hiện của cánh cửa trong hệ thống khóa điều khiển từ xa. Tham khảo **Hệ thống điều khiển từ xa** (trang 31).

Hệ thống báo trộm xung quanh xe

Bỏ chế độ báo động và làm tắt chuông báo bằng cách mở khóa cửa bằng chìa khóa và bật chìa khóa điện bằng chìa khóa đúng, hoặc mở khóa cửa hoặc mở khoang hành lý bằng điều khiển từ xa.

Các tính năng tiện nghi

BỘ ĐIỀU CHỈNH CƯỜNG ĐỘ SÁNG BẢNG ĐIỀU KHIỂN TAP-LÔ



E132712

Bấm nhiều lần hoặc bấm và giữ cho tới khi đạt được độ sáng mong muốn.

Ghi Chú: Nếu như ắc quy không được nối, không được sạc, hoặc lắp ắc quy mới, công tắc chỉnh độ sáng sẽ tự động thiết lập các bộ phận được chiếu sáng ở mức tối đa.

ĐỒNG HỒ

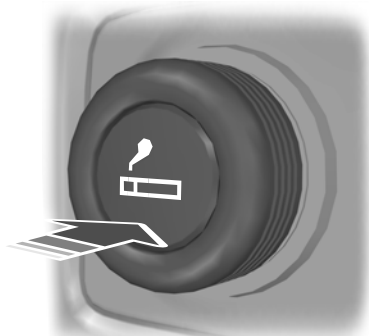
Tham khảo **Hiển thị thông tin** (trang 72).

MỖI THUỐC LÁ

CÁC CHÚ Ý

- ⚠ Nếu bạn sử dụng nguồn qua ổ cắm trong khi động cơ không hoạt động, ắc quy có thể hết điện.
- ⚠ Không được ấn châm thuốc và giữ chặt tại đó.

Ghi Chú: Bạn có thể dùng nguồn từ ổ cắm cho các thiết bị nguồn 12V và dòng điện cực đại là 10A. Chỉ sử dụng các giắc cắm phụ kiện của Ford hoặc các giắc theo tiêu chuẩn ổ cắm SAE.



E132415

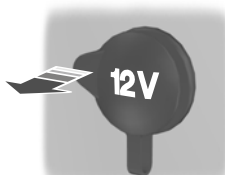
Để châm thuốc, nhấn châm thuốc vào. Nó sẽ tự động bật ra, và bạn có thể châm thuốc.

ĐIỂM CẤP ĐIỆN PHỤ

CHÚ Ý

- ⚠ Nếu bạn sử dụng nguồn qua ổ cắm trong khi động cơ không hoạt động, ắc quy có thể hết điện.

Ghi Chú: Bạn có thể dùng nguồn từ ổ cắm cho các thiết bị nguồn 12V và dòng điện cực đại là 10A. Chỉ sử dụng các giắc cắm phụ kiện của Ford hoặc các giắc theo tiêu chuẩn ổ cắm SAE.



E78056

Các tính năng tiện nghi

Các ổ cắm được bố trí trên hộp đồ ở giữa và trong khoang hành lý.

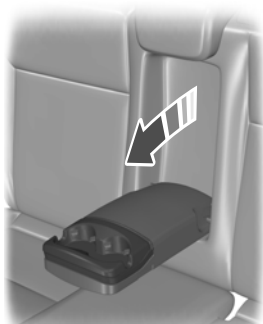
GIÁ ĐỂ LY

CẢNH BÁO



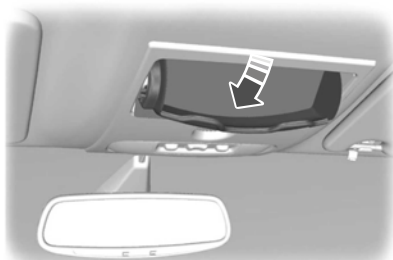
Không đặt đồ uống nóng lên khay đựng cốc khi xe đang di chuyển.

Tỳ tay ghế sau

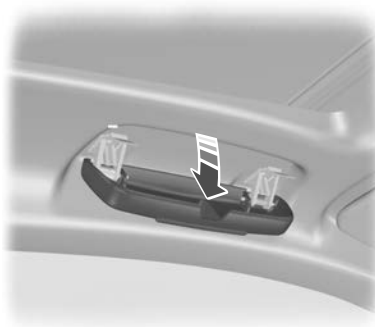


E132505

HỘP ĐỒ KÍNH ĐEO MẮT



E75193



E91508

GIẮC CẮM NGÕ VÀO ÂM THANH

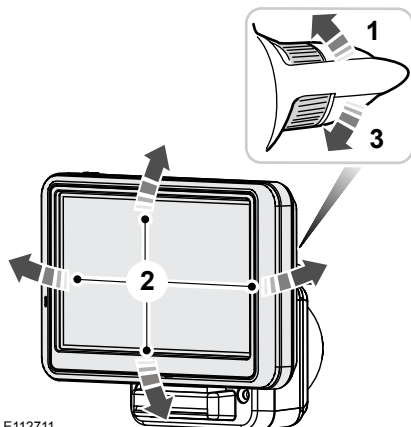
Bạn có thể tìm thấy khe cắm trong khoang chứa đồ trên bảng táp lô hoặc trên hộp đồ sàn xe. Tham khảo **Giắc cắm ngõ vào AUX phụ (AUX IN)** (trang 233).

CỔNG USB

Bạn có thể tìm thấy khe cắm trong khoang chứa đồ trên bảng táp lô hoặc trên hộp đồ sàn xe.

GIÁ LẮP BỘ DẪN ĐƯỜNG VỆ TINH

Điều chỉnh giá đỡ



E112711

1. Mở khóa.
2. Điều chỉnh giá đỡ tới vị trí mong muốn.
3. Khóa.

Ghi Chú: Kiểm tra giá đỡ bộ dẫn đường được khóa ở đúng vị trí.

THẢM LÓT SÀN

CẢNH BÁO



Khi sử dụng các tấm trải sàn, luôn bảo đảm tấm trải sàn được giữ chắc chắn bằng các sử dụng cách lắp phù hợp và đặt sao cho nó không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các bàn đạp.

CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM NHIÊN LIỆU (Eco)

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

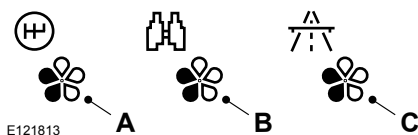
Hệ thống sẽ hỗ trợ tài xế lái xe hiệu quả hơn bằng cách liên tục giám sát các đặc tính của việc chuyển số, dự đoán tình trạng giao thông, tốc độ trên đường cao tốc và đường thoáng.

Ghi Chú: Những giá trị hiệu quả này không dẫn đến con số tiêu thụ nhiên liệu xác định. Nó có thể khác nhau vì nó không chỉ liên quan tới các hành vi, nguyên tắc lái xe mà còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác như các hành trình ngắn và khởi động ở thời tiết lạnh.

Ghi Chú: Các hành trình ngắn thường xuyên, khi mà động cơ chưa đủ nhiệt, cũng làm tăng mức tiêu hao nhiên liệu.

Giá trị của những đặc tính này được đại diện bởi những cánh hoa trên màn hình, ứng với năm cánh hoa là chế độ hiệu quả nhất. Bạn lái xe càng hiệu quả, chỉ số đánh giá càng tốt, và mức tiêu hao nhiên liệu càng tốt.

Loại 1



- A Chuyển số
- B Dự đoán
- C Tốc độ tối ưu

Chuyển số

Sử dụng số cao nhất phù hợp với điều kiện đường để cải thiện mức tiêu hao nhiên liệu.

Dự báo

Điều chỉnh tốc độ xe và khoảng cách với các xe khác mà không cần phải phanh gấp hoặc tắc ga sẽ cải thiện được mức tiêu hao nhiên liệu.

Tốc độ tối ưu

Tốc độ càng cao sử dụng càng nhiều nhiên liệu. Giảm tốc độ chạy theo trón trên đường thoáng sẽ giúp cải thiện mức tiêu hao nhiên liệu.

Loại 2 và 3

Các thông tin có liên quan sẽ được hiển thị trên màn hình.

SỬ DỤNG CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM NHIÊN LIỆU (ECONOMY)

Hệ thống được truy cập bằng cách sử dụng thông tin liên quan hiển thị trên trình đơn. Tham khảo **Hiển thị thông tin** (trang 72).

Đặt chế độ Eco

Thiết lập lại mức tiêu hao nhiên liệu trung bình.

Ghi Chú: Có thể mất một khoảng thời gian ngắn để tính các giá trị mới.

Hỗ trợ khởi động khi lên dốc

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

Hệ thống này hỗ trợ việc xuất phát dễ dàng hơn khi xe ở trên dốc mà không cần sử dụng phanh tay.

Khi hệ thống này hoạt động, xe sẽ đứng yên trên dốc trong một thời gian ngắn sau khi bạn nhả bàn đạp phanh. Trong khoảng thời gian này, bạn có thời gian để di chuyển chân từ bàn đạp phanh sang bàn đạp ga và xuất phát. Hệ thống sẽ tự động nhả phanh khi động cơ tạo ra đủ lực truyền động để ngăn xe đi lùi xuống dốc. Việc này rất thuận lợi cho việc xuất phát trên dốc, chẳng hạn tại chỗ đỗ xe, chỗ có đèn giao thông hoặc khi lùi xe lên dốc vào vị trí đỗ xe.

CẢNH BÁO



Hệ thống này không thay thế cho phanh tay. Khi bạn rời xe, luôn kéo phanh tay và vào số 1 hoặc số lùi.

SỬ DỤNG CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ KHỞI HÀNH KHI LÊN DỐC

Hệ thống sẽ được kích hoạt một cách tự động khi xe đỗ trên dốc lớn hơn 3%. Hệ thống hoạt động khi xe xuống dốc nếu cài số lùi và khi xe đi lên dốc nếu cài số tiến.

Xe trang bị hộp số sàn

Hệ thống có thể được bật tắt sử dụng màn hình hiển thị thông tin. Tham khảo **Thông tin chung** (trang 72).

Kích hoạt hệ thống

CÁC CẢNH BÁO



Bạn phải ở trong xe một khi bạn đã kích hoạt hệ thống này.



Trong toàn bộ thời gian, bạn có trách nhiệm điều khiển xe, giám sát hệ thống và can thiệp khi cần thiết.

CÁC CẢNH BÁO



Nếu có một sự cố nào được phát hiện khi hệ thống kích hoạt, hệ thống sẽ bị ngắt và có một thông báo hiện trên màn hình. Tham khảo **Hiển thị thông tin** (trang 80).

Bạn chỉ có thể kích hoạt hệ thống chỉ khi các điều kiện sau được đáp ứng:

- Động cơ đang hoạt động.
- Hệ thống đã được bật.
- Trên xe trang bị hộp số sàn, đạp bàn đạp ly hợp.
- Không có mã lỗi xuất hiện.

Để kích hoạt hệ thống:

1. Đạp bàn đạp phanh cho đến khi xe đứng hẳn. Tiếp tục đạp bàn đạp phanh.
2. Nếu cảm biến phát hiện xe đang ở trên dốc, hệ thống sẽ được kích hoạt một cách tự động.
3. Khi nhả chân phanh, xe sẽ tiếp tục ở trên dốc mà không bị trôi đi trong một thời gian ngắn. Thời gian giữ này sẽ được kéo dài một cách tự động nếu bạn đang trong quá trình khởi hành.
4. Khởi hành như cách thông thường. Phanh sẽ được nhả một cách tự động.

Tắt hệ thống

Để tắt hệ thống này, thực hiện một **trong các bước** sau đây:

- Đợi một thời gian ngắn cho tới khi hệ thống tự động ngắt kích hoạt.
- Nếu một số tiến được cài khi hệ thống đang kích hoạt, cài số lùi.
- Nếu số lùi được cài khi hệ thống đang kích hoạt, cài một số tiến.

Camera quan sát phía sau

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

Camera cho phép quan sát khi lùi.

CẢNH BÁO



Hệ thống này không giảm trách nhiệm của bạn hãy lái xe cẩn trọng và chú ý.

CÁC CHÚ Ý



Nếu sử dụng vòi nước áp suất cao để rửa xe, chỉ phun vào các camera trong thời gian ngắn với khoảng cách lớn hơn 20cm.



Không tác động áp suất tới camera.

Ghi Chú: Giữ camera sạch không bụi bẩn, băng và tuyết. Không làm sạch bằng những vật sắc, chất tẩy dầu mỡ, sáp hoặc sản phẩm hữu cơ. Chỉ sử dụng vải mềm.

Trong quá trình hoạt động, các hướng dẫn xuất hiện trên màn hình sẽ thể hiện đường xe đang đi và khoảng cách xấp xỉ tới vật phía sau.

CAMERA PHÍA SAU

CÁC CẢNH BÁO



Hoạt động của camera có thể khác nhau phụ thuộc vào điều kiện nhiệt độ môi trường xung quanh, xe và mặt đường.



Khoảng cách chỉ ra trên màn hình có thể khác với khoảng cách thực tế.



Không đặt các vật trước camera.

Camera được bố trí trên nắp khoang hành lý gần tay nắm mở cửa.



E99105

Kích hoạt camera lùi

CHÚ Ý



Camera có thể không phát hiện ra chướng ngại vật ở sát xe.

Khi khóa điện và đài được bật ON:

1. Nhấn nút hỗ trợ đỗ xe trên bảng táp lô. Về vị trí: Tham khảo **Khởi động nhanh** (trang 11). Hoặc,
2. Cài số lùi.

Hình ảnh được hiển thị trên màn hình.

Đèn trên công tắc sẽ sáng khi hệ thống được kích hoạt.

Camera có thể hoạt động không chính xác trong các điều kiện sau đây:

- Khu vực tối.
- Cường độ sáng lớn.
- Nếu nhiệt độ môi trường xung quanh tăng lên và giảm đi nhanh chóng.
- Nếu camera bị ướt, ví dụ như mưa hoặc độ ẩm cao.
- Nếu tầm quan sát của camera bị cản, chẳng hạn bởi bùn.

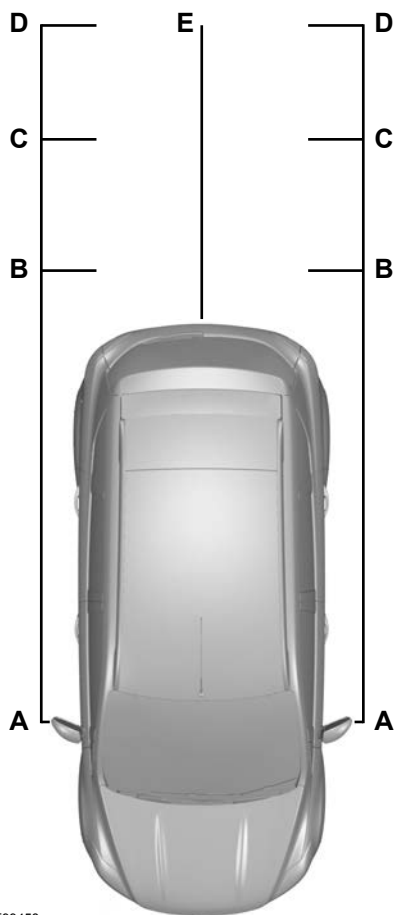
Camera quan sát phía sau

Sử dụng màn hình

CÁC CHÚ Ý

- ❗ Chướng ngại vật ở phía trên camera sẽ không được thể hiện. Kiểm tra khu vực phía sau xe nếu cần.
- ❗ Các vạch dầu nhằm mục đích dẫn hướng chung, và được tính toán trong điều kiện tải trọng tối đa và mặt đường bằng phẳng.

Các đường kẻ thể hiện đường xe đi của xe (dựa trên góc xoay vô lăng hiện tại) và khoảng cách giữa gương chiếu hậu ngoài và cản sau.



- A Khoảng cách gương bên ngoài - 0,1 m (4 inches)
- B Đỏ - 0,3 m (12 inches)
- C Màu vàng - 0,6 m (24 inches)
- D Màu xanh - 0,9 tới 3,2 m (35 tới 126 inches)

Camera quan sát phía sau

Ghi Chú: Khi lùi xe có rơ móc, các đường kẻ trên màn hình sẽ không hiển thị.

Tắt camera quan sát sau xe

Ghi Chú: Ra khỏi số lùi. Màn hình sẽ tiếp tục bật trong một thời gian ngắn trước khi tắt.

Ghi Chú: Hệ thống sẽ tự động tắt khi xe đã đạt tới tốc độ khoảng 15 km/giờ (9 dặm/giờ).

Nhấn nút hỗ trợ đỗ xe trên bảng táp lô. Để có vị trí của các chi tiết: Tham khảo **Khởi động nhanh** (trang 11).

Xe có hệ thống hỗ trợ đỗ xe

Màn hình hiển thị cũng thể hiện một thanh khoảng cách có màu. Hướng dẫn này cho biết khoảng cách từ cần sau đến chướng ngại vật phát hiện được.

Những khoảng cách này được mã hóa dưới dạng màu sắc như sau:

- Màu xanh - 0,6 tới 1,8 m (24 tới 71 inches).
- Màu vàng - 0,3 tới 0,6 m (12 tới 24 inches).
- Màu đỏ - 0,3 m (12 inch) hoặc ngắn hơn.

Hệ thống hỗ trợ đỗ xe chủ động

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

CÁC CẢNH BÁO



Hệ thống này không giảm trách nhiệm của bạn trong việc lái xe cẩn trọng và chú ý.



Trong toàn bộ thời gian bạn chịu trách nhiệm điều khiển xe, giám sát hệ thống và can thiệp khi cần thiết.



Bạn phải để ý quan sát khoảng trống được chọn không có các vật cản trong toàn bộ thời gian di chuyển.



Hệ thống có thể không phát hiện ra các xe chất tải nhô ra, các đồ vật trên phố và các vật khác. Bạn phải chắc chắn khoảng trống được chọn phù hợp để đỗ xe.



Không sử dụng hệ thống nếu có toa moóc được gắn vào xe.



Không sử dụng hệ thống nếu có giá đỡ xe đạp được gắn vào phía sau xe.



Không sử dụng hệ thống nếu có một vật nhô ra được đặt trên nóc xe.



Nếu quá trình đỗ xe bị ngắt giữa chừng, hệ thống sẽ bị vô hiệu hóa. Vị trí vô lăng sẽ không cho biết vị trí thực sự của hệ thống lái và do đó bạn phải tự điều khiển xe.



Cẩn thận việc quần áo chùng, bàn tay hoặc cánh tay bị cuốn vào vô lăng đang quay.

Hệ thống sẽ phát hiện không gian đỗ xe song song và lái xe vào trong vị trí đó. Hệ thống này điều khiển hệ thống lái trong khi người lái phải điều khiển chân ga, hộp số và phanh. Quá trình có thể bị dừng lại bất cứ lúc nào bằng cách giữ vành lái hoặc nhấn công tắc hỗ trợ đỗ xe chủ động. Tham khảo **Khởi động nhanh** (trang 11).

Hệ thống sẽ hướng dẫn người lái bằng hình ảnh và âm thanh trong toàn bộ quá trình để đảm bảo đỗ xe an toàn.

SỬ DỤNG HỖ TRỢ ĐỖ XE CHỦ ĐỘNG

CÁC CHÚ Ý



Các bộ cảm biến có thể không phát hiện được các vật trong điều kiện mưa to hay trong những điều kiện khác mà có thể gây ra các phản xạ chói sáng.



Các bộ cảm biến có thể không phát hiện được các vật có bề mặt hấp thụ sóng siêu âm.



Các cảm biến có thể không phân biệt được vỉa hè.

Ghi Chú: Nếu hệ thống điều khiển lực kéo bị tắt thì chức năng hỗ trợ đỗ xe chủ động sẽ không làm việc. Tham khảo **Thông tin chung** (trang 72).

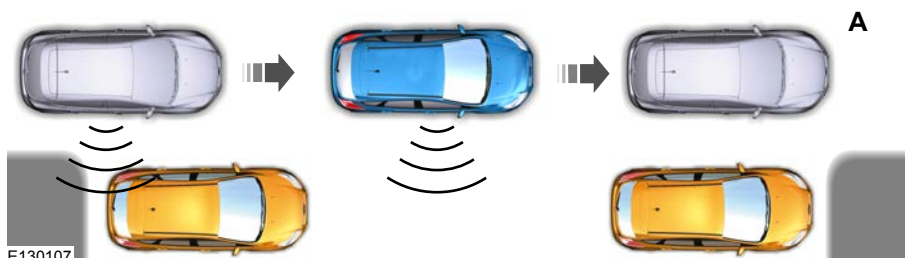
Hệ thống sẽ không canh xe thẳng hàng nếu:

- sử dụng một lốp dự phòng, hoặc một lốp bị mòn nhiều hơn so với các lốp khác
- sử dụng lốp có kích cỡ khác
- các bánh xe bị trượt
- bạn để xe bị trượt
- điều kiện thời tiết kém (mưa to, tuyết, sương mù...).

Di chuyển về trước ở vận tốc tối đa 30 km/g (18mph). Nhấn công tắc kích hoạt trợ giúp đỗ xe. Tham khảo **Khởi động nhanh** (trang 11). Dùng cần điều khiển đèn báo rẽ để chọn tìm kiếm bên trái hoặc bên phải xe.

Ghi Chú: Nếu không chọn hướng trên cần điều khiển đèn báo rẽ, hệ thống sẽ mặc định rẽ sang bên phải của xe.

Hệ thống hỗ trợ đỗ xe chủ động



Ghi Chú: Để tắt chuông báo: Tham khảo **Cài đặt cá nhân** (trang 80).

Màn hình hiển thị thông tin và giải trí sẽ báo cho bạn và sẽ có một tiếng báo phát ra khi hệ thống tìm thấy một khoảng trống thích hợp. Để đỗ xe, làm theo các hướng dẫn trên màn hình hiển thị thông tin và giải trí.

Ghi Chú: Ký hiệu mũi tên hoặc hình ảnh trên màn hình cho biết hệ thống sẽ đỗ xe ở bên phải hay bên trái. Màn hình cũng hướng dẫn bạn khi nào thì chọn số lùi.

Đi chậm dần và dừng lại ở gần vị trí **A**, sau đó làm theo hướng dẫn của hệ thống.



CẢNH BÁO

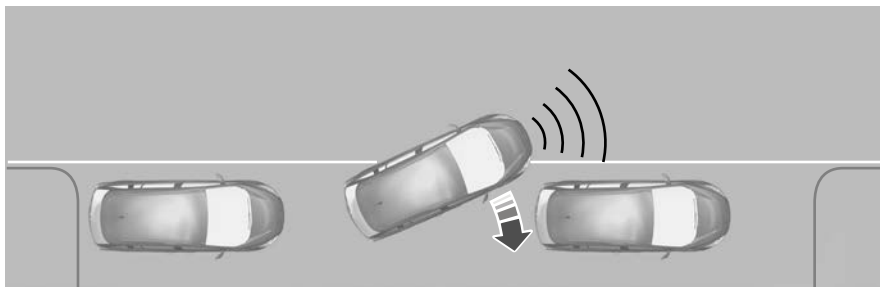


Nếu tốc độ xe vượt quá 10km/g (6 dặm/g) thì hệ thống sẽ bị vô hiệu hóa và bạn phải tự điều khiển xe.

Lùi xe cẩn thận, dùng bàn đạp ga và bàn đạp phanh để điều khiển xe. Âm thanh cảnh báo hỗ trợ đỗ xe sẽ kêu lên. Dừng xe khi bạn nghe thấy tiếng báo liên tục.

Bạn có thể điều khiển sự chuyển động của xe bằng cách giữ vô lăng. Một tín hiệu có thể xuất hiện báo rằng hệ thống đã làm việc trở lại. Để chấp nhận tín hiệu này, nhấn nút kích hoạt hỗ trợ đỗ xe. Tham khảo **Khởi động nhanh** (trang 11).

Hệ thống hỗ trợ đỗ xe chủ động



E130109

Tiến xe về phía trước. Dừng xe khi bạn nghe thấy tiếng báo liên tục.

Lặp lại các bước trên cho tới khi xe đã được đỗ đúng nơi mong muốn. Màn hình sẽ hiển thị khi nào hệ thống đã kết thúc quá trình đỗ xe.

Điều khiển ga tự động thích ứng (ACC)

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

CÁC CẢNH BÁO

 Hệ thống này không phải là hệ thống cảnh báo và phòng tránh va chạm. Chức năng khác là chức năng cảnh báo khi xe đi tiền sẽ cung cấp tín hiệu cảnh báo và làm giảm nhẹ va chạm. Tham khảo **Chức năng cảnh báo sớm** (trang 205). Bạn cần can thiệp nếu hệ thống không phát hiện ra xe ở phía trước.

 Khi lái xe bạn có trách nhiệm duy trì khoảng cách và tốc độ, đúng, kể cả khi chức năng điều khiển ga tự động thích ứng được sử dụng. Bạn cần luôn chú ý các điều kiện giao thông và can thiệp khi chức năng điều khiển ga tự động thích ứng không duy trì tốc độ hoặc khoảng cách phù hợp.

 Hệ thống này không giảm trách nhiệm của bạn trong việc lái xe cẩn trọng và chú ý.

 Hệ thống sẽ không phanh làm chậm khi có các xe đang đỗ, người đi bộ, các vật trên đường, các xe đang đèn gần hoặc đi ngang qua.

CÁC CHÚ Ý

 Chỉ sử dụng chức năng điều khiển ga tự động thích ứng khi điều kiện cho phép, chẳng hạn trên đường cao tốc hoặc đường chính với mật độ giao thông thông thoáng.

 Không sử dụng trong điều kiện tầm nhìn hạn chế, đặc biệt là có sương mù, mưa lớn, bụi nước hoặc có tuyết.

 Không sử dụng trên đường bị đóng tuyết hoặc đường trơn.

 Không sử dụng hệ thống này khi bắt đầu đi vào hoặc đi ra khỏi đường cao tốc.

CÁC CHÚ Ý

 Cảm biến sóng radio có trường nhận biết hạn chế. Trong một số tình huống nó có thể phát hiện xe khác với thực tế hoặc không phát hiện ra việc có xe ở gần.

Ghi Chú: Khi chức năng điều khiển ga tự động thích ứng được kích hoạt, bạn có thể nghe thấy âm thanh bất thường khi chức năng phanh tự động hoạt động. Điều này là bình thường và do hệ thống phanh tự động.

Ghi Chú: Giữ cho phía trước xe không có bụi bẩn, lô gô hoặc vật bằng kim loại, bao gồm các chi tiết bảo vệ và đèn lắp thêm phía trước vì chúng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của cảm biến.

Hệ thống này được thiết kế để giúp bạn duy trì khoảng cách với xe phía trước hoặc thiết lập tốc độ trên đường nếu không có xe chạy chậm hơn ở phía trước. Hệ thống này nhằm cung cấp vận hành năng cao của xe khi đi theo các xe khác cùng làn và cùng chiều.

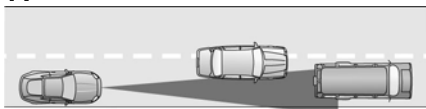
Hệ thống này dựa vào việc sử dụng cảm biến sóng radio phát ra một chùm sóng ra phía trước xe. Chùm sóng sẽ phát hiện bất kỳ xe nào phía trước trong khoảng cách hoạt động của hệ thống.

Cảm biến sóng radio được lắp phía sau lưới tản nhiệt phía trước.

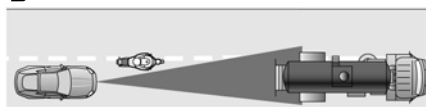
Điều khiển ga tự động thích ứng (ACC)

Các lỗi về chùm sáng dò

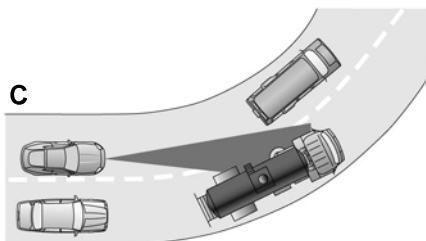
A



B



C



E71621

Các lỗi về việc phát hiện có thể xảy ra:

- Với các xe đang ở rìa của làn xe bạn chỉ có thể được phát hiện khi chúng vào hẳn trong làn (**A**). Các xe máy có thể được phát hiện muộn, hoặc không phát hiện được. (**B**)
- Với các xe phía trước khi vào và đi ra khỏi đoạn đường cong (**C**). Chùm sáng dò sẽ không đi theo các đường lượn gấp trên đường.

Trong những trường hợp này, hệ thống sẽ phanh muộn hơn hoặc không như mong muốn. Bạn cần cẩn trọng và can thiệp nếu cần thiết.

Chức năng phanh tự động ở chế độ điều khiển ga tự động thích ứng

CÁC CẢNH BÁO



Bạn cần phải có hành động lập tức khi được cảnh báo, vì việc phanh bằng chức năng điều khiển hành trình chủ động sẽ không đủ để giữ khoảng cách an toàn với xe phía trước.



Trong một số trường hợp, sẽ có thể không có cảnh báo hoặc cảnh báo bị trễ. Bạn nên đạp phanh khi cần thiết.



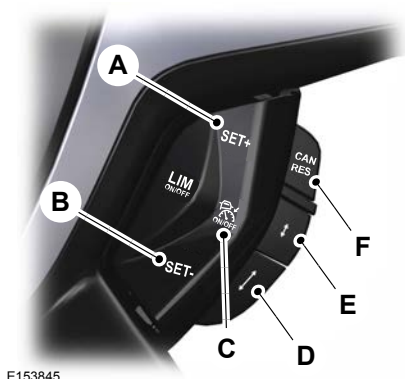
Khi đi theo một xe phía trước, chức năng điều khiển hành trình chủ động sẽ không tự động giảm tốc để dừng xe.

Hệ thống sẽ tự động phanh nếu cần thiết để duy trì khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước. Hiệu quả phanh ở chức năng này chỉ giới hạn bằng khoảng 30% hiệu quả phanh thông thường để đảm bảo việc chạy xe theo hành trình êm ái và thoải mái. Nếu xe cần được phanh gấp hơn, và bạn không can thiệp bằng phanh thông thường, chuông cảnh báo sẽ kêu và biểu tượng cảnh báo sẽ sáng trên đồng hồ táp lô.

Điều khiển ga tự động thích ứng (ACC)

SỬ DỤNG ACC

Hệ thống được kích hoạt bằng bộ điều khiển lắp trên vô lăng.



- A Tăng tốc độ
- B Giảm tốc độ
- C Bật/tắt chế độ ACC
- D Tăng khoảng cách ACC
- E Giảm khoảng cách ACC
- F Hủy bỏ/tiếp tục chế độ ACC

Bật hệ thống

Nhấn công tắc **C**. Hệ thống không được thiết lập ở chế độ chờ.

Chọn tốc độ

Ghi Chú: Hệ thống phải ở chế độ chờ.

Nhấn công tắc **A** hoặc công tắc **B** để chọn tốc độ hành trình mong muốn. Tốc độ được hiển thị trên màn hình thông tin và được lưu lại là tốc độ đặt sẵn.

Thay đổi tốc độ đã chọn

Ghi Chú: Tốc độ của xe có thể tăng hoặc giảm với bước 5 km/h hoặc 5 dặm/h.

Ghi Chú: Nếu hệ thống không phản ứng lại với những thay đổi này có thể dẫn tới việc khoảng cách với xe phía trước sẽ ngăn việc tăng tốc.

Nhấn công tắc **A** để tăng và công tắc **B** để giảm tốc độ thiết lập cho đến khi tốc độ thiết lập mong muốn được hiển thị trên màn hình thông tin. Tốc độ xe sẽ dần dần đạt tới tốc độ được lựa chọn.

Thiết lập khoảng cách xe

CHÚ Ý

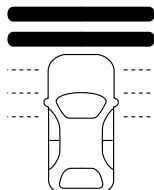


Sử dụng khoảng cách phù hợp với quy định giao thông khu vực để thiết lập.

Ghi Chú: Khoảng cách thiết lập là đại lượng phụ thuộc thời gian và do đó khoảng cách sẽ tự động điều chỉnh theo tốc độ của xe. Ví dụ với một khoảng cách thiết lập là bốn vạch ngang, khoảng thời gian sẽ là 1,8 giây. Điều này có ý nghĩa ở tốc độ 100 km/h (62 dặm/h), khoảng cách tới xe phía trước sẽ được duy trì ở 50m (164 feet).

Ghi Chú: Nếu bàn đạp ga được nhấn trong một khoảng thời gian ngắn, ví dụ khi vượt, hệ thống sẽ tạm thời dừng và sẽ kích hoạt trở lại khi bàn đạp ga được nhả. Một thông báo được hiển thị trên màn hình thông tin.

Ghi Chú: Khoảng cách thiết lập sẽ được giữ không đổi trong các chu kỳ bật chìa khóa.

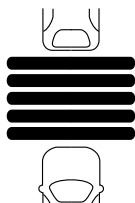


Điều khiển ga tự động thích ứng (ACC)

Khoảng cách giữa bạn và xe phía trước được duy trì bởi một biên thiết lập. Có năm bước được đại diện bởi các thanh ngang được hiển thị trên màn hình. Một thanh báo hiệu khoảng cách nhỏ nhất và năm thanh báo hiệu khoảng cách lớn nhất. Các thanh ngang này sẽ dễ trông ở chế độ chờ và sẽ biến mất khi kích hoạt chế độ.

Nếu không phát hiện xe ở phía trước, thì chỉ có xe của bạn được hiển thị trên màn hình, phía dưới các thanh ngang. Hệ thống sẽ duy trì tốc độ thiết lập khi điều kiện cho phép. Khoảng cách thiết lập sẽ được duy trì và hiển thị.

Nếu cảm biến phát hiện xe phía trước, màn hình sẽ hiển thị thêm xe khác nữa ở phía trên các thanh ngang:



Đây là chế độ liên tiếp, và hệ thống sẽ tăng hoặc giảm tốc phù hợp để duy trì khoảng cách thiết lập.

Kéo công tắc **E** để giảm khoảng cách hoặc công tắc **D** để tăng khoảng cách. Khoảng cách được lựa chọn sẽ được thể hiện bằng số thanh trên màn hình.

Ghi Chú: Khoảng cách thiết lập được khuyến nghị là bốn hoặc năm thanh.

Tắt hệ thống tạm thời

Ghi Chú: Hệ thống sẽ bị tạm dừng khi cần số dịch chuyển tới vị trí số trung gian hoặc khi bạn đạp ga hoặc bàn đạp ly hợp bị tác động trong khoảng thời gian dài.

Đạp bàn đạp phanh hoặc kéo công tắc **F** để dừng hệ thống. Hệ thống sẽ quay trở lại chế độ chờ cho phép bạn điều khiển xe bằng tay hoàn toàn. Tốc độ và khoảng cách thiết lập vẫn được giữ lại trong bộ nhớ.

Kéo lại công tắc **F** để phục hồi. Hệ thống sẽ tiếp tục kích hoạt ở tốc độ và khoảng cách thiết lập trước đó nếu điều kiện cho phép.

Tắt hệ thống

Nhấn công tắc **C** để tắt hệ thống.

Ghi Chú: Khi tắt hệ thống bằng cách nhấn công tắc **C**, tốc độ lưu trữ sẽ không được giữ lại.

Tự động dừng kích hoạt

Ghi Chú: Nếu tốc độ động cơ xuống quá thấp, thông tin hiển thị trên màn hình sẽ hướng dẫn bạn chuyển về một số (chỉ áp dụng cho xe số sàn). Nếu bạn không làm theo hướng dẫn, hệ thống sẽ chuyển sang chế độ tự động dừng kích hoạt.

Ghi Chú: Hệ thống sẽ không hoạt động nếu chức năng điều khiển lực kéo bị tắt.

Hệ thống này phụ thuộc vào các hệ thống an toàn khác như hệ thống ABS và ESP. Nếu bất kỳ hệ thống nào kể trên bị lỗi hoặc đang phản ứng với tình huống khẩn cấp, hệ thống này sẽ tự động ngừng kích hoạt.

Trong trường hợp tự động ngừng kích hoạt, sẽ có một âm thanh cảnh báo và một thông tin hiển thị trên màn hình. Tham khảo **Hiển thị thông tin** (trang 80). Sau đó bạn phải can thiệp và điều chỉnh việc lái xe và tốc độ tới các xe phía trước.

Việc tự động dừng kích hoạt có thể do:

- tốc độ xe giảm xuống dưới 30 km/h (20 dặm/h)
- các bánh xe mất lực kéo

Điều khiển ga tự động thích ứng (ACC)

- nhiệt độ phanh quá cao, ví dụ trong trường hợp lái xe trên đường đèo dốc vùng đồi núi
- tốc độ động cơ quá thấp
- cảm biến sóng radio bị che phủ
- phanh tay đang kéo.

CHỨC NĂNG CẢNH BÁO SỚM

CÁC CẢNH BÁO

 Không bao giờ chờ cho đến khi có cảnh báo và chạm. Khi lái xe, bạn có trách nhiệm duy trì khoảng cách và tốc độ phù hợp, kể cả khi hệ thống này được sử dụng.

 Hệ thống chỉ phản ứng với các xe phía trước chạy cùng chiều mà không phản ứng với các xe chạy chậm hoặc đứng yên.

 Không lái xe theo cách làm kích hoạt hệ thống này. Hệ thống này được thiết kế chỉ để hỗ trợ trong trường hợp khẩn cấp.

CÁC CHÚ Ý

 Các cảnh báo có thể được kích hoạt muộn, không kích hoạt, hoặc kích hoạt không cần thiết do các lỗi về chũm sóng dò. Tham khảo **Nguyên lý hoạt động** (trang 201).

 Hệ thống sử dụng chung các cảm biến sóng radio với hệ thống điều khiển hành trình chủ động và do đó có các giới hạn tương tự. Tham khảo **Nguyên lý hoạt động** (trang 201).

Ghi Chú: Hệ thống hỗ trợ phanh sẽ chỉ giảm tốc độ và chạm nếu bạn phanh ngay khi được cảnh báo.

Ghi Chú: Nếu bàn đạp phanh được đạp đủ nhanh thì khi đó việc phanh được thực hiện ở chức năng phanh tối đa, kể cả khi lúc đạp phanh là nhẹ.

Ghi Chú: Chế độ hỗ trợ phanh sẽ giúp hệ thống phanh khi phanh nhanh và lực đạp phanh nhẹ, việc này có thể nhận biết dưới dạng một cú giạt nhẹ.

Ghi Chú: Việc cảnh báo và chạm chỉ xảy ra khi hệ thống này được bật, tuy nhiên chức năng hỗ trợ phanh sẽ luôn bật và không tắt đi được.

Ghi Chú: Có thể sử dụng hệ thống này kể cả khi bật hoặc tắt chức năng điều khiển hành trình chủ động.

Hệ thống sẽ hỗ trợ bạn bằng cách cảnh báo nguy cơ va chạm với xe phía trước.

Hệ thống sẽ cảnh báo cho bạn bằng tiếng chuông và hình ảnh cảnh báo trên màn hình thông tin. Tham khảo **Hiện thị thông tin** (trang 80).

Chức năng hỗ trợ phanh được kích hoạt cho phép hiệu quả phanh cao nhất, và giảm độ nghiêm trọng của cú va chạm với xe phía trước.

Bật và tắt hệ thống

Ghi Chú: Khi tắt hệ thống, đèn cảnh báo sẽ vẫn sáng trên màn hình thông tin. Tham khảo **Đèn cảnh báo và chỉ báo** (trang 68).

Ghi Chú: Tình trạng hệ thống và các thiết lập sẽ không đổi trong khi khởi động xe.

Có thể bật và tắt hệ thống này bằng cách sử dụng màn hình thông tin. Tham khảo **Thông tin chung** (trang 72).

Điều chỉnh độ nhạy cảnh báo

Bạn có thể điều chỉnh độ nhạy cảnh báo của hệ thống bằng cách sử dụng các phím trên vô lăng. Tham khảo **Thông tin chung** (trang 72). Việc này sẽ điều chỉnh cảnh báo bằng hình ảnh và âm thanh kích hoạt sớm hay muộn.

Chế độ giới hạn tốc độ

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

CẢNH BÁO



Khi bạn đi xuống dốc, tốc độ có thể tăng cao hơn tốc độ đã chọn. Hệ thống sẽ không tiến hành phanh mà sẽ đưa ra cảnh báo.

Hệ thống cho phép bạn đặt một tốc độ giới hạn cho xe của mình. Giới hạn đó là giới hạn tốc độ lớn nhất của xe, nhưng vẫn có tùy chọn cho phép tạm thời vượt quá giới hạn đó.

SỬ DỤNG CHẾ ĐỘ GIỚI HẠN TỐC ĐỘ

Ghi Chú: Tốc độ có thể vượt quá giới hạn thiết lập một cách chủ động, như trong trường hợp vượt.

Hệ thống được kích hoạt bằng bộ điều khiển được lắp trên vô lăng.



E133198

- A Tăng tốc độ
- B Bật/tắt giới hạn tốc độ
- C Giảm tốc độ
- D Tạm dừng/phục hồi giới hạn tốc độ

Bật và tắt hệ thống

Nhấn công tắc **B**. Màn hình thông tin sẽ nhắc tốc độ để thiết lập.

Thiết lập tốc độ giới hạn

Sử dụng các công tắc điều khiển ga tự động để thay đổi tốc độ thiết lập tối đa.

Nhấn công tắc **A** hoặc công tắc **C** để chọn tốc độ giới hạn mong muốn. Tốc độ được hiển thị trên màn hình và được lưu là tốc độ thiết lập.

Kéo công tắc **D** để hủy giới hạn tốc độ và đưa nó về chế độ chờ. Màn hình sẽ xác nhận việc dừng kích hoạt bằng cách hiển thị tốc độ thiết lập bị gạch chéo.

Kéo công tắc **D** lại lần nữa để khôi phục chế độ giới hạn tốc độ. Màn hình xác nhận hệ thống được kích hoạt bằng cách hiển thị lại giá trị tốc độ thiết lập.

Vượt tốc độ giới hạn thiết lập

Đạp hết bàn đạp ga để dừng kích hoạt hệ thống tạm thời. Hệ thống sẽ được kích hoạt lại khi tốc độ xe giảm xuống tới tốc độ thiết lập.

Các cảnh báo của hệ thống

Nếu giới hạn thiết lập vô tình bị vượt quá, như trong trường hợp xuống dốc, màn hình thông tin sẽ hiển thị tốc độ thiết lập nhấp nháy cùng với âm thanh cảnh báo.

Nếu chủ động vượt qua giới hạn thiết lập, màn hình sẽ hiển thị tốc độ thiết lập bị gạch chéo.

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

CÁC CẢNH BÁO

-  Hệ thống này không giảm trách nhiệm của bạn trong việc lái xe cẩn trọng và chú ý.
-  Trong toàn bộ thời gian bạn chịu trách nhiệm điều khiển xe, giám sát hệ thống và can thiệp khi cần thiết.
-  Không được nhìn trực tiếp vào cảm biến bằng bất cứ vật nào, điều này có thể dẫn đến nguy cơ chấn thương mắt.
-  Nếu cảm biến bị che khuất hệ thống có thể sẽ không hoạt động.
-  Để đạt hiệu quả toàn bộ hệ thống, hệ thống phanh cần được rà trước. Tham khảo **Chạy rà** (trang 134).
-  Hiệu quả của hệ thống có thể thay đổi tùy thuộc vào tình trạng của xe và đường.
-  Hệ thống sẽ không phản ứng đối với những xe đang chạy theo hướng khác.
-  Hệ thống sẽ không phản ứng đối với xe đạp, xe máy, người hoặc động vật.
-  Khi khóa điện bật, cảm biến sẽ liên tục phát ra các chùm tia laser.
-  Hệ thống sẽ không hoạt động khi tăng tốc nhanh và đánh lái.
-  Trong điều kiện thời tiết lạnh hoặc khắc nghiệt hệ thống có thể không hoạt động. Mưa, tuyết, sương mù và đóng băng có thể ảnh hưởng tới cảm biến.
-  Không tiến hành sửa chữa kính chắn trước trong khu vực ngay sát cảm biến.
-  Nếu xe của bạn lắp kính chắn gió không được phê duyệt bởi chúng tôi, hệ thống có thể hoạt động không đúng.

CÁC CẢNH BÁO

-  Nếu động cơ bị tắt sau khi hệ thống đã kích hoạt, đèn cảnh báo nguy hiểm sẽ được bật sáng.
-  Hệ thống có thể không hoạt động khi lái quanh những khúc cua gấp.

Ghi Chú: *Tránh cho kính chắn phía trước các vật chắn như phân chim, sâu bọ và tuyết hoặc nước đá.*

Ghi Chú: *Giữ cho nắp ca rô không có băng tuyết, nếu không hệ thống có thể hoạt động không đúng.*

Một cảm biến được lắp phía sau gương chiếu hậu bên trong. Hệ thống giám sát các điều kiện một cách liên tục để đưa ra quyết định thời điểm can thiệp.

Hệ thống được thiết kế để giúp bạn giảm được tốc độ va chạm vào đuôi xe phía trước. Nó sẽ giúp bạn giảm thiểu hư hỏng hoặc có khả năng tránh được va chạm hoàn toàn.

Hệ thống hoạt động ở tốc độ dưới 30 km/h (19 dặm/h) bằng cách sử dụng phanh khi cảm biến phát hiện khả năng va chạm.

Bạn phải đạp bàn đạp phanh để đạt được lực phanh tốt nhất.

Khi hệ thống phanh hoặc tự động sử dụng phanh, thông báo sẽ được hiển thị trên màn hình.

Thông tin và dữ liệu về cảm biến laser: Tham khảo **Kiểu phê duyệt** (trang 181).

SỬ DỤNG HỆ THỐNG DỪNG XE CHỦ ĐỘNG TRONG THÀNH PHỐ - 1.0L ECOBOOST™/1.6L DURATEC-16V (SIGMA)/1.6L ECOBOOST SCTI (SIGMA)/ 2.0L DURATEC-HE (MI4), 1.6L DURATORQ-TDCI (DV) ĐẦU/ 2.0L DURATORQ-TDCI (DW) DẦU

CẢNH BÁO



Không được nhìn trực tiếp vào cảm biến bằng bất cứ vật nào, điều này có thể gây nguy cơ chấn thương mắt.

Bật và tắt hệ thống

Ghi Chú: Hệ thống tự động bật tại mỗi thời điểm bạn bật khóa điện.

Trong những tình huống nhất định, nên dừng hoạt động hệ thống, ví dụ:

- Chạy xe trong điều kiện đường phức tạp khi có những vật che kính chắn gió.
- Chạy xe qua thiết bị rửa xe.

Bạn có thể bật và tắt hệ thống bằng cách sử dụng màn hình thông tin. Tham khảo

Thông tin chung (trang 72).

Cứu hộ xe trên đường

ĐIỂM KÉO XE

Vị trí móc kéo xe

Móc kéo xe được đặt trong khoang chứa bánh dự phòng.

Luôn **để móc kéo** trên xe.

Lắp móc kéo

CHÚ Ý

- ! Móc kéo có **ren trái**. Vặn **ngược chiều kim đồng hồ** để lắp. Chắc chắn móc kéo đã được vặn vào hoàn toàn.

Ghi Chú: Trên xe có thanh kéo, móc kéo không lắp được phía sau xe. Sử dụng thanh kéo để kéo xe.

Lỗ móc kéo phía trước



E78367

Lỗ móc kéo phía sau



E78368

Đặt một vật thích hợp vào lỗ phía dưới nắp đẩy rồi bật ra.

Lắp móc kéo.

KÉO XE VỚI 4 BÁNH LĂN TRÊN ĐƯỜNG

Tất cả các phiên bản xe

CÁC CẢNH BÁO

- ! Mở khóa điện khi xe đang được kéo đi. Nếu bạn không mở khóa điện thì vô lăng sẽ bị khóa, đèn báo rẽ và đèn phanh không hoạt động.
- ! Trợ lực phanh và trợ lực lái chỉ hoạt động khi động cơ hoạt động. Đạp phanh mạnh hơn và quãng đường phanh tăng lên và đánh lái nặng hơn.

CÁC CHÚ Ý

- ! Dây kéo quá căng có thể gây hư hỏng cho xe của bạn hoặc xe đang kéo.
- ! Chuyển về số trung gian trên xe được kéo.

Cứu hộ xe trên đường

CÁC CHÚ Ý

- ⚠ Khi có hư hỏng hoặc lỗi cơ khí **không được** sử dụng giá đỡ chỉ nâng một cầu xe. Xe của bạn cần phải được cứu hộ với **TẤT CẢ** các bánh xe đặt trên nền hoặc được di chuyển với **TẤT CẢ** các bánh xe được nâng hoàn toàn khỏi mặt đất và đặt trên bề mặt phẳng.

Khởi hành từ từ và nhẹ nhàng tránh giật mạnh xe kéo.

Xe có sử dụng hộp số tự động

CÁC CHÚ Ý

- ⚠ Nếu vượt quá vận tốc 20km/h hay quãng đường 20km, **TẤT CẢ** các bánh xe phải được nâng hoàn toàn lên khỏi mặt đất.
- ⚠ Không được kéo xe trong trạng thái các bánh xe chủ động lăn trên đường. Tuy nhiên nếu cần phải di chuyển xe ra khỏi chỗ nguy hiểm, thì không được kéo xe với tốc độ lớn hơn 20km/h hoặc với quãng đường lớn hơn 20km.
- ⚠ Không kéo xe chạy lùi.
- ⚠ Trong trường hợp hộp số có hư hỏng cơ khí **không được** sử dụng giá đỡ chỉ nâng một cầu xe. **TẤT CẢ** các bánh xe được nâng hoàn toàn khỏi mặt đất và đặt trên bề mặt phẳng.
- ⚠ Không được kéo xe của bạn nếu nhiệt độ môi trường dưới 0°C (32°F).

Ắc quy xe

MỖI KHỞI ĐỘNG XE

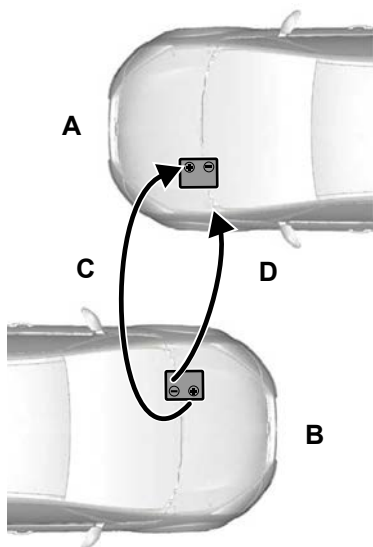
CẢNH BÁO

⚠ Không sử dụng các ống nhiên liệu, nắp quy lát hoặc cổ hút làm điểm nối mát.

CÁC CHÚ Ý

- ⚠ Chỉ nối với ắc quy có cùng điện áp danh nghĩa.
- ⚠ Luôn sử dụng cáp nối ngoài có đường kính phù hợp và có đầu kẹp.
- ⚠ Không tháo ắc quy khỏi hệ thống điện của xe.

Để nối cáp nối ngoài



E102925

- A Xe có ắc quy hết điện
- B Xe để hỗ trợ

- C Cáp nối cực dương
- D Cáp nối cực âm

1. Đỗ hai xe sao cho không chạm vào nhau.
2. Tắt động cơ và các thiết bị điện.
3. Nối cực (+) của xe **B** với cực dương (+) của xe **A** (cáp **C**).
4. Nối cực âm (-) trên xe **B** với dây nối mát trên xe **A** (cáp **D**). Tham khảo **Điểm nối ắc quy** (trang 212).

CÁC CHÚ Ý

- ⚠ Không nối với cực âm (-) của ắc quy hết điện.
- ⚠ Chắc chắn các dây điện cách xa các chi tiết chuyển động và các chi tiết của hệ thống phân phối nhiên liệu.

Khởi động động cơ

1. Để động cơ của xe **B** hoạt động với tốc độ tương đối cao.
2. Khởi động động cơ của xe **A**.
3. Nở máy cả hai xe trong ít nhất 3 phút trước khi tháo dây cáp.

CHÚ Ý

- ⚠ Không bật đèn pha khi tháo dây cáp. Điện áp dạng xung cao sẽ làm cháy bóng đèn.

Tháo cáp nối theo thứ tự ngược lại.

THAY ẮC QUY 12V

CHÚ Ý

- ⚠ Đối với những xe có hệ thống khởi động Start-stop thì ắc quy có yêu cầu khác. Nó phải được thay thế bằng một chiếc khác có đặc tính kỹ thuật chính xác như cái ban đầu.

Ắc quy xe

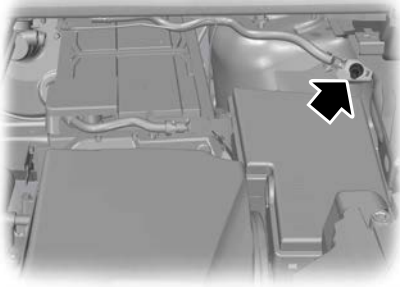
Ghi Chú: Khi cần, hệ thống âm thanh cần phải được nạp lại mã đài.

Ắc quy được đặt ở trong khoang động cơ. Tham khảo **Bảo dưỡng** (trang 145).

ĐIỂM NỒI ẮC QUY

CHÚ Ý

⚠ **Không nối với cực âm (–) của ắc quy hết điện.**



E130431

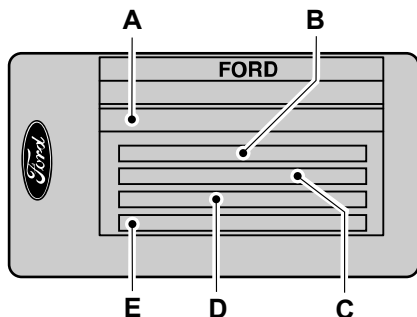
Điểm nối đất được bố trí ở bên phải ắc quy, gần hộp cầu chì khoang động cơ.

Nhận dạng xe

TẦM GHI THÔNG TIN XE

Ghi Chú: Thiết kế tầm nhận dạng xe có thể khác với hình minh họa

Ghi Chú: Thông tin trên tầm nhận dạng xe tùy thuộc vào yêu cầu của từng thị trường.

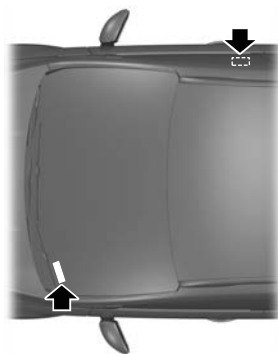


E85610

- A Số nhận dạng xe (số VIN)
- B Tổng trọng lượng xe
- C Trọng lượng cho phép
- D Trọng lượng tối đa trên cầu trước
- E Trọng lượng tối đa trên cầu sau

Số nhận dạng xe và các trọng lượng tối đa được thể hiện trên tầm nhận dạng bố trí trên bậc cửa bên phụ phía ổ khóa.

SỔ KHUNG



E87496

Số nhận dạng xe được dập trên nẹp sàn xe bên phải, bên cạnh ghế trước. Số nhận dạng cũng được thể hiện bên trái mặt tấp lỗ.

Giới thiệu hệ thống âm thanh

THÔNG TIN HỆ THỐNG ÂM THANH QUAN TRỌNG

CÁC CẢNH BÁO



Các đĩa CD-R và đĩa CD-RW có thể hoạt động không đúng do không tương thích về mặt kỹ thuật.



Bộ đài trên xe đọc được đĩa compact tương thích với tiêu chuẩn âm thanh International Red Book. Một số đĩa CD có bản quyền của một số nhà sản xuất có thể không tương thích với tiêu chuẩn này và do đó bộ đài trên xe có thể không đọc được.



Các đĩa hai định dạng hay ghi trên cả hai mặt (DVD Plus, định dạng CD-DVD), được sử dụng trong ngành công nghiệp âm nhạc, thường dày hơn đĩa CD thông thường và dẫn đến bộ đài trên xe không đọc được và bị kẹt đĩa. Không nên sử dụng các đĩa CD có hình dạng khác thường hay dán phim chống xước hay dán nhãn tự dính. Các yêu cầu bảo hành, trong đó các loại đĩa nêu trên được tìm thấy trong ổ đĩa, sẽ bị từ chối.



Tất cả bộ đài chỉ được thiết kế để đọc đĩa compact âm thanh 12cm.



Bộ đài có thể bị hỏng nếu các chi tiết không phù hợp như thế tín dụng, tiến xu được nhét vào cửa đĩa CD.

Nhãn đĩa

CD âm thanh



MP3



Các nhãn dán trên bộ đài

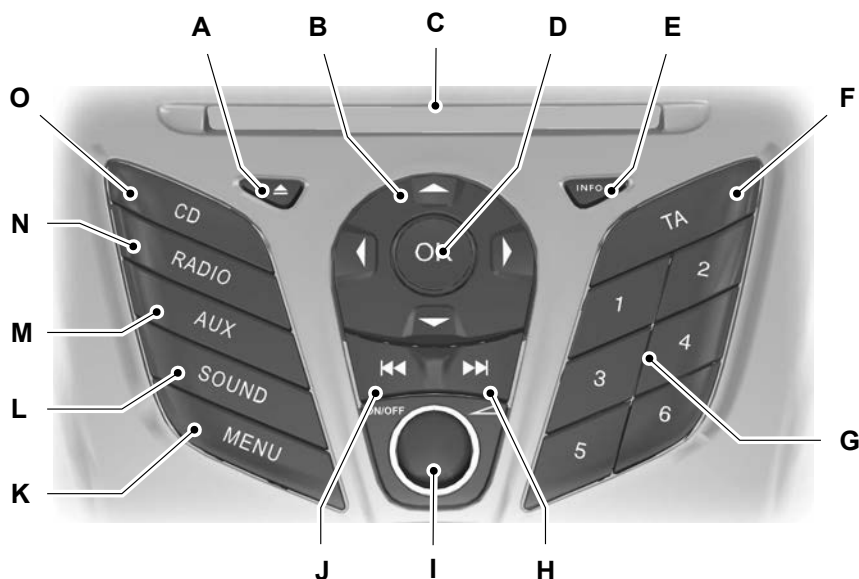
CLASS 1
LASER PRODUCT

CAUTION—INVISIBLE LASER RADIATION WHEN OPEN
DO NOT STARE INTO BEAM OR
VIEW DIRECTLY WITH OPTICAL INSTRUMENTS

Tổng quan về dàn âm thanh

Ghi Chú: Bộ đài được trang bị màn hình đa chức năng nằm phía trên cửa đĩa CD. Màn hình sẽ hiển thị các thông tin quan trọng liên quan đến việc điều khiển bộ đài. Ngoài ra, có các biểu tượng khác nhau đặt xung quanh màn hình hiển thị mà nó sẽ sáng lên khi chức năng đó được kích hoạt (ví dụ như đĩa CD, Radio hay Aux.)

Loại 1



E130324

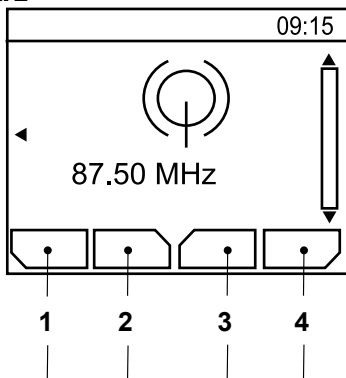
- A **Eject:** Ấn phím để đẩy đĩa CD ra. Tham khảo **Đầu đĩa CD** (trang 229).
- B **Cursor arrows:** Nhấn một phím để di chuyển qua các lựa chọn trên màn hình.
- C **CD slot:** Nơi bạn đưa đĩa CD vào. Tham khảo **Đầu đĩa CD** (trang 229).
- D **OK:** Ấn phím để xác nhận lựa chọn trên màn hình.
- E **INFO:** Ấn phím để truy cập thông tin trong đài, CD, USB và iPod.

Tổng quan về dàn âm thanh

- F **TA:** Ấn phím để bật hoặc tắt thông báo giao thông và hủy thông báo trong khi có một thông báo đang kích hoạt. Tham khảo **Điều khiển thông tin về giao thông** (trang 225).
- G **Numeric keypad:** Ấn phím để gọi lại đài phát được lưu trữ trước đó. Để lưu trữ một đài phát yêu thích, ấn và giữ cho đến khi âm thanh phản hồi lại. Tham khảo **Nút nhớ băng tần đã chọn** (trang 225).
- H **Seek up:** Ấn phím để chuyển đến đài phát có băng tần cao hơn hoặc bài hát kế tiếp trên đĩa CD. Tham khảo **Điều khiển rà đài** (trang 224). Tham khảo **Chọn bài hát** (trang 229).
- I **On, Off và Volume:** Ấn phím để bật hoặc tắt hệ thống âm thanh. Xoay tròn để điều chỉnh âm lượng.
- J **Seek down:** Ấn phím để chuyển đến đài phát có băng tần thấp hơn hoặc bài hát kế tiếp trên đĩa CD. Tham khảo **Điều khiển rà đài** (trang 224). Tham khảo **Chọn bài hát** (trang 229).
- K **MENU:** Ấn phím để truy cập các tính năng khác nhau của hệ thống âm thanh.
- L **SOUND:** Nhấn phím để điều chỉnh việc cài đặt âm thanh cho âm trầm, âm bổng, âm tầm trung, cân bằng và trước/sau.. Tham khảo **Nút điều chỉnh âm thanh** (trang 224).
- M **AUX:** Ấn phím để truy cập vào AUX và các tính năng SYNC, nó cũng sẽ hủy bỏ các trình đơn hoặc danh sách duyệt qua. Tham khảo **Giắc cắm ngõ vào âm thanh** (trang 191). Tham khảo **Giắc cắm ngõ vào AUX phụ (AUX IN)** (trang 233).
- N **RADIO:** Ấn phím để chọn các băng tần radio khác nhau, nó cũng sẽ hủy bỏ các menu hoặc danh sách duyệt qua. Tham khảo **Hoạt động của dàn âm thanh** (trang 224).
- O **CD:** Ấn phím để thay đổi nguồn vào đĩa CD, nó cũng sẽ hủy bỏ các menu hoặc danh sách duyệt qua. Tham khảo **Đầu đĩa CD** (trang 229).

Tổng quan về dàn âm thanh

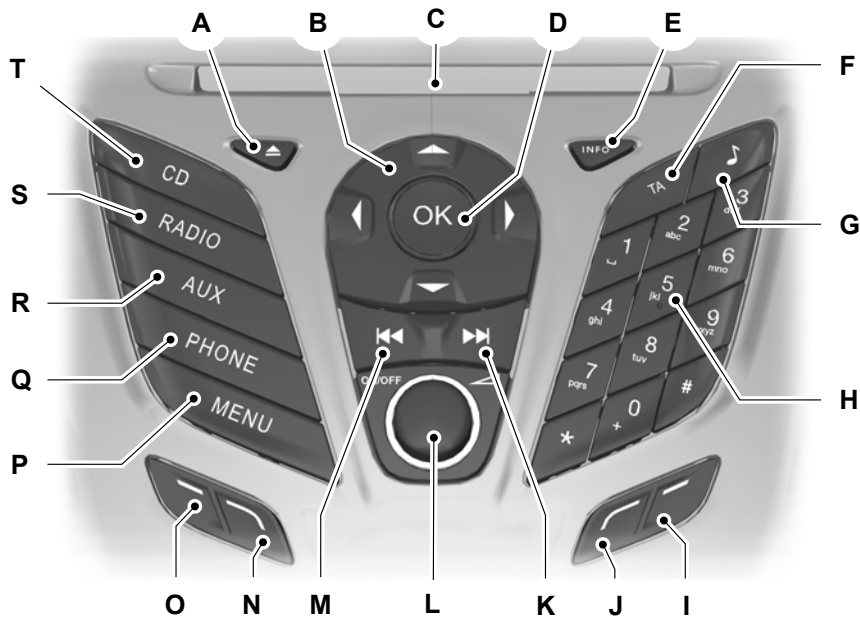
Loại 2



A Mô tả các phím chức năng từ 1-4

E104157

A



E130142

Tổng quan về dàn âm thanh

- A **Eject:** Ấn phím để đẩy đĩa CD ra. Tham khảo **Đầu đĩa CD** (trang 229).
- B **Cursor arrows:** Nhấn một phím để di chuyển qua các lựa chọn trên màn hình.
- C **CD slot:** Nơi bạn đưa đĩa CD vào. Tham khảo **Đầu đĩa CD** (trang 229).
- D **OK:** Ấn phím để xác nhận lựa chọn trên màn hình.
- E **INFO:** Ấn phím để truy cập thông tin trong đài, CD, USB và iPod.
- F **TA:** Ấn phím để bật hoặc tắt thông báo giao thông và hủy thông báo trong khi có một thông báo đang kích hoạt. Tham khảo **Điều khiển thông tin về giao thông** (trang 225).
- G **Sound:** Nhấn phím để hiệu chỉnh các cài đặt về âm thanh như đặt mức âm trầm, âm bổng, âm tầm trung, mức cân bằng và âm trước/sau. Tham khảo **Nút điều chỉnh âm thanh** (trang 224).
- H **Numeric keypad:** Ấn phím để gọi lại đài phát được lưu trữ trước đó. Để lưu trữ một đài phát yêu thích, ấn và giữ cho đến khi âm thanh phản hồi lại. Tham khảo **Nút nhớ bằng tần đã chọn** (trang 225).
- I **Phím chức năng 4:** Nhấn phím để chọn chức năng khác của hệ thống âm thanh tùy thuộc vào chế độ đang chạy (ví dụ như radio hoặc CD).
- J **Phím chức năng 3:** Nhấn phím để chọn chức năng khác của hệ thống âm thanh tùy thuộc vào chế độ đang chạy (ví dụ như radio hoặc CD).
- K **Seek up:** Ấn phím để chuyển đến đài phát có băng tần cao hơn hoặc bài hát kế tiếp trên đĩa CD. Tham khảo **Điều khiển rà đài** (trang 224). Tham khảo **Chọn bài hát** (trang 229).
- L **On, Off và Volume:** Ấn phím để bật hoặc tắt hệ thống âm thanh. Xoay tròn để điều chỉnh âm lượng.
- M **Seek down:** Ấn phím để chuyển đến đài phát có băng tần thấp hơn hoặc bài hát kế tiếp trên đĩa CD. Tham khảo **Điều khiển rà đài** (trang 224). Tham khảo **Chọn bài hát** (trang 229).
- N **Phím chức năng 2:** Nhấn phím để chọn chức năng khác của hệ thống âm thanh tùy thuộc vào chế độ đang chạy (ví dụ như radio hoặc CD).
- O **Phím chức năng 1:** Nhấn phím để chọn chức năng khác của hệ thống âm thanh tùy thuộc vào chế độ đang chạy (ví dụ như radio hoặc CD).
- P **MENU:** Ấn phím để truy cập các tính năng khác nhau của hệ thống âm thanh.
- Q **PHONE:** Nhấn phím để truy cập vào các tính năng của điện thoại trong hệ thống SYNC bằng cách nhấn **PHONE** sau đó **MENU**. Xem sách hướng dẫn đi kèm.
- Sồ lòi **AUX:** Ấn phím để truy cập vào AUX và các tính năng SYNC, nó cũng sẽ hủy bỏ các trình đơn hoặc danh sách duyệt qua. Tham khảo **Giắc cắm ngõ vào âm thanh** (trang 191). Tham khảo **Giắc cắm ngõ vào AUX phụ (AUX IN)** (trang 233).

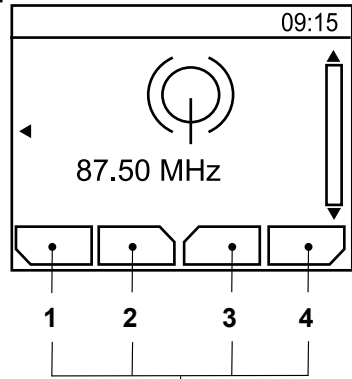
Tổng quan về dàn âm thanh

Sồ thể **RADIO**: Ấn phím để chọn các băng tần radio khác nhau, nó cũng sẽ hủy bỏ các menu hoặc danh sách duyệt qua. Tham khảo **Hoạt động của dàn âm thanh** (trang 224).

T **CD**: Ấn phím để thay đổi nguồn vào đĩa CD, nó cũng sẽ hủy bỏ các menu hoặc danh sách duyệt qua. Tham khảo **Đầu đĩa CD** (trang 229).

Các phím chức năng từ 1 đến 4 có thuộc tính phụ thuộc và thay đổi tùy theo chế độ hiện tại của thiết bị. Phần mô tả chức năng được thể hiện ở phía dưới màn hình.

Loại 3



E104157

A

A Mô tả các phím chức năng từ 1-4



- A **On, Off:** Nhấn phím để bật hoặc tắt hệ thống âm thanh.
- B **DISPLAY:** Nhấn phím để bật màn hình ở chế độ chờ.
- C **Numeric keypad:** Ấn phím để gọi lại đài phát được lưu trữ trước đó. Để lưu trữ một đài phát yêu thích, ấn và giữ cho đến khi âm thanh phản hồi lại. Tham khảo **Nút nhớ bằng tần số đã chọn** (trang 225).
- D **CD slot:** Nơi bạn đưa đĩa CD vào. Tham khảo **Đầu đĩa CD** (trang 229).
- E **Cursor arrows:** Nhấn một phím để di chuyển qua các lựa chọn trên màn hình.
- F **Digital signal processing:** Nhấn phím để truy cập vào các chức năng xử lý tín hiệu kỹ thuật số. Tham khảo **Xử lý tín hiệu số (DSP)** (trang 227).
- G **Eject:** Ấn phím để đẩy đĩa CD ra. Tham khảo **Đầu đĩa CD** (trang 229).
- H **INFO:** Ấn phím để truy cập thông tin trong đài, CD, USB và iPod.
- I **CLOCK:** Nhấn phím để truy cập vào các chức năng của đồng hồ.

Tổng quan về dàn âm thanh

- J Seek up:** Nhấn phím để đi đến đài phát tiếp theo trên băng tần radio hoặc bài hát kế tiếp trên đĩa CD khi ở chế độ đĩa CD. Trong chế độ điện thoại, sử dụng phím băng để kết thúc một cuộc gọi. Cuộc gọi đến có thể bị từ chối. Tham khảo **Điều khiển rà đài** (trang 224). Tham khảo **Chọn bài hát** (trang 229).
- K MUTE:** Nhấn phím để tắt âm, nhấn lần nữa để bật âm lên.
- L TA:** Ấn phím để bật hoặc tắt thông báo giao thông và hủy thông báo trong khi có một thông báo đang kích hoạt. Tham khảo **Điều khiển thông tin về giao thông** (trang 225).
- M Phím chức năng 4:** Nhấn phím để chọn chức năng khác của hệ thống âm thanh tùy thuộc vào chế độ đang chạy (ví dụ như radio hoặc CD).
- N SOUND:** Nhấn phím để điều chỉnh việc cài đặt âm thanh cho âm trầm, âm bổng, âm tầm trung, cân bằng và trước/sau.. Tham khảo **Nút điều chỉnh âm thanh** (trang 224).
- O Phím chức năng 3:** Nhấn phím để chọn chức năng khác của hệ thống âm thanh tùy thuộc vào chế độ đang chạy (ví dụ như radio hoặc CD).
- P OK:** Ấn phím để xác nhận lựa chọn trên màn hình.
- Q Phím chức năng 2:** Nhấn phím để chọn chức năng khác của hệ thống âm thanh tùy thuộc vào chế độ đang chạy (ví dụ như radio hoặc CD).
- Số lùi MENU:** Ấn phím để truy cập các tính năng khác nhau của hệ thống âm thanh.
- Số thể thao Phím chức năng 1:** Nhấn phím để chọn chức năng khác của hệ thống âm thanh tùy thuộc vào chế độ đang chạy (ví dụ như radio hoặc CD).
- T PHONE:** Nhấn phím để truy cập vào các tính năng của điện thoại trong hệ thống SYNC bằng cách nhấn **PHONE** sau đó **MENU**. Xem sách hướng dẫn đi kèm.
- U AUX:** Ấn phím để truy cập vào AUX và các tính năng SYNC, nó cũng sẽ hủy bỏ các trình đơn hoặc danh sách duyệt qua. Tham khảo **Giắc cắm ngõ vào âm thanh** (trang 191). Tham khảo **Giắc cắm ngõ vào AUX phụ (AUX IN)** (trang 233).
- V Seek down:** Nhấn phím để đi đến đài phát tiếp theo xuống băng tần radio hoặc bài hát kế tiếp trên đĩa CD, khi ở chế độ đĩa CD. Trong chế độ điện thoại sử dụng phím này để bắt đầu một cuộc gọi. Một cuộc gọi đến có thể được chấp nhận. Tham khảo **Điều khiển rà đài** (trang 224). Tham khảo **Chọn bài hát** (trang 229).
- W RADIO:** Ấn phím để chọn các băng tần radio khác nhau, nó cũng sẽ hủy bỏ các menu hoặc danh sách duyệt qua. Tham khảo **Hoạt động của dàn âm thanh** (trang 224).
- X CD:** Ấn phím để thay đổi nguồn vào đĩa CD, nó cũng sẽ hủy bỏ các menu hoặc danh sách duyệt qua. Tham khảo **Đầu đĩa CD** (trang 229).
- Y Volume:** Xoay để điều chỉnh âm lượng.

Tổng quan về dàn âm thanh

Các phím chức năng từ 1 đến 4 có thuộc tính phụ thuộc và thay đổi tùy theo chế độ hiện tại của thiết bị. Phần mô tả chức năng được thể hiện ở phía dưới màn hình.

MÃ BẢO MẬT

Mỗi bộ đài có một mã số duy nhất liên hệ với số nhận dạng xe (số VIN). Hệ thống sẽ tự động kiểm tra bộ đài và xe là phù hợp trước khi cho phép hoạt động.

Nếu xuất hiện thông báo mã số an toàn, hãy liên lạc với đại lý.

Hoạt động của dàn âm thanh

ĐIỀU KHIỂN TẮT/MỞ

Nhấn nút bật/tắt nguồn. Đài có thể hoạt động tiếp trong vòng một giờ sau khi tắt chìa khóa điện.

Đài sẽ tự động tắt sau một giờ.

NÚT ĐIỀU CHỈNH ÂM THANH

Hệ thống này cho phép điều chỉnh âm thanh (ví dụ âm trầm và âm cao).

1. Ấn nút âm thanh.
2. Sử dụng các nút mũi tên lên và xuống để chọn các thông số mong muốn.
3. Sử dụng các phím mũi tên sang trái và sang phải để thực hiện điều chỉnh cần thiết. Màn hình sẽ thể hiện mức được chọn.
4. Ấn nút **OK** để xác nhận trạng thái điều chỉnh mới.

NÚT BẰNG TẦN

Nhấn phím RADIO để chọn các băng tần sẵn có.

Phím này cũng có thể được sử dụng để chuyển sang chế độ radio khi bạn đang nghe nhạc từ nguồn khác.

Ngoài ra cũng có thể nhấn phím mũi tên sang trái để hiển thị các băng tần sẵn có. Cuộn đến băng tần mong muốn và nhấn phím OK.

ĐIỀU KHIỂN RÀ ĐÀI

Kết nối dịch vụ chương trình phát thanh kỹ thuật số (DAB).

Ghi Chú: Kết nối dịch vụ chương trình phát thanh kỹ thuật số được mặc định tắt.

Ghi Chú: Kết nối dịch vụ cho phép tham chiếu chéo tới các tần số tương ứng của cùng một đài phát thanh, ví dụ như kênh FM và toàn bộ các kênh phát thanh kỹ thuật số khác.

Ghi Chú: Hệ thống sẽ tự động chọn một đài phát thanh khác nếu như không bắt được sóng của đài hiện tại, ví dụ như khi đi ra ngoài vùng phủ sóng.

Đổi trạng thái bật và tắt Kết nối dịch vụ phát thanh kỹ thuật số. Tham khảo **Thông tin chung** (trang 72).

Dò sóng

Chọn băng tần và ấn một trong các nút dò tìm. Đài sẽ dừng dò sóng khi dò được đài phát đầu tiên theo hướng bạn đã chọn.

Dò sóng bằng tay

Loại 1

1. Ấn nút MENU.
2. Chọn chế độ RADIO và sau đó chọn MANUAL TUNE.
3. Sử dụng các nút có hình mũi tên sang trái và phải để dò xuống hoặc dò lên trong dải băng tần bằng các mức điều chỉnh nhỏ đều đặn hoặc ấn và giữ để dò nhanh, cho đến khi bạn dò được đài phát mong muốn.
4. Ấn OK để nghe tiếp đài phát dò được.

Loại 2 và 3

1. Ấn nút chức năng 2.
2. Sử dụng các nút có hình mũi tên sang trái và phải để dò xuống hoặc dò lên trong dải băng tần bằng các mức điều chỉnh nhỏ đều đặn hoặc ấn và giữ để dò nhanh, cho đến khi bạn dò được đài phát mong muốn.
3. Ấn OK để nghe tiếp đài phát dò được.

Hoạt động của dàn âm thanh

Dò sóng kiểu quét

Tính năng quét cho phép nghe đài phát dò được trong vài giây.

Loại 1

1. Ấn nút MENU.
2. Chọn chế độ RADIO và sau đó chọn SCAN.
3. Sử dụng các nút dò tìm để quét lên hoặc xuống băng tần đã lựa chọn.
4. Ấn OK để nghe tiếp đài phát dò được.

Loại 2 và 3

1. Ấn nút chức năng 3.
2. Sử dụng các nút dò tìm để quét lên hoặc xuống băng tần đã lựa chọn.
3. Ấn nút chức năng 3 một lần nữa hoặc nút OK để nghe tiếp đài phát dò được.

NÚT NHỚ BĂNG TẦN ĐÃ CHỌN

Tính năng này cho phép bạn lưu các đài phát yêu thích và có thể mở nhanh bằng cách chọn đúng băng tần và nhấn một trong các phím nhớ kênh tự động.

1. Chọn băng tần.
2. Dò đài phát mong muốn.
3. Nhấn và giữ một trong các phím nhớ kênh tự động. Thanh hiển thị quá trình và thông báo sẽ xuất hiện. Khi thanh hiển thị quá trình kết thúc thì đài phát đó đã được lưu. Bộ đài sẽ tắt tiếng trong chốc lát để xác nhận.

Có thể lặp lại cách làm trên với mỗi băng tần và mỗi phím nhớ kênh tự động.

Ghi Chú: Khi bạn lái xe đến một khu vực khác trong nước, các đài FM và DAB phát trên các tần số thay thế và được lưu trên các nút nhớ đài tự động có thể được cập nhật với tần số và tên đài chính xác cho khu vực đó.

ĐIỀU KHIỂN LƯU TỰ ĐỘNG

Ghi Chú: Chức năng này sẽ lưu lên đến 10 tín hiệu tốt nhất, cả ở băng tần AM hoặc FM, và sẽ nhớ đề lên các đài phát đã lưu trước đó. Nó có thể được sử dụng để lưu các đài phát một cách thủ công theo cách tương tự như với các băng tần khác.

Ghi Chú: Ở loại 3 bạn cần phải chọn FM AST hoặc AMAST để sử dụng tính năng này.

- Nhấn và giữ nút chức năng 1 hoặc nút RADIO.
- Khi việc tìm kiếm kết thúc, âm thanh được lưu và các tín hiệu tốt nhất được lưu trên các nút nhớ tự động Autostore.

ĐIỀU KHIỂN THÔNG TIN VỀ GIAO THÔNG

Nhiều đài phát trên băng tần số FM có mã TP cho biết chúng có mang chương trình thông tin giao thông.

Kích hoạt các thông báo giao thông

Trước khi có thể nhận các thông báo giao thông, bạn cần nhấn nút TA hoặc TRAFFIC. Chữ "TA" xuất hiện trên màn hình để thể hiện chức năng này đã được chọn.

Nếu bạn đã dò được kênh phát thông tin giao thông, chữ "TP" cũng sẽ hiển thị. Nếu không bộ đài sẽ dò tìm chương trình giao thông.

Khi thông tin giao thông được phát, nó sẽ tự động ngắt chương trình radio hay CD đang phát và chữ 'Traffic announcement (TA)' sẽ xuất hiện trên màn hình.

Nếu một đài không phát chương trình giao thông được chọn hoặc nhớ lại nhờ nút preset (ghi nhớ kênh), đài sẽ tiếp tục được phát đài phát đó trừ khi tắt chức năng TA hoặc TRAFFIC, sau đó bật lên một lần nữa.

Hoạt động của dàn âm thanh

Ghi Chú: Nếu TA bật và bạn chọn một đài phát đã lưu hoặc dò bằng tay đến đài không có chương trình TA, sẽ không có thông báo giao thông được phát.

Ghi Chú: Khi bạn đang nghe đài phát thanh không có thông tin giao thông sau đó tắt và bật lại TA, việc dò tìm TP sẽ thực hiện.

Âm lượng thông báo giao thông

Thông báo giao thông sẽ làm tắt các kênh phát thông thường và phát ở một mức âm lượng tối thiểu định trước và thường lớn hơn âm lượng thường nghe.

Để điều chỉnh âm lượng định trước:

- Sử dụng nút chỉnh âm lượng để thực hiện điều chỉnh cần thiết trong khi bắt sóng TA. Màn hình sẽ hiển thị mức âm lượng được chọn.

Kết thúc các thông báo giao thông

Bộ đài sẽ trở về hoạt động bình thường sau khi kết thúc thông báo giao thông. Để kết thúc thông báo sớm, nhấn nút TA hoặc TRAFFIC trong khi đang thông báo giao thông.

Ghi Chú: Nếu bạn nhấn TA hoặc TRAFFIC vào bất kỳ thời điểm nào khác, nó sẽ tắt tất cả thông báo.

Menu của dàn âm thanh

ĐIỀU KHIỂN ÂM LƯỢNG TỰ ĐỘNG

Khi được chọn, chế độ điều khiển âm lượng tự động (AVC) sẽ điều chỉnh mức âm lượng để bù tiếng ồn do động cơ và từ mặt đường.

1. Nhấn phím MENU và chọn AUDIO.
2. Chọn AVC LEVEL hoặc ADAPTIVE VOL.
3. Sử dụng phím mũi tên sang trái hoặc sang phải để thực hiện các điều chỉnh.
4. Nhấn phím OK để xác nhận lựa chọn của bạn.
5. Nhấn phím MENU để quay lại.

XỬ LÝ TÍN HIỆU SỒ (DSP)

Chức năng DSP

Chức năng này tính đến sự khác nhau về khoảng cách giữa các loa trên xe đến mỗi ghế ngồi. Chọn vị trí ngồi để có âm thanh tốt nhất.

Điều chỉnh cân bằng DSP

Chọn loại nhạc phù hợp nhất với sở thích của bạn. Công suất âm thanh sẽ thay đổi để tăng cường loại nhạc được chọn.

Thay đổi các chế độ DSP

1. Nhấn nút MENU.
2. Lựa chọn AUDIO hoặc AUDIO SETTINGS.
3. Cuộn đến chức năng DSP mong muốn.
4. Sử dụng các nút mũi tên lên và xuống để chọn các thông số mong muốn.
5. Nhấn nút OK để xác nhận lựa chọn của bạn.
6. Nhấn nút MENU để quay lại.

TIN TỨC PHÁT THANH

Một số bộ đài sẽ dừng việc bắt sóng thông thường để phát các chuyên mục tin tức từ các đài phát trên băng tần FM hoặc hệ thống dữ liệu radio (RDS) và các đài phát kết nối mạng tăng cường khác (EON), tương tự như trường hợp thông tin giao thông ở phần trên.

Trọng khi phát sóng tin tức, màn hình sẽ thể hiện đang có một thông báo đèn. Các đoạn ngắt tin tức được phát với mức âm lượng định trước tương tự như các thông báo giao thông.

1. Nhấn nút MENU.
2. Chọn AUDIO hoặc AUDIO SETTINGS.
3. Cuộn đến NEWS và bật hoặc tắt bằng nút OK.
4. Nhấn nút MENU để quay lại.

CÁC TẦN SỐ LỰA CHỌN KHÁC

Nhiều chương trình phát trên sóng FM có mã nhận dạng chương trình (PI) có thể được lưu bởi bộ đài.

Nếu radio của bạn có tần số thay thế (AF) được bật và bạn chuyển từ một khu vực truyền dẫn đến khu vực khác, đài sẽ dò tìm và chuyển sang tín hiệu của đài phát sóng mạnh hơn, nếu tìm thấy.

Tuy nhiên, trong một số điều kiện, việc dò AF có thể làm dừng tạm thời việc bắt sóng thông thường.

Khi được lựa chọn, bộ đài sẽ đánh giá liên tục độ mạnh của tín hiệu và nếu có tín hiệu tốt hơn, bộ đài sẽ chuyển sang tín hiệu đó. Tiếng sẽ bị tắt khi đài kiểm tra các tần số thay thế và, nếu cần thiết, nó sẽ dò tìm trong băng tần đã được lựa chọn cho tần số thay thế chính.

Đài sẽ tiếp tục việc bắt sóng radio khi tìm được sóng, hoặc nếu không tìm được sóng, đài sẽ trở về tần số được lưu ban đầu.

Menu của dàn âm thanh

Khi được chọn, 'AF' sẽ được hiển thị trên màn hình.

1. Nhấn nút MENU.
2. Chọn AUDIO hoặc AUDIO MENU.
3. Cuộn đến ALTERNAT FREQ. hoặc ALTERNATIVE FREQ. và bật hoặc tắt bằng nút OK.
4. Nhấn nút MENU để trở về.

CHẾ ĐỘ KHU VỰC (REG)

Chế độ khu vực (REG) điều khiển tính chất chuyển khu vực AF giữa các mạng lưới liên hệ theo khu vực của đài phát. Một đài phát thanh có thể chạy một mạng lưới lớn trên một khu vực rộng lớn của đất nước. Vào nhiều thời điểm trong ngày, mạng lưới này có thể tách ra thành các mạng lưới khu vực nhỏ hơn, điển hình tập trung vào các thị xã, thành phố lớn. Khi mạng lưới không được tách ra thành các mạng khu vực, cả mạng lưới sẽ truyền tải cùng một chương trình giống nhau.

Chế độ khu vực bật (ON): Sẽ ngăn việc AF chuyển khu vực một cách ngẫu nhiên khi các mạng lưới khu vực lân cận không truyền tải cùng một chương trình

Chế độ khu vực tắt (OFF): Sẽ cho phép khu vực phủ sóng rộng hơn nếu các mạng lưới khu vực lân cận đang truyền tải cùng một chương trình, nhưng có thể gây ra việc chuyển AF ngẫu nhiên nếu các mạng lưới không truyền tải cùng một chương trình.

1. Nhấn nút MENU.
2. Chọn AUDIO hoặc AUDIO SETTINGS.
3. Cuộn đến RDS REGIONAL và bật hoặc tắt bằng nút OK.
4. Nhấn nút MENU để trở về.

Đầu đĩa CD

PHÁT LẠI ĐĨA CD

Ghi Chú: Trong quá trình đọc đĩa, màn hình sẽ thể hiện đĩa, bài hát hay thời gian đã trôi kể từ khi bắt đầu bài hát.

Trong khi đang bật radio, nhấn phím CD một lần để chuyển sang nghe nhạc từ đĩa CD.

Việc đọc đĩa sẽ bắt đầu ngay lập tức sau khi cho đĩa vào ổ đĩa.

CHỌN BÀI HÁT

- Nhấn nút tìm lên một lần để chuyển sang bài hát tiếp theo hoặc nhấn liên tiếp để chuyển sang các bài khác tiếp sau đó.
- Nhấn nút tìm xuống một lần để chạy lại bài hát đang nghe. Nếu nhấn trong vòng 2 giây ở phần đầu của bài hát, bài hát trước đó sẽ được chọn.
- Nhấn nút tìm xuống nhiều lần để chuyển về các bài hát trước đó.
- Nhấn các nút mũi tên lên hoặc xuống, và sử dụng nút OK, chọn bài hát mong muốn.

Loại 2 và 3

Số bài hát mong muốn có thể được nhập vào bằng bàn phím số. Quay số bài hát mong muốn cho đến khi kết thúc (chẳng hạn bấm 1 sau đó bấm 2 để chọn bài số 12) hoặc quay số và nhấn trực tiếp nút OK.

CHẠY (TUA) NHANH VỀ PHÍA TRƯỚC/PHÍA SAU

Nhấn và giữ phím tìm kiếm lên hoặc xuống để tìm kiếm về phía trước hay về phía sau trong các bài hát trên đĩa.

CHỨC NĂNG CHỌN BÀI HÁT NGẪU NHIÊN

Đọc đĩa ngẫu nhiên (chế độ shuffle) sẽ đọc đĩa với trình tự ngẫu nhiên.

Loại 1

1. Nhấn nút MENU và chọn CD MODE.
2. Chọn SHUFFLE, sẽ bật hoặc tắt chức năng chạy đĩa ngẫu nhiên.

Khi đọc đĩa CD định dạng MP3, các tùy chọn bao gồm SHUFFLE trên toàn bộ đĩa, hoặc đọc tất cả bài hát trong thư mục với trình tự ngẫu nhiên.

Loại 2 và 3

Ấn nút chức năng 2.

Ghi Chú: Khi đọc đĩa CD định dạng MP3, các tùy chọn bao gồm SHUFFLE trên toàn bộ đĩa, hoặc đọc tất cả bài hát trong thư mục với trình tự ngẫu nhiên. Nhấn lặp lại nút chức năng 2 sẽ chuyển qua lại giữa các tùy chọn này.

Sử dụng nút tìm kiếm lên hoặc xuống để chọn bài hát tiếp theo có thể đọc ngẫu nhiên nếu được yêu cầu.

PHÁT LẠI BÀI VỪA NGHE

Loại 1

1. Nhấn nút MENU và chọn CD MODE.
2. Chọn REPEAT, chức năng này sẽ được bật hoặc tắt. Bài hát sẽ được phát lại sau khi kết thúc.

Khi đọc đĩa CD định dạng MP3, các tùy chọn bao gồm REPEAT (lặp lại) bài hát đó, hoặc lặp lại toàn bộ bài hát trong thư mục.

Loại 2 và 3

Nhấn nút chức năng 1.

Đầu đĩa CD

Khi đọc đĩa CD định dạng MP3, các tùy chọn bao gồm REPEAT (lặp lại) bất hát đó, hoặc lặp lại toàn bộ bài hát trong thư mục. Nhấn nút chức năng 1 lần nữa để chuyển chế độ giữa các chức năng tùy chọn này.

QUÉT BÀI ĐĨA CD

Chức năng SCAN (quét) cho phép bạn nghe thử mỗi bài hát trong vòng 5 giây.

Loại 1

Có nhiều chế độ quét khác nhau tùy thuộc vào loại đĩa CD đang đọc.

1. Nhấn nút MENU và chọn CD MODE.
2. Chọn nút SCAN để bật hoặc tắt chức năng này.

Ghi Chú: Khi đọc đĩa CD định dạng MP3, các tùy chọn bao gồm SCAN toàn bộ đĩa, hay chỉ các bài hát trong thư mục.

3. Nhấn nút OK để dừng chế độ quét.

Loại 2 và 3

1. Ấn nút chức năng 3.

Ghi Chú: Khi đọc đĩa CD định dạng MP3, các tùy chọn bao gồm SCAN toàn bộ đĩa, hay chỉ các bài hát trong thư mục. Nhấn lặp lại lần nữa nút chức năng 3 để chuyển chế độ giữa các chức năng tùy chọn này.

2. Nhấn nút chức năng 3 một lần nữa để dừng chế độ quét.

PHÁT LẠI ĐỊNH DẠNG MP3

MP3 (MPEG 1 Audio Layer-3) là công nghệ và định dạng tiêu chuẩn cho dữ liệu âm thanh nén. Điều này cho phép sử dụng phương tiện hiệu quả hơn.

Bạn có thể mở các tệp MP3 ghi trên các đĩa CD-ROM, CD-R, và CD-RW. Đĩa phải có định dạng theo ISO 9660 mức 1 hoặc mức 2, hoặc định dạng mở rộng Joliet hoặc Romeo. Bạn có thể sử dụng đĩa được ghi bởi chế độ Multi Session.

Định dạng ISO 9660

Đây là tiêu chuẩn quốc tế thông dụng nhất cho định dạng tệp và thư mục logic trên đĩa CD-ROM.

Có một số mức tiêu chuẩn khác nhau. Ở mức 1, tên tệp phải có định dạng 8.3 (tên tệp không quá 8 ký tự, phân mở rộng không quá 3 ký tự "MP3") và bằng chữ hoa.

Tên thư mục không quá 8 ký tự. Không có quá 8 mức thư mục (cây thư mục). Tiêu chuẩn mức 2 cho phép tên tệp lên đến 31 ký tự.

Mỗi thư mục có đến 8 cây thư mục.

Với định dạng mở rộng Joliet hoặc Romeo, hãy cân nhắc các hạn chế này khi đặt cấu hình phần mềm ghi đĩa CD.

Ghi nhiều ngăn

Đây là phương pháp ghi cho phép bổ sung dữ liệu bằng phương pháp "mỗi bài hát một lần ghi".

Các đĩa CD thông thường bắt đầu bằng khu vực điều khiển CD được gọi là đầu vào và kết thúc tại khu vực gọi là đầu ra. Đĩa CD Multi Session là loại đĩa có nhiều ngăn, mỗi phân khúc từ đầu vào đến đầu ra được gọi là một ngăn.

- CD-Extra: Định dạng ghi âm (dữ liệu CD tiếng) dưới dạng các tệp trên ngăn 1, và ghi dữ liệu dưới dạng các tệp trên ngăn 2.
- Mixed CD: Với định dạng này, dữ liệu được ghi ở tệp 1, và âm thanh (dữ liệu CD âm thanh) được ghi thành tệp 2.

Đầu đĩa CD

Các định dạng tệp

- Với các định dạng khác ISO 9660 mức 1 và mức 2, tên thư mục và tên tệp có thể hiển thị không đúng.
- Khi đặt tên, cần chắc chắn thêm phần mở rộng ".MP3" vào tên tệp.
- Nếu bạn nhập phần mở rộng ".MP3" vào tệp không phải là MP3, đầu đĩa có thể không đọc được đĩa và tạo ra các âm ngẫu nhiên dẫn đến làm hỏng loa.
- Các đĩa sau đây sẽ cần nhiều thời gian hơn để đọc đĩa.
 - Đĩa được ghi với cây thư mục phức tạp.
 - Đĩa được ghi dạng nhiều ngăn.
 - Đĩa chưa hoàn thành (non-finalised) (nhờ đó có thể copy thêm dữ liệu những lần sau).

Đọc đĩa nhiều ngăn

Khi tệp đầu tiên của ngăn đầu tiên là dữ liệu CD âm thanh.

Chỉ dữ liệu CD âm thanh của ngăn đầu tiên là được đọc. Thông tin các dữ liệu CD không phải là dạng âm thanh (số tệp, thời gian...) sẽ được hiển thị mà không phát ra tiếng.

Khi tệp đầu tiên của ngăn đầu tiên không phải là dữ liệu CD âm thanh.

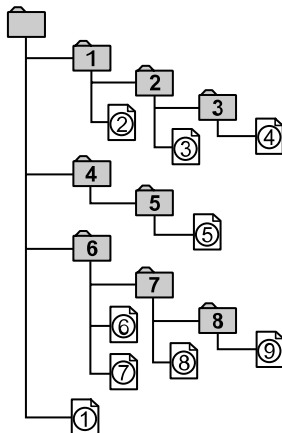
- Nếu có tệp MP3 trong đĩa, chỉ có tệp MP3 được đọc và các tệp khác sẽ bị bỏ qua. (Không đọc được dữ liệu từ đĩa CD)
- Nếu không có tệp MP3 nào trong đĩa thì sẽ không tệp nào được đọc. (Dữ liệu CD âm thanh không được đọc)

Thứ tự đọc các tệp MP3

Thứ tự đọc các thư mục và tệp như được thể hiện sau đây.

Ghi Chú: Thư mục không chứa tệp MP3 sẽ bị bỏ qua.

Lời khuyên về đọc đĩa: Để xác định thứ tự đọc đĩa mong muốn, hãy nhập các số trước tên tệp hoặc tên thư mục sau đó ghi nội dung lên đĩa. (Thứ tự đọc sẽ khác nhau tùy thuộc vào phần mềm ghi đĩa.)



E104206

Thẻ ID3 Tag Phiên bản 2

Những hiện tượng sau đây sẽ xảy ra khi đọc tệp MP3 chứa thẻ ID3 phiên bản 2:

- Khi bỏ qua một phần của thẻ ID3 phiên bản 2 (phần đầu của tệp) sẽ không có âm thanh phát ra. Thời gian bỏ qua sẽ thay đổi tùy thuộc vào khả năng của thẻ ID3 phiên bản 2. Chẳng hạn: Ở 64 kbytes, thời gian bỏ qua sẽ khoảng 2 giây (với RealJukebox).
- Thời gian đã đọc đĩa được thể hiện khi bỏ qua một phần thẻ ID3 phiên bản 2 là không chính xác. Với các tệp MP3 có tốc độ bit khác 128 kbps, thời gian sẽ không đúng khi đọc đĩa.
- Khi tệp MP3 được tạo ra bằng phần mềm chuyển đổi MP3 (chẳng hạn RealJukebox - nhãn hiệu đã đăng ký của RealNetworks Inc), ID3 phiên bản 2 sẽ được ghi tự động.

Đầu đĩa CD

Dò tìm MP3

Các tệp MP3 có thể được ghi trên đĩa CD bằng nhiều cách. Chúng có thể lưu trên thư mục gốc như đĩa CD âm thanh thông thường, hoặc chúng có thể được lưu trong các thư mục đại diện tên album, tên nghệ sỹ, tên thể loại.

Trình tự đọc đĩa CD có nhiều thư mục là đọc các tệp ở thư mục gốc trước tiên, sau đó là các tệp trong thư mục nằm trong thư mục gốc, sau đó chuyển sang thư mục thứ hai...

- Nhấn phím mũi tên lên hoặc xuống để vào danh sách tệp.
- Dò tìm trong cây thư mục sử dụng các phím mũi tên để chọn thư mục hay tệp khác.
- Nhấn OK để chọn tệp đã được tô đậm.

- Tên đĩa
- Tên nghệ sỹ
- Tên bài hát

Các tùy chọn hiển thị này cũng được lựa chọn như với các màn hình MP3.

KẾT THÚC PHÁT LẠI

Để chuyển sang chế độ nghe radio:

- Nhấn phím RADIO.

Ghi Chú: Việc này sẽ không làm cho đĩa CD chạy ra, mà chỉ là tạm dừng đọc đĩa tại thời điểm bắt đầu chuyển sang nghe radio.

Để chuyển về nghe CD, nhấn phím CD một lần nữa.

TÙY CHỌN HIỂN THỊ MP3

Ghi Chú: Với loại đầu đĩa loại 1, cần phải nhấn phím INFO nhiều lần để hiển thị tất cả thông tin về bài hát.

Khi đang mở đĩa MP3, một số thông tin được mã hóa trong mỗi bài hát có thể được hiển thị. Thông tin này thường bao gồm:

- Tên tệp
- Tên thư mục
- Thông tin ID3 (thường là thông tin về album hoặc tên nghệ sỹ)

Thường thì bộ đài sẽ hiển thị tên tệp đang được đọc. Để chọn hiển thị các thông tin khác:

- Nhấn phím INFO.

Các tùy chọn về hiển thị chữ trên bộ đài

Khi một đĩa tiếng với chữ CD đang được đọc, thông tin giới hạn được mã hóa trong mỗi bài hát sẽ được hiển thị. Thông tin này thường bao gồm:

Giắc cắm ngõ vào AUX phụ (AUX IN)

Ghi Chú: Để có sự vận hành tối ưu khi sử dụng thiết bị nối qua cổng phụ AUX, bất âm lượng trên thiết bị ở mức lớn nhất. Qua đó sẽ giảm được sự nhiễu radio khi sạc thiết bị qua ổ cắm nguồn trên xe.

Việc nối qua cổng phụ (AUX IN) cho phép thiết bị nối ngoài, chẳng hạn máy nghe nhạc MP3, được kết nối với hệ thống âm thanh trên xe. Tín hiệu ra sẽ được phát trên các loa trên xe.

Để nối một thiết bị qua cổng phụ, cắm giắc âm thanh 3,5mm vào ổ AUX IN.

Chọn tín hiệu phụ bằng nút AUX hoặc MENU và âm thanh sẽ được phát ra trên loa xe. Từ LINE IN hoặc LINE IN ACTIVE sẽ xuất hiện trên màn hình của bộ đài. Có thể điều chỉnh âm lượng, âm cao (treble) và âm trầm (bass) trên bộ đài trên xe..

Các phím bấm trên bộ đài trên xe có thể được sử dụng để điều chỉnh bộ đài trong khi thiết bị nối qua ổ phụ vẫn được nối.

Sửa chữa hệ thống âm thanh

Màn hình của bộ đài	Tìm nguyên nhân
PLEASE CHECK CD	Báo lỗi CD chẳng hạn không đọc được đĩa hay sai loại đĩa. Đảm bảo đưa đĩa vào đúng mặt. Vệ sinh đĩa và thử lại, hoặc thay bằng đĩa nhạc thường vẫn nghe. Nếu lỗi vẫn còn hãy liên lạc với đại lý.
CD DRIVE MALFUNCTION	Báo lỗi CD chẳng hạn như lỗi do phần cơ khí.
CD DRIVE HIGH TEMP	Nếu nhiệt độ bên ngoài quá cao thì đầu đĩa có thể ngừng hoạt động cho đến khi nhiệt độ giảm xuống.
IPOD ERROR READING DEVICE	Báo lỗi với máy nghe nhạc iPod chẳng hạn không thể đọc dữ liệu. Chắc chắn là máy iPod đã được cắm đúng. Nếu lỗi vẫn còn, hãy liên lạc với đại lý.

Phụ Lục

A

A/C	
Xem: Điều khiển điều hòa.....	92
ABS	
Xem: Phanh.....	120
ACC	
Xem: Điều khiển ga tự động thích ứng (ACC).....	201
Xem: Sử dụng ACC.....	203
Active City Stop.....	207
Nguyên lý hoạt động.....	207

Ă

Ắc quy xe.....	211
----------------	-----

B

Bảng thông số bóng đèn.....	58
Bảng thông số của cầu chì.....	137
Hộp cầu chì trong khoang chứa đồ.....	142
Hộp cầu chì trong khoang động cơ.....	137
Hộp cầu chì trong khoang hành khách.....	140
Bánh xe và lốp xe.....	159
Thông số kỹ thuật.....	165
Thông tin chung.....	159
Bảo dưỡng.....	145
Thông số kỹ thuật.....	154
Thông tin chung.....	145
Bảo mật hệ thống âm thanh.....	223
Báo trộm.....	189
Nguyên lý hoạt động.....	189
Bảo vệ hành khách.....	183
Nguyên lý hoạt động.....	183
Bầu lọc khí xả.....	111
Xe có bộ trung hòa khí thải.....	111
Bộ dụng cụ cấp cứu.....	135
Bộ điều chỉnh cường độ sáng bằng điều khiển tap-lô.....	190

C

Các biện pháp an toàn.....	111
Các biện pháp phòng ngừa khi thời tiết lạnh.....	134

Các đai ốc bánh xe	
Xem: Thay bánh xe.....	160
Các đồng hồ đo.....	66
Đồng hồ nhiên liệu.....	67
Đồng hồ nhiệt độ nước làm mát.....	67
Các gợi ý khi lái xe có trang bị phanh ABS	
Xem: Những gợi ý khi lái xe có trang bị phanh ABS.....	120
Các ốc giữ bánh xe	
Xem: Thay bánh xe.....	160
Các tần số lựa chọn khác.....	227
Các thiết bị sử dụng trường hợp khẩn cấp.....	135
Các thông số kỹ thuật.....	167
Thông số kỹ thuật.....	167
Các tính năng tiện nghi.....	190
Cài đặt cá nhân.....	80
Chọn ngôn ngữ.....	80
Đơn vị đo lường.....	80
Đơn vị đo nhiệt độ.....	80
Tắt chuông báo.....	80
Cài đặt chế độ chống trộm bằng chìa mã hoá.....	188
Camera phía sau.....	195
Kích hoạt camera lùi.....	195
Sử dụng màn hình.....	196
Tắt camera quan sát sau xe.....	197
Xe có hệ thống hỗ trợ đỗ xe.....	197
Camera quan sát phía sau.....	195
Nguyên lý hoạt động.....	195
Cảnh báo bằng tín hiệu âm thanh và các chỉ báo.....	70
Bật và tắt chuông.....	70
Các đèn sáng.....	70
Chìa khóa ở ngoài xe.....	70
Cửa mở.....	70
Đèn báo có băng.....	70
Đèn nhắc thắt đai an toàn.....	71
Hộp số tự động.....	70
Nhiên liệu thấp.....	71
Cầu chì.....	136
Chạy (tua) nhanh về phía trước/phía sau.....	229
Chạy rà.....	134
Động cơ.....	134
Lốp xe.....	134
Phanh và ly hợp.....	134

Phụ Lục

Chạy rà	
Xem: Chạy rà.....	134
Chăm sóc lốp xe.....	159
Chăm sóc xe.....	157
Chất lượng nhiên liệu - Dầu.....	111
Lưu giữ xe dài hạn.....	111
Chất lượng nhiên liệu - Xăng.....	111
Chê độ giới hạn tốc độ.....	206
Nguyên lý hoạt động.....	206
Chê độ khu vực (REG).....	228
Chê Độ Tiết kiệm Nhiên Liệu (Eco).....	193
Nguyên lý hoạt động.....	193
Chìa khoá mã hoá.....	188
Chìa khoá và điều khiển từ xa.....	26
Chiếu sáng.....	43
Chọn bài hát.....	229
Loại 2 và 3.....	229
Chống trộm bằng chìa mã hoá	
Xem: Hệ thống chống trộm bằng chìa mã hoá.....	188
Chức năng cảnh báo sớm.....	205
Bật và tắt hệ thống.....	205
Điều chỉnh độ nhạy cảnh báo.....	205
Chức năng chọn bài hát ngẫu nhiên.....	229
Loại 1.....	229
Loại 2 và 3.....	229
Công tắc khởi động	
Xem: Công tắc máy.....	106
Công tắc máy.....	106
Cổng USB.....	191
Cụm đồng hồ.....	66
Cửa gió điều hoà.....	92
Cửa gió bên cạnh.....	93
Cửa gió trung tâm.....	92
Cửa sổ điều khiển bằng điện.....	60
Chức năng chống kẹt.....	60
Chức năng mở và đóng toàn bộ.....	60
Công tắc an toàn cho kính cửa sau.....	60
Công tắc cửa lái.....	60
Mở và đóng kính cửa tự động.....	60
Thiết lập lại bộ nhớ cửa kính điện.....	61
Cửa sổ trời	
Xem: Cửa sổ trời điều khiển điện.....	98

Cửa sổ trời điều khiển điện.....	98
Bảo vệ chống kẹt cửa sổ trời.....	99
Cân chỉnh lại cửa sổ trời.....	99
Chê độ an toàn cửa sổ trời.....	99
Làm nghiêng cửa sổ trời.....	99
Mở và đóng cửa sổ trời.....	98
Mở và đóng cửa sổ trời tự động.....	99
Cửa sổ và gương chiếu hậu.....	60
Cứu hộ xe trên đường.....	209

D

Dây cáp hỗ trợ khởi động	
Xem: Môi khởi động xe.....	211
Dây xích bọc lốp xe	
Xem: Sử dụng xích bọc lốp.....	159
DPF	
Xem: Lọc khí xả động cơ dầu.....	109

Đ

Đầu đĩa CD.....	229
Đèn báo nguy hiểm.....	49
Đèn báo rẽ.....	47
Đèn bên trong xe.....	48
Đèn chiếu sáng xung quanh.....	49
Đèn nội thất.....	48

Phụ Lục

Đèn cảnh báo và chỉ báo.....	68	Điều chỉnh đèn đầu	
Báo đèn chiếu xa.....	69	Xem: Điều chỉnh đèn pha - Xe Được Trang Bị	
Đèn báo chuyển số.....	70	: Hệ Thông Tự Động Điều Chỉnh Góc Chiếu	
Đèn báo có băng.....	69	Đèn Trước (AFS)/Đèn Pha Có Cường Độ	
Đèn báo đèn sương mù phía sau.....	69	Chiếu Sáng Cao.....	49
Đèn báo đèn sương mù phía trước.....	69	Điều chỉnh đèn pha - Xe Được Trang Bị :	
Đèn báo điều khiển ga tự động.....	68	Hệ Thông Tự Động Điều Chỉnh Góc	
Đèn báo kiểm soát cân bằng (ESP).....	70	Chiếu Đèn Trước (AFS)/Đèn Pha Có	
Đèn báo mở đèn đầu.....	69	Cường Độ Chiếu Sáng Cao.....	49
Đèn báo nạp ắc quy.....	69	Điều chỉnh độ cao của dây đai.....	185
Đèn báo rẽ.....	68	Điều chỉnh ghế an toàn cho trẻ em.....	22
Đèn báo sấy.....	69	Điều chỉnh tay lái.....	35
Đèn báo tín hiệu.....	69	Điều hoà không khí điều khiển bằng	
Đèn cảnh báo ABS.....	68	tay.....	93
Đèn cảnh báo áp suất dầu bôi trơn động		Chè độ gió trong.....	94
cơ.....	69	Điều hoà không khí.....	94
Đèn cảnh báo động cơ.....	68	Điều khiển phân phối gió.....	93
Đèn cảnh báo mức nhiên liệu thấp.....	69	Quạt gió.....	94
Đèn cảnh báo túi khí.....	68	Sưởi nhanh bên trong xe.....	94
Đèn giám sát điểm mù.....	68	Thông gió.....	94
Đèn hệ thống phanh.....	68	Điều hoà không khí tự động.....	95
Đèn hỗ trợ khởi hành trên dốc.....	69	Bật trở lại chế độ đơn.....	96
Đèn nhắc thắt đai an toàn.....	69	Bật và tắt điều hoà nhiệt độ.....	97
Đèn góc.....	47	Chè độ đơn.....	96
Đèn sương mù phía sau.....	46	Chè độ gió trong.....	97
Đèn sương mù phía trước.....	46	Điều chỉnh nhiệt độ.....	96
Đèn sương mù phía trước		Làm lạnh nhanh trong xe.....	97
Xem: Đèn sương mù phía trước.....	46	Làm tan băng và tan sương kính chắn	
Đèn sương mù sau		gió.....	97
Xem: Đèn sương mù phía sau.....	46	Phân phối gió.....	96
Đèn tự động.....	44	Quạt gió.....	96
Đệm ghế trẻ em.....	21	Tắt chế độ điều khiển khí hậu tự động.....	97
Đệm ghế (Nhóm 3).....	21	Tắt chế độ đơn.....	96
Ghế phụ (Nhóm 2).....	21	Điều hoà nhiệt độ	
Điểm cấp điện phụ.....	190	Xem: Điều khiển điều hoà.....	92
Điểm kéo xe.....	209	Điều hướng.....	170
Lắp móc kéo.....	209	An toàn đường bộ.....	170
Vị trí móc kéo xe.....	209	Các lựa chọn lộ trình.....	173
Điểm neo ISOFIX.....	24	Cảnh báo điểm nguy hiểm.....	178
Các điểm bắt dây buộc bên trên - cho xe 5		Cập nhật bản đồ dẫn đường.....	178
cửa và xe có ngăn hành lý riêng.....	24	Cấu trúc bảng lựa chọn.....	171
Các điểm bắt dây buộc bên trên - xe 4		Đang tải dữ liệu bản đồ.....	170
cửa.....	24	Đặt tuyến đường.....	171
Lắp ghế trẻ em bằng dây chằng đỉnh		Phê chuẩn loại.....	178
ghế.....	24	Thiết lập các ưu tiên dẫn đường của	
Điểm nối ắc quy.....	212	bạn.....	175
		Thông tin.....	175
		Điều khiển âm lượng tự động.....	227

Phụ Lục

Điều khiển âm thanh.....	35	Gạt mưa kính.....	38
Loại 1.....	35	Gạt ngắt quãng.....	38
Loại 2.....	36	Hệ thống gạt mưa tự động.....	38
Điều khiển bằng giọng nói.....	36	Gạt mưa tự động.....	38
Loại 1.....	36	Gạt mưa và rửa kính sau.....	40
Loại 2.....	37	Chè độ gạt ở sô lồi.....	40
Điều khiển đèn.....	43	Gạt ngắt quãng.....	40
Các vị trí điều khiển chiếu sáng.....	43	Rửa kính phía sau.....	40
Chiếu sáng an toàn ở nhà.....	44	Ghế an toàn dành cho trẻ em.....	20
Đèn đỗ xe.....	43	Lựa chọn ghế trẻ em theo trọng lượng.....	20
Đèn pha và đèn cốt.....	43	Ghế điều khiển điện - Xe Đuợc Trang Bị	
Nháy (chớp) pha.....	43	: Ghế Điều Khiển Điện 6 Hướn	103
Điều khiển điều hòa.....	92	Ghế điều khiển tay.....	102
Nguyên lý hoạt động.....	92	Dịch chuyển ghế ngồi về phía trước và phía	
Điều khiển ga tự động.....	127	sau.....	102
Nguyên lý hoạt động.....	127	Điều chỉnh chiều cao của ghế lái.....	102
Điều khiển ga tự động thích ứng		Điều chỉnh đệm đỡ lưng.....	102
(ACC).....	201	Điều chỉnh góc tựa lưng ghế.....	102
Nguyên lý hoạt động.....	201	Ghế.....	101
Điều khiển ga tự động thích ứng (ACC)		Ghế sau.....	103
Xem: Sử dụng ACC.....	203	Gập đệm ghế và lưng ghế sau lên phía	
Điều khiển khóa đỗ xe.....	118	trước.....	104
Điều khiển lưu tự động.....	225	Gập tựa lưng ghế về phía trước.....	103
Điều khiển ổn định xe.....	121	Nâng lưng ghế lên.....	105
Nguyên lý hoạt động.....	121	Giá để ly.....	191
Điều khiển ra đài.....	224	Tỳ tay ghế sau.....	191
Dò sóng.....	224	Giá lắp bộ dẫn đường vệ tinh.....	192
Dò sóng bằng tay.....	224	Điều chỉnh giá đỡ.....	192
Dò sóng kiểu quét.....	225	Giắc cắm ngõ vào AUX phụ (AUX	
Kết nối dịch vụ chương trình phát thanh kỹ		IN).....	233
thuật số (DAB).....	224	Giắc cắm ngõ vào âm thanh.....	191
Điều khiển tắt/mở.....	224	Giới thiệu.....	7
Điều khiển thông tin về giao thông.....	225	Giới thiệu hệ thống âm thanh.....	214
Âm lượng thông báo giao thông.....	226	Giới thiệu tổng quát khoang động cơ -	
Kết thúc các thông báo giao thông.....	226	1.6L Duratec-16V (Sigma).....	147
Kích hoạt các thông báo giao thông.....	225	Giới thiệu tổng quát khoang động cơ -	
Điều khiển tốc độ		2.0L Duratec-HE (MI4).....	148
Xem: Điều khiển ga tự động.....	127	Giới thiệu tổng quát khoang động cơ -	
Xem: Sử dụng điều khiển ga tự động.....	127	2.0L Duratorq-TDCi (DW) Dầu.....	150
Đóng và mở đồng thời các cửa/kính.....	33	Giới thiệu về số tay này.....	7
Chức năng đóng toàn bộ.....	33	Bảo vệ môi trường.....	7
Chức năng mở toàn bộ.....	33	Gương chiếu hậu bên ngoài điều khiển	
Đồng hồ.....	190	điện.....	62
		Các vị trí nghiêng gương.....	62
		Gương gập bằng điện.....	62
		Gương chiếu hậu bên ngoài.....	61
		Gương gập bằng tay.....	61
G			
Gạt mưa & rửa kính.....	38		

Phụ Lục

Gương chiếu hậu	
Xem: Cửa sổ và gương chiếu hậu.....	60
Xem: Sưởi cửa sổ và kính chiếu hậu.....	97

H

Hệ thống chống trộm bằng chìa mã	
hoá.....	188
Nguyên lý hoạt động.....	188
Hệ thống điều khiển từ xa.....	31
Chìa khóa bị vô hiệu.....	32
điều khiển từ xa.....	31
Khóa và mở khóa cửa với chìa khóa có lưỡi	
khóa.....	33
Khóa xe.....	31
Mở khóa xe.....	32
Thông tin chung.....	31
Hệ thống hỗ trợ đỗ xe chủ động.....	198
Nguyên lý hoạt động.....	198
Hệ thống hỗ trợ đỗ xe - Xe Được Trang	
Bị : Hỗ Trợ Đỗ Xe Phía Sau.....	123
Hệ thống hỗ trợ đỗ xe - Xe Được Trang	
Bị : Hỗ Trợ Đỗ Xe Phía Trước và	
Sau.....	124
Bật và tắt hệ thống hỗ trợ đỗ xe.....	124
Thao tác với hệ thống hỗ trợ đỗ xe.....	125
Hệ thống thông tin điểm mù.....	63
Bật và tắt hệ thống.....	64
Hệ thống thông tin điểm mù (BLIS).....	63
Lỗi phát hiện.....	65
Sử dụng hệ thống.....	63
Sự phát hiện và báo động của hệ	
thông.....	64
Hiện thị thông tin.....	80
Ắc quy và hệ thống nạp điện.....	82
Bảo dưỡng.....	87
Bảo vệ người ngồi trong xe.....	87
Chiều sáng.....	86
Chương báo động.....	81
Chương trình cân bằng điện tử (ESP).....	89
Cửa mở.....	84
Đèn báo tin nhắn.....	80
Điều khiển đèn pha tự động.....	82
Điều khiển ga tự động và Điều khiển ga tự	
động thích ứng (ACC).....	83
Điều khiển từ xa.....	85
Giám sát điểm mù.....	83
Hệ thống dừng xe chủ động.....	81
Hệ thống trộm bằng chìa mã hóa.....	84
Hộp số.....	90
Hỗ trợ đỗ xe.....	88
Hỗ trợ khởi hành trên dốc.....	85
Khởi động động cơ.....	89
Phanh đỗ.....	88
Thông tin chung.....	72
Trợ lực lái.....	88
Túi khí.....	81
HLA	
Xem: Hỗ trợ khởi động khi lên dốc.....	194
Xem: Sử dụng chế độ hỗ trợ khởi hành khi lên	
dốc.....	194
Hoạt động của dàn âm thanh.....	224
Hộp để kính đeo mắt.....	191
Hộp số.....	116
Hộp số	
Xem: Hộp số.....	116
Hộp số thường.....	116
Cài số lùi.....	116
Hộp số tự động.....	116
Các lời khuyên khi lái xe sử dụng hộp số tự	
động.....	117
Các vị trí cần số.....	116
Cần nhả số đỗ trong trường hợp khẩn	
cấp.....	118
Chế độ thể thao và chuyển số bằng	
tay.....	117
Hỗ trợ khởi động khi lên dốc.....	194
Nguyên lý hoạt động.....	194
Hỗ trợ khởi động	
Xem: Mỗi khởi động xe.....	211

Phụ Lục

Hỗ trợ lên dốc (HLA)

Xem: Sử dụng chế độ hỗ trợ khởi hành khi lên dốc.....	194
Hủy cài đặt chế độ chống trượt.....	188
Hủy kích hoạt báo trượt (còi).....	189
Các xe có chìa khóa điều khiển.....	189
Các xe không có chìa khóa điều khiển.....	189

K

Kéo rời-móc.....	130
Độ dốc lớn.....	130
Kéo xe.....	130
Kéo xe với 4 bánh lăn trên đường.....	209
Tất cả các phiên bản xe.....	209
Xe có sử dụng hộp số tự động.....	210
Kết thúc phát lại.....	232
Khả năng tương thích điện tử.....	179
Khóa cửa an toàn dành cho trẻ em.....	25
Phía bên phải.....	25
Phía bên trái.....	25
Khóa cửa điện	
Xem: Khóa và mở khoá.....	29
Khóa.....	29
Khóa nắp khoang động cơ	
Xem: Mở và đóng nắp khoang động cơ.....	145
Xem: Mở và đóng nắp khoang động cơ.....	145
Khóa tay lái.....	108
Khóa và mở khoá.....	29
Khóa.....	29
Khóa kép.....	29
Khóa riêng từng cửa bằng chìa khóa.....	30
Khóa và mở khóa cửa từ phía trong.....	30
Mở khóa.....	29
Nắp khoang hành lý.....	30
Xác nhận khóa và mở khóa.....	30
Khởi động động cơ dầu.....	109
Động cơ nóng hoặc nguội.....	109
Khởi động động cơ xăng.....	108
Động cơ bị sặc nhiên liệu.....	109
Động cơ nóng hoặc nguội.....	108
Số vòng tua không tải sau khi khởi động.....	109

Khởi động không dùng chìa khóa.....	106
Không khởi động được.....	107
Khởi động động cơ Diesel.....	107
Khởi động với hộp số sàn.....	107
Khởi động với hộp số tự động.....	107
Mở khóa điện.....	107
Tắt động cơ khi xe đang di chuyển.....	108
Tắt động cơ khi xe đứng yên.....	108
Khởi động nhanh.....	11
Gợi thiệu chung về tập lỏ.....	13
Tổng quan về ngoại thất phía sau.....	18
Tổng quan về ngoại thất phía trước xe.....	11
Tổng quan về nội thất trong xe.....	12
Khởi động và tắt động cơ.....	106
Thông tin chung.....	106
Khuyến nghị về các bộ phận thay thế.....	9
Chế độ bảo hành phụ tùng thay thế.....	10
Lịch bảo dưỡng và sửa chữa cơ khí.....	9
Sửa chữa do va chạm.....	9
Kích hoạt báo trượt (còi).....	189
Kiểm soát đèn pha tự động.....	44
Điều chỉnh chế độ bằng tay.....	45
Kích hoạt hệ thống.....	45
Thiết lập độ nhạy của hệ thống.....	45
Kiểm tra các điểm chính khi kéo xe.....	132
Đèn moóc kéo.....	132
Khi kéo một moóc kéo.....	132
Phanh moóc.....	132
Trước khi kéo moóc.....	132
Xích an toàn.....	132
Kiểm tra cao su gạt mưa.....	41
Kiểm tra dầu động cơ.....	151
Đổ thêm dầu.....	152
Kiểm tra mức dầu bôi trơn.....	151
Kiểm tra dầu	
Xem: Kiểm tra dầu động cơ.....	151
Kiểm tra dầu ly hợp và dầu phanh.....	153
Kiểm tra dầu trợ lực lái.....	153
Đổ thêm dầu trợ lực lái.....	153
Kiểm tra mức nước rửa kính.....	153
Kiểm tra nước giải nhiệt, nước làm mát	
Xem: Kiểm tra nước làm mát động cơ.....	152
Kiểm tra nước làm mát động cơ.....	152
Đổ thêm nước làm mát.....	152
Kiểm tra mức nước làm mát.....	152

Kiểu phê duyệt	180
Cảm biến laser.....	181
FCC/INDUSTRY CANADA NOTICE.....	180
RX-42 - Công bố hợp chuẩn.....	180
Kính chiếu hậu tự động điều chỉnh độ sáng.....	63

L

Lái xe qua khu vực ngập nước.....	134
Lái xe qua đoạn nước sâu.....	134
Lập trình điều khiển từ xa.....	26
Lập trình điều khiển từ xa mới.....	26
Lập trình lại chức năng mở khóa.....	26
Lọc khí xả động cơ dầu.....	109
Tái tạo.....	109
Lỗ gió điều hoà	
Xem: Cửa gió điều hoà.....	92
Lốp mùa đông	
Xem: Sử dụng lốp mùa đông.....	159
Lốp xe	
Xem: Bán xe và lốp xe.....	159

M

Mã bảo mật.....	223
Máy tính hành trình.....	79
Đặt lại đồng hồ đo hành trình.....	80
Đồng hồ chỉ số quãng đường.....	79
Đồng hồ đo hành trình.....	79
Đồng hồ tốc độ.....	79
Khoảng cách cho đến khi hết nhiên liệu.....	79
Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình.....	79
Mức tiêu hao nhiên liệu tức thời.....	79
Nhiệt độ bên ngoài.....	79
Tốc độ trung bình.....	79
Menu của dàn âm thanh.....	227
Mỗi khởi động xe.....	211
Để nổi cấp nổi ngoài.....	211
Khởi động động cơ.....	211
Mỗi thuốc lá.....	190
Mở và đóng nắp khoang động cơ.....	145
Đóng nắp ca bô.....	146
Mở nắp ca bô.....	145
Mức tiêu hao nhiên liệu.....	112
Mức tiêu hao nhiên liệu	
Xem: Thông số kỹ thuật.....	114

N

Nắp đầy chỗ châm nhiên liệu.....	112
Các xe có lỗ đổ nhiên liệu dùng nắp đầy.....	112
Các xe với lỗ đổ nhiên liệu không cần nắp đầy.....	113
Điện dây.....	113
Điện nhiên liệu từ can nhiên liệu.....	114
Nắp khoang hành lý.....	129
Ngồi đúng vị trí.....	101
Nhắc nhở thắt dây đai an toàn.....	185
Ngắt chế độ nhắc nhở thắt đai an toàn.....	186
Nhận dạng xe.....	213
Nhiên liệu và nạp thêm nhiên liệu.....	111
Thông số kỹ thuật.....	114
Những gợi ý khi lái xe có trang bị phanh ABS.....	120
Những gợi ý lái xe.....	134
Nút bấm tắt.....	224
Nút điều chỉnh âm thanh.....	224
Nút nhớ bấm tắt đã chọn.....	225

P

Phanh.....	120
Nguyên lý hoạt động.....	120
Phanh tay.....	120
Phanh tay	
Xem: Phanh tay.....	120
Phát lại bài vừa nghe.....	229
Loại 1.....	229
Loại 2 và 3.....	229
Phát lại đĩa CD.....	229
Phát lại định dạng MP3.....	230
Các định dạng tệp.....	231
Dò tìm MP3.....	232
Định dạng ISO 9660.....	230
Đọc đĩa nhiều ngăn.....	231
Ghi nhiều ngăn.....	230
Thẻ ID3 Tag Phiên bản 2.....	231
Thứ tự đọc các tệp MP3.....	231
Phụ kiện	
Xem: Khuyến nghị về các bộ phận thay thế.....	9
Phụ lục.....	179
Phun nước rửa kính trước.....	39

Q

Quét bài đĩa CD.....	230
Loại 1.....	230
Loại 2 và 3.....	230
Que thăm dầu động cơ - 1.6L Duratec-16V (Sigma).....	151
Que thăm dầu động cơ - 2.0L Duratec-HE (MI4).....	151
Que thăm dầu động cơ - 2.0L Duratorq-TDCi (DW) Dầu.....	151

R

Rửa đèn đầu.....	40
Rửa	
Xem: Vệ sinh bên ngoài.....	157
Rửa xe	
Xem: Vệ sinh bên ngoài.....	157

S

Sồ khung.....	213
Sửa chữa hệ thống âm thanh.....	234
Sửa chữa lỗi sơn nhỏ.....	158
Sử dụng ACC.....	203
Bật hệ thống.....	203
Chọn tốc độ.....	203
Tắt hệ thống.....	204
Tắt hệ thống tạm thời.....	204
Thay đổi tốc độ đã chọn.....	203
Thiết lập khoảng cách xe.....	203
Tự động dừng kích hoạt.....	204
Sử dụng chế độ giới hạn tốc độ.....	206
Bật và tắt hệ thống.....	206
Các cảnh báo của hệ thống.....	206
Thiết lập tốc độ giới hạn.....	206
Vượt tốc độ giới hạn thiết lập.....	206
Sử dụng chế độ hỗ trợ khởi hành khi lên dốc.....	194
Kích hoạt hệ thống.....	194
Tắt hệ thống.....	194
Xe trang bị hộp số sàn.....	194
Sử dụng chế độ tiết kiệm nhiên liệu (Economy).....	193
Đặt chế độ Eco.....	193
Sử dụng dây đai an toàn trong khi mang thai.....	186

Sử dụng điều khiển ga tự động.....	127
Bật chế độ điều khiển ga tự động.....	127
Chọn tốc độ.....	127
Hủy tốc độ đã được chọn.....	127
Tắt chế độ điều khiển ga tự động.....	128
Thay đổi tốc độ đã chọn.....	127
Trở về tốc độ đã chọn.....	128
Sử dụng điều khiển ổn định - 1.0L EcoBoost™/1.6L Duratec-16V (Sigma)/1.6L EcoBoost SCTi (Sigma)/2.0L Duratec-HE (MI4), 1.6L Duratorq-TDCi (DV) Dầu/2.0L Duratorq-TDCi (DW) Dầu.....	122
Sử dụng hệ thống dừng xe chủ động trong thành phố - 1.0L EcoBoost™/1.6L Duratec-16V (Sigma)/1.6L EcoBoost SCTi (Sigma)/2.0L Duratec-HE (MI4), 1.6L Duratorq-TDCi (DV) Dầu/2.0L Duratorq-TDCi (DW) Dầu.....	208
Bật và tắt hệ thống.....	208
Sử dụng hỗ trợ đỗ xe chủ động.....	198
Sử dụng lốp mùa đông.....	159
Sử dụng xích bọc lốp.....	159
Xe có trang bị chương trình cân bằng điện tử (ESP).....	160
Sưởi cửa sổ và kính chiếu hậu.....	97
Gương chiếu hậu ngoài có sấy.....	98
Kính có sấy.....	97
Sưởi	
Xem: Điều khiển điều hòa.....	92

T

Tam giác phản quang cảnh báo nguy hiểm.....	135
Tay lái.....	35
Tắt động cơ.....	110
Xe có trang bị bộ tăng áp.....	110
Tâm ghi thông tin xe.....	213
Thảm lót sàn.....	192
Tháo đèn đầu.....	50
Thay ắc quy 12V	211

Phụ Lục

Thay bánh xe.....	160
Các đai ốc bắt bánh xe.....	160
Điểm kích và nâng.....	161
Kích xe.....	160
Lắp bánh xe.....	164
Lắp dụng cụ tháo bánh xe.....	162
Tháo bánh xe.....	163
Tháo ốp vành bánh.....	163
Xe có lốp dự phòng.....	160
Thay bóng đèn	
Xem: Thay đổi bóng đèn.....	50
Thay cao su gạt mưa.....	41
Cao su gạt mưa kính chắn gió.....	41
Lưỡi gạt mưa kính sau.....	42
Thay cùm chì.....	144
Thay đổi bóng đèn.....	50
Đèn báo rẽ trên gương chiếu hậu.....	52
Đèn đầu.....	51
Đèn hậu - Phiên bản xe 4 cửa.....	54
Đèn hậu - Phiên bản xe 5 cửa.....	55
Đèn khoang hành lý, khoang để chân và đèn cửa hậu.....	58
Đèn lên xuống xe.....	53
Đèn nội thất.....	57
Đèn phanh gấp trên cao ở giữa.....	56
Đèn soi biển số.....	57
Đèn sương mù phía trước.....	53
Thay pin điều khiển từ xa.....	26
Điều khiển từ xa có chìa khóa dạng gấp.....	26
Điều khiển từ xa không có chìa khóa dạng gấp.....	27
Thắt dây đai an toàn.....	184
Thông gió	
Xem: Điều khiển điều hòa.....	92
Thông tin chung trên tần số radio.....	26
Thông tin hệ thống âm thanh quan trọng.....	214
Các nhãn dán trên bộ đài.....	214
Nhân đĩa.....	214
Thuật ngữ các biểu tượng.....	7
Tiêu chuẩn kỹ thuật	
Xem: Các thông số kỹ thuật.....	167
Tận tức phát thanh.....	227
Tổng quan về dàn âm thanh.....	215
Trọng lượng kéo khuyến cáo.....	130
Trọng tải.....	129
Thông tin chung.....	129

Trợ giúp đỡ xe.....	123
Nguyên lý hoạt động.....	123
Trung tâm thông tin.....	
Xem: Hiện thị thông tin.....	72
Tùy chọn hiển thị MP3.....	232
Các tùy chọn về hiển thị chữ trên bộ đài.....	232
Tựa đầu.....	101
Điều chỉnh tựa đầu.....	101
Tháo tựa đầu.....	101

V

Vệ sinh bên ngoài.....	157
Bảo quản lớp sơn thân xe.....	158
Vệ sinh các chi tiết mạ crom.....	157
Vệ sinh các mâm bánh xe bằng hợp kim nhôm.....	157
Vệ sinh đèn pha.....	157
Vệ sinh kính hậu.....	157
Vệ sinh bên trong.....	158
Đai an toàn.....	158
Kính hậu.....	158
Màn hình đồng hồ táp lô, màn hình LCD và màn hình radio.....	158
VIN	
Xem: Sô khung.....	213
Vị trí hộp cầu chì.....	136
Hộp cầu chì ở trong khoang hàng hóa.....	136
Hộp cầu chì trong khoang động cơ.....	136
Hộp cầu chì trong khoang hành khách.....	136
Vòng đệm	
Xem: Gạt mưa & rửa kính.....	38
Vô hiệu hóa túi khí phía hành khách.....	
Chuyển sang chế độ túi khí hành khách hoạt động.....	186
Lắp công tắc ngắt túi khí ghế hành khách.....	186
Ngắt hoạt động túi khí hành khách.....	186

X

Xử lý tín hiệu số (DSP).....	227
Chức năng DSP.....	227
Điều chỉnh cân bằng DSP.....	227
Thay đổi các chế độ DSP.....	227

